

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO**



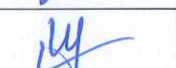
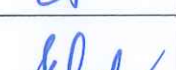
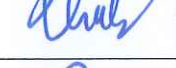
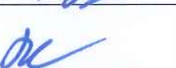
**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI**

**Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo**

Tuyên Quang, tháng 03 - 2025

**DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ CÁC THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**

(Kèm theo Quyết định số 1285/QĐ-ĐHTTr, ngày 29 tháng 11 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Nguyễn Minh Anh Tuấn	Hiệu trưởng	Chủ tịch	
2	Phạm Duy Hưng	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch	
3	Hà Mỹ Hạnh	Trưởng khoa Chính trị và Tâm lý GD	Phó Chủ tịch	
4	Vũ Thị Giang	Chuyên viên phòng QLCL&TTr	Thư ký	
5	Lê Thị Thu Hà	Trưởng phòng QLCL&TTr, thành viên Hội đồng Trường	Thành viên	
6	Phan Thị Hồng Nhung	Phó Trưởng phòng Đào tạo	Thành viên	
7	Đoàn Thị Phương Lý	Chánh Văn phòng	Thành viên	
8	Đoàn Thị Cúc	Phó Trưởng phòng QLKH&HTQT	Thành viên	
9	Trần Quang Huy	Trưởng phòng Quản lý sinh viên	Thành viên	
10	Trần Thị Tủa	Giám đốc Trung tâm Tin học - Ngoại ngữ - Thư viện và PTNN	Thành viên	
11	Nguyễn Thành Nam	Phó Trưởng phòng Kế hoạch - TV	Thành viên	
12	Mã Ngọc Thể	GV Khoa Chính trị và Tâm lý GD	Thành viên	
13	Hoàng Văn Quân	SV Khoa Chính trị và Tâm lý GD	Thành viên	

(Danh sách gồm có 13 người)

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT.....	iii
DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ VÀ BẢNG BIỂU.....	iv
PHẦN I. KHÁI QUÁT.....	1
1. Đặt vấn đề.....	1
1.1. Tóm tắt báo cáo tự đánh giá.....	1
1.2. Mục đích, quy trình tự đánh giá, phương pháp đánh giá.....	3
2. Tổng quan chung.....	4
2.1. Giới thiệu về Trường Đại học Tân Trào.....	4
2.2. Giới thiệu về Khoa CT&TLGD, Trường Đại học Tân Trào.....	12
PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHÍ, TIÊU CHUẨN.....	18
Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.....	18
Tiêu chí 1.1.	18
Tiêu chí 1.2.	21
Tiêu chí 1.3.	22
Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo.....	25
Tiêu chí 2.1.	25
Tiêu chí 2.2.	26
Tiêu chí 2.3.	28
Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học.....	30
Tiêu chí 3.1.	30
Tiêu chí 3.2.	33
Tiêu chí 3.3.	35
Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học.....	38
Tiêu chí 4.1.	38
Tiêu chí 4.2.	41
Tiêu chí 4.3.	42
Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học.....	44
Tiêu chí 5.1.	44
Tiêu chí 5.2.	47
Tiêu chí 5.3.	50
Tiêu chí 5.4.	51
Tiêu chí 5.5.	53
Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên.....	54
Tiêu chí 6.1.	54
Tiêu chí 6.2.	56
Tiêu chí 6.3.	59
Tiêu chí 6.4.	61
Tiêu chí 6.5.	62
Tiêu chí 6.6.	65
Tiêu chí 6.7.	67

Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên.....	72
Tiêu chí 7.1.	72
Tiêu chí 7.2.	75
Tiêu chí 7.3.	77
Tiêu chí 7.4.	79
Tiêu chí 7.5.	80
Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học.....	83
Tiêu chí 8.1.	83
Tiêu chí 8.2.	86
Tiêu chí 8.3.	87
Tiêu chí 8.4.	90
Tiêu chí 8.5.	93
Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị.....	95
Tiêu chí 9.1.	95
Tiêu chí 9.2.	98
Tiêu chí 9.3.	101
Tiêu chí 9.4.	102
Tiêu chí 9.5.	105
Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng.....	108
Tiêu chí 10.1.	108
Tiêu chí 10.2.	111
Tiêu chí 10.3.	113
Tiêu chí 10.4.	115
Tiêu chí 10.5.	123
Tiêu chí 10.6.	126
Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra.....	127
Tiêu chí 11.1.	128
Tiêu chí 11.2.	130
Tiêu chí 11.3.	131
Tiêu chí 11.4.	134
Tiêu chí 11.5.	139
PHẦN III. KẾT LUẬN.....	131
1. Những điểm mạnh của CTĐT ngành CTXH.....	144
2. Những điểm tồn tại và những vấn đề cải tiến chất lượng của CTĐT.....	147
3. Kế hoạch hành động.....	149
BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO..	152
PHẦN IV. PHỤ LỤC.....	156
Phụ lục 1. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng giáo dục CTĐT.....	156
Phụ lục 2. Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá.....	178
Phụ lục 3. Kế hoạch tự đánh giá chương trình đào tạo.....	182

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

STT	Chữ viết tắt	Đọc là
1	BGH	Ban Giám hiệu
2	BGD&ĐT	Bộ Giáo dục và Đào tạo
3	CB	Cán bộ
4	CBGV	Cán bộ giáo viên
5	CBVC	Cán bộ viên chức
6	CĐR	Chuẩn đầu ra
7	CNTT	Công nghệ thông tin
8	CTXH	Công tác xã hội
9	CNH, HĐH	Công nghiệp hóa, hiện đại hóa
10	CSGD	Cơ sở giáo dục
11	CSVC	Cơ sở vật chất
12	CTDH	Chương trình dạy học
13	CTĐT	Chương trình đào tạo
14	CTHP	Chi tiết học phần
15	CSV	Cựu sinh viên
16	ĐBCL	Đảm bảo chất lượng
17	ĐHTT	Đại học Tân Trào
18	ĐTN	Đoàn thanh niên
19	ĐU	Đảng ủy
20	GD	Giáo dục
21	GS	Giáo sư
22	GV	Giảng viên
23	HĐT	Hội đồng trường
24	HSV	Hội SV
25	HTQT	Hợp tác quốc tế
26	KĐCL	Kiểm định chất lượng
27	KHCN	Khoa học công nghệ
28	Khoa CT&TLGD	Khoa Chính trị và Tâm lý - Giáo dục
29	MC	Minh chứng
30	NH	Người học
31	NCKH	Nghiên cứu khoa học
32	PGS	Phó Giáo sư
33	PVCĐ	Phục vụ cộng đồng
34	PPDH	Phương pháp dạy học
35	PP	Phương pháp
36	SV	Sinh viên
37	TS	Tiến sĩ
38	ThS	Thạc sĩ
39	THPT QG	Trung học phổ thông quốc gia

DANH MỤC SƠ ĐỒ, BIỂU BẢNG

Hình 1.1. Sơ đồ tổ chức của Trường Đại học Tân Trào	11
Bảng 6.2. 1. Tỷ lệ sinh viên/giảng viên của giai đoạn 2020-2024	57
Bảng 6.5. 1. Nhu cầu học tập nâng cao trình độ của GV giai đoạn 2019 - 2024.....	63
Bảng 6.7. 1. Tổng hợp và phân loại đề tài của GV khoa CT&TLGD giai đoạn 2019-2024...	69
Bảng 6.7. 2. Tổng hợp và phân loại sách của GV khoa CT&TLGD giai đoạn 2020-2024..	69
Bảng 6.7. 3. Tổng hợp và phân loại bài đăng tạp chí của GV khoa CT&TLGD giai đoạn 2020-2024...	70
Bảng 6.7. 4. Biểu tổng hợp và phân loại bài hội thảo của GV Khoa CT&TLGD giai đoạn 2020-2024. .	70
Bảng 7.1.1. Thống kê số lượng trình độ của đội ngũ nhân viên hỗ trợ chung toàn trường .	74
Bảng 8.1. 1. Phân tích kết quả tuyển sinh ngành CTXH.....	84
Bảng 8.1. 2. Thống kê số người đã và đang học chương trình ngành CTXH.....	85
Bảng 8.1. 3. T Thống kê tình hình việc làm của SV ngành CTXH.....	85
Bảng 8.3.1. Kết quả học tập và rèn luyện của SV năm học 2023 - 2024 ngành CTXH ...	88
Bảng 8.3.2. Thống kê tỷ lệ thôi học các năm của ngành CTXH.....	89
Bảng 8.3.3. Thống kê tỷ lệ cảnh báo học vụ các năm của ngành CTXH.....	89
Bảng 9.1.1. Thống kê số lượng phòng học, phòng chức năng của Trường ĐHTT.....	96
Bảng 10.2.1. Kết quả cải tiến quy trình thiết kế và phát triển CTDH.....	112
Bảng 10.4.1 Số lượng các công trình khoa học đã công bố của Khoa từ 2020 - 2024.....	116
Bảng 10.4.2. Số lượng các công trình khoa học đã công bố của SV từ 2020 - 2024.....	116
Bảng 10.4.3. Danh mục giáo trình/sách áp dụng thành nội dung giảng dạy trong CTDH năm học 2019-2020 và 2023-2024.....	132
Bảng 10.4.4. Danh mục đề tài/TLTK áp dụng thành nội dung giảng dạy trong CTDH....	132
Bảng 10.4.5. Danh mục đề tài/TLTK áp dụng cải tiến hoạt động dạy và học.....	121
Bảng 11.1. 1. Tỷ lệ SV thôi học, tốt nghiệp ngành CTXH.....	129
Bảng 11.2. 1. Bảng đối sánh tỉ lệ SV tốt nghiệp ngành CTXH	130
Bảng 11.3. 1. Đối sánh tỉ lệ NH có việc làm sau tốt nghiệp giữa các CTĐT trong Trường ĐHTT ...	132
Bảng 11.3. 2. Đối sánh tỉ lệ NH có việc làm sau tốt nghiệp ngành CTXH giữa Trường ĐHTT với cơ sở giáo dục khác.....	133
Bảng 11.4. 1. Thống kê sản phẩm NCKH của SV ngành CTXH.....	137
Bảng 11.4. 2. Đối sánh số lượng SV ngành CTXH tham gia các loại hình NCKH với SV các ngành đào tạo khác trong Nhà trường giai đoạn 2020-2024.....	138
Bảng 11.5. 1. Bảng đối sánh CTĐT ngành CTXH qua các năm.....	140

PHẦN I. KHÁI QUÁT

1. Đặt vấn đề

1.1. Tóm tắt báo cáo tự đánh giá

Sứ mạng của Trường Đại học Tân Trào (ĐHTT) là đào tạo nguồn nhân lực có trình độ đại học và sau đại học, nghiên cứu khoa học (NCKH), chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế (HTQT). Trong những năm qua, Trường ĐHTT đã có nhiều đóng góp to lớn trong việc đào tạo nhân lực và bồi dưỡng nhân tài cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo; đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Tuyên Quang, khu vực Tây Bắc cũng như cả nước. Tầm nhìn của Nhà trường sẽ trở thành một trung tâm phát triển bền vững, làm biến đổi cuộc sống và phục vụ cộng đồng (PVCD). Nhà trường luôn coi trọng “*chất lượng là yếu tố cốt lõi để tồn tại và phát triển bền vững*”.

Khoa Tâm lý giáo dục và Công tác xã hội (tháng 5/2024 đổi tên thành Khoa Chính trị và Tâm lý - Giáo dục (CT&TLGD) là một đơn vị thuộc Nhà trường có nhiệm vụ: Đào tạo các cử nhân Tâm lý giáo dục và Công tác xã hội. Sứ mạng của Khoa là cùng các đơn vị cụ thể hóa sứ mạng của Nhà trường để đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, góp phần thực hiện mục tiêu chung của GD đại học, đáp ứng nhu cầu CNH, HĐH đất nước. Trường ĐHTT luôn coi việc xây dựng nội dung CTĐT phù hợp, khoa học, đảm bảo tính logic và hệ thống là yếu tố then chốt để giữ vững chất lượng đào tạo. CTĐT ngành Công tác xã hội (CTXH) trình độ đại học có mục tiêu đào tạo ra các cử nhân CTXH có phẩm chất chính trị đạo đức nghề nghiệp, có ý thức phục vụ nhân dân, có sức khỏe, có tinh thần say mê yêu nghề, nắm vững kiến thức chuyên môn và kỹ năng thực hành về nghề CTXH, có khả năng phát hiện, giải quyết những vấn đề trong mối quan hệ xã hội và các vấn đề liên quan phù hợp với các chuẩn đầu ra (CĐR) đã được đào tạo hoặc có thể học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ trình độ Thạc sĩ (ThS), Tiến sĩ (TS) thuộc chuyên ngành CTXH.

Trong bối cảnh hiện nay, để nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực cao cho xã hội không chỉ trong nước mà ở quốc tế, việc thẩm định, đánh giá CTĐT một cách toàn diện theo các chuẩn mực quốc gia, khu vực và quốc tế là việc làm cần thiết. Với tư cách là một đơn vị chịu trách nhiệm xây dựng, tổ chức đào tạo và quản lý chương trình ngành CTXH trình độ đại học, Khoa CT&TLGD đăng ký kiểm định và đánh giá chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) theo tiêu chuẩn ĐGCL CTĐT của Bộ Giáo dục & Đào tạo (BGD&ĐT). Khoa coi đây là cơ hội tốt để kiểm định,

đánh giá lại một cách hệ thống, toàn diện và khách quan toàn bộ CTĐT, qua đó đánh giá được sự tương quan với CTĐT cùng chuyên ngành ở một số trường đại học để hoàn thiện hơn về CTĐT, đáp ứng yêu cầu phát triển của xã hội nói chung và của ngành GDĐT nói riêng.

Cấu trúc của báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành CTXH (hệ chính quy) gồm:

Phần I: Khái quát (mô tả tóm tắt báo cáo tự đánh giá CTĐT; các tiêu chí được đánh giá theo các tiêu chuẩn cụ thể; tổng quan chung về cơ sở giáo dục (CSGD) và Khoa CT&TLGD.

Phần II: Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí, cấu trúc gồm 5 mục.

- Mô tả: phân tích chung về tiêu chuẩn và chỉ ra các minh chứng (MC) cụ thể liên quan.
- Điểm mạnh
- Điểm tồn tại
- Kế hoạch hành động
- Tự đánh giá

Phần III: Kết luận (điểm mạnh, điểm cần phát huy của đơn vị đào tạo được tổng hợp theo từng tiêu chuẩn; tóm tắt những tồn tại, cần cải tiến chất lượng; kế hoạch cải tiến chất lượng và tổng hợp kết quả tự đánh giá). Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT, ngày 14/3/2016 ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục (GD) đại học; cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng (KĐCL) CTĐT và các quyết định văn bản liên quan khác, danh mục MC.

Phần IV: Phụ lục gồm bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT, ngày 14/3/2006 ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GD đại học; cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng (KĐCL) CTĐT và các quyết định văn bản liên quan khác, danh mục MC.

CTĐT ngành CTXH được đánh giá dựa trên 11 tiêu chuẩn, với 50 tiêu chí. Trong đó, các tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4 tập trung vào mục tiêu, CĐR của CTĐT, bản mô tả CTĐT, cấu trúc, nội dung chương trình dạy học (CTDH) và phương pháp tiếp cận trong dạy học. Tiêu chuẩn 5 đánh giá về kết quả học tập của người học. Tiêu chuẩn 6, 7 hướng đến việc tự đánh giá về đội ngũ cán bộ giảng viên (CBGV), nghiên cứu viên và đội ngũ nhân viên. Tiêu chuẩn 8 tập trung đánh giá các yếu tố liên quan đến người học (NH) và hoạt động hỗ trợ NH. Tiêu chuẩn 9 gắn với các vấn đề về cơ sở vật chất (CSVC) và

trang thiết bị. Tiêu chuẩn 10 là những nhận định chính xác trong nâng cao chất lượng CTĐT và NCKH. Tiêu chuẩn 11 là các đánh giá về kết quả đầu ra của cả CTĐT.

Ngoài phần tổng quan chung, báo cáo tự đánh giá đã phác thảo một bức tranh tổng thể về Trường ĐHTT nói chung và Khoa CT&TLGD nói riêng với những hoạt động, chính sách và chất lượng cụ thể. Mỗi tiêu chí có một hệ thống các thông tin, MC đi kèm. Mã thông tin và MC được ký hiệu bằng chuỗi có ít nhất 9 ký tự, bao gồm 1 chữ cái, hai dấu chấm và 6 chữ số; 2 chữ số đầu có 1 dấu chấm (.) và 1 chữ số tiếp theo có 1 dấu chấm (.) để phân cách theo công thức: **Hab.c.deg** Trong đó:

- H: viết tắt “Hợp minh chứng” (MC của mỗi tiêu chuẩn/tiêu chí được tập hợp trong 1 hộp hoặc một số hộp).

- ab: số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10, tiêu chuẩn 25 viết 25).

- c: số thứ tự của tiêu chí (tiêu chí 1 viết 1, tiêu chí 7 viết 7).

- deg: số thứ tự của MC theo từng tiêu chí (thông tin và MC thứ nhất viết 001, thứ 15 viết 015, thứ 105 viết 105...).

Ví dụ:

H01.1.001: là MC thứ nhất của tiêu chí 1 thuộc tiêu chuẩn 1.

H02.3.015: là MC thứ 15 của tiêu chí 3 thuộc tiêu chuẩn 2.

H05.2.101: là MC thứ 101 của tiêu chí 2 thuộc tiêu chuẩn 5.

1.2. Mục đích, quy trình tự đánh giá, phương pháp đánh giá

- *Mục đích tự đánh giá:* Khoa CT&TLGD tự xem xét lại CTĐT, dựa trên các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục do BGD&ĐT ban hành để báo cáo về tình trạng chất lượng đào tạo, NCKH, nhân lực, CSVC, cũng như các vấn đề liên quan khác. Khoa là đơn vị chịu trách nhiệm với Nhà trường trong việc phối hợp các đơn vị thực hiện CTĐT ngành CTXH, trình độ đại học chính quy theo tín chỉ.

- *Phạm vi tự đánh giá:* Đánh giá tổng thể các hoạt động của Khoa theo Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT trình độ GDĐH của BGD&ĐT, ban hành kèm theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng BGD & ĐT.

- *Quy trình tự đánh giá:* được thực hiện theo các bước chính sau:

Bước 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành CTXH.

Bước 2. Lập kế hoạch tự đánh giá.

Bước 3. Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và MC.

Bước 4. Xử lý, phân tích các thông tin, MC thu được.

Bước 5. Viết báo cáo tự đánh giá.

- *Phương pháp đánh giá*: Dựa vào tiêu chuẩn, tiêu chí của bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do BGD&ĐT ban hành, đối với mỗi tiêu chí trong từng tiêu chuẩn, Khoa đã tiến hành xem xét theo các bước sau đây:

(1) Mô tả để làm rõ thực trạng theo từng tiêu chí; chỉ ra điểm mạnh, điểm tồn tại để từ đó đi đến những nhận định đánh giá cuối cùng;

(2) Xây dựng kế hoạch hành động để khắc phục những tồn tại, phát huy điểm mạnh, hoạch định rõ thời gian, nguồn lực và phương pháp (PP) thực hiện;

(3) Tự đánh giá mức độ đáp ứng tiêu chí và tiêu chuẩn.

- *Công cụ đánh giá*: Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của BGD&ĐT; Công văn số 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016; Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng.

2. Tổng quan chung

2.1. Giới thiệu về Trường Đại học Tân Trào

2.1.1. Khái quát về lịch sử phát triển của Trường Đại học Tân Trào

Trường Đại học Tân Trào (ĐHTT) được thành lập ngày 14 tháng 8 năm 2013 theo Quyết định số 1404/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Trường có tiền thân là Trường Sơ cấp Sư phạm được thành lập ngày 13/10/1959, ngày 11/02/1999 được nâng cấp thành Trường Cao đẳng Sư phạm Tuyên Quang, ngày 30/6/2011 Trường Cao đẳng Sư phạm Tuyên Quang được đổi tên thành Trường Cao đẳng Tuyên Quang. Trường ĐHTT có nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao đẳng, đại học và sau đại học; NCKH và chuyển giao công nghệ; HTQT.

Sứ mạng: Trường ĐHTT là cơ sở đào tạo, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế và cung cấp các sản phẩm, dịch vụ nâng cao chất lượng cuộc sống và xây dựng đất nước.

Tầm nhìn: Trường ĐHTT sẽ trở thành một trung tâm phát triển bền vững, làm biến đổi cuộc sống và phục vụ cộng đồng.

Giá trị văn hóa: Chất lượng đào tạo là yếu tố cốt lõi để tồn tại và phát triển bền vững.

Chính sách chất lượng: Trường ĐHTT cam kết liên tục cải tiến để có khả năng cung cấp các dịch vụ có chất lượng, đảm bảo mức độ hài lòng cao nhất của người học và đối tác, qua một hệ thống quản lý năng động, xuất sắc, chuyên nghiệp và đổi mới.

Tóm tắt thành tích nổi bật của Trường Đại học Tân Trào

Trải qua hơn 60 năm xây dựng và phát triển, Trường ĐHTT đã thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị được Đảng và Nhà nước giao, có nhiều đóng góp to lớn trong việc nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực và bồi dưỡng nhân tài, đóng góp vào sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Tuyên Quang, khu vực Tây Bắc cũng như cả nước, được Đảng và Nhà nước ghi nhận bằng những phần thưởng cao quý như Huân chương Lao động Hạng Ba, Cờ thi đua của Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang, Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang. Trong giai đoạn 2016 - 2020 một số tập thể đơn vị và cá nhân được Ủy ban nhân dân tỉnh tặng bằng khen, giấy khen của vì đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước.

Về công tác phát triển đội ngũ, tổ chức bộ máy

Trường ĐHTT hiện có 235 GV, viên chức, người lao động, trong đó có 154 GV (TS: 43 người; thạc sĩ 107 người; đại học 04 người) và 81 nhân viên, nghiên cứu viên. Hiện tại có 14 người đang là nghiên cứu sinh, 03 người đang học sau đại học, 01 bác sĩ đang học chuyên khoa 1.

Năm 2019, Trường có 25 đơn vị, từ năm 2020 - 2023, Trường có 23 đơn vị trực thuộc: 08 phòng; 08 khoa, bộ môn; 05 trung tâm; 01 phòng khám đa khoa; 01 Trường phổ thông. Đến tháng 4/2024, Nhà trường đã thực hiện sắp xếp lại cơ cấu tổ chức theo đề án vị trí việc làm, hiện có 16 đơn vị trực thuộc: 06 phòng; 06 khoa; 03 trung tâm; 01 Trường phổ thông. Tháng 5/2024, HĐT Trường ĐHTT được kiện toàn lại theo đúng quy định tại Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học, bao gồm 17 thành viên Hội đồng nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Về công tác đào tạo

Từ năm 2019 - 2024, công tác tuyển sinh của Nhà trường được thực hiện theo đúng quy chế của BGD&ĐT. Nhà trường đã ban hành Đề án tuyển sinh, Quy chế tuyển sinh các hệ đào tạo và ngành đào tạo, hằng năm thực hiện rà soát, điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế và chỉ tiêu được BGD&ĐT giao. Kịp thời bổ sung một số phương thức xét tuyển mới, phù hợp với nhu cầu của học sinh như: Xét quy đổi điểm tiếng Anh từ chứng chỉ quốc tế sang thang điểm 10; xét điểm kỳ thi đánh giá năng lực... đồng thời loại bỏ những phương thức tuyển sinh kém hiệu quả. Chất lượng đầu vào được nâng cao rõ rệt theo từng năm, có nhiều ngành điểm trúng tuyển trên 27,28 điểm.

Nhà trường đã ban hành các quy chế, quy định về công tác quản lý đào tạo. Chủ động triển khai hoạt động dạy và học với hình thức phù hợp để thích ứng với diễn biến của dịch bệnh Covid-19, chuẩn bị đầy đủ cơ sở vật chất (CSVN), hạ tầng, kĩ thuật để thực hiện giảng dạy trực tuyến, hoàn thiện Cổng thông tin giảng dạy và nộp bài trực tuyến (<http://elearning.daihoctantrao.edu.vn/>), nâng cao chất lượng đường truyền internet, tổ chức tập huấn, hướng dẫn sử dụng các ứng dụng giảng dạy trực tuyến như Microsoft Team, Zoom meeting,...; các phần mềm hỗ trợ soạn giáo án giảng dạy trực tuyến; phát động, tổ chức cuộc thi “thiết kế bài giảng điện tử” cho GV trong toàn trường.

Nhà trường đã ban hành và thực hiện sửa đổi bổ sung Quy chế đào tạo trình độ cao đẳng, đại học trong đó quy định cụ thể các nội dung bao gồm: CĐR và thời gian học tập; tổ chức và quản lý đào tạo; liên kết đào tạo; kiểm tra, thi và đánh giá kết quả học tập, xếp loại học tập, xếp loại tốt nghiệp; chuyển ngành, chuyển trường đối với người học; quyền lợi và nghĩa vụ của GV, sinh viên (SV)... Các quy chế được chỉnh sửa, bổ sung đảm bảo các hoạt động đào tạo của Nhà trường được thực hiện theo các quy định của BGD&ĐT, phù hợp với các quy định của pháp luật; đảm bảo thống nhất các quy định chung tại các Thông tư của BGD&ĐT ban hành về chuẩn CTĐT với các Thông tư quy định về mở ngành đào tạo và các quy định khác có liên quan.

Năm 2020 Nhà trường đã rà soát, chỉnh sửa CĐR, CTĐT và đề cương chi tiết các học phần đối với 15 ngành; năm 2022 đối với 19 ngành trình độ đại học, 01 ngành trình độ cao đẳng; năm 2024 đối với 12 ngành trình độ đại học, 01 ngành trình độ cao đẳng đảm bảo đúng quy định.

Từ năm 2019 - 2024, Nhà trường đã mở thêm 11 ngành đào tạo mới gồm: Kinh tế đầu tư, Chính trị học, Giáo dục học, Tâm lý học, Lâm sinh, Sinh học ứng dụng, Công nghệ thông tin, Dược học, Điều dưỡng, Sư phạm Ngữ văn, Sư phạm Khoa học tự nhiên. Nhà trường đã tổ chức đào tạo, bồi dưỡng và cấp 116.661 chứng chỉ chức danh nghề nghiệp, chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản, Chứng chỉ Tiếng Anh., Chứng chỉ Kỹ thuật chế biến món ăn, Chứng nhận hoàn thành đào tạo, cập nhật kiến thức chuyên môn về Dược, Tư vấn tâm lý học đường, ...

Năm 2021, SV của Trường đã tham dự cuộc thi Olympic toàn quốc môn Vật lý, đạt giải ba toàn đoàn, 02 giải nhì phần thi thực nghiệm, 03 giải ba phần thi trắc nghiệm, 02 giải khuyến khích phần thi bài tập. Tháng 4/2022 SV đã tham dự cuộc thi Olympic toàn quốc môn Toán học, đạt 04 giải nhì, 01 giải ba. Tháng 4/2023, SV tham gia kỳ thi Olympic Toán học SV và học sinh lần thứ 29 đạt 01 giải vàng và 01 giải khuyến khích. Tháng 11/2024, SV tham gia cuộc thi Olympic Vật lý toàn quốc đạt 03 giải Khuyến

khích phần thi trắc nghiệm; 02 đạt giải Khuyến khích phần thi thực nghiệm và đạt giải Ba toàn đoàn. SV đã tham gia cuộc thi *“Học sinh, sinh viên với ý tưởng khởi nghiệp” năm 2021* do Bộ GD&ĐT tổ chức. Kết quả, dự án *“Trồng và phát triển vùng được liệu Xuyên tâm liên trong hỗ trợ điều trị bệnh nhân covid-19”* của nhóm SV Khoa Y - Dược, Trường ĐHTT được đứng vào Top 15 dự án xuất sắc nhất trong số gần 600 dự án đến từ hơn 300 trường đại học tham dự cuộc thi.

Các khoa, bộ môn đã tổ chức Hội thảo cấp khoa *“Ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy đại học”*; *“Nâng cao nhận thức của người dân về sử dụng dịch vụ Công tác xã hội trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang”*; Tổ chức chương trình Workshop-Thuyết trình chuyên nghiệp trong tầm tay; Kết nối với Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch, các khách sạn, các công ty du lịch trên địa bàn thành phố và các huyện để SV được tham gia học tập, trải nghiệm, rèn luyện kỹ năng, thực tập, thực hành. GV của trường đã tham gia Hội thi GV giỏi nghiệp vụ sư phạm toàn quốc do BGD&ĐT tổ chức, đạt 03 giải nhất, 05 giải nhì và 04 giải ba.

Hiện nay, Trường ĐHTT đang thực hiện đào tạo 21 ngành bao gồm hệ chính quy, liên thông và vừa làm vừa học với 3.780 sinh viên ĐH chính quy: 2.548; cao đẳng chính quy: 66; đại học liên thông, vừa làm vừa học: 1.053, cao đẳng liên thông vừa làm vừa học: 113). Bên cạnh đó, Trường ĐHTT thực hiện đào tạo và cấp bằng đại học cho lưu học sinh Lào; mở các lớp bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp cho giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở; đào tạo và cấp chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản...; tham gia đào tạo nguồn nhân lực cho tỉnh Tuyên Quang và trên 30 tỉnh thành trong cả nước.

Về hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và ứng dụng khoa học kỹ thuật phục vụ cộng đồng

Công tác nghiên cứu khoa học (NCKH) của Nhà trường đã đạt được nhiều kết quả tích cực, các sản phẩm NCKH của cán bộ (CB), GV, SV tăng cả về số lượng và chất lượng. Từ năm 2019 đến năm 2024, toàn trường có 05 đề tài cấp Nhà nước; 15 đề tài cấp Bộ và cấp tỉnh; có 176 đề tài cấp cơ sở của GV, 143 đề tài của SV, 91 bài báo đăng trên tạp trí khoa học thuộc danh mục ISI/Scopus, 226 bài báo đăng trên các tạp chí quốc tế khác, 901 bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước, 227 bài báo tham gia hội thảo quốc tế và trong nước, 122 giáo trình, sách chuyên khảo và tài liệu lưu hành nội bộ được nghiệm thu và sử dụng; 18 sáng kiến kinh nghiệm cấp tỉnh và 64 sáng kiến kinh nghiệm cấp cơ sở; 145 bài báo khoa học của SV. Tạp chí Khoa học Trường ĐHTT (SJTTU) được cấp mã số chuẩn quốc tế (ISSN: 2354-1431). Tính đến tháng 12/2024, Tạp chí đã xuất bản được 26 số với 580 bài báo. Các bài báo được xuất

bản đều được truy cập miễn phí tại website của Tạp chí với chỉ số DOI (Digital Object Identifier) định danh do Crossref cung cấp. Tạp chí khoa học được Google Scholar thống kê liên tục trên website: <http://www.scholar.google.com>. Tháng 4/2021, Tạp chí gia nhập Vietnam Citation Gateway (V-Citation Gate) là cơ sở dữ liệu thư mục (Bibliographic database), đồng thời là trung tâm phân tích, đánh giá khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (Scientometrics) của Việt Nam. Theo xếp loại của VN Citation Index năm 2021, trong hơn 600 tạp chí khoa học của các bộ, ngành, viện nghiên cứu và trường đại học trong cả nước, Tạp chí khoa học ĐHTT xếp thứ 71 trong 86 tạp chí có điểm về chỉ số ảnh hưởng IF và chỉ số trích dẫn H-index (năm 2021). Tính đến năm 2024, tạp chí được 11 Hội đồng GS ngành và liên ngành tính điểm khoa học.

Hoạt động chuyển giao công nghệ đạt hiệu quả. Trường ĐHTT tiếp tục nhân giống cung cấp cho thị trường 5,7 triệu Cây keo lai, bạch đàn... Triển khai nghiên cứu, sản xuất một số giống cây lâm nghiệp, cây cảnh, cây dược liệu phục vụ nhu cầu thị trường như: cây mía; cây Ba kích; cây Hồng. Xây dựng mô hình trồng ngô sinh khối; phối hợp tổ chức khảo nghiệm 54 giống Ngô mới; xây dựng mô hình sản xuất ngô, rau, thủy sản làm cơ sở để đề xuất ứng dụng vào sản xuất.

Về công tác hợp tác quốc tế

Tính đến năm 2024, Nhà trường đã ký kết hợp tác với 24 trường đại học, các đơn vị và tổ chức quốc tế ở Châu Á và thế giới về đào tạo, NCKH, trao đổi GV, SV. Nhiều CBGV của Nhà trường đang học sau đại học và nghiên cứu sinh ở nước ngoài, một số CBGV đã tham gia vào các dự án NCKH với các trường đại học trong khối ASEAN, tổ chức và tham dự nhiều hội thảo khoa học quốc tế. Hằng năm, Nhà trường cử nhiều SV đi thực tập ở nước ngoài, tiếp nhận SV của các nước đến thực tập và giao lưu văn hóa tại trường. Nhà trường đã triển khai hiệu quả các chương trình hợp tác đã được ký kết với các trường đối tác như: giao lưu, trao đổi GV, SV, thực tập sinh, hợp tác NCKH. Đào tạo SV Lào đang học tập tại trường theo chương trình kí kết hợp tác giữa tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Xiêng Khoảng; tỉnh Phông Sa Lỳ nước CHDCND Lào. Hoạt động hợp tác quốc tế (HTQT) đã đem lại những hiệu ứng tích cực và làm tăng vị thế của Nhà trường, góp phần tích cực vào HTQT của tỉnh Tuyên Quang trên nhiều lĩnh vực.

Về hoạt động phục vụ cộng đồng

Công tác tình nguyện, phục vụ cộng đồng (PVCĐ) được Nhà trường thực hiện với nhiều lĩnh vực và nội dung đa dạng. Giai đoạn 2019 - 2024, Nhà trường đã tiếp nhận, hỗ trợ, đào tạo tổng số 44 lưu học sinh nước CHDCND Lào. Trong quá trình học, lưu học sinh được tham gia các Ngày hội giao lưu văn hoá SV quốc tế; Tết Bounpimay; giao

lưu bóng đá, bóng chuyền. Tổ chức 25 lớp tập huấn kỹ thuật nông, lâm nghiệp, kỹ năng làm du lịch cho 647 học viên là người dân các huyện vùng cao; phối hợp tổ chức mở 04 lớp tập huấn nhằm cung cấp kiến thức, thông tin cho giáo viên, giúp họ có kiến thức về phòng, chống xâm hại trẻ em, bạo lực về giới và bình đẳng giới; 02 lớp tập huấn cho nữ CB, công chức viên chức nhằm nâng cao kiến thức kỹ năng giao tiếp hành chính, văn hóa công sở, quy tắc ứng xử và kỹ năng phòng chống bạo lực tình dục.

CB, GV Nhà trường đã luôn nỗ lực, tích cực tham gia, thực hiện hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao trong các sự kiện lớn của tỉnh. Trong giai đoạn này, 2.070 lượt CB, GV và SV với tổng số 249 ngày công tham gia tập luyện và biểu diễn trong các Chương trình nghệ thuật, màn đồng diễn tại các sự kiện văn hóa, thể dục thể thao do tỉnh tổ chức.

Công đoàn viên, SV Nhà trường đã ủng hộ các quỹ như: “*Quỹ đền ơn đáp nghĩa*”, “*Quỹ bảo trợ trẻ em*”, “*Quỹ khuyến học*”, “*Quỹ vì người nghèo*”, “*Quỹ mái ấm công đoàn*”, tặng quà học sinh, bệnh nhân có hoàn cảnh khó khăn với tổng số tiền hơn 1 tỷ đồng. Công đoàn viên, SV tham gia hiến máu và vận động tham gia hiến máu trong các Ngày hội hiến máu nhân đạo thu được 4.152 đơn vị máu.

Nhà trường đã chuẩn bị cơ sở vật chất làm Khu cách ly tập chung phòng chống dịch covid 19 với 40 phòng đảm bảo các yêu cầu cơ bản cho phòng chống dịch. Chủ động lập khu cách ly trong thời gian 02 tháng để tiếp nhận 217 học sinh, SV và CB, GV bị nhiễm Covid vào ở tập trung cách ly, trong thời gian đó tư vấn miễn phí, phục vụ nhiều suất ăn, thuốc và các nhu yếu phẩm cần thiết cho cán bộ, sinh viên bị mắc Covid yên tâm điều trị. Ngoài ra, Nhà trường đã tổ chức các chuyến xe không đồng đưa 520 lượt sinh viên có hộ khẩu tại tỉnh Lai Châu, Sơn La, Điện Biên và các huyện vùng cao trong tỉnh về quê và trở lại trường sau kỳ nghỉ Tết Nguyên đán.

Về công tác đảm bảo chất lượng

Sau đánh giá ngoài, Nhà trường tiếp tục duy trì kết quả kiểm định chất lượng (KĐCL), hằng năm đã xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch đảm bảo chất lượng (ĐBCL) và kế hoạch cải tiến chất lượng để nâng cao chất lượng đào tạo. Trường ĐHTT đã tổ chức bằng hình thức trực tuyến để khảo sát, đánh giá các hoạt động ĐBCL bao gồm: khảo sát các bên liên quan về CTĐT, hoạt động đào tạo, chất lượng người học; CSVC và các hoạt động phục vụ đào tạo, NCKH và PVCĐ của Nhà trường. Năm 2021, Nhà trường đã thực hiện công tác tự đánh giá và đánh giá ngoài 03 CTĐT, kết quả là các CTĐT ngành Kế toán, ngành Giáo dục Tiểu học, ngành Giáo dục Mầm non đạt tiêu

chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ trưởng BGD&ĐT ban hành. Tháng 11/2024 Trường được BGD&ĐT công nhận đạt chuẩn cơ sở giáo dục chu kỳ 2.

Về các công tác khác

Nhà trường đã chú trọng tới hoạt động tư vấn, hỗ trợ việc làm cho SV, thông qua việc tổ chức các buổi gặp mặt trực tiếp giữa các đơn vị tuyển dụng lao động với SV để giới thiệu cơ hội việc làm và các kỹ năng mà SV cần chuẩn bị.

Hàng năm, Nhà trường đã bổ sung CSVC phục vụ hoạt động đào tạo. Năm 2021, đưa vào sử dụng tòa nhà làm việc A1 với diện tích xây dựng là 1.015 m²; Tổng diện tích sàn là: 5.078 m², gồm: 46 phòng làm việc, 07 phòng học. Nhà trường tiến hành sửa chữa lớp học, nâng cấp khuôn viên, sân vườn, ga ra để xe; xây u súng phục vụ cho an ninh - quốc phòng. Đầu tư trang thiết bị phục vụ cho dạy và học. Hiện nay, tổng diện tích đất của Nhà trường: 574.690m². Trong đó: Hội trường, giảng đường, phòng học, phòng đa năng, phòng làm việc: 18.212m²; Thư viện/Trung tâm học liệu: 600m²; Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập: 14.341 m². Năm 2023, UBND huyện Yên Sơn phê duyệt Quyết định số 606/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng Trường ĐHTT thuộc dự án Nhà thực hành khoa Y - Dược; Nhà điều hành, thực hành khoa Văn hoá du lịch và thư viện; Nhà giảng đường Trường ĐHTT; diện tích 389.152m². Cuối năm 2024, Công trình Nhà thực hành khoa Y - Dược; Nhà điều hành, thực hành khoa Văn hoá du lịch và thư viện; Nhà giảng đường sẽ được khởi công xây dựng, đáp ứng nhu cầu về đào tạo thực hành đối với khối ngành Y - Dược, Văn hoá du lịch và cung cấp thêm các phòng đọc thư việc phục vụ quá trình nghiên cứu, học tập của SV và GV Nhà trường.

Nhà trường đã hợp tác với Trường Đại học Hùng Vương, Trường Đại học Bắc Philippines để bổ sung nguồn học liệu, phục vụ công tác đào tạo. Tăng nguồn tài liệu nội sinh điện tử thông qua việc đăng các bài báo bằng Tiếng Anh của Tạp chí Trường ĐHTT lên trang web Thông tin - Thư viện. Năm 2020, Nhà trường đã phối hợp với VNPT Tuyên Quang cài đặt và đưa vào sử dụng phần mềm quản lý văn bản I OFFICE.

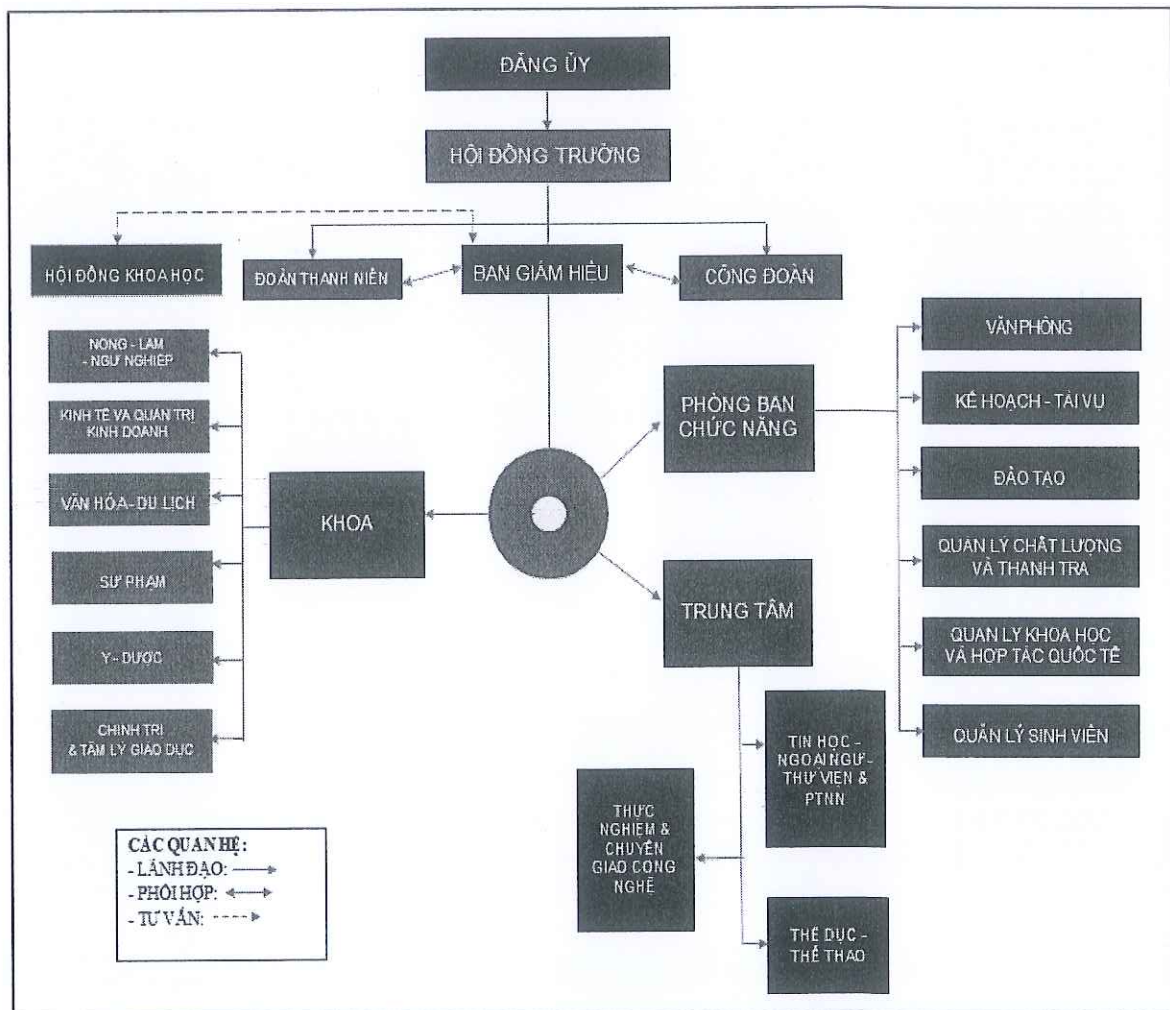
Tháng 1/2019, thành lập Trường Phổ thông Tuyên Quang, là trường phổ thông công lập, hoạt động tự chủ và chất lượng cao. Qua 06 năm xây dựng và phát triển, chất lượng giáo dục của nhà trường từng bước được nâng lên, quy mô trường, lớp, học sinh được tăng dần qua mỗi năm. Chương trình giáo dục của Nhà trường được thiết kế theo hướng triển khai song song 2 chương trình: Chương trình cứng thực hiện bằng việc tối ưu hóa Chương trình và sách giáo khoa theo quy định của BGD&ĐT; Chương trình mềm giúp tăng cường kỹ năng sống, phát triển năng khiếu Thể thao và Nghệ thuật, nâng cao năng lực giao tiếp tiếng Anh, hình thành các câu lạc bộ Toán học, Văn học... cho SV.

Hàng năm, chất lượng giáo dục của Nhà trường đều đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra, CB, GV và SV của Trường đã đạt được nhiều danh hiệu thi đua.

Tháng 5/2019, Nhà trường đã thành lập Phòng khám đa khoa là đơn vị sự nghiệp, trực thuộc Trường ĐHTT, hoạt động theo hướng tự chủ về chi thường xuyên, phòng khám có chức năng triển khai các hoạt động phục vụ cho công tác đào tạo, bồi dưỡng, NCKH và thực hành, thực tập của SV ngành Y - Dược, thực hiện khám chữa bệnh theo nhu cầu của xã hội. Tuy nhiên, đến tháng 4/2024, phòng khám đa khoa đã giải thể do không đáp ứng được nhu cầu thực tế của Nhà trường.

2.1.2. Cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Tân Trào

Cơ cấu tổ chức bộ máy của Trường ĐHTT là phù hợp với hoạt động của trường đại học. Hiện tại gồm 3 khối, 16 đơn vị: khối quản lý có 6 phòng, ban; khối giảng dạy và nghiên cứu gồm 6 khoa; khối ứng dụng, NCKH và dịch vụ gồm 3 trung tâm; 01 trường phổ thông. Các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội gồm Đảng ủy, Hội đồng Trường, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội SV, Hội đồng Khoa học và Đào tạo (Hình 1.1).



Hình 1.1. Sơ đồ tổ chức của Trường Đại học Tân Trào

2.1.3. Cấu trúc tổ chức của Hội đồng Trường

Hội đồng trường (HĐT) Trường ĐHTT gồm 17 người, gồm Chủ tịch, Thư ký và các thành viên hội đồng. HĐT làm việc theo nguyên tắc tập thể, thảo luận và quyết định theo đa số. HĐT là tổ chức quản trị, đại diện quyền sở hữu của Nhà trường, có nhiệm vụ, quyền hạn: quyết nghị chiến lược phát triển, quy chế về tổ chức và hoạt động của Nhà trường; phương hướng hoạt động đào tạo, KHCN, HTQT, ĐBCL giáo dục; cơ cấu tổ chức và phương hướng đầu tư phát triển của Nhà trường; việc thành lập, sáp nhập, chia, tách, giải thể các tổ chức trong Nhà trường; giám sát việc thực hiện các nghị quyết của HĐT, việc thực hiện quy chế dân chủ trong các hoạt động của Nhà trường; giới thiệu nhân sự Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng để thực hiện quy trình bổ nhiệm theo quy định. HĐT Trường ĐHTT có các ban giúp việc: Ban Tổ chức và Nhân sự; Ban Đào tạo và ĐBCL; Ban KHCN và HTQT. Hội đồng Trường thực hiện việc giám sát theo các quy định của pháp luật, Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, theo quy định của Luật Giáo dục đại học và Điều lệ trường đại học.

2.2. Giới thiệu về khoa Chính trị và Tâm lý giáo dục, Trường Đại học Tân Trào

2.2.1. Đặc điểm, tình hình

- *Địa điểm đơn vị:* Phòng 411, 406 cơ sở chính tại trường Đại học Tân Trào, Km6, xã Trung Môn, Huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

- *Quá trình thành lập:* Khoa Tâm lý Giáo dục và Công tác xã hội được thành lập theo Quyết định số 176/QĐ-ĐHTTTr ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào. Đến tháng 04/2024, Khoa Chính trị và Tâm lý giáo dục, được thành lập theo Nghị quyết số 314/NQ-HĐTĐHTTTr, ngày 23 tháng 4 năm 2024, của Hội đồng Trường ĐHTT về việc sáp nhập Bộ môn Lý luận chính trị và Khoa Tâm lý - Giáo dục và Công tác xã hội thành Khoa CT&TLGD.

Hiện nay, Khoa CT&TLGD là đơn vị trực thuộc Trường Đại học Tân Trào. Khoa đang đảm nhiệm việc đào tạo cử nhân ngành Tâm lý học, Công tác xã hội và Chính trị học.

2.2.2. Sứ mạng, tầm nhìn

Để phát triển theo định hướng một trường đại học đa ngành, với chức năng là khoa chuyên môn của Trường, Khoa CT&TLGD đã lập kế hoạch với những mục tiêu, định hướng, quy mô phát triển và các nhiệm vụ thể hiện rõ sứ mệnh và tầm nhìn đến năm 2030 của đơn vị như sau:

Sứ mạng: Khoa CT&TLGD là địa chỉ tin cậy về đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế về các lĩnh vực thuộc chuyên ngành đào tạo, để cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho xã hội

Tầm nhìn: Khoa CT&TLGD sẽ trở thành đơn vị đào tạo có chất lượng đáp ứng yêu cầu đổi mới, hội nhập của nền giáo dục hiện đại; là đơn vị mạnh trong nghiên cứu, tư vấn và định hướng về khoa học giáo dục trong khu vực và cả nước.

2.2.3. Cơ cấu tổ chức

Khoa CT&TLGD gồm 2 bộ môn (Bộ môn LLCT: 11 GV; Bộ môn TLGD - CTXH: 8 GV). Hiện nay, tổng số GV cơ hữu của Khoa là 19 người (giảng dạy CTĐT ngành CTXH là 13 người), GV của Trường tham gia giảng dạy là 33 người, số GV đạt trình độ TS là 08 (chiếm 24,2 %); đang nghiên cứu sinh là 02 GV (chiếm 6,1%), 01 PGS (chiếm 3,03%), thạc sĩ là 24 người (chiếm 72,7%). Độ tuổi bình quân của GV cơ hữu là 41,9 tuổi, có 14 nam (chiếm 42,4%) và 19 nữ (chiếm 57,5%)

Về tổ chức Khoa gồm có: 01 Trưởng Khoa; 01 Phó Trưởng khoa; 01 trợ lý Khoa; 01 Trưởng môn. Chi bộ Khoa CT&TLGD hiện tại có 20 đảng viên (có 01 đảng viên là sinh viên). Trực thuộc Khoa có một Liên Chi đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và một Công đoàn bộ phận. Toàn thể GV trong đơn vị có phẩm chất chính trị, tư tưởng đạo đức tốt, luôn đoàn kết tốt, kỉ luật tốt, cùng nhau chia sẻ và phối hợp tốt trong công tác. Nhiều GV có bề dày kinh nghiệm trong giảng dạy. Đội ngũ GV trẻ năng động, sáng tạo, cầu thị ham học hỏi nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

Danh sách giảng viên Khoa CT&TLGD (tính đến 25/2/2025)

STT	Họ và tên GV	Năm sinh	Học vị	Chức danh/ chức vụ
1	Hà Mỹ Hạnh	1980	TS; GVC; Trưởng khoa	- GVC/Trưởng Khoa - Bí thư CB
2	Lê Tuấn Ngọc	1976	TS; GV; Phó Trưởng khoa	- GVC/ Phó TK - Phó BTCB - Trưởng môn ...
3	Chu Thị Mỹ Nga	1982	ThS; GVC	- GVC/Phó TK - Trưởng môn GDMN
4	Nguyễn Thị Nhung	1978	ThS; GVC	GVC/Phó TK
5	Nguyễn Mai Chinh	1989	ThS;GV	GV/ Trợ lý khoa

6	Mã Ngọc Thử	1976	TS; GV;	Giảng viên
7	Hoàng Thị Trang	1989	ThS;GV	Giảng viên
8	Trần Thuý Vân	1985	ThS;GV	Giảng viên
9	Hà Thị Thu Trang	1988	ThS; GVC	Giảng viên
10	Phạm Thu Trà	1985	ThS;GV	Giảng viên
11	Trịnh Thành Yên	1982	ThS;GV	Giảng viên
12	Hà Thị Nguyệt	1987	ThS; GVC	Giảng viên
13	Hà Thị Minh Đức	1980	ThS; GVC	Giảng viên
14	Trần Thị Mỹ Bình	1978	ThS; GVC	Giảng viên
15	Nguyễn Thị Thuý	1991	ThS;GV	Giảng viên
16	Nguyễn Quang Hoài Châu	1978	ThS; GVC	Giảng viên
17	Hứa Đức Hội	1984	ThS; GVC	Giảng viên
18	Hoàng Thị Tuyết Mai	1988	ThS; GVC	Giảng viên
19	Bàn Thị Hương Lan	1993	ThS;GV	Giảng viên

2.2.4. Công tác đào tạo

Khoa hiện đang thực hiện đào tạo theo học chế tín chỉ 03 CTĐT trình độ đại học, cụ thể:

Stt	Tên chương trình	Trình độ đào tạo	Mã số	Hình thức đào tạo	Thời gian đào tạo
1	Công tác xã hội	Đại học		Chính quy	4 năm
2	Tâm lý học	Đại học		Chính quy	4 năm
3	Chính trị học	Đại học		Chính quy	4 năm

Chương trình đào tạo được thiết kế dựa trên cơ sở sau:

Chương trình khung trình độ Đại học ngành CTXH, Tâm lý học, Chính trị học, được thực hiện theo: *Luật Giáo dục đại học, số 8/2012/QH13; Luật Giáo dục 2019 số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019; Quyết định số 1982/QĐ-TTg, ngày 18/10/2016 Quyết*

định phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam; Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 Thông tư ban hành quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ; Quy định đào tạo Đại học, Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của trường Đại học Tân Trào hiện hành.

Quy định đào tạo Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ được thực hiện theo *Luật Giáo dục 2019 số 43/2019/QH14, ngày 14/6/2019; Quyết định số 1982/QĐ-TTg, ngày 18/10/2016 Quyết định phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam; Quyết định số 1838/QĐ-ĐHTTr, ngày 28/09/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào về việc ban hành Quy định đào tạo Đại học, Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ; Quyết định 660/QĐ-ĐHTTr ngày 26/9/2017 về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1838/QĐ-ĐHTTr. Quyết định số 667/QĐ-ĐHTTr ngày 25/8/2021 của Trường Đại học Tân Trào về ban hành quy chế đào tạo trình độ đại học. Quyết định số 997/QĐ-ĐHTTr ngày 20/9/2024 của Trường Đại học Tân Trào về ban hành quy chế đào tạo trình độ đại học.*

Đội ngũ GV của Khoa có kinh nghiệm trong đào tạo trình độ đại học CTXH, TLGD góp phần đảm bảo chất lượng đào tạo chung của Nhà trường. Đối với các học phần khối kiến thức đại cương: 100% đội ngũ GV của Nhà trường có trình độ từ thạc sĩ trở lên, nhiều kinh nghiệm giảng dạy và đáp ứng được những yêu cầu dạy học ở bậc đại học, góp phần tích cực vào việc đảm bảo chất lượng đào tạo ngành CTXH trình độ đại học. Đối với các học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành: số GV hiện tại của Trường ĐHTT có thể đáp ứng 100% khối lượng của CTĐT. Đội ngũ GV từ trình độ thạc sĩ trở lên có bề dày kinh nghiệm đảm bảo dạy tốt các học phần trong CTĐT. Nhà trường đã và đang thu hút GV có trình độ tiến sĩ về Khoa. Đồng thời, Nhà trường tạo điều kiện tốt nhất để GV trong Khoa được học tập nâng cao trình độ.

Với nhiệm vụ học hỏi kinh nghiệm của các trường đại học được xếp hạng trong nước để xây dựng CTĐT đạt chất lượng tốt, Khoa đã xây dựng CTĐT có tính ứng dụng, tính thực hành nghề nghiệp. CTĐT chú ý cân đối giữa giờ dạy lý thuyết với giờ dạy thực hành; chuẩn bị các điều kiện cho SV.

Đến nay, CT&TLGD đã xây dựng và đang vận hành 03 CTĐT hệ cử nhân đối với trình độ đại học (03 CTĐT hình thức chính quy). Khoa đã hoàn thiện việc chuyển đổi từ CTĐT theo niên chế sang CTĐT theo tín chỉ theo văn bản hướng dẫn.

Chương trình dạy học được thiết kế đảm bảo cung cấp cho người học kiến thức, kỹ năng cần thiết đáp ứng CĐR của CTĐT. Người học được rèn luyện phương pháp tư duy cũng như các kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng mềm thông qua các học phần trong CTĐT đáp ứng CĐR của từng học phần.

CTĐT ngành CTXH trình độ đại học của Khoa được xây dựng có sự tham khảo CTĐT của một số trường đại học trong nước. Số lượng tuyển sinh từ năm 2020 cho đến nay là 4 khóa học, với quy mô SV tính đến năm 2024 là 34 SV đang theo học tại trường.

Khóa học	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Tổng số SV	7	9	14	26	34

CTĐT giúp cho SV hình thành kỹ năng nghề nghiệp để có thể thích ứng với nghề sau khi tốt nghiệp.

2.2.5. Công tác NCKH và HTQT

Công tác nghiên cứu khoa học được xác định là một trong 2 nhiệm vụ trọng yếu của GV Khoa CT&TLGD. Đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo và hợp tác quốc tế, NCKH đã trở thành hoạt động bắt buộc của GV và là một hoạt động khuyến khích đối với SV trong Khoa. Hiện nay, kết quả các đề tài nghiên cứu các cấp (cấp cơ sở, cấp tỉnh) của GV trong Khoa đều đáp ứng yêu cầu của công tác đào tạo và phục vụ xã hội. Khoa thường xuyên tổ chức các buổi tọa đàm, hội nghị, hội thảo... có sự tham gia của GV, SV trong Khoa và các nhà khoa học liên quan.

Trong 05 năm trở lại đây, Khoa đã có nhiều đề tài khoa học nghiên cứu cấp trường, tham gia nghiên cứu đề tài khoa học cấp tỉnh thuộc về các lĩnh vực Khoa học Xã hội và Nhân văn; phát triển CTĐT; viết nhiều bài báo đăng trên các tạp chí có mã số theo quy định của Hội đồng chức danh nhà nước; nhiều bài viết được in trong các kỷ yếu hội thảo ở các trường đại học trong cả nước. Số lượng đề tài NCKH và bài báo đảm bảo chất lượng tốt, cụ thể:

Tổng số giảng viên	Số lượng đề tài NCKH cấp tỉnh	Số lượng đề tài NCKH cấp trường	Số lượng bài báo đăng tạp chí đạt 0,5đ - dưới 1đ	Số lượng bài báo đạt đăng tạp chí từ 1đ trở lên	Số lượng bài báo đăng kỷ yếu hội thảo KH	Giáo trình, tài liệu tham khảo
13	0	12	53	7	47	8

Khoa cùng với Nhà trường có hợp tác với các trường đại học trong nước để trao đổi, học hỏi kinh nghiệm từng bước nâng cao chất lượng của CTĐT cũng như quá trình đào tạo.

2.2.6. Công tác quản lý SV và phục vụ cộng đồng

Khoa CT&TLGD luôn quan tâm đến xây dựng môi trường học tập thân thiện để SV chủ động học tập và rèn luyện. Khoa có các bộ phận trợ lý, cố vấn học tập, cùng với Liên Chi đoàn, Liên Chi hội sinh viên luôn đồng hành và hỗ trợ các học viên, SV trong suốt quá trình học tập và rèn luyện. Sinh viên được bồi dưỡng về phẩm chất đạo đức, kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp cũng như các kỹ năng sống khác. SV được Nhà trường hỗ trợ chỗ ở, hỗ trợ thông tin về địa chỉ việc làm, thực tập, thực tế và các tư vấn khác nếu có nhu cầu. Ngoài ra, SV có cơ hội nhận học bổng của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, nhận hỗ trợ của Khoa nếu gặp hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

Với môi trường giáo dục, đào tạo có tương tác, kết hợp nghiên cứu khoa học, SV Khoa CT&TLGD được phát huy tối đa tính sáng tạo, hiểu biết và kỹ năng của mình trong quá trình đào tạo để đạt được những thành công sau tốt nghiệp. Bên cạnh đó, Khoa thường xuyên trao đổi với các nhà tuyển dụng nhằm điều chỉnh CTĐT phù hợp với thực tiễn xã hội. Sau tốt nghiệp, học viên và SV của Khoa có thể làm việc tốt ở các vị trí của mình

2.2.7. Cơ sở vật chất

Khoa được trang bị đầy đủ cơ sở vật chất như: văn phòng khoa, máy vi tính, máy in, mạng internet... để phục vụ tốt cho công tác của Khoa. Khoa có đầy đủ cơ sở vật chất phục vụ đào tạo như phòng học, giảng đường, các phòng thực hành và trang thiết bị phục vụ thực hành, thư viện, giáo trình, sách, tài liệu tham khảo để thực hiện hoạt động dạy học và giáo dục và công tác NCKH.

PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHÍ, TIÊU CHUẨN

Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và CĐR của CTĐT

Mở đầu: CTĐT trình độ đại học ngành CTXH của Trường ĐHTT được ban hành vào năm 2017, giai đoạn 2020 - 2024 được bổ sung, chỉnh sửa, cập nhật vào các năm 2020, 2022 và 2024. Mục tiêu và CĐR được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi của Nhà trường, phù hợp với mục tiêu của GDĐH được quy định tại Luật Giáo dục đại học; đảm bảo được yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, thái độ, trách nhiệm nghề nghiệp mà người học đạt được sau khi hoàn thành CTĐT. Việc rà soát, bổ sung, điều chỉnh mục tiêu và CĐR được thực hiện định kì có xin ý kiến phản hồi của các bên liên quan và được công bố công khai.

Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của CSGD đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.

1. Mô tả

Mục tiêu CTĐT ngành CTXH của Trường ĐHTT được xác định rõ ràng ngay từ khi mở mã ngành năm 2017 là "Đào tạo các cử nhân Công tác xã hội có phẩm chất chính trị đạo đức nghề nghiệp, có ý thức phục vụ nhân dân, có sức khỏe, có tinh thần say mê yêu nghề, nắm vững kiến thức chuyên môn và kỹ năng thực hành về nghề CTXH, có khả năng phát hiện, giải quyết những vấn đề trong mối quan hệ xã hội và nâng cao năng lực con người" [H01.1.001]. Giai đoạn từ năm 2020 - 2024 mục tiêu CTĐT ngành CTXH được rà soát, chỉnh sửa định kì hai năm một lần [H01.1.002]. Để đảm phù hợp với Sứ mạng, Tầm nhìn của CSGD đại học mục tiêu chương trình ngành CTXH được xác định rõ ràng qua các đợt rà soát, chỉnh sửa định kì năm 2020, 2022, 2024: chỉ rõ mục tiêu cụ thể về kiến thức, kỹ năng và phẩm chất cần đạt ở người học sau khi học xong chương trình [H01.1.003], [H01.1.004], [H01.1.005]. Năm 2024, thực hiện Kế hoạch số 08/KH-ĐHTTr, ngày 12/01/2024 của Trường ĐHTT về Rà soát, đánh giá và cải tiến mục tiêu, CĐR, CTĐT và đề cương học phần năm 2024, Khoa CT&TLGD đã tiến hành điều chỉnh mục tiêu của chương trình theo hướng phát triển năng lực thích ứng với môi trường làm việc năng động, hiện đại. Trong quá trình thực hiện, Khoa đã lấy ý kiến của các bên liên quan bằng hình thức: Khảo sát online, khảo sát trực tiếp và phỏng vấn. Kết quả các ý kiến các bên liên quan nhất trí cao với mục tiêu chương trình cần phải có kiến thức chuyên sâu; có thái độ làm việc tích cực, thích ứng với môi trường làm

việc năng động và hiện đại. Để đáp ứng yêu cầu trên, mục tiêu của CTĐT đã được chỉnh sửa như sau [H01.1.005].

- Mục tiêu chung:

Đào tạo cử nhân CTXH có phẩm chất chính trị, đạo đức, sức khỏe; có kiến thức chuyên môn và kỹ năng thực hành nghề CTXH, thích ứng với môi trường làm việc năng động, hiện đại.

- Mục tiêu cụ thể:

MT1: Có kiến thức về lý luận chính trị, quốc phòng, an ninh, giáo dục thể chất; kiến thức khoa học xã hội, ngoại ngữ và CNTT.

MT2: Có kiến thức cơ bản, chuyên sâu nhằm phát hiện và giải quyết các vấn đề của cá nhân, nhóm và cộng đồng.

MT3: Có kỹ năng đánh giá, sử dụng các biện pháp hỗ trợ cá nhân, nhóm và cộng đồng; Thiết kế và triển khai chương trình dự án phát triển xã hội và tham mưu, tư vấn các chính sách theo hướng đảm bảo lợi ích cho các đối tượng cần trợ giúp.

MT4: Có kỹ năng mềm và phương pháp làm việc linh hoạt trong hoạt động nghề CTXH.

MT5: Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp; có tinh thần khởi nghiệp và phong cách làm việc năng động, sáng tạo.

Trong giai đoạn từ 2020 đến 2024, Trường ĐHTT đã 2 lần rà soát Sứ mạng, Tầm nhìn của Trường. Lần thứ nhất, thực hiện rà soát theo Quyết định Số 225/QĐ-ĐHTT, ngày 10/3/2020 của Trường ĐHTT về việc ban hành Quy trình rà soát và điều chỉnh Sứ mạng, Tầm nhìn, Giá trị cốt lõi [H01.1.006]. Lần thứ hai, năm 2023, sau khi Trường rà soát Chiến lược phát triển Trường ĐHTT giai đoạn 2018 - 2025 định hướng đến 2030, một lần nữa Trường đã khẳng định Sứ mạng “*Trường Đại học Tân Trào là cơ sở đào tạo, NCKH, HTQT và cung cấp các sản phẩm, dịch vụ nâng cao chất lượng cuộc sống và xây dựng đất nước*” và Tầm nhìn của Nhà trường là “*Trường Đại học Tân Trào sẽ trở thành một trung tâm phát triển bền vững, làm biến đổi cuộc sống và phục vụ cộng đồng*” được sử dụng cho đến hiện nay [H01.1.007], [H01.1.008], [H01.1.009].

Trong quá trình rà soát, điều chỉnh CTĐT ngành CTXH, Khoa Tâm lý giáo dục và CTXH (tháng 5/2024 đổi tên thành Khoa CT&TLGD) luôn bám sát vào các nội dung về Sứ mạng và Tầm nhìn của Nhà trường để xác định mục tiêu của CTĐT, cụ thể: 02 mục tiêu về kiến thức, 02 mục tiêu về kỹ năng, 01 mục tiêu về thái độ, năng lực tự chủ

đều đề cập đến việc đào tạo theo định hướng triển năng lực thích ứng với môi trường làm việc năng động, hiện đại cho người học, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động. Mục tiêu của CTĐT không chỉ chú trọng về kiến thức cơ bản, chuyên sâu mà còn chú trọng các kỹ năng, phương pháp làm việc linh hoạt trong hoạt động nghề CTXH đồng thời có tinh thần khởi nghiệp và phong cách làm việc năng động, sáng tạo nhằm đáp ứng Sứ mạng “*Trường Đại học Tân Trào là cơ sở đào tạo, NCKH, HTQT và cung cấp các sản phẩm, dịch vụ nâng cao chất lượng cuộc sống và xây dựng đất nước*” và Tầm nhìn của Nhà trường là “*Trường Đại học Tân Trào sẽ trở thành một trung tâm phát triển bền vững, làm biến đổi cuộc sống và phục vụ cộng đồng*” [H01.1.010]. Việc rà soát, điều chỉnh mục tiêu của CTĐT được Hội đồng KH&ĐT Trường thẩm định và nhận xét: “mục tiêu của CTĐT ngành CTXH đã phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường” [H01.1.010].

Mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học số 08/2012/QH13 ban hành ngày 18/06/2012 tại Mục b Khoản 1 Điều 5: “Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo; có sức khỏe; có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc; có ý thức phục vụ nhân dân” [H01.1.011]. Mục tiêu của CTĐT ngành CTXH là đào cử nhân CTXH có phẩm chất chính trị, đạo đức, sức khỏe; có kiến thức chuyên môn và kỹ năng thực hành nghề CTXH, thích ứng với môi trường làm việc năng động, hiện đại. Qua đối chiếu, các nội dung mục tiêu của CTĐT hoàn toàn phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học được quy định tại Luật Giáo dục đại học [H01.1.012]. Mục tiêu của CTĐT được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Trường [H01.1.013].

2. Điểm mạnh

Mục tiêu của CTĐT ngành CTXH được xác định rõ ràng, phù hợp với Sứ mạng, Tầm nhìn của Trường và mục tiêu của GD đại học.

3. Điểm tồn tại

Hình thức lấy ý kiến của các bên liên quan về mục tiêu của CTĐT chưa đa dạng.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2025-2026, Khoa CT&TLGD thực hiện khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về CTĐT với các hình thức đa dạng.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt 5/7.

Tiêu chí 1.2.CĐR của CTĐT được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT.

1. Mô tả

CĐR của CTĐT ngành CTXH trình độ đại học được ban hành vào năm 2017 và được cập nhật, điều chỉnh định kì vào các năm 2020, 2022 và 2024. Để chỉnh sửa CĐR, Khoa đã thực hiện lấy ý kiến của các bên liên quan [H01.2.001], [H01.2.002], [H01.2.003], [H01.2.004]. Năm 2024, CĐR của CTĐT được ban hành với 12 chuẩn, trong đó có 4 chuẩn (CĐR 1 đến CĐR 4) về kiến thức chung, kiến thức khoa học xã hội, tin học, ngoại ngữ, kiến thức chuyên ngành gắn với đào tạo cử nhân CTXH; 02 chuẩn (CĐR 5 đến CĐR 6) về kỹ năng cứng lựa chọn biện pháp, thiết kế và triển khai dự án và phân tích các chính sách để tư vấn đảm bảo lợi ích cho các đối tượng cần trợ giúp; 04 chuẩn (CĐR 7 đến CĐR 10) về kỹ năng mềm là giải quyết linh hoạt các tình huống, xây dựng kế hoạch phát triển bản thân và vận dụng kỹ năng giao tiếp; tin học, ngoại ngữ trong các hoạt động chuyên môn; 02 chuẩn (CĐR 11, CĐR 12) về năng lực tự chủ, khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm và tự chịu trách nhiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ [H01.2.005]. CTĐT ngành CTXH được Hội đồng KH&ĐT nhận xét: "CĐR của CTĐT ngành CTXH đã được xác định cụ thể, bám sát các yêu cầu về CĐR của một CTĐT trình độ đại học trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam mà người tốt nghiệp khóa đào tạo cần đạt được và phù hợp với mục tiêu của CTĐT" [H01.2.006].

CĐR của CTĐT ngành CTXH năm 2024 đã xác định rõ ràng về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm đối với người học, cụ thể:

Về kiến thức: Vận dụng những kiến thức về lý luận chính trị, quốc phòng - an ninh, giáo dục thể chất để thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Vận dụng kiến thức về khoa học xã hội, CNTT, ngoại ngữ để thực hiện các hoạt động về CTXH. Vận dụng được kiến thức chuyên ngành để hỗ trợ cá nhân, nhóm, cộng đồng. Đánh giá các vấn đề về CTXH cá nhân, nhóm và cộng đồng.

Về kỹ năng CĐR chỉ rõ kỹ năng cứng và kỹ năng mềm cần đạt được ở người học. Kỹ năng cứng: Lựa chọn các biện pháp hỗ trợ cá nhân, nhóm và cộng đồng; thiết kế và triển khai chương trình dự án phát triển xã hội. Phân tích các chính sách để tư vấn đảm bảo lợi ích cho các đối tượng cần trợ giúp. Kỹ năng mềm: Giải quyết linh hoạt các tình huống trong quá trình thực hành nghề CTXH; Xây dựng kế hoạch phát triển bản thân phù hợp với môi trường năng động, sáng tạo; Áp dụng các kỹ năng giao tiếp có hiệu quả

trong thực hành CTXH cá nhân, nhóm và phát triển cộng đồng; Sử dụng tin học và ngoại ngữ trong các hoạt động chuyên môn thông thường; đạt tối thiểu trình độ CNTT cơ bản được quy định tại Thông tư 03/2014/TT-BTTTT, trình độ tiếng Anh bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam (hoặc tương đương).

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Tổ chức làm việc độc lập, làm việc nhóm trong môi trường hiện đại; có trách nhiệm đối với các vấn đề cần giải quyết; Lập kế hoạch quản lý các nguồn lực, chủ động khởi nghiệp và phát triển các hoạt động xã hội.

Về triển vọng việc làm trong tương lai: Làm nhân viên chuyên trách trong các cơ quan thuộc ngành lao động - thương binh và xã hội, Ủy ban nhân dân xã; trung tâm giáo dục cộng đồng. Làm chuyên viên tư vấn và tổ chức thực hiện các hoạt động xã hội cho các tổ chức chính trị - xã hội (Hội Phụ nữ; Hội Người cao tuổi; Hội Cựu chiến binh; Hội Nông dân,...) và các cơ quan truyền thông (báo chí, đài phát thanh, truyền hình). Làm nhân viên xã hội, tư vấn trong các cơ sở y tế và giáo dục. Giảng dạy ở các cơ sở nghiên cứu, đào tạo về CTXH (Trường Cao đẳng, có thể giảng dạy tại các trường đại học khi đủ điều kiện), và làm nghiên cứu viên trong các Trung tâm, Viện nghiên cứu; Làm nhân viên phát triển dự án trong các tổ chức phi chính phủ trong nước và quốc tế (về các hoạt động xã hội, phát triển cộng đồng, an sinh xã hội, vv...)[H01.2.005].

2. Điểm mạnh

CĐR của CTĐT ngành CTXH đã xác định rõ ràng mức độ đạt được về kiến thức, kỹ năng, thái độ, năng lực tự chủ và trách nhiệm mà người học cần đạt được.

3. Điểm tồn tại

CĐR cần thể hiện rõ hơn kiến thức NCKH trong hoạt động nghề nghiệp.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2026 Khoa/Bộ môn thực hiện điều chỉnh CĐR xác định rõ hơn kiến thức NCKH trong hoạt động nghề nghiệp.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt 5/7.

Tiêu chí 1.3. CĐR của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.

1. Mô tả

Năm 2016, Trường ĐHTT giao nhiệm vụ thực hiện xây dựng đề án mở ngành CTXH trình độ đại học, trong đó có nội dung xây dựng CĐR [H01.3.001]. Để NH đáp ứng được yêu cầu thị trường lao động, trong quá trình xây dựng CĐR ngành CTXH,

tổ soạn thảo đã xin ý kiến các bên liên quan, thu thập thông tin từ các văn bản, chính sách và tham khảo các tiêu chuẩn đào tạo của một số trường Đại học có cùng ngành để xây dựng dự thảo CĐR ngành CTXH. Từ kết quả khảo sát phân tích, đánh giá nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực trình độ Đại học ngành CTXH, CĐR đã được xác định trong dự thảo gồm: kiến thức, kỹ năng, thái độ, vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp và khả năng học tập nâng cao trình độ [H01.3.002]. Trong biên bản thẩm định đề án mở ngành đào tạo CTXH, Hội đồng thẩm định đã nhận xét cần bổ sung một số yêu cầu tăng cường kiến thức thực hành, kỹ năng và năng lực nghề nghiệp cho sinh viên ngành CTXH [H01.3.003]. Căn cứ vào những đề xuất của Hội đồng thẩm định, Tổ soạn thảo đã lựa chọn những nội dung phù hợp để hoàn thiện CĐR đáp ứng yêu cầu thị trường lao động [H01.3.004], [H01.3.005].

Trong giai đoạn 2020 - 2024, CĐR ngành CTXH đã được rà soát, điều chỉnh theo kế hoạch vào các năm 2020, 2022, 2024 [H01.3.006]. Trong mỗi đợt rà soát, điều chỉnh, Nhà trường ra quyết định thành lập Ban chỉ đạo điều chỉnh CĐR và CTĐT, xây dựng kế hoạch rà soát, chỉnh sửa, thành lập Tổ soạn thảo [H01.3.007]. Căn cứ vào kế hoạch của Nhà trường, Tổ soạn thảo tiến hành xây dựng kế hoạch và tổ chức xin ý kiến các bên liên quan [H01.3.006], [H01.3.008]. Trong lần rà soát điều chỉnh CĐR của CTĐT ngành CTXH năm 2024, đã tiến hành khảo sát 100 người, trong đó xin ý kiến nhà tuyển dụng, nhà quản lý 10 người; nhà khoa học 10 người, giảng viên 40 người; sinh viên và cựu sinh viên 20 người. Như vậy với tổng số đối tượng khảo sát đã tương đối đảm bảo về số lượng làm căn cứ để điều chỉnh CĐR của CTĐT, tuy nhiên về số lượng khảo sát đối với nhà tuyển dụng còn hạn chế [H01.3.009]. Trên cơ sở đó Tổ soạn thảo, tiến hành chỉnh sửa, bổ sung, cập nhật những nội dung mới của CĐR, trình Hội đồng Khoa học và Đào tạo thông qua và được Hiệu trưởng trường ĐHTT ký quyết định ban hành [H01.3.010]. CĐR của ngành CTXH qua các năm có sự điều chỉnh, bổ sung và cập nhật những nội dung mới. Cụ thể: Năm 2020, CĐR của ngành CTXH đã được điều chỉnh cụ thể theo hướng sử dụng thang đánh giá năng lực, giúp NH dễ dàng tiếp cận, hiểu được những yêu cầu của ngành và mức độ đạt được. Đến năm 2022, một số CĐR được điều chỉnh mức độ đạt được để phù hợp với nhu cầu của xã hội, đồng thời bổ sung thêm một số nội dung như gắn với việc đào tạo với PVCD, dẫn dắt khởi nghiệp cho NH. Đến năm 2024 CĐR được thay đổi nhằm thích ứng với cuộc cách mạng công nghệ 4.0 [H01.2.011].

CĐR của CTĐT ngành CTXH sau khi ban hành được công bố công khai trên website của Trường ĐHTT đến GV, NH, các bên liên quan. Ngoài ra CĐR của ngành CTXH còn được phổ biến đến GV thông qua cuộc họp Khoa; qua địa chỉ email, hồ sơ về CTĐT và CĐR được lưu tại Khoa. CĐR của CTĐT được giới thiệu đến NH trong tuần sinh hoạt công dân đầu khóa học cũng như trong các buổi họp lớp cùng CVHT. Ngoài ra, NH và các bên liên quan khác còn có thể tiếp cận CĐR của CTĐT ngành CTXH thông qua trong buổi truyền thông, tư vấn tuyển sinh [H01.3.011].

2. Điểm mạnh

CĐR của CTĐT ngành CTXH được công bố công khai với NH và các bên liên quan với nhiều hình thức khác nhau.

3. Điểm tồn tại

Lấy ý kiến các bên liên quan thông qua hình thức phỏng vấn về chỉnh sửa CĐR của CTĐT còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2026, thực hiện chỉnh sửa CĐR của CTĐT, Khoa tăng cường lấy ý kiến của các bên liên quan bằng hình thức phỏng vấn.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7.

Kết luận về tiêu chuẩn 1

Mục tiêu của CTĐT ngành CTXH được xác định rõ ràng, phù hợp với Sứ mạng và Tầm nhìn trong chiến lược phát triển của Trường ĐHTT giai đoạn 2018-2025, định hướng đến năm 2030; phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học. Mục tiêu được cụ thể hóa thành các nhiệm vụ, kế hoạch đào tạo theo từng học kì và năm học của mỗi khóa đào tạo. CĐR đã bao quát được các yêu cầu chung và các yêu cầu cụ thể về kiến thức, kĩ năng, mức tự chủ và trách nhiệm, tạo điều kiện cho NH phát triển kiến thức chuyên môn, kĩ năng nghề nghiệp và năng lực của cá nhân. CĐR phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan đặc biệt nhà sử dụng lao động, được định kỳ rà soát, điều chỉnh 2 năm/lần và công bố công khai với NH.

Căn cứ vào nội dung tự đánh giá, tiêu chuẩn 01 có 3/3 tiêu chí đạt 5/7.

Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Mở đầu:

Bản mô tả CTĐT ngành CTXH được xây dựng trên cơ sở chương trình khung do Trường ĐHTT ban hành, phù hợp với mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ của Nhà trường, của Khoa. Bản mô tả CTĐT ngành CTXH gắn với nhu cầu của xã hội, của người học và được công bố công khai. Bản mô tả CTĐT ngành CTXH cung cấp đầy đủ các thông tin về CTĐT, đề cương các học phần, cung cấp đầy đủ các thông tin theo quy định. Tất cả các Bản mô tả và đề cương học phần trong CTĐT ngành CTXH ở các giai đoạn được rà soát, bổ sung, điều chỉnh, cập nhật theo kế hoạch của Nhà trường và được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau để các bên liên quan đều có thể tiếp cận được.

Tiêu chí 2.1. Bản mô tả CTĐT đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả

Năm 2020 trở về trước, bản mô tả CTĐT ngành CTXH được thể hiện trong bản CTĐT và Đề án tuyển sinh [H02.1.001]. Giai đoạn năm 2020; 2022; 2024 tiếp tục thực hiện rà soát chỉnh sửa CTĐT hai năm một lần [H02.1.002], Nhà trường ban hành mẫu Bản mô tả CTĐT, dựa trên cơ sở đó Khoa đã xây dựng Bản mô tả CTĐT ngành CTXH và được Nhà trường ra quyết định phê duyệt. Bản mô tả CTĐT ngành CTXH được thể hiện đầy đủ các thông tin, nội dung: tên chương trình, trình độ đào tạo, ngành đào tạo, mã số, loại hình đào tạo, mục tiêu và CDR về kiến thức, kỹ năng, thái độ, vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp và khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường, về thời gian đào tạo, chuẩn đầu vào, quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp, điều kiện giảng dạy, cơ sở vật chất, khối lượng kiến thức toàn khóa học, phân bổ học phần cho từng kỳ. Thể hiện rõ bản đồ chương trình dạy học, mô tả nội dung các học phần, phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá, so sánh CTĐT với đợt rà soát trước đó và so sánh CTĐT với các trường khác [H02.1.003].

Trong giai đoạn 2020; 2022; 2024, căn cứ vào kế hoạch của Nhà trường [H02.1.004], [H02.1.005], [H02.1.006], tổ soạn thảo tiến hành xây dựng bản mô tả theo mẫu hướng dẫn trên các căn cứ văn bản như khung CTĐT, Đề án tuyển sinh, các quy chế đào tạo. Tổ soạn thảo tiến hành thu thập thông tin, MC liên quan đến sự cần thiết phải cập nhật CTĐT, xin ý kiến các bên liên quan gồm: Giảng viên, sinh viên, cựu sinh viên, các nhà tuyển dụng lao động, nhà quản lý, nhà khoa học; đối sánh CTĐT phiên

bản các năm; đối sánh với CTĐT cùng ngành của các Trường Đại học. Từ đó, tiến hành chỉnh sửa, bổ sung, cập nhật những nội dung mới của CTĐT [H02.1.007], [H02.1.008], [H02.1.09]. Trình Hội đồng Khoa học và Đào tạo thông qua và được Hiệu trưởng Trường ĐHTT ký quyết định ban hành [H02.1.010], [H02.1.011]. Qua mỗi lần rà soát, điều chỉnh, các thông tin về CTĐT được cập nhật những nội dung mới như: năm 2022 có thay đổi tổng số tín chỉ trong CTĐT, xây dựng nội dung, phương pháp đánh giá đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan, phù hợp CDR CTĐT [H02.1.012]. Bản mô tả CTĐT ngành CTXH năm 2024, đã tổng hợp được đầy đủ thông tin của CTĐT, cập nhật thêm các nội dung chi tiết hơn như: Chuẩn đầu ra của CTĐT, nâng cao kỹ năng phát triển bản thân phù hợp với môi trường năng động, sáng tạo đáp ứng nhu cầu xã hội [H02.1.013]. Tuy nhiên bản mô tả CTĐT ngành CTXH năm 2024 mới được ban hành đưa vào sử dụng cho khóa tuyển sinh năm 2024 nên chưa được kiểm nghiệm qua thực tiễn để đánh giá cả quá trình.

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT ngành CTXH có đầy đủ các thông tin, được rà soát chỉnh sửa bổ sung định kỳ, cập nhật các vấn đề mới nhất qua ý kiến các bên liên quan.

3. Điểm tồn tại

Bản mô tả CTĐT mới được đưa vào thực hiện từ năm học 2024 -2025 chưa được kiểm nghiệm qua thực tiễn để đánh giá cả quá trình.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2025-2026, Khoa xây dựng kế hoạch lấy ý kiến các bên liên quan đối với bản mô tả CTĐT và tiếp tục cập nhật các vấn đề trong quá trình thực hiện.

5. Tự đánh giá: tiêu chí đạt mức 5/7

Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả

Tất cả đề cương chi tiết các học phần trong CTĐT ngành CTXH được xây dựng và điều chỉnh, bổ sung qua các năm 2020, 2022, 2024, 100% đề cương CTHP đều có đầy đủ các thông tin về tên đơn vị Trường - Khoa phụ trách, tên học phần, thông tin về GV (Họ tên/học hàm, học vị/ số điện thoại/email), thông tin về học phần (tên học phần, mã học phần, số tín chỉ, loại học phần, giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập, bộ môn phụ trách học phần), mục tiêu của học phần, CDR của học phần (kiến thức, kỹ năng, thái độ, năng lực tự chủ), ma trận kiến thức học phần với CDR, tóm tắt nội dung học phần,

nội dung chi tiết HP, tài liệu học tập (giáo trình bắt buộc, tài liệu tham khảo), kế hoạch giảng dạy cụ thể, yêu cầu của GV đối với học phần, phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá học phần đều được thể hiện ở các giai đoạn [H02.2.001].

Đề cương CTHP của ngành CTXH được định kì rà soát, cập nhật, chỉnh sửa 2 năm/lần theo kế hoạch của Nhà trường [H02.2.002]. Trên cơ sở đó Tổ soạn thảo được ban hành [H02.2.003], Tổ soạn thảo xây dựng kế hoạch xin ý kiến các bên liên quan [H02.2.004] bao gồm: GV, NH, các nhà tuyển dụng lao động, nhà quản lý, nhà khoa học. Tiếp nhận các ý kiến của các bên liên quan, từ đó tiến hành họp chỉnh sửa, bổ sung, cập nhật những nội dung mới; lựa chọn giáo trình, tài liệu giảng dạy phù hợp ĐCCT học phần. Chỉnh sửa các nội dung nhằm đáp ứng CĐR của CTĐT ngành CTXH [H02.2.005], [H02.2.006]. Sau khi rà soát, chỉnh sửa, hoàn thiện trình Hội đồng nghiệm thu [H02.2.007], [H02.2.008] và trình Hiệu trưởng Trường ĐHTT ký quyết định ban hành [H02.2.009]. Đề cương sau khi ban hành đưa vào thực hiện, được công bố công khai trên website của Nhà trường [H02.2.010]. Qua mỗi đợt rà soát, chỉnh sửa đề cương chi tiết các học phần được cập nhật, chỉnh sửa phù hợp với sự điều chỉnh của CĐR và CTĐT và có sự thay đổi tích cực qua mỗi lần rà soát: Năm 2020, đề cương CTHP được thiết kế theo hướng tiếp cận năng lực, các nội dung thông tin học phần được đổi mới đáp ứng CĐR đã công bố và phù hợp với nhu cầu xã hội, đổi mới cách thức kiểm tra, đánh giá học phần hướng tới năng lực của người học, có thay đổi số giờ tín chỉ theo quy định, của tương ứng với 01 tín chỉ (50 giờ) bao gồm cả giờ học tập và giờ tự học, các học phần được điều chỉnh tăng số giờ thực hành [H02.2.011]. Năm 2022, ĐCCT học phần được xây dựng ma trận CĐR phù hợp với năng lực của người học và nhu cầu xã hội, nội dung ĐCCT học phần tuân thủ chặt chẽ các CĐR học phần và CTĐT, nội dung học phần logic, tránh trùng lặp nội dung, các học phần chú trọng vào cả 3 mục tiêu đào tạo: kiến thức, kỹ năng, thái độ tùy thuộc vào vị trí môn học trong khung CTĐT, chú trọng phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học [H02.2.012]. Năm 2024, ĐCCT học phần thể hiện cụ thể các nội dung “Mức đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT” cũng như mục tiêu của học phần (mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể), từng nội dung chi tiết học phần đều được xác định theo khung năng lực đáp ứng CĐR của học phần và từng nội dung học tập được áp dụng các phương pháp dạy học phù hợp, tương ứng hình thức kiểm tra đánh giá học phần. Các đề cương học phần đáp ứng theo khung đánh giá năng lực, đặc biệt các đề cương thuộc khối kiến thức chuyên ngành đều

tập trung ở mức (phân tích, vận dụng, đánh giá, tổng hợp, sáng tạo) đáp ứng CDR của CTĐT [H02.2.013]. Mặc dù tiếp nhận được nhiều ý kiến đóng góp của các bên liên quan nhưng đề cương CTHP năm 2024 mới được ban hành đưa vào sử dụng cho khóa tuyển sinh năm 2024, chưa đánh giá được kết quả của người học ở các học phần, nhất là học phần thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên ngành.

2. Điểm mạnh

100% đề cương chi tiết học phần ở các phiên bản đều có đầy đủ các thông tin. Được định kỳ rà soát theo kế hoạch của Nhà trường, các lần rà soát đều được cập nhật, điều chỉnh qua việc lấy ý kiến các bên liên quan và đáp ứng nhu cầu xã hội.

3. Điểm tồn tại

Đề cương CTHP đợt rà soát năm 2024 mới được ban hành đưa vào sử dụng, chưa đánh giá được kết quả của NH, nhất là các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên ngành.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2025-2026, Khoa tiến hành đánh giá kết quả của NHN ở các học phần và lấy ý kiến của NH qua việc thực hiện để cập nhật thông tin mới nhất, chuẩn bị tốt cho đợt rà soát vào năm 2026.

5. Tự đánh giá: tiêu chí đạt 5/7.

Tiêu chí 2.3. Bản mô tả CTĐT và đề cương học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

1. Mô tả

Bản mô tả CTĐT ngành CTXH ở các giai đoạn năm 2020; 2022; 2024 [H02.3.001] sau khi có Quyết định ban hành [H02.3.002], được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau: Được công bố trên website của Nhà trường để NH, GV và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận [H02.3.003], còn được thể hiện trong đề án tuyển sinh [H02.3.004], được công bố trực tiếp thông qua Tuần sinh hoạt giáo dục công dân ngay từ đầu khóa học cho tất cả SV khóa mới [H02.3.005], còn được lưu giữ tại Khoa để giảng viên và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận, được phổ biến tới NH qua đội ngũ Cố vấn học tập triển khai trên lớp qua buổi sinh hoạt đầu năm học [H02.3.006]. Bản mô tả CTĐT ngành CTXH còn được trao đổi trực tiếp với nhà quản lý qua các đợt SV thực tập tại cơ sở [H02.3.007]; Nhà quản lý, nhà tuyển dụng và các bên liên quan cũng được

biết đến bản mô tả CTĐT thông qua các phiên giao dịch việc làm, ngày hội tư vấn hướng nghiệp- tuyển sinh- việc làm [H02.3.008], [H02.3.009], [H02.3.010].

Đề cương chi tiết các học phần của ngành CTXH cũng được triển khai rộng rãi bằng nhiều hình thức khác nhau: Đề cương CTHP năm 2020; 2022; 2024 được Nhà trường ra Quyết định ban hành [H02.3.011] và được công bố công khai trên website của Trường [H02.3.012]. Vào đầu các kì học, trước khi giảng dạy học phần, GV dành một phần thời gian của tiết đầu tiên để thực hiện cung cấp đề cương CTHP, giới thiệu học liệu cho người học qua hình thức trực tiếp ngoài ra qua cổng thông tin học tập trực tuyến E-learning, qua Cố vấn học tập triển khai tại lớp [H02.3.013], [H02.3.014], Đề cương các học phần cũng được lưu trữ tại Văn phòng Khoa và Phòng Đào tạo của Trường để các đối tượng có liên quan cần sử dụng đều dễ dàng tiếp cận [H02.3.015]. Đề cương chi tiết các học phần được công khai tới các cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị tuyển dụng thông qua các đợt thực tập, thực tế của sinh viên tại cơ sở; các buổi hội nghị về tư vấn việc làm và kết nối doanh nghiệp của Nhà trường [H02.3.016], [H02.3.017].

Việc công bố Bản mô tả CTĐT ngành CTXH được công bố công khai bằng nhiều hình thức đã giúp cho các đối tượng liên quan (cơ quan quản lý, người sử dụng lao động, GV, NH và NH sau khi ra trường) dễ dàng tiếp cận: Công bố công khai qua quyết định bản in, bản mềm trên website của Trường ĐHTT để các bên liên quan tiếp cận một cách dễ dàng và thuận tiện [H02.3.018]. Ngoài ra, tại Tuần sinh hoạt giáo dục công dân đầu khóa, hội chợ việc làm, tư vấn tuyển sinh; qua các đợt thực tập, thực tế tại các cơ quan, doanh nghiệp đều có điều kiện để các bên liên quan được tiếp cận trực tiếp với bản mô tả CTĐT [H02.3.019], [H02.3.020], [H02.3.021], [H02.3.022], [H02.3.023]. Tuy nhiên, trong quá trình phổ biến các hình thức tìm kiếm Bản mô tả CTĐT tới đơn vị sử dụng lao động còn chưa được thường xuyên.

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT và đề cương CTHP được công bố công khai với nhiều hình thức giúp các bên liên quan dễ tiếp cận.

3. Điểm tồn tại

Quá trình phổ biến các hình thức tìm kiếm Bản mô tả CTĐT tới đơn vị sử dụng lao động còn chưa được thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2025-2026, Khoa CT&TLGD có kế hoạch triển khai phổ biến hình thức tìm kiếm Bản mô tả CTĐT tới đơn vị sử dụng lao động.

5. Tự đánh giá: tiêu chí đạt mức 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 2

Bản mô tả CTĐT và đề cương CTHP có đầy đủ thông tin và được định kỳ bổ sung, điều chỉnh, cập nhật 2 năm/lần. Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau, trên nhiều kênh thông tin giúp người học và các bên liên quan tiếp cận dễ dàng. Việc công bố công khai bản mô tả CTĐT và đề cương CTHP ngành CTXH cũng chính là bản cam kết giữa Nhà trường với NH và các bên liên quan về chất lượng giáo dục. Tuy nhiên, qua quá trình thực hiện vẫn còn một số ít ý kiến phản ánh của các bên liên quan về việc tiếp cận bản mô tả CTĐT và đề cương CTHP chưa thường xuyên, hơn nữa bản rà soát năm 2024 mới được ban hành đưa vào sử dụng nên chưa được kiểm nghiệm nhiều qua thực tiễn, đây là điểm hạn chế sẽ được Khoa ưu tiên thực hiện kế hoạch hành động ngay trong năm học 2025 - 2026.

Căn cứ vào nội dung tự đánh giá, tiêu chuẩn 02 có 3/3 tiêu chí đạt mức 5/7.

Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Mở đầu: CTDH trình độ đại học ngành CTXH đã xác định mục tiêu; có cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách logic có hệ thống; đáp ứng các yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng, thái độ, nguồn nhân lực chất lượng cho thực tế và khả năng học tập nâng cao trình độ. Nội dung CTDH của ngành CTXH được cập nhật, thiết kế đảm bảo sự liên thông đáp ứng nhu cầu chuyển đổi của người học. Khung CTDH bao gồm các khối kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành được thiết kế có tính tích hợp, liên thông. Mỗi học phần đều có vai trò nhất định trong việc đạt CĐR.

Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên CĐR

1. Mô tả

CTDH được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng, thái độ, năng lực tự chủ, chịu trách nhiệm, bao gồm 1 mục tiêu chung, 5 mục tiêu cụ thể, CĐR của ngành và CĐR của mỗi học phần. CĐR và CTDH ngành CTXH đã được rà soát, chỉnh sửa, bổ sung trên cơ sở khảo sát ý kiến của các bên liên quan vào các năm 2020, 2022 và 2024 [H03.1.001], [H03.1.002], [H03.1.003], [H03.1.004]: CTDH năm 2020 được thiết kế dựa trên 12 CĐR, gồm CĐR về kiến thức (từ chuẩn 1 đến chuẩn 4), CĐR về kỹ năng cứng (chuẩn 5,6), CĐR về kỹ năng mềm (từ chuẩn 7 đến chuẩn 10),

CĐR về năng lực tự chủ và trách nhiệm (chuẩn 11,12) [H03.1.005]. Căn cứ vào CĐR Hội đồng rà soát CTDH đã được thành lập [H03.1.006] để thiết kế CTDH đảm bảo đáp ứng yêu cầu về kiến thức, kĩ năng, năng lực tự chủ, chịu trách nhiệm với 134 tín chỉ, 83 học phần. Trong đó, có 114 tín chỉ bắt buộc (chiếm 85.07%) và 20 tín chỉ tự chọn (chiếm 14,93%). Với 134 tín chỉ, các học phần trong CTDH ngành CTXH được kết cấu thành các khối kiến thức giáo dục đại cương giúp người học đạt được CĐR 1, CĐR2, CĐR7, CĐR9, CĐR10, CĐR11 [H03.1.007], kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (bao gồm kiến thức cơ sở ngành và kiến thức ngành và kiến thức chuyên ngành, thực tập và khóa luận tốt nghiệp) giúp người học đạt được CĐR 3, CĐR4, CĐR 5, CĐR6, CĐR7, CĐR 8, CĐR 9, CĐR 10, CĐR11, CĐR 12. Để đảm bảo CĐR cho người học thông qua các khung năng lực cần đạt, CTDH đã bố trí các học phần theo từng kì [H03.1.008], có tiến trình giảng dạy cụ thể của GV [H03.1.009] và CĐR NH cần đạt được sau mỗi học phần [H03.1.010], [H03.1.004]. CTDH năm 2022 được thiết kế dựa trên 12 CĐR với 130 tín chỉ, 85 học phần. Trong đó, có 111 tín chỉ bắt buộc (chiếm 85.4%) và 19 tín chỉ tự chọn (chiếm 14,6%). Với 130 tín chỉ, các học phần trong CTDH ngành CTXH gồm: Kiến thức giáo dục đại cương (Lý luận chính trị, ngoại ngữ, tin học, khoa học xã hội và nhân văn, giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng an ninh) giúp người học đạt được CĐR 1, CĐR2, CĐR9, CĐR10, CĐR11; Kiến thức chuyên nghiệp (Kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành, kiến thức chuyên ngành, thực tập và khóa luận tốt nghiệp giúp người học đạt được CĐR 3, CĐR4, CĐR 5, CĐR6, CĐR7, CĐR 8, CĐR 9, CĐR 10, CĐR11, CĐR 12 [H03.1.011]. Trong đó, đã có sự điều chỉnh, bổ sung CĐR 5: “Lựa chọn các biện pháp hỗ trợ cá nhân, nhóm và cộng đồng; thiết kế và triển khai chương trình dự án phát triển xã hội” [H03.1.009]. Các khối kiến thức tại CTDH năm 2022 được thiết kế theo tiêu chí bám sát CĐR về kiến thức, kĩ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm sinh viên cần đạt sau khi hoàn thành CTĐT [H03.1.003]. Các học phần trong CTDH ngành CTXH năm 2022 được phân bổ theo từng kì [H03.1.012], có tiến trình giảng dạy cụ thể và CĐR của mỗi học phần [H03.1.013]; Các học phần Chẩn đoán tâm lý (2TC), Chăm sóc sức khỏe tâm thần và bệnh tật (3TC), Kỹ thuật soạn thảo văn bản (2TC), Dự án CTXH (3TC) được đưa vào sử dụng thay thế cho các học phần PP nghiên cứu khoa học giáo dục (2TC), Sức khỏe cộng đồng (2TC), Tiếng Việt thực hành (2TC), Quản lý dự án CTXH (4TC) để đảm bảo phù hợp với CĐR 5 đã được điều chỉnh, bổ sung [H03.1.010], [H03.1.014]. Theo Quyết định ban hành CĐR ngành CTXH trình độ

đại học năm 2024 của Nhà trường, CTDH năm 2024 được thiết kế với 12 CĐR [H03.1.015] với 130 tín chỉ, 86 học phần, trong đó 108 tín chỉ bắt buộc (chiếm 83.1%, 22 tín chỉ tự chọn (chiếm 16.9%). Căn cứ vào CĐR, Tổ soạn thảo đã thiết kế CTDH gồm các khối kiến thức giáo dục đại cương và kiến thức giáo dục chuyên nghiệp trên tiêu chí đảm bảo CĐR theo các nhóm về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm [H03.1.016]. Trong đó, khối kiến thức giáo dục đại cương giúp người học đạt các CĐR 1, CĐR 2, CĐR 9; khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp giúp người học đạt các CĐR 2, CĐR 3, CĐR 4, CĐR 5, CĐR 6, CĐR 7, CĐR 8, CĐR 9, CĐR 10, CĐR 11, CĐR 12 [H03.1.017].

Các học phần trong CTĐT ngành CTXH đều xác định rõ tổ hợp các PP dạy và học, PP kiểm tra, đánh giá đảm bảo việc đạt được CĐR [H03.1.007], [H03.1.010], [H03.1.017]. Nội dung các học phần trong CTDH thể hiện khả năng đạt được CĐR và được lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan [H03.1.004], [H03.1.003]. PP kiểm tra đánh giá thực hiện theo Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 1838/QĐ-ĐHTT ngày 28/09/2015 được sửa đổi bổ sung vào các năm 2017, 2020 và được thể hiện trong đề cương CTHP về tiêu chí, hình thức, trọng số điểm, PP kiểm tra, đánh giá [H03.1.007], [H03.1.010], [H03.1.017]. Các PP kiểm tra, đánh giá được đề xuất sử dụng tại CTDH ngành CTXH năm 2020: Tự luận (52/83 học phần, chiếm 62.7%); thực hành (21 học phần, chiếm 25.3%); trắc nghiệm (04 học phần, chiếm 4.8%); vấn đáp (03 học phần, chiếm 3.6%); Báo cáo thực tập (02 học phần, chiếm 2.4%) và báo cáo thực tế tại cơ sở (01 học phần, chiếm 1.2%) [H03.1.007]. PP kiểm tra đánh giá tại CTDH ngành CTXH 2022 đã quy định rõ tiêu chí, hình thức, trọng số điểm, cách thức tiến hành: Tự luận (52/85 học phần, chiếm 61.2%); thực hành (19 học phần, chiếm 22.4%); trắc nghiệm (06 học phần, chiếm 7.1%); báo cáo thực tế, thực tập (06 học phần, chiếm 7.1%); vấn đáp kết hợp thực hành (01 học phần, chiếm 1.2%); Bài tập lớn hết học phần (01 học phần, chiếm 1.2%) [H03.1.010]. Tất cả các học phần tại CTDH ngành CTXH 2024 trong quá trình xây dựng, rà soát, chỉnh sửa đều xác định PP giảng dạy, học tập và PP kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của NH phải đảm bảo tính phù hợp, góp phần đạt được CĐR [H03.1.017]. Trong đề cương chi tiết các học phần, tại mục 12. PP, hình thức tổ chức dạy học đã thể hiện rõ PP sử dụng giúp đạt được CĐR. Các PP kiểm tra, đánh giá gồm có: tự luận (47 học phần, chiếm 54.7%), thực hành (22 học phần, chiếm 25.6%), Báo cáo kết quả thực tế (07 học phần, chiếm 8.1%); trắc nghiệm (05 học

phần, chiếm 5.8%); Bài tập lớn (04 học phần, chiếm 4.7%)...Sự phù hợp giữa CTDH với CĐR của người học đã được thông qua và đạt sự nhất trí đồng tình của các bên liên quan tại các Hội nghị rà soát CTĐT ngành CTXH các năm 2020 và Hội nghị lấy ý kiến các bên liên quan CTXH 2024” [H03.1.004].

2. Điểm mạnh

CTDH năm 2020, 2022, 2024 được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm được định kỳ rà soát 2 năm 1 lần.

3. Tồn tại

Các PP kiểm tra, đánh giá chưa được đa dạng. Hình thức thi tự luận còn nhiều.

4. *Kế hoạch hành động*: Từ năm học 2025-2026, Khoa tổ chức hội thảo về chủ đề tăng cường đa dạng các hình thức thi kiểm tra, đánh giá.

5. *Tự đánh giá*: Tiêu chí đạt 5/7.

Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CĐR là rõ ràng

1. Mô tả

Từ năm 2020, đề cương CTHP ngành CTXH được rà soát, chỉnh sửa định kỳ theo kế hoạch từng năm 2020, 2022, 2024 [H03.2.001]. Tại mục 9.5 trong Bản mô tả CTĐT năm 2020, mục 13 trong Bản mô tả CTĐT năm 2022, 2024 bản đồ dạy học ngành CTXH đã thể hiện rõ mối quan hệ giữa các học phần dựa trên các điều kiện tiên quyết và kế hoạch giảng dạy, giúp NH đạt được CĐR của CTDH theo lộ trình xác định đảm bảo 100% các học phần trong CTDH có sự tương thích về nội dung. Sự đóng góp cụ thể của từng học phần nhằm đạt CĐR được thể hiện trong việc các đề cương chi tiết được xây dựng dựa trên CĐR của CTĐT. Từ năm 2020, đề cương CTHP đã thể hiện sự đóng góp trong việc đạt CĐR thông qua việc điều chỉnh, bổ sung mục 4 “*Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT*” trong đó chỉ rõ mức độ đóng góp theo các thang đo đóng góp ở các mức độ (1 = đóng góp ở mức độ thấp, 2 = đóng góp ở mức độ trung bình, 3 = đóng góp ở mức độ cao đóng góp vào CĐR) cho từng CĐR về kiến thức, kỹ năng, thái độ năng lực và tự chủ. Mục 5. *CĐR của học phần* cũng ghi rõ CĐR của học phần, CĐR đó sẽ giúp đạt CĐR nào của CTDH [H03.2.002]. Các CTDH đều xác định mục tiêu về kiến thức, kỹ năng, thái độ cho mỗi học phần. Kết cấu nội dung của từng học phần phù hợp với mục tiêu, nội dung của học phần đảm bảo sự tích hợp trong nội bộ các học phần [H03.1.007], [H03.1.010], [H03.1.017].

Sự đóng góp cụ thể của từng học phần nhằm đạt CĐR cũng được thể hiện trong việc 100% học phần trong CTDH ngành CTXH các năm 2020, 2022, 2024 đã xác định tổ hợp các PPDH, PP kiểm tra đánh giá. Tại mục 8 trong Bản mô tả CTĐT ngành CTXH năm 2020, 2022 và mục 7 trong Bản mô tả CTĐT ngành CTXH năm đã cho thấy, các học phần đã lựa chọn PP giảng dạy, kiểm tra đánh giá phù hợp với đặc thù của môn học. Các PP giảng dạy được thiết kế cho CTĐT năm 2020: Thuyết trình, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, dạy học theo tình huống, thực tập thực hành, dạy học tương tác, thảo luận, học nhóm, tự học, bài tập về nhà [H03.1.002]; CTĐT năm 2022 được bổ sung thêm các PPDH: PP nghiên cứu trường hợp điển hình, PP đóng vai, PP trò chơi, PP bàn tay nặn bột, PP dạy học theo dự án [H03.1.002]; CTĐT năm 2024 đã bổ sung, điều chỉnh các PPDH: kể chuyện, trực quan, tìm kiếm tư liệu lịch sử sử [H03.1.002]. Về các PP kiểm tra đánh giá được áp dụng trong CTĐT ở năm 2020, 2022 và 2024: đánh giá sự tham gia trên lớp, đánh giá bài tập, đánh giá thuyết trình, đánh giá hoạt động, kiểm tra viết, kiểm tra trắc nghiệm, thi vấn đáp, viết báo cáo, đánh giá làm việc nhóm, kiểm tra thực hành, báo cáo thực tập/ khóa luận tốt nghiệp; có sự hỗ trợ lẫn nhau cao nhất, đảm bảo đạt được CĐR [H03.2.003], [H03.2.004].

Để điều chỉnh, bổ sung các học phần và cải tiến các PPDH, PP kiểm tra đánh giá CTDH ngành CTXH các năm 2020, 2022, 2024, Khoa CT&TLGD đã định kỳ tiến hành khảo sát và tổ chức Hội nghị tiếp nhận ý kiến phản hồi của các bên liên quan. Trong bảng tổng hợp ý kiến các bên liên quan về CĐR và CTĐT ngành CTXH năm 2020 có 80% ý kiến của GV giảng dạy kiến thức chuyên môn ngành cho rằng PP giảng dạy là rất phù hợp với mức độ đạt CĐR [H03.1.004]; Tại Biên bản họp nghiệm thu CTĐT ngành CTXH năm 2020, 2022, 2024 cũng đã nhận xét “các PP giảng dạy và học tập của các đề cương CTHP ngành CTXH là phù hợp, có sự đổi mới, bổ sung thêm các PP mới, đảm bảo đạt được yêu cầu của CĐR học phần và CĐR CTDH” [H03.2.004].

Nội dung các học phần trong CTDH đã được định kỳ được lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan vào năm 2020, 2022, 2024 [H03.1.004]. Trên cơ sở rà soát ý kiến các bên liên quan, CTDH của ngành CTXH đã được chỉnh sửa thể hiện tính chất thực tiễn, hiện đại và cập nhật. Toàn bộ các học phần được xây dựng dựa trên CĐR tổng thể chương trình, trong đó nhấn mạnh đến các CĐR về kiến thức, kỹ năng và năng lực. Các PP giảng dạy, tự học và tự nghiên cứu, PP kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của NH ở tất cả các học phần trong CTĐT phù hợp và đảm bảo triết lý dạy học với phương thức

đào tạo tiếp cận năng lực thể hiện rõ trong bố cục, nội dung cụ thể của chương trình. Tuy nhiên, nội dung học phần trong CTDH chưa được thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của các chuyên gia giáo dục để cho thấy có liên quan mật thiết với việc đạt được CDR [H03.1.004].

2. Điểm mạnh

Các học phần trong CTDH xác định các PP dạy và học, PP kiểm tra đánh giá phù hợp để đảm bảo việc đạt được CDR.

3. Tồn tại

Nội dung học phần trong CTDH chưa được thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của các chuyên gia giáo dục để cho thấy có liên quan mật thiết với việc đạt được CDR.

4. Kế hoạch hành động

Tiếp tục cập nhật tham khảo ý kiến của các chuyên gia giáo dục có kinh nghiệm, từ năm học 2025-2026, Khoa CT&TLGD lấy ý kiến phản hồi của các chuyên gia giáo dục về nội dung của từng học phần để tiếp tục có kế hoạch triển khai rà soát và điều chỉnh CTDH của ngành CTXH theo hướng ứng dụng.

5. *Tự đánh giá:* Tiêu chí đạt 5/7 điểm.

Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp

1. Mô tả

Các học phần trong CTDH ngành CTXH được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành, giúp CTDH trở thành một khối thống nhất. CTDH ngành CTXH được thiết kế theo trật tự logic từ kiến thức giáo dục đại cương đến kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành, thực tập và được bố trí giảng dạy trong 4 năm. 100% các học phần trong CTDH được bố trí hợp lý (về mã học phần, điều kiện, tiên quyết; thời lượng cho mỗi học phần; thời điểm/học kì thực hiện). Nội dung kiến thức các khoa học nền tảng, khoa học chuyên ngành và kiến thức rèn luyện nghiệp vụ sư phạm được trình bày một cách lô gíc và được thể hiện thông qua các bài học theo từng chủ điểm từ cụ thể đến trừu tượng. CTĐT đã ghi rõ thời lượng (số tiết) dành cho phần lý thuyết, thực hành, tự học và tự nghiên cứu. Số tiết dành cho phần tự học và tự nghiên cứu gấp 2 lần số tiết quy định dành cho học phần [H03.2.002], [H03.1.003], [H03.1.002].

Qua 3 kỳ chỉnh sửa các năm 2020, 2022, 2024, CTDH ngành CTXH đã thể hiện được các khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành [H03.2.002]. Tại đề cương CTHP đã có quy định rõ điều kiện tiên quyết cho từng học phần nhằm đảm bảo giữa các học phần và giữa các khối kiến thức có sự gắn kết, liên mạch và thống nhất [H03.3.001]. Tính thống nhất, cân đối của CTDH ngành CTXH, sự gắn kết và liên mạch giữa các khối kiến thức và các học phần được thể hiện tại thời lượng dành cho các học phần: Tại mục 9 Bản mô tả CTĐT ngành CTXH năm 2020 đã chỉ rõ: Tổng số tín chỉ của CTĐT: 134 tín chỉ (không kể Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng - an ninh), trong đó: Kiến thức giáo dục đại cương: 28 tín chỉ chiếm 20.9%, kiến thức cơ sở ngành: 24 tín chỉ chiếm 17.9%, kiến thức ngành: 21 tín chỉ, chiếm 15.7%, kiến thức chuyên ngành: 47 tín chỉ, chiếm 35.1%, Thực tập: 8 tín chỉ và khóa luận tốt nghiệp hoặc các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp: 6 tín chỉ chiếm 10,4%. Bên cạnh các học phần bắt buộc, CTĐT các ngành có các học phần tự chọn, chuyên ngành hẹp giúp SV có kiến thức mở rộng và chuyên sâu, phẩm chất chính trị, đạo đức, sức khỏe; có kiến thức và kỹ năng thực hành nghề, thích ứng với môi trường làm việc góp phần xây dựng và phát triển đất nước như mục tiêu chương trình đã chỉ rõ [H03.1.005]. Tính thống nhất, cân đối của CTDH ngành CTXH, sự gắn kết và liên mạch giữa các khối kiến thức và các học phần cũng được thể hiện ở thời lượng dành cho các khối kiến thức cũng như các học phần. Tại CTDH năm 2022 và 2024, cũng tại mục 9 của Bản mô tả CTĐT năm 2022 và mục 8 của Bản mô tả CTDH năm 2024 có ghi: Tổng số tín chỉ của CTĐT: 130 tín chỉ (không kể Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng - an ninh), trong đó: kiến thức giáo dục đại cương: 28 tín chỉ chiếm 21.5%; kiến thức cơ sở ngành: 24 tín chỉ, chiếm 18.5%; kiến thức ngành: 20 tín chỉ, chiếm 15.4%; kiến thức chuyên ngành: 44 tín chỉ, chiếm 33.8%; thực tập: 8 tín chỉ và khóa luận tốt nghiệp hoặc các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp: 6 tín chỉ, chiếm 10.8% [H03.2.002].

Các học phần trong CTDH được thiết kế theo trình tự chi tiết tại CTDH từng năm, trong đó, các học phần thuộc khối kiến thức đại cương được phân bổ chủ yếu vào học kỳ I do đó là những học phần làm điều kiện tiên quyết cho các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành; Các học phần lý thuyết được bố trí học trước 1 kỳ so với các học phần thực hành (học phần CTXH cá nhân được bố trí học ở kỳ 4 và học phần CTXH nhóm được bố trí ở kỳ 5 làm điều kiện tiên quyết cho học phần Thực hành CTXH cá nhân và học phần Thực hành CTXH nhóm được bố trí ở kỳ

6, người học chỉ được tham gia thực tập và làm khóa luận tốt nghiệp hoặc học các học phần thay thế tốt nghiệp sau khi hoàn thành các học phần thuộc khối kiến thức đại cương, kiến thức ngành và cơ sở ngành [H03.2.002].

Định kỳ các năm 2020, 2022, 2024, Trường ĐHTT đã chỉ đạo việc rà soát, đánh giá, cải tiến CTĐT ngành CTXH [H03.3.002]. Theo đó, Khoa CT&TLGD đã phối hợp với Hội đồng theo các năm tiến hành rà soát, điều chỉnh CTDH ngành CTXH [H03.3.003]. Do đó, các học phần được đưa vào CTDH ngành CTXH đã được rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật: So với CTDH năm 2020, CTDH năm 2022 đã cập nhật: Số giờ thực hành thuộc khối kiến thức giáo dục cơ sở ngành tăng lên 117 giờ (tương ứng với 03 tín chỉ) so với 74 giờ của năm 2020 (tương ứng với 1.8 tín chỉ); Số giờ thực hành thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên ngành tăng lên 442 giờ (tương ứng với 14.2 tín chỉ) so với 369 giờ của năm 2020 (tương ứng với 11 tín chỉ); một số học phần được cắt bỏ khỏi CTDH hoặc sáp nhập với học phần khác tạo thành học phần mới, một số học phần được bổ sung: Kỹ thuật soạn thảo văn bản (2TC), Chăm sóc sức khỏe tâm thần và bệnh tật (3TC), Chẩn đoán Tâm lý (2TC), Phát triển cộng đồng (2 TC), Kỹ năng giao tiếp (2TC) [H03.3.004], [H03.2.003]. Để thuận lợi cho tính liên thông của hoạt động đào tạo, giữa khoá trước, khoá sau, đảm bảo không đổi tổng số tín chỉ toàn khóa, CTDH năm 2024 có sự thay đổi các học phần trong từng khối kiến thức có sự thay đổi so với CTDH năm 2022. Ví dụ: Học phần “Phương pháp giáo dục kỹ năng sống” thay thế cho học phần “Giáo dục kỹ năng sống” và chuyển từ học phần kiến thức ngành thành học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, chuyển học phần “Tâm lý học xã hội” từ học phần bắt buộc thành học phần tự chọn khối kiến thức cơ sở ngành, chuyển học phần “Phát triển cộng đồng” từ kiến thức tự chọn thành kiến thức bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành [H03.2.003]. Ngoài ra, trong quá trình trực tiếp giảng dạy, GV đã phát hiện và trực tiếp đề xuất rà soát, cải tiến đề cương CTHP tại các phiên họp sinh hoạt chuyên môn định kỳ, kết quả rà soát, cải tiến được thể hiện tại biên bản sinh hoạt chuyên môn của Khoa CT&TLGD [H03.3.005].

Trong quá trình chỉnh sửa, bổ sung CTDH năm 2022, Tổ soạn thảo đã tham khảo các CTDH của các Trường Đại học khác trong nước (Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên; Đại học Hùng Vương, Phú Thọ) [[H03.3.006]. Năm 2024, đã tiến hành đối sánh với CTDH ngành CTXH của Trường Đại học Lao động Xã hội, Hà Nội và Đại học Hùng Vương, Phú Thọ [H03.3.007], kết quả cho thấy “Ưu điểm lớn trong CTĐT CTXH

của ĐHTT là thiết kế theo định hướng thực hành, tăng giờ thảo luận, thực hành, thực tế, giảm nội dung lí thuyết để nâng cao kỹ năng thực hành nghề cho SV” [H03.3.007].

2. Điểm mạnh

CTDH được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật ít nhất 2 năm 1 lần trên cơ sở lấy ý kiến của các bên liên quan.

3. Tồn tại

Việc tham khảo các chương trình trong nước trong điều chỉnh nội dung dạy học chưa được nhiều, chưa có sự đối sánh, tham khảo CTĐT quốc tế.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2025-2026, Khoa tiếp tục tham khảo thêm các CTDH ngành CTXH của các trường đại học quốc tế có uy tín.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí 5/7 điểm.

Kết luận về tiêu chuẩn 3

CTDH của ngành CTXH được thiết kế phù hợp với CĐR của ngành. Cấu trúc các học phần trong CTDH đảm bảo tỷ lệ hợp lý giữa các khối kiến thức. Các học phần trong CTDH xác định các PP dạy và học, PP kiểm tra đánh giá phù hợp để đảm bảo việc đạt được CĐR. CTĐT được thiết kế đảm bảo sự logic về cấu trúc cho phép NH sau khi học xong có đầy đủ các năng lực nghề nghiệp và các năng lực cần thiết đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

Căn cứ vào nội dung tự đánh giá, tiêu chuẩn 3 có 3/3 tiêu chí đạt 5/7.

Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Mở đầu: PP tiếp cận trong dạy học luôn lấy NH làm trung tâm, GV xác định các PPDH đa dạng và phối hợp nhiều PPDH khác nhau để giúp NH đạt được CĐR và đáp ứng yêu cầu xã hội. Trong quá trình dạy học các GV trong trường đã sử dụng tổ hợp các PPDH tích cực, đồng thời các hoạt động học tập cũng đã được thiết kế phù hợp với từng học phần, đặc thù của ngành CTXH nhằm đạt được CĐR của CTĐT và phát huy tính chủ động sáng tạo, lĩnh hội kiến thức, rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời của NH.

Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan.

1. Mô tả

Từ khi ban hành đến nay, Trường ĐHTT đã có tuyên bố chính thức về Triết lý giáo dục. Năm 2014, Trường ĐHTT đã ban hành Triết lý giáo dục và Mục tiêu giáo dục, theo Quyết định số 2909/QĐ-ĐHTT, ngày 31/12/2014 của Trường ĐHTT với nội dung: *“Chất lượng - phát triển bền vững”* [H04.1.001]. Đến năm 2016, Nhà trường đã điều chỉnh nội dung Triết lý giáo dục thành *“Chất lượng - phát triển bền vững - hội nhập”* theo Quyết định số 96/QĐ-ĐHTT, ngày 25/2/2016 [H04.1.002]. Nội dung Triết lý giáo dục có ý nghĩa *“giúp SV cải thiện bản thân, phát triển tiềm năng sáng tạo và kỹ năng hội nhập để thích ứng với sự phát triển của công nghệ trong thời đại mới”* nội dung này phù hợp với mục tiêu của Nhà trường: *“NH được trang bị các kiến thức cơ sở ngành đào tạo để có khả năng nghiên cứu, cập nhật công nghệ mới, khả năng tự học suốt đời trong môi trường công tác sau khi ra trường”* và phù hợp với Sứ mạng: *“Trường ĐHTT là cơ sở đào tạo, NCKH, HTQT và cung cấp các sản phẩm, dịch vụ nâng cao chất lượng cuộc sống và xây dựng đất nước”* [H04.1.003].

Trường ĐHTT là một trường đại học đào tạo đa ngành. Triết lý giáo dục và Mục tiêu giáo dục của Trường được triển khai và cụ thể hóa vào các ngành được đào tạo tại Trường bao gồm mục tiêu đào tạo và CĐR của CTĐT. Từ Triết lý giáo dục của Nhà trường, Khoa đã xây dựng mục tiêu chung cho ngành CTXH là: *“Đào tạo cử nhân CTXH có phẩm chất chính trị, đạo đức, sức khỏe; có kiến thức chuyên môn và kỹ năng thực hành nghề CTXH, thích ứng với môi trường làm việc năng động, hiện đại”*. Để đạt được mục tiêu đó, CĐR của CTĐT ngành CTXH xác định rất rõ ràng về kiến thức, kỹ năng, thái độ và năng lực tự chủ [H04.1.004]. Ngay từ khi xây dựng Triết lý giáo dục, Nhà trường đã tổ chức lấy ý kiến đóng góp về dự thảo Triết lý giáo dục và Mục tiêu giáo dục vào các năm 2016, 2018, 2021 [H04.1.005]. Nhà trường đã khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan về Triết lý giáo dục [H04.1.006]. Sau khi ban hành Nhà trường đã chỉ đạo các đơn vị xây dựng và thực hiện kế hoạch phổ biến, truyền thông về Triết lý giáo dục đến toàn thể CBGV, SV và các cá nhân, tổ chức trong và ngoài Trường bằng nhiều hình thức khác nhau trực tiếp và gián tiếp [H04.1.007]. Nhà trường đã có văn bản giải thích ý nghĩa của Triết lý giáo dục tới toàn thể CBGV, SV và các cá nhân, tổ chức xã hội có liên quan, nội dung này được đăng tải trên website của Trường [H04.1.008], Hiệu trưởng Nhà trường trực tiếp quán triệt, giải thích về Triết lý giáo dục của Trường trong các sự kiện lớn như: Hội nghị CBVC, Hội nghị đối thoại trực tiếp giữa Hiệu trưởng với SV, Tuần sinh hoạt công dân dành cho SV đầu khóa [H04.1.009], Ngày Hội việc

làm và kết nối Doanh nghiệp, với các đơn vị, tổ chức trong và ngoài nước tại các buổi kí kết biên bản ghi nhớ hợp tác, với cán bộ giáo viên, học sinh các trường phổ thông trong các chiến dịch tuyển sinh của Trường. Thực hiện kế hoạch phổ biến Triết lý giáo dục và Mục tiêu giáo dục của Nhà trường trong các buổi họp đầu năm học lãnh đạo Khoa đều phổ biến và giải thích ý nghĩa triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục đến toàn thể GV trong Khoa bằng hình thức văn bản và email, đề nghị cố vấn học tập các lớp triển khai tới toàn thể NH trong các buổi sinh hoạt lớp. Ngoài ra, Triết lý giáo dục và Mục tiêu đào tạo được Trường khoa nhấn mạnh vào các buổi họp triển khai xây dựng, rà soát, phát triển CTĐT và yêu cầu GV khi xây dựng đề cương CTHP phải đảm bảo đáp ứng mục tiêu đào tạo, CDR của CTĐT để đảm bảo GV hiểu rõ và truyền tải được mục tiêu đào tạo vào hoạt động giảng dạy [H04.1.010]. Triết lý giáo dục và Mục tiêu giáo dục của Nhà trường được thiết kế phù hợp với xu hướng quốc tế, tạo điều kiện thuận lợi cho SV phát triển năng lực cá nhân. Nhà trường chú trọng việc bồi dưỡng cho SV kiến thức, kỹ năng và thái độ cần thiết để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội, đồng thời đề cao tinh thần tìm tòi, nghiên cứu và học tập ở SV để học tập suốt đời. Điều này sẽ giúp SV cải thiện bản thân, phát triển tiềm năng sáng tạo và kỹ năng hội nhập để thích ứng với sự phát triển của công nghệ trong thời đại mới. Từ đó có thể thấy Triết lý giáo dục và Mục tiêu giáo dục của Nhà trường được triển khai một cách chi tiết, cụ thể, rõ ràng giúp cho CBGV hiểu rõ và thực hiện.

Với kế hoạch phổ biến Triết lý giáo dục và Mục tiêu giáo dục năm 2014, 2016, và 2021, Nhà trường triển khai kế hoạch truyền thông về Triết lý giáo dục và Mục tiêu giáo dục với các hình thức đa dạng như: các bài viết và video đăng tải trên Website của Trường, Báo điện tử Tuyên Quang, trên Youtube, Facebook, trên các ấn phẩm: tờ rơi, kẹp file nhân dịp các sự kiện lớn, các pano, áp phích, bảng điện tử đặt tại các vị trí trang trọng trong Trường [H04.1.011], phổ biến cho SV trong tuần sinh hoạt công dân, đưa vào trong sổ tay SV [H04.1.012]. Triết lý giáo dục cũng được phổ biến đến các khách mời là doanh nghiệp và các đơn vị sử dụng lao động khác trong các buổi lễ khai giảng của Nhà trường với bài phát biểu của Hiệu trưởng [H04.1.013]. Trong quá trình triển khai, phổ biến Triết lý giáo dục và Mục tiêu giáo dục tới các bên liên quan, Nhà trường chưa tổ chức được nhiều buổi hội thảo để giới thiệu những nội dung này tới các đơn vị sử dụng lao động.

2. Điểm mạnh

Triết lý giáo dục và Mục tiêu giáo dục của Nhà trường được xác định rõ ràng và phổ biến rộng rãi đến các bên liên quan để toàn thể CBGV, NH trong Nhà trường hiểu rõ và thực hiện.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa tổ chức được nhiều buổi hội thảo để giới thiệu Triết lý giáo dục tới các đơn vị sử dụng lao động.

4. Kế hoạch hành động

Kì 1 năm học 2025-2026, Văn phòng cùng với các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch cụ thể để giới thiệu Triết lý giáo dục đến các đơn vị sử dụng lao động của Nhà trường.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7.

Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được CĐR ...

1. Mô tả

Để đáp ứng được CĐR của ngành CTXH, theo định kỳ 2 năm/1 lần, Khoa đã thực hiện theo các Quyết định, kế hoạch, hướng dẫn của Nhà trường về rà soát CĐR của CTĐT, để cải tiến chất lượng dạy và học [H04.2.001], [H04.2.002], [H04.2.003], [H04.2.004], [H04.2.005]

Các điều chỉnh CĐR, CTĐT được thực hiện định kỳ, có sự điều chỉnh phù hợp với nhu cầu xã hội [H04.2.006]. Nhiều PP truyền thống và hiện đại dạy học trên lớp được kết hợp tổ chức giảng dạy đáp ứng CĐR của chương trình học [H04.2.007], [H04.2.008].

Trên cơ sở CĐR, đề cương chi tiết môn học, GV trong Khoa đã tổ chức các hoạt động học tập phong phú, đa dạng nhằm phát huy tính tích cực của NH. Ngoài các tiết giảng lý thuyết, GV còn tổ chức cho NH các hoạt động thảo luận, thực tế, thực hành trên lớp hoặc đến các cơ sở thực hành như Bệnh viện phục hồi chức năng Hương Sen (Tuyên Quang), Bệnh viện, Nhà Dưỡng lão... ; thực tập xã hội về cá nhân, nhóm, cộng đồng, phụ nữ, trẻ em, người già... giúp NH lĩnh hội được tối đa kiến thức và hoàn thiện các kỹ năng [H04.2.009], [H04.2.010]. Đội ngũ GV nghiên cứu, áp dụng và chia sẻ các kinh nghiệm quý báu nâng cao chất lượng giảng dạy, hướng dẫn thực tế nghề nghiệp... để hỗ trợ cho đồng nghiệp, NH [H04.2.011], [H04.2.012].

Để có cơ sở cho những điều chỉnh động dạy và học ngày càng đáp ứng CĐR, Khoa đã lấy ý kiến khảo sát phản hồi của SV về đánh giá môn học và hỗ trợ học tập [H04.2.013]. Kết quả khảo sát trung bình các năm từ 86,4% đến 100% NH được cung cấp thông tin môn

học; 90,9% đến 100% NH hài lòng đánh giá hoạt động giảng dạy của GV kết hợp giữa lý luận và thực tiễn, có PP truyền đạt rõ ràng, dễ hiểu; trên 80% NH hài lòng về môn học và thấy phát triển được nhận thức, kỹ năng xử lý thông tin... [H04.2.014].

2. Điểm mạnh

Các hoạt động dạy và học đa dạng, gắn với thực tế, phù hợp đạt được CĐR của CTĐT.

3. Điểm tồn tại

GV chưa áp dụng được nhiều PP hướng dẫn SV làm việc nhóm và thực hành nghề nghiệp.

4. Kế hoạch hành động

Trong các năm học tiếp theo, Khoa cần thực hiện nhiều hơn các chuyên đề sinh hoạt chuyên môn tập trung vào hoàn thiện kỹ năng làm việc nhóm và thực hành nghề nghiệp cho NH.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt 5/7.

Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học

1. Mô tả

Tất cả các đề cương chi tiết đều xác định rõ CĐR của học phần với các mục tiêu cụ thể để đáp ứng CĐR chung của ngành. Những kỹ năng thiết yếu như: biết lựa chọn biện pháp hỗ trợ các đối tượng xã hội, phân tích chính sách đảm bảo lợi ích cho đối tượng được chăm sóc ...; các kỹ năng mềm như: xử lý linh hoạt trong giao tiếp, xây dựng kế hoạch cho bản thân... Các PP học tập được xây dựng tương ứng như: thuyết trình, tổ chức thảo luận, vấn đáp, thực tế, bài tập tình huống... [H04.2.007], [H04.2.009], [H04.2.010].

Để nâng cao năng lực tự học, tự giải quyết vấn đề, các đề cương chi tiết đào tạo chuyên ngành CTXH được thiết kế 50% giảng lý thuyết, 50% thực hành, thực tế, thảo luận. Giờ tự học được tính bằng 2 lần số giờ học trên lớp. Đề cương quy định rõ tài liệu học tập, trong đó có giáo trình bắt buộc, tài liệu tham khảo và yêu cầu SV nghiên cứu tài liệu ở nhà, thư viện [H04.2.007]. Hệ thống tài liệu được trang bị đầy đủ trên thư viện trường và nguồn tài nguyên từ các thư viện các trường đại học lớn trong nước và quốc tế được tạo thành mã QR phục vụ nhiều địa điểm trong không gian như nhà làm việc, trên giảng đường giúp cho quá trình tra cứu được nhanh chóng, thuận lợi, kịp thời. [H04.3.001], [H04.3.002], [H04.3.003]. Ngoài ra, Khoa có fanpage chia sẻ thông tin

hoạt động chuyên môn, chia sẻ nguồn tài liệu hay cho GV và NH [H04.3.004].

GV đã tích cực sử dụng các PP nâng cao năng lực học tập suốt đời cho người học. Khoa tổ chức các sinh hoạt chuyên đề nhằm hỗ trợ NH rèn luyện như: thực hành, thực tập công tác xã hội trong bệnh viện; thực hành phần CTXH; mô hình học tập tự định hướng cho sinh viên; CTXH với SV khuyết tật, khiếm thị ở trường Đại học [H04.2.011]. Giúp cho NH có kỹ năng nghiên cứu và tự học suốt đời, ngoài học phần PP NCKH xã hội được thiết kế riêng, Hội nghị NCKH còn được tổ chức để hướng dẫn, động viên, khích lệ NH tham gia [H04.3.005], [H04.3.006], [H04.3.007]. Dự án Living Lab là dự án hợp tác quốc tế được GV trong khoa thực hiện cho NH hướng dẫn kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề thực tiễn [H04.3.008]. Những hoạt động hỗ trợ khác như: tuyên truyền chống nạn buôn bán người, ngày hội kết nối việc làm, sinh viên khởi nghiệp... giúp NH có cái nhìn tổng quan hơn về ngành học, có môi trường để kết nối và học tập suốt đời [H04.3.009], [H04.3.010]. Đánh giá về môi trường văn hóa học đường và hoạt động phong trào hỗ trợ rèn luyện các kỹ năng có đến >90% NH hài lòng và rất hài lòng với các phong trào văn hóa văn nghệ, thể thao, đoàn hội do trường và khoa tổ chức [H04.2.014].

2. Điểm mạnh

GV trong Khoa sử dụng đa dạng các PP giảng dạy nhằm hỗ trợ NH rèn luyện và phát triển các kỹ năng, khả năng học tập suốt đời; chương trình hợp tác quốc tế về rèn luyện kỹ năng cho NH là một điểm nổi bật.

3. Điểm tồn tại

Cổng thông tin học tập trực tuyến còn chưa hoạt động hiệu quả. Việc cung cấp tài liệu chủ yếu do GV hướng dẫn.

4. Kế hoạch hành động

Trong các năm học tiếp theo, cần cải tiến và nâng cao hiệu quả cổng thông tin học tập trực tuyến để phù hợp trong bối cảnh Cách mạng công nghệ 4.0.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt 5/7.

Kết luận về tiêu chuẩn 4

Phương pháp tiếp cận trong dạy và học của CTĐT ngành CTXH tuân thủ theo triết lý GD của Nhà trường, phù hợp với nhu cầu của xã hội và hội nhập quốc tế. GV tích cực tìm kiếm, chia sẻ các PP đa dạng, phù hợp. 100% đề cương chi tiết mô tả đầy đủ các PP dạy và học, thời lượng và cách thức tự học, tự nghiên cứu. Nhiều PP hỗ trợ

rèn luyện được triển khai giúp cho NH lĩnh hội được kiến thức, phát triển được các kỹ năng đáp ứng CĐR và yêu cầu xã hội.

Căn cứ vào nội dung tự đánh giá, tiêu chuẩn 4 có 3/3 tiêu chí đạt 5/7.

Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Mở đầu: Việc đánh giá kết quả học tập của NH ngành CTXH dựa trên các văn bản quy định rõ ràng. Các quy trình và tài liệu hướng dẫn việc thiết kế các phương pháp, công cụ kiểm tra đánh giá phù hợp với mục tiêu cần đánh giá tương ứng với mức độ đạt được CĐR của CTĐT. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá đa dạng, hiện đại, phù hợp với năng lực NH và đáp ứng được những yêu cầu của xã hội trong thời kì đổi mới giáo dục. Kết quả kiểm tra đánh giá được thông báo trực tiếp tới NH, đảm bảo khách quan, minh bạch, đồng thời NH có thể phản hồi kịp thời về kết quả học tập của mình, từ đó có thể chủ động điều chỉnh việc học tập, nghiên cứu một cách hiệu quả.

Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra

1. Mô tả

Trường ĐHTT đã ban hành các văn bản, quy định về quy trình, kế hoạch kiểm tra, đánh giá kết quả NH dựa trên các quy định của BGD&ĐT và có sự điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn sau thời gian thực hiện. Quy định về đánh giá kết quả học tập của NH ngành CTXH được xác định rõ ràng theo Quy định số 1838/QĐ-ĐHTT, ngày 28/9/2015 về Quy định đào tạo đại học - cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường ĐHTT và được sửa đổi bổ sung năm 2017, 2020; Quyết định ban hành quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Tân Trào số 667/QĐ-ĐHTT, ngày 25/8/2021 sửa đổi bổ sung năm 2023, 2024. Quy chế này có những nội dung về đánh giá kết quả học tập của NH được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CĐR của CTĐT. Cụ thể: Quy định về Đánh giá và tính điểm học phần (Điều 14); Tổ chức thi kết thúc học phần (Điều 15); Ra đề thi, hình thức thi, chấm thi; điều kiện dự thi và số lần được dự thi kết thúc học phần (Điều 16); Đánh giá kết quả học tập theo kỳ học, năm học (Điều 17); Cách tính điểm trung bình chung (Điều 18); Xử lý kết quả học tập (Điều 19); Công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ (Điều 20); Quy định về đồ án, khoá luận TN (Điều 21,22); Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp (Điều 23) [H05.1.001]. Các quy định về kiểm tra đánh giá kết quả học tập NH còn được trình bày rõ ràng trong Bản mô tả CTDH [H05.1.002], trong CTĐT và đề cương chi tiết các học

phần [H05.1.003]. Các văn bản quy định tổ chức thi kết thúc học phần [H05.1.004]; Quy định về giải quyết khiếu nại kết quả học tập [H05.1.005]; Quy định xây dựng ngân hàng đề thi [H05.1.006]; văn bản hướng dẫn thực tập nghề nghiệp dành cho SV đi thực tập trong nước và nước ngoài [H05.1.007]; quy định tổ chức học tập các học phần chuyên môn thực tế, thực địa [H05.1.008]; quy định điều kiện tốt nghiệp/làm khóa luận, hướng dẫn trình bày khóa luận tốt nghiệp, hướng dẫn chấm khóa luận tốt nghiệp [H05.1.009], quy định quản lý hoạt động khoa học công nghệ [H05.1.010].

Trường có văn bản quy định về quy trình, tài liệu hướng dẫn cho việc thiết kế các PP kiểm tra đánh giá phù hợp với mục tiêu cần đánh giá tương ứng với mức độ đạt được CĐR. Cụ thể là các văn bản: Quy trình xây dựng và đánh giá độ tin cậy, độ chính xác của các phương pháp kiểm tra đánh giá [H05.1.011], quy trình thiết lập hệ thống kế hoạch và lựa chọn các loại hình đánh giá NH phù hợp trong quá trình học tập [H05.1.012]; hướng dẫn xây dựng ngân hàng đề thi [H05.1.013]; quy định tổ chức thi kết thúc học phần [H05.1.014], trong đó có các quy định cụ thể về hình thức thi có thể là thi viết (trắc nghiệm hoặc tự luận), vấn đáp, viết tiểu luận, bài tập lớn, thực hành hoặc kết hợp các hình thức trên, các bộ môn đề xuất hình thức thi thích hợp cho từng học phần, được lãnh đạo trường phê duyệt vào đầu năm học. Ngoài ra còn có quy định thực tập đối với khối ngành ngoài sư phạm [H05.1.015], quy định tổ chức học tập các học phần chuyên môn trên thực tế, thực địa [H05.1.016], quy định về hướng dẫn trình bày khóa luận tốt nghiệp và chấm khóa luận tốt nghiệp [H05.1.017], quy định quản lý hoạt động KH&CN [H05.1.018].

Căn cứ vào các văn bản hướng dẫn, Khoa đã thiết kế các PP kiểm tra, đánh giá phù hợp với đặc trưng của từng học phần và mức độ đạt được của CĐR. Khoa đã tiến hành xây dựng và nghiệm thu ngân hàng đề thi các học phần trong các buổi sinh hoạt chuyên môn [H05.1.019]; [H05.1.020]; Các ngân hàng đề thi học phần được đánh giá theo 5 mức độ: biết, hiểu, vận dụng, phân tích - tổng hợp và sáng tạo. Nội dung kiểm tra đánh giá học phần đảm bảo tính chính xác, khoa học, phù hợp với nội dung học phần được quy định trong CTĐT, bao quát kiến thức tương ứng mức độ đạt được CĐR. Trong chu kỳ đánh giá, ngành CTXH đã hoàn tất toàn bộ 100% ngân hàng đề thi của các học phần trong CTĐT và tiến hành rà soát bổ sung định kỳ theo năm học [H05.1.021]. Ví dụ: Ngân hàng đề thi học phần CTXH gia đình 04 tín chỉ, thời gian làm bài 120 phút, hình thức thi tự luận được xây dựng với tổng số 36 câu hỏi trải đều nội dung trong 3

chương của học phần, trong đó mỗi chương 12 câu và chia làm 3 mức độ Biết/Hiểu; Vận dụng/Phân tích; Tổng hợp/Đánh giá. 36 câu hỏi được thiết kế thành 12 đề thi, mỗi đề thi 3 câu hỏi cấu trúc theo thang điểm 3/3/4 tương ứng với 3 mức độ trong ma trận đề thi. Ngân hàng đề thi Công tác xã hội với người nghèo với 02 tín chỉ, thời gian làm bài 60 phút, hình thức thi trắc nghiệm được thiết kế 120 câu chia 3 mức độ Biết/Hiểu/Vận dụng với tổng số câu hỏi biết là 45, câu hỏi hiểu là 41, câu hỏi vận dụng 34. Đề thi sẽ được trộn sao cho đảm bảo 40 câu/đề, trong đó có 10 câu hỏi biết, 15 câu hỏi hiểu, 15 câu hỏi vận dụng. Hình thức thi trắc nghiệm trên máy tính, SV được biết điểm luôn sau khi trả lời các câu hỏi trắc nghiệm và bấm hoàn thành bài thi.

Các phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của NH được thiết kế phù hợp để đo lường các mức độ đạt được CĐR thể hiện ở nội dung, cách thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần của NH được xây dựng từ mục tiêu, CĐR học phần và được cụ thể hóa qua từng tiết học, hoạt động dạy học. Tổ hợp các PP kiểm tra đánh giá được sử dụng đa dạng, phù hợp với đặc trưng của từng học phần. Nội dung đánh giá học phần bao gồm đánh giá chuyên cần được thực hiện thông qua kết quả của đánh giá ý thức, thái độ học tập và hồ sơ học tập (hồ sơ học tập có thể kết hợp cả sản phẩm lí thuyết và thực hành thông qua bài tập cá nhân, bài tập nhóm, ...). Đánh giá giữa kỳ bằng hình thức bài tự luận/bài tiểu luận/hoặc thực hành. Đánh giá cuối kỳ bằng hình thức tự luận/ vấn đáp/ thực hành/trắc nghiệm, tất cả được chỉ rõ trong đề cương các học phần [H05.1.022]. Trong đề cương CTHP có quy định rõ về yêu cầu cách thức kiểm tra đánh giá, tỷ trọng điểm thành phần và yêu cầu đạt được; ngân hàng đề thi, hình thức kiểm tra, đánh giá bám sát mục tiêu học phần và CĐR cần đạt được, các yêu cầu này được quy định rất rõ ràng trong văn bản quy định về xây dựng ngân hàng đề thi tự luận và trắc nghiệm trên máy tính. Ví dụ: CTĐT ngành CTXH năm 2024 có 81 học phần, trong đó đều sử dụng các PP đánh giá đa dạng: Thực hành, vấn đáp, tự luận, trắc nghiệm trên máy tính, báo cáo thực tế tại cơ sở, bài tập lớn... [H05.1.023].

2. Điểm mạnh

Trường ĐHTT có đầy đủ văn bản quy định chặt chẽ về quy trình kiểm tra và đánh giá NH.

3. Điểm tồn tại

Khoa chưa xây dựng đầy đủ các ngân hàng đề của tất cả các học phần.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2025-2026, Khoa tiếp tục hoàn thiện ngân hàng đề thi các học phần trong CTĐT ngành CTXH và rà soát lại các học phần đã xây dựng trước đây đảm bảo các quy định và sự thay đổi của đề cương CTHP trong mỗi giai đoạn.

5. *Tự đánh giá*: Tiêu chí đạt 6/7.

Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học.

1. *Mô tả*

Quy định về đánh giá kết quả học tập của NH ngành CTXH được xác định rõ ràng theo Quy định số 1838/QĐ-ĐHTT, ngày 28/9/2015 về Quy định đào tạo đại học - cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường ĐHTT và được sửa đổi bổ sung năm 2017, 2020; Quyết định ban hành quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Tân Trào số 667/QĐ-ĐHTT, ngày 25/8/2021 sửa đổi bổ sung năm 2023, 2024 [H05.2.001], trong những văn bản hướng dẫn cụ thể của Nhà trường về kiểm tra đánh giá và trong CTĐT ngành CTXH [H05.2.002]; [H05.2.003]; [H05.2.004]. Ngoài ra còn được thể hiện trong ngân hàng đề thi [H05.2.005]; các yêu cầu thực hiện bài tập lớn [H05.2.006]; Báo cáo thực tập [H05.2.007]; Khoá luận tốt nghiệp [H05.2.008]; đề thi và bài thi ngành CTXH [H05.2.009]. Theo đó, có chỉ rõ về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan. Cụ thể như sau:

+ *Thời gian KTĐG*: Các hình thức kiểm tra đánh giá được thực hiện thường xuyên, trong suốt thời gian học. Mỗi kì học kéo dài tối đa 15 tuần học chính thức và 1 tuần dự trữ, điểm chuyên cần được đánh giá trong suốt quá trình học, bài kiểm tra giữa kì thực hiện vào tuần 8, bài thi kết thúc học phần thực hiện sau tuần thứ 15. Tất cả các thông tin về thời gian đều được thể hiện trong đề cương học phần. Ví dụ học phần CTXH cá nhân 03 tín chỉ, đánh giá môn học được thực hiện vào tuần thứ 5 (điểm thành phần 1), tuần thứ 10 (điểm thành phần 2), điểm chuyên cần (điểm thành phần 1) được thực hiện sau khi kết thúc học phần bằng việc GV quan sát đánh giá tinh thần thái độ học tập môn học của SV trong cả học kỳ, Điểm thi được chấm sau khi có lịch thi và công bố của Phòng Quản lý chất lượng và Thanh tra).

+ *Phương pháp, hình thức kiểm tra đánh giá*: Các văn bản hướng dẫn đã quy định rõ PP, cách thức trình bày, cấu trúc đề thi, thời gian làm bài cho các hình thức thi

trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp, thực hành... đề thi được xác định cho phép sử dụng hay không sử dụng tài liệu.

+ *Tiêu chí đánh giá*: tiêu chí về kiểm tra đánh giá học phần được quy định cụ thể trong đề cương CTHP các môn học, đánh giá kết quả thực tập chuyên ngành, khóa luận tốt nghiệp. Ví dụ: Học phần CTXH cá nhân (03TC, mã học phần TL2.1.030.3), điểm chuyên cần 10% gồm các tiêu chí đánh giá Thái độ tham dự 2% (Luôn chú ý và tham gia các hoạt động 2%; Khá chú ý, có tham gia 1,5%; Không chú ý, không tham gia 0%); thời gian tham dự 8% (vắng 01 buổi trừ 1%, vắng quá 20% tổng số giờ của học phần 0 điểm).

+ *Trọng số điểm*: Nhà trường quy định rõ ràng về trọng số điểm trong ĐCHP như sau: điểm thành phần 1: Điểm chuyên cần, ý thức học tập, trọng số 10%, điểm thành phần 2: Trung bình cộng các điểm kiểm tra thường xuyên, trọng số 30%, điểm thành phần 3: Thi kết thúc học phần trọng số 60%. Ngoài ra đánh giá kết quả làm bài tập lớn, thực tập chuyên ngành, thực tế thực địa, khóa luận tốt nghiệp của SV cuối khóa có quy định cụ thể. Ví dụ: Học phần CTXH trong trường học (02 tín chỉ, mã học phần TL2.1.049.2) có 01 điểm chuyên cần là điểm thành phần 1 (10%); 01 bài kiểm tra là điểm thành phần 2 (30%); 01 điểm thi (60%). ĐHP của môn học = điểm thành phần 1*0,1 + điểm thành phần 2*0,3 + điểm thi *0,6.

+ *Nội dung kiểm tra đánh giá*: Việc kiểm tra, đánh giá đảm bảo bao quát nội dung, mục tiêu của từng học phần cũng như toàn bộ chương trình. Nhìn chung, các dạng thức kiểm tra, thi những năm vừa qua của ngành CTXH đa dạng, bao quát nội dung, mục tiêu của từng học phần cũng như toàn bộ chương trình. Ngân hàng đề thi thể hiện đầy đủ nội dung kiến thức cơ bản trong CTĐT, đảm bảo chính xác, khoa học, cân đối, cập nhật thực tiễn. Bộ câu hỏi trong ngân hàng đề phải sắp xếp từ dễ đến khó (phần tái hiện kiến thức khoảng 30%, phần vận dụng kiến thức và sáng tạo khoảng 70%), tùy theo đặc thù môn học, nội dung đề thi được quy định rõ số lượng câu hỏi tương ứng với số tín chỉ, học phần 02 tín chỉ có số lượng đề là 10, học phần 03-04 tín chỉ có 12 đề, số câu hỏi trong đề bám sát các nội dung trong đề cương học phần và tương ứng với trọng số môn học. Ví dụ Học phần CTXH cá nhân (03 tín chỉ, mã học phần TL2.1.030.3) có cấu trúc đề thi gồm 3 câu hỏi trong đó câu 1 (3 điểm), câu 2 (4 điểm), câu 3 (3 điểm). Câu 1 và 2 ở cấp độ áp dụng và phân tích, câu 4 cấp độ đánh giá và sáng tạo. Đề thi đánh giá các nội dung kiến thức, kỹ năng thuộc các tín chỉ của

học phần. Quy định này được thể hiện ngay trong đề cương môn học và là cơ sở để GV thiết kế các câu hỏi kiểm tra đánh giá trải đều trên nội dung môn học, giúp GV đánh giá toàn diện mức độ nắm kiến thức và kỹ năng của SV.

+ Cơ chế phản hồi của NH về đánh giá kết quả học tập được thực hiện dưới nhiều hình thức như lấy ý kiến SV về hoạt động kiểm tra đánh giá [H05.2.011], [H05.2.012], [H05.2.013], [H05.2.014], [H05.2.015], [H05.2.016].

Các tài liệu/hướng dẫn quy định cụ thể về thời gian, hình thức, PP, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan trong các kỳ thi được phổ biến và công bố công khai tới NH trước mỗi khóa học/kỳ học/học phần qua nhiều kênh khác nhau để NH nắm được: Qua đợt sinh hoạt chính trị đầu khóa cho SV vào tuần đầu tiên khi SV mới nhập học, đại diện Phòng Quản lý SV sẽ hướng dẫn NH cách tiếp cận các tài liệu/hướng dẫn về kiểm tra đánh giá trong suốt khóa học [H05.2.017], [H05.2.018]. Trợ lý khoa và Cố vấn học tập tổ chức các buổi sinh hoạt lớp định kỳ tối thiểu 1 lần/tháng để hướng dẫn cụ thể về các quy định kiểm tra đánh giá, thực tế, thực tập, NCKH, làm khóa luận tốt nghiệp, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan trong các kỳ thi cho NH [H05.2.019]. GV giảng dạy các học phần tại buổi lên lớp đầu tiên và trong quá trình giảng dạy học phần phải cung cấp cho NH đề cương học phần và phổ biến các quy định về thời gian, hình thức, PP, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan, giúp SV có hiểu biết toàn diện về các yêu cầu kiểm tra, đánh giá để lên kế hoạch hoặc điều chỉnh PP học tập phù hợp trong quá trình học tập [H05.2.020]. Ngoài ra các quy định về kiểm tra, đánh giá người học đều được đăng tải công khai trên website của Trường ĐHTT. SV theo dõi các thông tin liên quan đến hoạt động đào tạo, kiểm tra - thi, kết quả bài thi, quy trình thủ tục khiếu nại phúc khảo bài thi qua tài khoản cá nhân [H05.2.021], [H05.2.022], [H05.2.023].

Điểm mạnh

Các văn bản quy định về kiểm tra đánh giá kết quả học tập của NH được xác định rõ ràng và thông báo công khai bằng nhiều hình thức.

2. Điểm tồn tại

Việc trả kết quả bài kiểm tra giữa kỳ và công bố điểm chuyên cần, điểm kiểm tra giữa kỳ của GV một số môn học đôi khi còn chưa kịp thời.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2025-2026 yêu cầu tất cả GV phải công bố điểm chuyên cần và điểm kiểm tra giữa kỳ cho SV trước khi kết thúc môn học và có báo cáo trong các buổi sinh hoạt chuyên môn định kỳ của Khoa.

5. *Tự đánh giá*: tiêu chí đạt 5/7.

Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng

1. *Mô tả*

Khoa đã cụ thể hóa việc sử dụng các PP khác nhau trong đánh giá kết quả học tập đối với từng loại học phần (học phần chỉ có lý thuyết, chỉ có thực hành hoặc vừa có lý thuyết vừa có thực hành) bao gồm: đánh giá tinh thần, thái độ học tập; đánh giá giữa kì và thi kết thúc học phần, các PP kiểm tra đánh giá được xác định rõ ràng trong Bản mô tả CTĐT và đề cương CTHP. Trong đó sử dụng tổ hợp các PP kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của NH thể hiện ở hình thức kiểm tra, thi đa dạng: tự luận, trắc nghiệm khách quan trên giấy, trắc nghiệm trên máy tính, vấn đáp, viết tiểu luận, thực hành, thực tập hoặc kết hợp các hình thức nêu trên tùy theo đặc điểm của từng học phần [H05.3.001], [H05.3.002], [H05.3.003]. Ví dụ: Theo thống kê PP thi học phần CTĐT CTXH 2024 có 5 học phần Trắc nghiệm (CTXH người nghèo, CTXH trẻ em, CTXH đại cương, Tâm lý học, GDH đại cương); 4 học phần thi thực hành (PP GD kỹ năng sống, Tham vấn trong CTXH, Tin học, Kỹ năng giao tiếp trong CTXH); 3 HP thi vấn đáp (Tâm lý giáo dục và giao tiếp xã hội, GD và sự phát triển xã hội; Giới và phát triển), ngoài ra còn có các học phần tự luận; báo cáo thực tế thực hành, bài tập lớn và kết hợp nhiều hình thức thi.

Các PP kiểm tra, đánh giá được thiết kế dựa trên Quy trình xây dựng và đánh giá độ tin cậy, độ chính xác của các PP kiểm tra đánh giá [H05.3.004], [H05.3.005]. Cụ thể, Khoa giao nhiệm vụ cho GV ra đề thi học phần, ngân hàng đề thi học phần bám sát nội dung của học phần, CĐR về kiến thức, kỹ năng, thái độ; lựa chọn PP kiểm tra, đánh giá phù hợp; tổ chức nghiệm thu ngân hàng đề với sự góp ý của các thành viên chuyên môn, sau đó GV chính xác hoá và nộp cho đơn vị tổng hợp nộp cho Phòng Quản lý chất lượng và Thanh tra quản lí, sử dụng ngân hàng đề thi một cách chủ động, đảm bảo tính khách quan, công bằng [H05.3.006]; Theo đó, trong mỗi đợt thi, phòng Quản lý chất lượng và Thanh tra bốc đề ngẫu nhiên trong ngân hàng đề làm đề thi học phần cho SV, bài thi được cắt phách và chấm theo barem điểm rõ ràng [H05.3.007]; kết quả kiểm tra, thi

được thể hiện trong Bảng điểm kết quả học tập của SV [H05.3.008]; các bài thi có bảng tổng hợp kết quả chấm thi theo số phách ký hiệu trong bài thi của SV [H05.3.009]. Hàng năm, đơn vị có báo cáo hiệu quả các hình thức, PP đánh giá kết quả học tập của người học [H05.3.010], đồng thời có kế hoạch, báo cáo việc đo lường, đánh giá độ giá trị, độ tin cậy của đề thi thông qua phổ điểm một số học phần [H05.3.011], [H05.3.012]; Các thông tin quy định về KTĐG kết quả học tập được xây dựng rõ ràng và công khai, đảm bảo công bằng trong tiếp cận và thực hiện các quy định [H05.3.013], [H05.3.014], [H05.3.015]. Dựa trên các tài liệu phân tích kết quả thi, Khoa xây dựng Báo cáo đổi mới PP kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học, CTĐT ngành CTXH [H05.3.016], [H05.3.017].

2. Điểm mạnh

Sử dụng đa dạng các PP kiểm tra, đánh giá phù hợp với đặc thù nghiệp vụ chuyên môn CTXH và đáp ứng CDR của CTĐT, đồng thời xác định được tiêu chí đánh giá rõ ràng của từng nội dung đánh giá.

3. Điểm tồn tại

Một số các học phần chưa xây dựng được ngân hàng đề nên mức độ bao quát của đề thi do GV tự xây dựng trong các lần thi học phần chưa cao, do vậy ở một số môn học chưa thể hiện mức độ tin cậy và độ giá trị cao.

4. Kế hoạch hành động

Các năm học tiếp theo, Khoa CT&TLGD tiếp tục nghiên cứu đổi mới PP kiểm tra đánh giá, đổi mới bộ đề thi và cách ra đề thi, hoàn thiện ngân hàng đề thi cho toàn bộ CTĐT CTXH nhằm đảm bảo độ tin cậy và độ giá trị của PP kiểm tra đánh giá.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt 5/7.

Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải tiến việc học tập

1. Mô tả

Nhà trường đã có các quy định về việc phản hồi kết quả đánh giá của NH thông qua các văn bản: Quyết định về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Tân Trào [H05.4.001]; Quyết định về việc ban hành quy định tổ chức thi kết thúc học phần [H05.4.002]; Quyết định ban hành quy định về giải quyết khiếu nại kết quả học tập [H05.4.003].

Các quy định này được công bố công khai đến GV và NH thông qua việc đăng tải trên website của Trường ĐHTT [H05.4.004]; được công bố công khai trong sổ tay

SV được nhận khi bắt đầu nhập học [H05.4.005]; được thể hiện trong các buổi sinh hoạt chuyên môn của Khoa [H05.4.006]; khi kết thúc học phần, điểm môn học được nhập trên hệ thống phần mềm quản lý điểm của nhà trường, sinh viên có tài khoản cá nhân truy cập và tra cứu điểm [H05.4.007]. Đồng thời những nội dung này được đội ngũ cố vấn học tập phổ biến trực tiếp đến NH thông qua các buổi sinh hoạt lớp [H05.4.008].

Người học được phản hồi kết quả đánh giá kịp thời: Theo quy định kiểm tra đánh giá kết quả học tập của sinh viên: Điểm đánh giá chuyên cần về ý thức học tập/hồ sơ học tập và điểm đánh giá giữa kỳ phải được thông báo công khai cho SV ngay khi kết thúc giảng dạy học phần; điểm thi kết thúc học phần được thông báo công khai cho SV trên trang thông tin cá nhân của SV chậm nhất sau 2 ngày kể từ khi có kết quả thi học phần, trợ lý khoa hoàn thành việc nhập điểm thi học phần vào phần mềm quản lý điểm và khóa điểm trên hệ thống. Trong thời gian 07 ngày kể từ ngày công bố điểm thi, nếu có yêu cầu chấm lại bài thi, SV phải làm Đơn xin phúc khảo [H05.4.001], [H05.4.002]; [H05.4.009], [H05.4.010], [H05.4.011], [H05.4.012], [H05.4.013].

Nhà trường, Khoa tổ chức lấy ý kiến về mức độ hài lòng NH đối với cách thức, thời gian phản hồi kết quả học tập bằng phiếu khảo sát SV đánh giá GV từng học kỳ. Kết quả này được thể hiện trong Báo cáo tổng hợp kết quả phản hồi từ NH về hoạt động giảng dạy của GV; Báo cáo khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ NH trước khi tốt nghiệp; Báo cáo lấy ý kiến phản hồi từ NH về công tác kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV [H05.4.014], [H05.4.015], [H05.4.016].

Các thông tin phản hồi về kết quả đánh giá được sử dụng để cải thiện việc học tập của SV: [H05.4.017], [H05.4.018], [H05.4.019].

2. Điểm mạnh

Kết quả đánh giá NH được phản hồi kịp thời, giúp NH chủ động trong việc cải thiện kết quả học tập.

3. Điểm tồn tại

Còn một số GV chưa công bố kịp thời điểm giữa kì tới NH để cải thiện việc học tập.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2025-2026, Lãnh đạo Khoa kiểm tra việc công bố điểm giữa kì tới NH, yêu cầu GV báo cáo trong các cuộc họp khoa/sinh hoạt chuyên môn.

5. Tự đánh giá: tiêu chí đạt 5/7.

Tiêu chí 5.5. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập

1. Mô tả

Quy trình khiếu nại về kết quả học tập đã được hướng dẫn rõ ràng trong các Quy định, Hướng dẫn của Nhà trường về quy trình khiếu nại/phúc khảo, kiểm tra kết quả thi của NH. Theo đó SV có quyền đề nghị kiểm tra kết quả thi kết thúc học phần trong thời gian 7 ngày từ khi nhận được kết quả thi. SV nộp đơn đề nghị cho chuyên viên Phòng Quản lý chất lượng và Thanh tra, chuyên viên tiếp nhận đơn và trình lãnh đạo Phòng xem xét; Phòng phối hợp với các Khoa, Bộ môn tổ chức thực hiện việc chấm phúc khảo bài thi học phần và thông báo kết quả cho các đơn vị và SV muộn nhất 15 ngày từ khi nhận đơn phúc khảo [H05.5.001], [H05.5.002].

Các quy định về quy trình khiếu nại kết quả học tập được thông báo công khai đến SV thông qua nhiều hình thức như: thông qua website của Trường ĐHTT, sổ tay SV. Đồng thời, những nội dung này được đội ngũ cố vấn học tập phổ biến trực tiếp đến NH thông qua các buổi sinh hoạt lớp [H05.5.003], [H05.5.004], [H05.5.005]

Phòng Quản lý chất lượng và Thanh tra đã phân công chuyên viên phụ trách việc kiểm tra kết quả thi để tiếp nhận, xử lý và phản hồi kết quả tới người có liên quan. Các SV khi khiếu nại kết quả học tập và phúc khảo bài thi được hướng dẫn viết đơn theo mẫu và gửi cho Phòng Quản lý chất lượng và Thanh tra tổng hợp, giải quyết nguyện vọng cho SV theo đơn [H05.5.006]. Theo thống kê, trong năm 2020-2024 SV ngành CTXH không có các khiếu nại kết quả học tập và phúc khảo bài thi.

2. Điểm mạnh

NH được phổ biến đầy đủ quy trình khiếu nại kiểm tra kết quả thi qua nhiều hình thức. Đến nay không có SV nào khiếu nại.

3. Điểm tồn tại

Thời gian thực hiện quy trình phúc khảo còn dài.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2025-2026, Nhà trường rút gọn quy trình, thủ tục phúc tra kết quả học tập của NH.

5. Tự đánh giá: tiêu chí đạt 5/7.

Kết luận về tiêu chuẩn 5

Việc đánh giá kết quả học tập của NH ngành CTXH được thực hiện nghiêm túc,

hiệu quả, đúng quy trình và bám sát các quy định, hướng dẫn của BGD&ĐT, của Trường ĐHTT, đảm bảo tính công khai, minh bạch và công bằng trong đánh giá kết quả học tập của NH, tập trung vào đánh giá năng lực của NH thông qua các kỳ thi/kiểm tra, đặc biệt trong việc đo lường được mức độ đạt được CDR của môn học và CTĐT, đa dạng hóa các phương thức đánh giá, phản hồi đến NH để NH xác định và điều chỉnh kế hoạch học tập.

Căn cứ vào nội dung tự đánh giá, tiêu chuẩn 5 có 1/5 tiêu chí đạt 6/7, 4/5 tiêu chí đạt 5/7.

Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Mở đầu: Khoa CT&TLGD Trường ĐHTT thực hiện quy hoạch đội ngũ GV và nghiên cứu viên một cách toàn diện và hiệu quả. Quy trình này bao gồm từ việc thu hút nhân tài, tiếp nhận cán bộ mới, bổ nhiệm vào các vị trí phù hợp, bố trí công việc hợp lý, đến việc chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu khi cần thiết. Tất cả đều được thực hiện dựa trên nhu cầu thực tế về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ. Nhờ đó, Khoa luôn đảm bảo có đội ngũ nhân sự chất lượng, đáp ứng tốt các yêu cầu phát triển và đổi mới trong giáo dục và nghiên cứu.

Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả

Việc quy hoạch đội ngũ GV, nghiên cứu viên của Nhà trường nói chung và Khoa nói riêng được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo. Để thực hiện quy hoạch Nhà trường đã ban hành Chiến lược phát triển Trường ĐHTT giai đoạn 2018-2025, định hướng đến năm 2030; Đề án vị trí việc làm [H06.1.001], [H06.1.002]. Căn cứ vào Chiến lược và Đề án vị trí việc làm của Nhà trường, Khoa CT&TLGD đã xây dựng Kế hoạch phát triển đội ngũ GV, nghiên cứu viên của Khoa giai đoạn 2018-2025 [H06.1.003]. Công tác quy hoạch đội ngũ GV, nghiên cứu viên của Khoa được thực hiện bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu dựa trên căn cứ nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ. Việc quy hoạch được thực hiện đúng quy trình và minh bạch, phù hợp với bản mô tả công việc, khung năng lực vị trí việc làm của Trường ĐHTT và Quy định về điều kiện, tiêu chuẩn, thủ tục tiếp nhận cán bộ, công chức, viên chức; chuyên công tác, biệt phái đối với viên chức thuộc thẩm

quyền quản lý của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang [H06.1.004], [H06.1.005], [H06.1.006].

Dựa trên phân tích nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng hàng năm của GV [H06.1.007], Khoa xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ GV giai đoạn 2020-2025, phấn đấu đến năm 2025 số GV có trình độ TS công tác tại Khoa đạt 30%, tỷ lệ GVC đạt 400%, có 100% GV có trình độ tin học, ngoại ngữ đáp ứng giảng dạy, nghiên cứu và giao tiếp. Hiện nay, tổng số GV cơ hữu của Khoa là 19 người (giảng dạy CTĐT ngành CTXH là 13 người), GV của Trường tham gia giảng dạy là 33 người, số GV đạt trình độ TS là 08 (chiếm 24,2 %); đang nghiên cứu sinh là 02 GV (chiếm 6,1%), 01 PGS (chiếm 3,03%), thạc sĩ là 24 người (chiếm 72,7%). Độ tuổi bình quân của GV cơ hữu là 41,9 tuổi, có 14 nam (chiếm 42,4%) và 19 nữ (chiếm 57,5%). Việc tuyển dụng, thu hút giảng viên đều xuất phát từ nhu cầu của Khoa. Kế hoạch tuyển dụng được Khoa đề xuất lên Lãnh đạo Trường phê duyệt, quy trình tuyển dụng được tổ chức chặt chẽ, việc sắp xếp, bố trí GV mới được tuyển dụng đều theo đúng chuyên môn, chuyên ngành được đào tạo, các GV được Nhà trường hỗ trợ kinh phí học tập nâng cao trình độ [H06.1.005], [H06.1.008].

Để đảm bảo về mặt số lượng và chất lượng đội ngũ của Nhà trường, căn cứ vào đề nghị của Khoa CT&TLGD và các đơn vị khác, Trường ĐHTT đã xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo, sử dụng, tuyển dụng thu hút viên chức đảm bảo đội ngũ kế cận, đảm bảo cơ cấu độ tuổi dựa trên khối lượng công việc đang thực hiện của GV và cán bộ sắp nghỉ hoặc đã nghỉ hưu [H06.1.009].

Giai đoạn 2020-2024, Khoa CT&TLGD luôn chú ý công tác bồi dưỡng GV phát triển năng lực chuyên môn để đáp ứng yêu cầu đào tạo và NCKH. Các GV luôn được Nhà trường và Khoa quan tâm bồi dưỡng nâng cao chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu giảng dạy của CTĐT. Ngoài việc cử các GV đi học tập nâng cao trình độ tại các cơ sở đào tạo có uy tín, Khoa thường xuyên tổ chức cho GV có kinh nghiệm hướng dẫn, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ cho GV trẻ, cử các GV tham gia các lớp tập huấn, hội thảo khoa học. GV tham gia đào tạo ngành CTXH có nhiều sản phẩm khoa học như đề tài, bài báo, giáo trình, sách chuyên khảo, tài liệu tham khảo được nghiệm thu và được đưa vào sử dụng phục vụ công tác đào tạo [H06.1.010], [H06.1.011]. Với chiến lược quy hoạch đội ngũ giảng viên như trên, đội ngũ GV không chỉ đảm bảo chất

lượng giảng dạy CTĐT và NCKH mà còn đóng góp hiệu quả vào sự phát triển bền vững của cộng đồng địa phương. Đã có nhiều GV, SV trong Khoa tham gia câu lạc bộ CTXH, thực hiện nhiều hoạt động từ thiện, trao tặng quà và cung cấp hỗ trợ cho những người yếu thế, tham gia các chương trình phát triển văn hóa, bảo tồn giá trị truyền thống của cộng đồng dân tộc thiểu số, các chương trình tình nguyện vì cộng đồng như chăm sóc sức khỏe, cải thiện điều kiện sống cho người dân khó khăn...[H06.1.012].

Việc bổ nhiệm lãnh đạo khoa dựa vào tiêu chuẩn chính trị và năng lực công tác. Quy trình quy hoạch, bổ nhiệm đều thực hiện công khai, tiêu chí bổ nhiệm rõ ràng và được thực hiện đúng quy định của trường ĐHTT [H06.1.013].

2. Điểm mạnh

Khoa đã xây dựng được kế hoạch quy hoạch bồi dưỡng, phát triển đội ngũ GV đúng quy trình và đáp ứng tốt với yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD.

3. Điểm tồn tại

Số GV có trình độ Tiến sĩ chưa cao.

4. Kế hoạch hành động

Phấn đấu đến năm 2028, Khoa CT&TLGD có 40% GV có trình độ TS và có ít nhất 5% GV PGS.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt 5/7

Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học phục vụ cộng đồng

1. Mô tả

Hiện nay, tổng số GV cơ hữu của Khoa là 19 người (giảng dạy CTĐT ngành CTXH là 13 người), GV của Trường tham gia giảng dạy là 33 người, số GV đạt trình độ TS là 08 (chiếm 24,2 %); đang nghiên cứu sinh là 02 GV (chiếm 6,1%), 01 PGS (chiếm 3,03%), thạc sĩ là 24 người (chiếm 72,7%). Độ tuổi bình quân của GV cơ hữu là 41,9 tuổi, có 14 nam (chiếm 42,4%) và 19 nữ (chiếm 57,5%) [H06.2.001].

Để đảm bảo về mặt số lượng và chất lượng đội ngũ cho Khoa CT&TLGD, Nhà trường và Khoa đã xây dựng lộ trình đào tạo, sử dụng, tuyển dụng thu hút viên

chức đảm bảo đội ngũ kế cận, đảm bảo cơ cấu độ tuổi dựa trên khối lượng công việc đang thực hiện của GV và lực lượng GV sắp nghỉ hoặc đã nghỉ hưu [H06.2.002], [H06.2.003], [H06.2.004]. Tỷ lệ GV/SV được quy đổi (Thông tư 06/2018/TT-BGD&ĐT ngày 28/2/2018 và Thông tư 07/2020/TT-BGD&ĐT) thể hiện cụ thể trong bảng sau được quy đổi như sau:

Bảng 6.2. 1. Tỷ lệ SV/GV của giai đoạn 2020-2024

Năm	Số lượng giảng viên			Số giảng viên đi học nâng cao trình độ	Số lượng sinh viên ngành CTXH	Tỷ lệ (sinh viên/ giảng viên)
	Tiến sĩ	Thạc sĩ	PGS			
2019-2020	5	31			7	1.4
2020-2021	5	27			2	0.4
2021-2022	7	29			5	0.71
2022-2023	8	25		1	12	1.5
2023-2024	8	24		1	15	1.88
2024-2025	8	24	1		26	3.25

Ngành CTXH thuộc Khối ngành VII - Dịch vụ xã hội theo quy định của BGD&ĐT Việt Nam. Do đó, tỷ lệ sinh viên trên GV quy đổi đối với ngành này tuân theo quy định của khối ngành VII, cụ thể là không vượt quá 25 sinh viên chính quy trên một GV quy đổi. Tỷ lệ SV trên GV (SV/GV) trong các năm đều thấp hơn ngưỡng 25 SV/GV quy định cho khối ngành III. Điều này cho thấy tỷ lệ GV so với SV của ngành CTXH tại Khoa đảm bảo chất lượng đào tạo theo quy định của Thông tư 06/2018/TT-BGD&ĐT và Thông tư 07/2020/TT-BGD&ĐT. Như vậy, tỷ lệ GV và NH về cơ bản là đáp ứng yêu cầu. Tuy nhiên, số lượng SV tuyển sinh các năm còn thấp.

Việc quy đổi khối lượng công việc của đội ngũ GV, nghiên cứu viên theo giờ chuẩn được hướng dẫn chi tiết và được triển khai thực hiện. Khối lượng công việc của GV, giờ chuẩn giảng dạy, giờ chuẩn NCKH, giờ chuẩn các hoạt động chuyên môn khác được thực hiện theo Quy định chế độ làm việc của GV; Quy định Quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của Trường ĐHTT; Đề án vị trí việc làm của trường

ĐHTT, các văn bản trên đã xác định khối lượng công việc của GV theo vị trí chức danh cho từng đối tượng lãnh đạo, kiêm nhiệm, công tác Đảng, đoàn thể. Quy định về chế độ làm việc của GV đã nêu rõ về thời gian làm việc, giờ chuẩn và định mức giảng dạy, NCKH của GV, cụ thể tổng thời gian làm việc của GV trong năm học là 44 tuần (tương đương 1.760 giờ hành chính) để thực hiện các nhiệm vụ giảng dạy, NCKH, PVCĐ và các nhiệm vụ chuyên môn khác. Thời gian giảng dạy một tiết lý thuyết trên lớp hoặc trực tuyến 50 phút được tính bằng 01 giờ chuẩn. Tại Điều 6 của Quy định này cũng chỉ rõ việc quy đổi giờ chuẩn đối với một số hoạt động chuyên môn bao gồm giảng dạy lý thuyết, hướng dẫn thực hành, thực tập, hướng dẫn khóa luận tốt nghiệp, sinh hoạt chuyên môn, cố vấn học tập, soạn đề thi, xây dựng ngân hàng đề thi, chấm thi,... Nhà trường có quy định tỷ lệ quy đổi các đề tài NCKH, bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế, kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học, sáng kiến kinh nghiệm các cấp [H06.2.005], [H06.2.006], [H06.2.007].

Khối lượng công việc đối với đội ngũ GV được giám sát để cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ. Kết thúc năm học, GV kê khai định mức lao động của GV bao gồm khối lượng giảng dạy, NCKH và các hoạt động chuyên môn khác để nghiệm thu cấp Khoa và cấp Trường, ngoài ra các kết quả về khối lượng và chất lượng công việc còn được sử dụng để bình xét danh hiệu thi đua hàng năm. Bảng kê khai định mức của GV và tổng hợp của Khoa được gửi về phòng Quản lý chất lượng và Thanh tra (trước là phòng Khảo thí - Đảm bảo chất lượng) để tổng hợp và tham mưu cho Lãnh đạo trường thành lập Hội đồng nghiệm thu định mức lao động. Kết quả nghiệm thu của Hội đồng cấp trường được thông báo công khai về các đơn vị để thông báo cho GV. Trên cơ sở nghiệm thu định mức lao động, GV tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao trong năm học và bảng chấm điểm thi đua khen thưởng. Sau đó, Khoa tổ chức họp bình xét danh hiệu thi đua của GV và tổng hợp kết quả, gửi tờ trình về Văn phòng (trước đây là phòng Tổ chức - Chính trị); kết quả thi đua được khen thưởng theo quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường. Từ kết quả đã đạt được Nhà trường đồng thời triển khai cho GV đăng ký danh hiệu thi đua của cá nhân và tập thể trong năm học tiếp theo [H06.2.008], [H06.2.009], [H06.2.010], [H06.2.011], [H06.2.012], [H06.2.013].

Để đảm bảo chất lượng hoạt động giảng dạy và các hoạt động chuyên môn khác, trong năm học, Nhà trường tổ chức hoạt động thanh tra chuyên môn và đánh giá công tác đảm bảo chất lượng hàng năm, từ đó Khoa tổ chức họp đánh giá, rút kinh nghiệm để

cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng trong các năm học tiêos theo [H06.2.014], [H06.2.015].

2. Điểm mạnh

Tỉ lệ GV/SV đáp ứng tốt yêu cầu của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD.

3. Điểm tồn tại

Số lượng sinh viên tuyển sinh các năm còn thấp.

4. Kế hoạch hành động:

Tích cực thực hiện công tác truyền thông tuyển sinh cho ngành CTXH.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt 5/7.

Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Mô tả

Nhà trường có các văn bản quy định về các tiêu chí, quy trình tuyển dụng và lựa chọn GV, nghiên cứu viên để bổ nhiệm, điều chuyển. Các quy định về tiêu chí, quy trình tuyển dụng và lựa chọn GV, NCV được quy định trong Quy định về tuyển dụng, sử dụng, quản lý CB, GV, viên chức và người lao động của Trường ĐHTT. Theo đó các tiêu chí tuyển dụng GV gồm: có bằng ThS trở lên đúng ngành hoặc ngành phù hợp của ngành cần tuyển (ưu tiên người có bằng ThS đúng ngành cần tuyển); có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên đại học; có khả năng ứng dụng CNTT và sử dụng ngoại ngữ trong thực hiện các nhiệm vụ của GV; có năng lực sư phạm và khả năng NCKH; có đủ sức khỏe đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm. Đáp ứng tiêu chuẩn riêng cho từng vị trí tuyển dụng được nêu cụ thể trong thông báo tuyển dụng [H06.3.001], [H06.3.002]. Ngoài ra quy định về tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV còn được quy định trong Danh mục vị trí việc làm Trường ĐHTT và Bản mô tả công việc, khung năng lực vị trí việc làm của Trường ĐHTT [H06.3.003], [H06.3.004].

Quy trình tổ chức tuyển dụng của Trường ĐHTT thực hiện theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP, khoản 9 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP như sau: Bước 1. Hiệu trưởng quyết định thành lập Hội đồng tuyển dụng. Bước 2. Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng quyết định thành lập Ban kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển. Bước 3. Thông báo kết quả kiểm tra Phiếu đăng ký dự thi và kế hoạch thi. Bước 4. Tổ chức thi /xét tuyển 5. Thông báo kết quả tuyển dụng và hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng. Sau khi

có quyết định tuyển dụng, các GV mới đều phải tham gia dự giờ chuyên môn, biên soạn và trình bày đề cương bài giảng để Bộ môn phê duyệt; lên lớp thử tại Bộ môn để được góp ý, điều chỉnh trước khi được lên lớp chính thức. Trong 1 năm thử việc, GV mới thường được Khoa phân công một GV có kinh nghiệm hướng dẫn, theo dõi, giúp đỡ [H06.3.005], [H06.3.006].

Các quy định về bổ nhiệm viên chức giữ chức vụ lãnh đạo được thực hiện theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường, trong đó Trưởng khoa, Phó Trưởng khoa phải có đủ tiêu chuẩn GV giảng dạy trình độ đại học, có kinh nghiệm giảng dạy, nghiên cứu khoa học, năng lực quản lý, có trình độ trung cấp lý luận chính trị trở lên và có đủ sức khỏe theo quy định. Trưởng khoa phải có trình độ TS phù hợp với ngành, chuyên ngành đào tạo tại khoa. Phó Trưởng khoa phải có trình độ ThS trở lên. Riêng Phó Trưởng khoa phụ trách hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ phải có trình độ TS. Trưởng khoa có nhiệm kỳ 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại nhưng không quá 02 (hai) nhiệm kỳ liên tiếp. Nhiệm kỳ của Trưởng khoa, Phó Trưởng Khoa theo nhiệm kỳ của Hiệu trưởng. Độ tuổi khi bổ nhiệm lần đầu của Trưởng khoa, Phó Trưởng khoa phải đảm bảo thực hiện nhiệm vụ ít nhất 01 (một) nhiệm kỳ. Trưởng khoa và Phó trưởng khoa do Hiệu trưởng bổ nhiệm. Quy trình giới thiệu, bổ nhiệm và miễn nhiệm Trưởng khoa, Phó Trưởng khoa theo quy định của pháp luật và Quy chế bổ nhiệm của Trường, Tuy nhiên, Nhà trường chưa có quy trình về việc thi tuyển lãnh đạo cấp khoa [H06.3.007].

Tính đến thời điểm hiện tại Khoa CT&TLGD gồm có 19 GV, Khoa được thành lập bởi sự sát nhập của Khoa Tâm lý Giáo dục và CTXH và bộ môn Lý luận chính trị trực thuộc Trường tháng 5/2024. Trong chu kỳ đánh giá 5 năm Nhà trường đã bổ nhiệm 03 GV giữ chức vụ lãnh đạo, chấm dứt 02 GV hợp đồng chuyên môn nghiệp vụ, 01 GV nghỉ chế độ hưu và có 02 GV chuyển đến đơn vị [H06.3.008], [H06.3.009].

Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật để bổ nhiệm, điều chuyển được phổ biến và thông báo công khai bằng cách triển khai văn bản tại các cuộc họp Khoa, công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng thông qua đường link website của Trường ĐHTT; Báo Tuyên Quang; Cổng thông tin điện tử tỉnh Tuyên Quang [H06.3.010].

2. Điểm mạnh

Quy trình về việc tuyển dụng và lựa chọn GV được xây dựng theo các tiêu chí chặt chẽ và phổ biến công khai.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa có quy trình về việc thi tuyển lãnh đạo cấp khoa.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2025-2026 Nhà trường xây dựng quy trình về việc thi tuyển lãnh đạo cấp Khoa.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt 5/7.

Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ giảng viên được xác định và được đánh giá

1. Mô tả

Năng lực của đội ngũ GV được xác định và đáp ứng các quy định hiện hành. Năng lực của GV được xác định trong Danh mục vị trí việc làm Trường ĐHTT; Bản mô tả công việc, khung năng lực vị trí việc làm của Trường ĐHTT; Quy định về chế độ làm việc của GV Trường ĐHTT; Quy định quản lý hoạt động KHCN; Quy định về công tác cổ vấn học tập; Quy chế đánh giá viên chức, người lao động và các đơn vị trực thuộc Trường ĐHTT. Trên cơ sở đó Nhà trường có văn bản quy định và hướng dẫn cụ thể về tiêu chí đánh giá, phân loại làm căn cứ xét danh hiệu thi đua khen thưởng hoặc rút kinh nghiệm đối với GV hàng năm [H06.4.001], [H06.4.002], [H06.4.003], [H06.4.004], [H06.4.005], [H06.4.006], [H06.4.008], [H06.4.009].

Nhà trường có quy định cụ thể về năng lực chuyên môn của GV như: năng lực giảng dạy, năng lực NCKH; năng lực tư vấn và năng lực kết nối các bên liên quan, năng lực tự giám sát và đánh giá chất lượng của GV. Các năng lực của GV được đánh giá thường xuyên với nhiều hình thức đa dạng: đối với năng lực giảng dạy được đánh giá thông qua phiếu đánh giá giờ dạy, qua kết quả khảo sát lấy ý kiến người học về hoạt động dạy học của GV, qua kết quả kiểm tra hồ sơ chuyên môn [H06.4.005], [H06.4.007]. Năng lực NCKH được đánh giá thông qua các nội dung trong quy định quản lý hoạt động KHCN của GV, qua việc quy đổi điểm khoa học, qua các tiêu chí trong phiếu đánh giá đề tài, giáo trình, sách chuyên khảo, tài liệu tham khảo của GV [H06.4.004], [H06.4.005].

Đối với năng lực tư vấn và kết nối các bên liên quan được thực hiện theo văn bản quy định về công tác cổ vấn học tập và các hoạt động đào tạo để nâng cao năng lực chuyên môn và tạo môi trường học tập cho SV [H06.4.006]. Năng lực giám sát và tự đánh giá chất lượng công việc của GV được thực hiện tốt (GV tự đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ giảng dạy, NCKH cũng như việc chấp hành chủ trương đường lối của

Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy định của cơ quan, đơn vị). Tuy nhiên, năng lực kết nối các bên liên quan của đội ngũ GV chưa thực hiện thường xuyên.

Nhà trường ban hành các văn bản hướng dẫn cụ thể về phương thức, quy trình và biểu mẫu đánh giá năng lực của GV [H06.4.007]. Việc đánh giá được thực hiện 02 lần/năm vào cuối năm học (tháng 7) và cuối năm (tháng 12). Bộ phận Tổ chức của Văn phòng (*trước tháng 5 năm 2024 là Phòng Tổ chức - Chính trị*) làm đầu mối triển khai, hướng dẫn các đơn vị. Trình tự đánh giá GV được thực hiện như sau: GV tự đánh giá, người học đánh giá, đơn vị quản lý đánh giá. Kết quả đánh giá, phân loại, bình xét GV được gửi về bộ phận Tổ chức thuộc Văn phòng tổng hợp để trình Hội đồng Thi đua khen thưởng Nhà trường xét duyệt theo Quy định thi đua khen thưởng của Nhà trường [H06.4.008]. Giai đoạn 2020 -2024, kết quả đánh giá năng lực hàng năm của GV Khoa CT&TLGD cho thấy trên 90% GV đạt các danh hiệu thi đua Lao động tiên tiến trở lên (những giảng viên không đạt danh hiệu thi đua là do đang trong độ tuổi đi học nâng cao trình độ nhưng chưa đi học) [H06.4.009], 100% GV hoàn thành tốt nhiệm vụ [H06.4.010]. Năng lực của đội ngũ GV được đánh giá theo đúng quy định, đa dạng về hình thức và ở nhiều cấp độ khác nhau. Cuối năm học, Nhà trường tiến hành khảo sát lấy ý kiến đánh giá của người học về hoạt động giảng dạy của GV, từ đó các GV tiếp tục hoàn thiện về năng lực giảng dạy và NCKH, các cấp quản lý có cơ sở xây dựng kế hoạch và chiến lược phát triển đội ngũ phù hợp [H06.4.011].

2. Điểm mạnh

Năng lực của GV được xác định rõ ràng và tổ chức đánh giá thường xuyên với nhiều hình thức.

3. Điểm tồn tại

Năng lực kết nối các bên liên quan của đội ngũ GV còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2025-2026, Nhà trường và Khoa xây dựng kế hoạch tổ chức các chuyên công tác học tập kinh nghiệm, tổ chức các hội thảo chuyên ngành để GV mở rộng khả năng kết nối với các nhà khoa học, các đơn vị tuyển dụng, các chuyên gia trong lĩnh vực đào tạo về CTXH.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt 5/7.

Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

1. Mô tả

Hàng năm, Khoa CT&TLGD thực hiện khảo sát, đánh giá nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ GV. Để triển khai mục tiêu phát triển nguồn nhân lực, hàng năm, căn cứ kế hoạch Nhà trường, Khoa đã tổ chức khảo sát, đánh giá nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ GV từ năm 2020 - 2025 [H06.5.001], [H06.5.002], kết quả như sau:

Bảng 6.5.1. Biểu tổng hợp nhu cầu học tập nâng cao trình độ của GV khoa CT & TLGD giai đoạn 2019-2024

Năm	Số lượng giảng viên			Số giảng viên đi học nâng cao trình độ	Số GV có nhu cầu học nâng cao trình độ	Ghi chú
	Tiến sĩ	Thạc sĩ	PGS			
2019-2020	2	9			3	
2020-2021	2	7			3	
2021-2022	2	7			4	
2022-2023	2	7		1	6	
2023-2024	4	11		1	6	
2024-2025	5	14	1		8	

Số lượng GV có nhu cầu học nâng cao tăng đều từ 3 người (2019-2020) lên 8 người (2024-2025). Tốc độ tăng trưởng nhu cầu học tập mạnh mẽ, đặc biệt trong giai đoạn 2023-2025, cho thấy sự khuyến khích và hỗ trợ từ Nhà trường và Khoa trong việc phát triển chuyên môn.

Kế hoạch về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV được xây dựng dựa trên yêu cầu của CTĐT. Hiện nay, tổng số GV cơ hữu của Khoa là 19 người (giảng dạy CTĐT ngành CTXH là 13 người), GV của Trường tham gia giảng dạy là 33 người, số GV đạt trình độ TS là 08 (chiếm 24,2 %); đang nghiên cứu sinh là 02 GV (chiếm 6,1%), 01 PGS (chiếm 3,03%), ThS là 24 người (chiếm 72,7%). Căn cứ số lượng SV ngành CTXH, số lượng đội ngũ GV được đào tạo bồi dưỡng và phát triển chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng tốt việc thực hiện giảng dạy CTĐT [H06.5.003].

Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn nghiệp vụ được triển khai thực hiện, Nhà trường đã triển khai Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 20/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang quy định chính sách thu hút nguồn nhân lực,

hỗ trợ đào tạo sau đại học, nâng cao trình độ ngoại ngữ; tổ chức rà soát, đăng ký bổ sung số lượng viên chức đi học theo Kế hoạch 140 của UBND tỉnh Tuyên Quang, rà soát kế hoạch đào tạo sau đại học; nội dung bồi dưỡng và đăng ký nhu cầu bồi dưỡng các năm. Ngoài ra các GV đi học nghiên cứu sinh còn được hỗ trợ kinh phí đi học lên đến 140 triệu đồng theo quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ [H06.5.004], [H06.5.005], [H06.5.006], H06.5.007].

Kết quả bên cạnh các khoá đào tạo, bồi dưỡng chung của Nhà trường về năng lực giảng dạy và NCKH, để đáp ứng theo yêu cầu giảng dạy ngày càng cao của CTĐT ngành CTXH, hàng năm Khoa và Nhà trường đã bồi dưỡng phát triển chuyên môn cho đội ngũ GV, cử GV đi học nâng cao trình độ, cử GV tham gia các đợt khảo sát thực tế, các khóa học tập kinh nghiệm, trải nghiệm thực tế chuyên môn tại các Trường Đại học trong và ngoài nước, các khóa học nâng cao năng lực ngoại ngữ, trình độ lý luận chính trị. Trong vòng 5 năm của chu kì KĐCL giáo dục kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV được triển khai thực hiện, đã có trên 75% số GV được đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn nghiệp vụ theo kế hoạch của Nhà trường. Đối với việc phát triển đội ngũ đạt chuẩn học vị, GV giảng dạy trong Khoa đã có 03 người bảo vệ thành công luận án tiến sĩ, 03 GV làm nghiên cứu sinh ở trong nước và sẽ bảo vệ luận án TS trước năm 2028, hiện đã có 08 GV đăng kí đi làm nghiên cứu sinh trong năm 2025, 2026. Tuy nhiên, Khoa vẫn còn có một số GV trong độ tuổi đi học nghiên cứu sinh chưa sắp xếp công việc cá nhân để đi học [H06.5.008], [H06.5.009], [H06.5.010].

Kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV được giám sát, đánh giá hàng năm. Văn phòng được giao chủ trì giám sát kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV và người lao động của các đơn vị, tổ chức khảo sát và báo cáo kết quả khảo sát mức độ hài lòng của GV với các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn tổng hợp trình Lãnh đạo Trường [H06.5.011], [H06.5.012], [H06.5.013], [H06.4.014], [H06.4.015]. Việc tham gia học tập, bồi dưỡng phát triển chuyên môn nghiệp vụ của GV là một trong các tiêu chí để Khoa và Nhà trường xét phân loại viên chức và danh hiệu thi đua hàng năm [H06.4.016], [H06.4.017].

2. Điểm mạnh

Khoa đã thực hiện tốt kế hoạch đào tạo bồi dưỡng chuyên môn NV cho GV.

3. Điểm tồn tại

Một số GV chưa chủ động trong việc học tập nâng cao trình độ, vẫn còn GV trong độ tuổi đi học nghiên cứu sinh nhưng chưa đi học.

4. Kế hoạch hành động

Nhà trường và Khoa tạo điều kiện để GV trong độ tuổi ký cam kết đi học nghiên cứu sinh.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt 5/7.

Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả

Hàng năm, Nhà trường xây dựng kế hoạch công tác năm học trên các lĩnh vực đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng, trên cơ sở đó, Khoa CT&TLGD ban hành kế hoạch công tác cụ thể đối với đơn vị trong công tác giảng dạy, sinh hoạt chuyên môn, NCKH, phục vụ cộng đồng và các hoạt động chuyên môn khác để phục vụ hoạt động đào tạo ngành CTXH. Căn cứ kế hoạch của Khoa, các GV sẽ xây dựng kế hoạch cá nhân để thực hiện các nhiệm vụ giảng dạy, kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ NCKH, hoạt động chuyên môn và các nhiệm vụ khác liên quan đến việc thực hiện CTĐT ngành CTXH [H06.6.001], [H06.6.002], [H06.6.003], [H06.6.004], [H06.6.005].

Lãnh đạo khoa CT&TLGD triển khai quản trị theo kết quả công việc của GV, qua đó tạo động lực cho hỗ trợ cho các hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Quá trình thực hiện nhiệm vụ năm học, Lãnh đạo khoa căn cứ kế hoạch và bản mô tả vị trí công việc để tổ chức thực hiện, quản lý, giám sát GV. Kết thúc năm học, GV thống kê khối lượng công việc của cá nhân theo thực tế thực hiện về các hoạt động giảng dạy, NCKH và các hoạt động chuyên môn khác như: cố vấn học tập, dự giờ đồng nghiệp, tham gia công tác tuyển sinh, công tác đoàn thể, các sản phẩm khoa học, hướng dẫn sinh viên NCKH... gửi báo cáo về Khoa. Khoa tiến hành họp để nghiệm thu khối lượng công việc thực tế của GV, sau đó gửi kết quả về Phòng Đảm bảo chất lượng và Thanh tra giáo dục để tổng hợp, báo cáo Hội đồng nghiệm thu định mức lao động của GV trong năm học, đồng thời làm cơ sở đánh giá GV trong năm học. Hàng năm Khoa đều có báo cáo kết quả quản trị đội ngũ GV trong Khoa, qua đó giúp đánh giá hiệu suất giảng dạy, nghiên cứu và quản lý nhân sự hiệu quả, hỗ trợ nâng cao chất lượng đào tạo, cải tiến PP giảng dạy và

định hướng phát triển GV, báo cáo còn giúp khoa xác định mức độ đáp ứng chương trình đào tạo, hỗ trợ khen thưởng, kỷ luật và quy hoạch nhân sự, đồng thời, đây là công cụ quan trọng trong kiểm định chất lượng giáo dục, dữ liệu từ báo cáo giúp khoa đề xuất chiến lược phát triển dài hạn [H06.6.006], [H06.6.007], [H06.6.008], [H06.6.009].

Nhà trường đã ban hành các quy định về công tác thi đua khen thưởng, đánh giá phân loại CBVC, người lao động gồm: Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức, người lao động; Quy định thi đua, khen thưởng; Quy chế chi tiêu nội bộ. Trong các văn bản quy định rất cụ thể về tiêu chí đánh giá viên chức, người lao động, các phiếu định lượng đánh giá tập thể, từng cá nhân hàng tháng, năm học hoặc theo năm, mức khen thưởng ... [H06.6.010], [H06.6.011], [H06.6.012]. Đối với phiếu đánh giá, xếp loại CBVC có thang điểm 100, bảng tiêu chí đánh giá cụ thể gồm 17 tiêu chí đối với CBVC các Phòng, Ban, Trung tâm, Khoa, Bộ môn; 14 tiêu chí đối với CB giảng dạy, giáo viên thực hành. Căn cứ các văn bản này, hàng quý Trường khoa tổ chức họp đơn vị để đánh giá xếp loại viên chức gửi Văn phòng tổng hợp. Cuối năm và cuối năm học Văn phòng tổng hợp kết quả bình xét GV của các đơn vị, trình Hội đồng Thi đua - khen thưởng Nhà trường họp xét và ra quyết định thi đua khen thưởng đối với đội ngũ GV, đồng thời làm căn cứ chi tăng thu nhập cho GV [H06.6.013], [H06.6.014].

Kết quả của Hội đồng Thi đua - khen thưởng Nhà trường đối với tập thể và cá nhân GV khoa CT&TLGD giai đoạn 2020-2024 cho thấy, khoa CT&TLGD nhiều năm đạt danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến, 100% GV hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. Hàng năm đều có cá nhân được nhận giấy khen các cấp, được khen thưởng về thành tích trong hoạt động chuyên môn và cống hiến cho cộng đồng, được nâng bậc lương trước thời hạn. Kết quả đánh giá cho thấy việc quản trị các hoạt động giảng dạy và NCKH đối với GV được thực hiện hiệu quả. Hàng năm, Khoa CT&TLGD tổ chức họp đánh giá, rút kinh nghiệm và khảo sát ý kiến của GV về kết quả đánh giá năng lực GV. Kết quả khảo sát cho thấy 100% GV đều hài lòng về việc quản trị theo kết quả công việc, tính đến tháng 12/2024, Khoa và Nhà trường chưa nhận được ý kiến hoặc đơn thư khiếu nại nào về kết quả đánh giá, phân loại, bình xét thi đua khen thưởng. Công tác thi đua khen thưởng đã động viên khuyến khích GV tích cực tham gia hoạt động nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng, đóng góp vào sự phát triển chung của Khoa và Nhà trường. Tuy nhiên, Khoa CT&TLGD chưa có kế hoạch, hình thức khen thưởng cụ thể đối với GV đạt thành tích xuất sắc trong công việc [H06.6.015], [H06.6.016].

2. Điểm mạnh

Việc quản trị theo kết quả công việc của GV, được triển khai có hiệu quả cao để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

3. Điểm tồn tại

Khoa CT&TLGD chưa có kế hoạch, hình thức khen thưởng cụ thể đối với GV đạt thành tích xuất sắc trong công việc.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2025-2026, Khoa xây dựng được kế hoạch, hình thức khen thưởng cụ thể đối với GV đạt thành tích xuất sắc trong công việc.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt 5/7.

Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Nhà trường quy định về loại hình và số lượng sản phẩm nghiên cứu khoa học của đội ngũ GV, NCV trong Quy định Quản lý hoạt động khoa học và công nghệ Trường ĐHTT. Loại hình NCKH bao gồm: tham gia các chương trình, đề án, dự án, đề tài KHCN; viết giáo trình, tài liệu khoa học, sách chuyên khảo; viết bài báo đăng trên các tạp chí khoa học, báo cáo trên kỷ yếu hội thảo khoa học, báo cáo chuyên đề khoa học; biên dịch ấn phẩm khoa học; tư vấn, chuyển giao kỹ thuật, công nghệ, kinh tế, xã hội thuộc lĩnh vực chuyên môn của CBGV; tham gia các cuộc thi sáng tạo khoa học - kỹ thuật, hướng dẫn sinh viên NCKH ... [H06.7.001]. Khối lượng nghiên cứu của đội ngũ GV được quy định trong Quy định quản lý hoạt động KHCN và Quy định chế độ làm việc của GV Trường ĐHTT. Theo đó GV phải dành ít nhất 1/3 tổng quỹ thời gian làm việc trong năm học (tương đương 586 giờ hành chính) để làm nhiệm vụ nghiên cứu khoa học. Định mức giờ chuẩn nghiên cứu khoa học đối với các chức danh GV được quy định cụ thể như sau: GV cao cấp: 310 giờ; GV chính: 225; GV: 195. Kết quả NCKH của GV được quy đổi ra giờ chuẩn làm căn cứ thực hiện đánh giá, đối sánh, xếp loại thi đua và giải quyết các chế độ, chính sách liên quan; Nhà trường cho phép GV bù giờ chuẩn giảng dạy sang giờ NCKH [H06.7.002], [H06.7.003], [H06.7.004], [H06.7.005]. Ngoài ra để tăng chất lượng NCKH, Khoa CT&TLGD có sổ tay NCKH giúp GV định hướng phương pháp nghiên cứu, nâng cao chất lượng công trình khoa học và hỗ trợ công bố

kết quả hiệu quả. Đây là tài liệu hướng dẫn toàn diện về quy trình, đạo đức và kỹ thuật nghiên cứu [H06.7.006].

Kết quả đánh giá về mức độ đáp ứng các yêu cầu về số lượng, chất lượng các hoạt động NCKH của GV được giám sát và đối sánh hàng năm nhằm mục đích cải tiến hoạt động NCKH. Hoạt động NCKH của GV được tổ chức thực hiện và giám sát theo quy trình: đầu năm học, nhà trường xây dựng kế hoạch triển khai các nhiệm vụ NCKH tới các đơn vị trực thuộc Nhà trường, Khoa CT&TLGD triển khai kế hoạch tới toàn thể GV, mỗi GV đăng ký nhiệm vụ NCKH của năm học đảm bảo thực hiện đủ khối lượng NCKH theo đúng quy định của Nhà trường. Trong năm học, Phòng Quản lý khoa học và HTQT kiểm tra, giám sát chất lượng, tiến độ việc thực hiện nhiệm vụ khoa học của GV và tham mưu thành lập các tiểu ban, hội đồng nghiệm thu, đánh giá sản phẩm NCKH. Chất lượng NCKH của đội ngũ CBGV được đánh giá thông qua chất lượng các sản phẩm khoa học mà CBGV đó đạt được, được thể hiện điểm số của các hội đồng đánh giá nghiệm thu đề tài, giáo trình/tài liệu, sáng kiến cơ sở; đối với sách chuyên khảo, chất lượng được đánh giá bằng uy tín của nhà xuất bản; chất lượng của báo cáo trên kỷ yếu hội thảo được đánh giá bằng uy tín của hội thảo khoa học; chất lượng bài báo đăng trên tạp chí khoa học được đánh giá bằng chính uy tín của tạp chí khoa học đó. Kết quả đánh giá được qui đổi ra giờ chuẩn, đối chiếu với định mức giờ chuẩn theo quy định để xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ NCKH và xét các danh hiệu thi đua, khen thưởng và hoàn thành các nội dung phục vụ cộng đồng [H06.7.007], [H06.7.008], [H06.7.009], [H06.7.010].

Cơ sở dữ liệu về loại hình và khối lượng nghiên cứu của CBGV được lưu giữ và cập nhật hàng năm tại Phòng Quản lý Khoa học và HTQT, Trung tâm Thông tin - Thư viện của Trường. Danh sách quy định, biểu mẫu, các biểu tổng hợp sản phẩm khoa học được thông báo công khai đến từng đơn vị và CB, GV và được cập nhật thường xuyên trên website của Nhà trường. Trong chu kỳ đánh giá, kết quả nghiệm thu cho thấy: 100% GV trong Khoa hoàn thành đủ và vượt mức định mức NCKH. Một số sản phẩm NCKH của GV giảng dạy CTĐT ngành CTXH có tính ứng dụng cao, được áp dụng vào giảng dạy [H06.7.011], [H06.7.012]. Trong giai đoạn 2020-2024 các GV Khoa CT&TLGD có số công trình NCKH cụ thể như sau:

*Bảng 6.7.1. Biểu tổng hợp và phân loại đề tài NCKH của GV Khoa CT&TLGD
giai đoạn 2019-2024*

TT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0	0	0	0	0	0	0
2	Đề tài cấp Bộ*	1,0	0	0	0	0	0	0
3	Đề tài cấp Trường	0,5	2	1	3	1	5	6
4	Tổng		2	1	3	1	5	6

Tỷ số đề tài NCKH và chuyển giao KHCN (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: $6/13 = 46,2\%$

*Bảng 6.7.2. Biểu tổng hợp và phân loại sách do GV Khoa CT&TLGD
giai đoạn 2020 - 2024*

TT	Phân loại sách	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2020	2021	2022	2023	2024	
1	Sách chuyên khảo	2,0	0	0	0	0	2	4,0
2	Sách giáo trình	1,5	3	0	0	0	3	9,0
3	Sách tham khảo	1,0	0	0	0	0	0	0
4	Sách hướng dẫn	0,5	0	0	0	0	0	0
5	Tổng		3	0	0	0	5	13,0

Tổng số sách (quy đổi): 8.

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: $13/13 = 100\%$

Bảng 6.7.3. Biểu tổng hợp và phân loại bài đăng tạp chí do GV

Khoa CT&TLGD giai đoạn 2020-2024

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2020	2021	2022	2023	2024	
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5	0	0	0	0	7	10,5
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0	3	8	1	5	7	24,0
3	Tạp chí/tập san cấp trường	0,5	9	4	1	11	4	14,5
	Tổng		12	12	2	16	18	49,0

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 49,0.

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: $49,0/13 = 376,9\%$

Bảng 6.7.4. Biểu tổng hợp và phân loại bài hội thảo của GV Khoa CT&TLGD

giai đoạn 2020-2024

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2020	2021	2022	2023	2024	
1	Hội thảo quốc tế	1,0	0	0	1	0	1	2
2	Hội thảo trong nước	0,5	0	0	0	6	1	3,5
3	Hội thảo cấp trường	0,25	0	0	15	5	18	9,5
4	Tổng		0	0	16	11	20	15

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 15. Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: $15/13 = 115,4\%$.

Kết quả trên cho thấy trong giai đoạn 2020 - 2024, GV của Khoa CT&TLGD đã tích cực đẩy mạnh hình thức và khối lượng sản phẩm NCKH. Hình thức viết báo trong nước, báo quốc tế được quan tâm thực hiện nhiều hơn. Viết giáo trình, tài liệu tham khảo cũng được thực hiện khá tốt nhằm có tài liệu phù hợp cho công tác đào tạo của Trường. Tuy nhiên số bài báo quốc tế còn rất hạn chế.

Khoa CT&TLGD thường xuyên giám sát, đối sánh sản phẩm hoạt động NCKH hàng năm để đánh giá mức độ đáp ứng về số lượng và chất lượng làm căn cứ cho việc nghiệm thu nhiệm vụ NCKH và đánh giá xếp loại GV hàng năm. Việc này bao gồm thống kê số lượng công trình, kiểm định chất lượng công bố trên các tạp chí khoa học, và xem xét mức độ ứng dụng vào thực tiễn giảng dạy. Kết quả đánh giá giúp nhận diện các điểm mạnh, hạn chế, từ đó đề xuất các biện pháp cải tiến như tăng cường hỗ trợ nghiên cứu, đào tạo kỹ năng viết bài quốc tế và khuyến khích hợp tác học thuật giúp nâng cao chất lượng nghiên cứu, góp phần cải tiến CTĐT, đổi mới phương pháp giảng dạy, thúc đẩy sự phát triển khoa học trong lĩnh vực CT&TLGD. Khoa đã thực hiện đối sánh về loại hình, số lượng các sản phẩm NCKH của CBGV giữa các khoa trong Trường ĐHTT và với một số khoa CTXH của các trường đại học trong nước: Trường Đại học Hùng Vương, Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên. Kết quả đối sánh cho thấy Khoa CT&TLGD, Trường Đại học Tân Trào có tỷ số xếp thứ ba đối với các trường Đại học Hùng Vương và Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên, có thể nói Trường ĐHTT có tỷ số ở mức độ khá khiêm tốn, đặc biệt là kết quả đối sánh với các trường cho thấy Khoa CT&TLGD Trường ĐHTT có tỷ số thấp nhất về số lượng bài báo ISI, Scopus [H06.7.013], [H06.7.014], [H06.7.015].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có các văn bản quy định rõ ràng về loại hình và số lượng sản phẩm NCKH của GV.

3. Điểm tồn tại

Số bài báo quốc tế chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2025, Khoa sẽ phối hợp với các Trường đại học có uy tín cử GV tham dự các lớp tập huấn, hội thảo về chủ đề công bố bài báo quốc tế trong danh mục ISI, Scopus.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt 5/7.

Kết luận về tiêu chuẩn 6

Đội ngũ GV giảng dạy CTĐT ngành CTXH có trình độ chuyên môn đảm bảo yêu cầu, có tinh thần năng động và nhiệt huyết. Do vậy, công tác giảng dạy và NCKH của Khoa đã có những thành tích tốt. Trong giảng dạy, với số lượng người học như hiện tại, đội ngũ GV của Khoa luôn hoàn thành vượt mức giờ giảng theo quy định và đa số GV có kết quả đánh giá giờ dạy đạt mức cao theo kết quả khảo sát ý kiến từ SV. Trong

NCKH, các kết quả nghiên cứu của GV đều phục vụ thiết thực cho quá trình đào tạo SV ngành CTXH, cho sự nghiệp đổi mới toàn diện về giáo dục và đào tạo của đất nước. Công tác đánh giá, quy hoạch, đào tạo, phát triển đội ngũ GV của Khoa và Nhà trường đã đáp ứng nhu cầu của GV, phù hợp với chiến lược phát triển của Nhà trường.

Căn cứ vào nội dung tự đánh giá, tiêu chuẩn 6 có 7/7 tiêu chí đạt 5/7.

Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên

Mở đầu: Trường ĐHTT thực hiện việc quy hoạch đội ngũ nhân viên đảm bảo đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD. Tiêu chuẩn tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định rõ ràng và phổ biến công khai. Định kỳ Nhà trường thực hiện việc rà soát nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, đánh giá năng lực đội ngũ nhân viên để có hình thức khen thưởng phù hợp, tạo động lực và hỗ trợ cho nhân viên góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD.

Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả

Việc dự báo nhu cầu về đội ngũ nhân viên nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD được Nhà trường xác định rõ trong Chiến lược phát triển trường ĐHTT giai đoạn 2018 - 2025, định hướng đến năm 2030, Chiến lược phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2018 -2025, định hướng đến năm 2030, Đề án vị trí việc làm [H07.1.001], [H07.1.002], [H07.1.003]. Chiến lược đã phân tích, đánh giá thực trạng từ đó đưa ra dự báo cụ thể về nhu cầu đội ngũ nhân viên nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD của Trường.

Văn phòng là đơn vị tham mưu về công tác tổ chức CB, căn cứ tình hình thực tế để xác định quy hoạch đội ngũ nhân viên của Nhà trường. Khoa CT&TLGD và các đơn vị khác xác định nhu cầu về số lượng nhân viên, chuyên viên phục vụ cho công tác đào tạo cử nhân ngành CTXH tổng hợp và gửi về Văn phòng [H07.1.004]

Chính sách thu hút, tuyển dụng, phát triển đội ngũ nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác của Trường ĐHTT được xây dựng dựa trên cơ sở các văn bản của Hội đồng Nhân dân tỉnh Tuyên Quang, đồng thời thể hiện rõ trong Quy chế chi tiêu nội bộ, định kỳ có điều chỉnh, bổ sung

[H07.1.005]. Quy chế chi tiêu nội bộ quy định chi tiết các chính sách về lương, phụ cấp và các chế độ khác mà nhân viên được hưởng như: chế độ làm thêm giờ, chế độ nghỉ phép, tham quan học tập kinh nghiệm. Phương án trả thu nhập tăng thêm theo nguyên tắc người nào có hiệu quả công tác, có đóng góp nhiều cho việc tăng thu, tiết kiệm chi thì được hưởng mức thu nhập tăng thêm trên cơ sở bình xét xếp loại hàng tháng. Thu nhập tăng thêm được tạm chi theo quý hoặc theo năm. Hàng quý, trưởng các đơn vị chịu trách nhiệm đánh giá xếp loại viên chức, người lao động của đơn vị (kể cả hợp đồng) và nộp về Văn phòng ngày 26 của tháng cuối quý. Chi hỗ trợ thu nhập tăng thêm cho viên chức làm công tác hành chính tại các đơn vị không có phụ cấp đứng lớp: 800.000 đồng/người/tháng [H07.1.006].

Đội ngũ nhân viên được bình xét thi đua khen thưởng theo năm học, kết quả thi đua là căn cứ để xét nâng bậc lương trước thời hạn [H07.1.007]. Nhà trường có kế hoạch về đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ quản lý, nhân viên; căn cứ vào đó, những nhân viên có nhu cầu đi học nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ đều được Trường tạo điều kiện cử đi học [H07.1.008], [H07.1.009].

Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên dựa trên cơ sở phân tích, dự báo nhu cầu việc làm trong Chiến lược phát triển Trường ĐHTT giai đoạn 2018 - 2025, định hướng đến năm 2030. Căn cứ các Chiến lược này, Nhà trường đã xây dựng và được Ủy ban Nhân dân tỉnh Tuyên Quang phê duyệt Đề án vị trí việc làm, trong đó quy định rõ hạng chức danh nghề nghiệp của toàn thể đội ngũ nhân viên [H07.1.001], [H07.1.003]. Bản mô tả công việc, khung năng lực vị trí việc làm của Trường ĐHTT được xây dựng trên cơ sở Đề án vị trí việc làm, trong đó quy định rõ các tiêu chí cụ thể về năng lực, kỹ năng, yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ, tiêu chuẩn trình độ cho từng vị trí từ Hiệu trưởng, các thành viên trong BGH, quản lý, chuyên viên các phòng ban, nhân viên y tế, bảo vệ, lái xe, nhân viên phòng thí nghiệm, trung tâm Tin học - Ngoại ngữ, Thư viện và Phát triển nghề nghiệp [H07.1.010]. Khoa, phòng tham mưu với Nhà trường trong việc quy hoạch đội ngũ nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác phù hợp với công việc thực hiện CTĐT ngành CTXH.

Đến năm 2024, tổng số nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ cho hoạt động đào tạo, PVEĐ của trường là 79 người, cụ thể như sau: số lượng nhân viên làm việc tại các phòng là 43 người, tại các Trung tâm là 36 người. Số nhân viên này đều có nhiệm vụ hỗ trợ chung cho các hoạt động của trường nói

chung và ngành CTXH nói riêng [H07.1.011]. Trình độ của đội ngũ nhân viên được thể hiện như sau:

Bảng 7.1.1. Thống kê số lượng, trình độ của đội ngũ nhân viên hỗ trợ chung toàn trường

TT	Đội ngũ nhân viên	Trình độ					Tổng số
		Khác	Cao đẳng	Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	
1	Thư viện, kỹ thuật viên phòng máy tính Trung tâm Tin học - ngoại ngữ, Thư viện và Phát triển nghề nghiệp		1	3	5		9
2	Trung tâm Thực nghiệm - Chuyển giao công nghệ	7	2	10	4	4	27
3	Văn phòng	12	1	7	3		23
4	Phòng Đào tạo, Quản lý chất lượng & Thanh tra; Quản lý khoa học - HTQT			1	5		6
5	Phòng Kế hoạch - Tài vụ			4	3		7
6	Phòng Quản lý SV, Y tế	2		3	2		7
	Tổng cộng	21	4	28	22	4	79

(Nguồn: Số liệu thống kê được tổng hợp từ MC [H07.1.011])

Số nhân viên này về cơ bản đảm bảo việc hỗ trợ chung cho các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ của Nhà trường. Để đánh giá chính xác mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên, hàng năm, Nhà trường yêu cầu các đơn vị xây dựng kế hoạch lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên thông qua các cuộc khảo sát. Kết quả khảo sát của các đơn vị cho thấy: đội ngũ nhân viên của Nhà trường có nhiệm vụ hỗ trợ chung cho tất cả các hoạt động đào tạo của Trường, đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng để đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ, trong đó có nhiệm vụ hỗ trợ, quản lý cơ sở vật chất phục vụ cho công tác đào tạo của Khoa CT&TLGD [H07.1.012], [H07.1.013]. Tuy nhiên, việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan chủ yếu được thực hiện bằng hình thức phiếu khảo sát.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có nhiều chính sách phù hợp để thu hút, tuyển dụng và phát triển đội ngũ nhân viên.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên chưa đa dạng về hình thức.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2024 - 2025, các đơn vị triển khai việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan dưới nhiều hình thức.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt 5/7.

Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Mô tả

Căn cứ vào các quy định chung của Nhà nước, Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang, Nhà trường đã ban hành Quy định về tuyển dụng, sử dụng, quản lý CB, GV, viên chức và người lao động của Trường ĐHTT. Quy định đã xác định rõ ràng điều kiện, trình tự, thủ tục, nguyên tắc thi tuyển, xét tuyển, hợp đồng lao động và trách nhiệm sử dụng, quản lý CB, GV, viên chức và người lao động của trường ĐHTT [H07.2.001], [H07.2.002].

Trên cơ sở các văn bản của Nhà nước, Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang, Nhà trường đã ban hành Quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, miễn nhiệm viên chức quản lý của Trường ĐHTT; Quy định về tiêu chuẩn chức danh CB quản lý các đơn vị trực thuộc trường ĐHTT [H07.2.003], [H07.2.004], [H07.2.005].

Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được xác định rõ ràng, cụ thể như sau: Quy định tuyển dụng viên chức của Trường ĐHTT đã xác định rõ nguyên tắc tuyển dụng, căn cứ, điều kiện, thẩm quyền, phương thức tuyển dụng, các tiêu chuẩn tuyển dụng rõ ràng (tuổi, lý lịch, sức khỏe, trình độ học vấn, ngoại ngữ, tin học...) và trình tự, thủ tục tuyển dụng (gồm có 5 bước) [H07.2.002]. Khi tuyển dụng, Nhà trường đã công khai thông báo tuyển dụng, trong đó ghi rõ các chỉ tiêu tuyển dụng, điều kiện người đăng ký dự tuyển, ưu tiên trong tuyển dụng, phương thức tuyển dụng kèm theo yêu cầu về trình độ chuyên môn, chuyên ngành đào tạo. Trong quá trình tuyển dụng, Nhà trường thành lập Hội đồng tuyển dụng và các ban giúp việc để thực hiện các khâu trong quy trình tuyển dụng, đảm bảo việc tuyển dụng được khách quan [H07.2.006]. Từ năm 2020 đến 2024, dựa theo nhu cầu của trường, Nhà trường đã tuyển dụng được 37

viên chức vào các vị trí: GV, hành chính tổng hợp, truyền thông, tổ chức nhân sự, CNTT, nghiên cứu viên, công tác SV, trong đó có GV giảng dạy CTDH ngành CTXH, nhân viên phục vụ cho các hoạt động đào tạo của Khoa CT&TLGD [H07.2.007].

Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, miễn nhiệm viên chức quản lý của Trường ĐHTT đã quy định rõ điều kiện về tuổi bổ nhiệm, bổ nhiệm lại; việc đánh giá, nhận xét viên chức trước khi bổ nhiệm, bổ nhiệm lại và một số quy định về việc lấy thư giới thiệu, phiếu tín nhiệm. Các điều kiện, tiêu chuẩn của viên chức được đề nghị giữ chức vụ quản lý; trình tự, thủ tục bổ nhiệm (gồm 06 bước); điều kiện và tiêu chuẩn bổ nhiệm lại (gồm 05 bước). Quy định này đã ban hành các biểu mẫu nhận xét, đánh giá; tự nhận xét đánh giá; thư giới thiệu, phiếu tín nhiệm [H07.2.004]. Đồng thời, Nhà trường ban hành quy định về tiêu chuẩn chức danh CB quản lý. Quy định này ghi rõ tiêu chuẩn chung đối với từng chức danh lãnh đạo, CB quản lý cấp phòng, ban, trung tâm, khoa trong Trường. Bên cạnh đó cũng có các tiêu chuẩn cụ thể về kinh nghiệm công tác, trình độ học vấn, chứng chỉ liên quan, kinh nghiệm quản lý điều hành, độ tuổi đối với nam và nữ [H07.2.005].

Trước khi ban hành các văn bản về tuyển dụng, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều chuyển nhân viên, Nhà trường đã tiến hành khảo sát, phân tích nhu cầu và ý kiến góp ý của các bên liên quan về Quy định tuyển dụng viên chức của Trường ĐHTT, Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm viên chức quản lý các đơn vị trực thuộc Trường ĐHTT [H07.2.008]. Tuy nhiên, việc khảo sát nhu cầu và ý kiến góp ý của các bên liên quan về các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên còn chưa phong phú, đa dạng.

Các văn bản về tuyển dụng, bổ nhiệm và điều chuyển nhân viên đều được thông báo công khai trên Website của Trường và được gửi tới các đơn vị trong Trường để trưởng các đơn vị thông báo, triển khai, quán triệt đến đơn vị mình. Riêng thông báo về tuyển dụng được thông báo công khai trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Tuyên Quang, trên báo Tuyên Quang, Webside Tuyencongchuc.vn (chuyên trang đăng tải thông báo tuyển dụng công chức, viên chức của các cơ quan nhà nước) và được niêm yết tại bảng tin của Trường [H07.2.009].

2. Điểm mạnh

Các tiêu chí về tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được quy định rõ ràng và phổ biến công khai.

3. Điểm tồn tại

Việc khảo sát nhu cầu và ý kiến góp ý của các bên liên quan về các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên chưa phong phú, đa dạng.

4. Kế hoạch hành động

Nhà trường đẩy mạnh thực hiện việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên bằng nhiều hình thức.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí 5/7.

Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá.

1. Mô tả

Căn cứ các văn bản hướng dẫn của Quốc hội và Chính phủ, Nhà trường đã ban hành các văn bản quy định về việc đánh giá, xếp loại viên chức, người lao động [H07.3.001], [H07.3.002]. Văn bản quy định rõ thẩm quyền đánh giá, bộ tiêu chí đánh giá, quy trình, nội dung, mức xếp loại và việc sử dụng kết quả đánh giá viên chức, người lao động. Cụ thể về quy trình đánh giá viên chức, người lao động gồm các bước như sau:

Bước 1: Viên chức, người lao động tự kiểm điểm, nhận mức xếp loại. Viên chức, người lao động làm báo cáo tự đánh giá, nhận mức xếp loại kết quả công tác theo chức trách, nhiệm vụ được giao; tự chấm điểm theo từng tiêu chí đánh giá tương ứng của Bộ tiêu chí đánh giá.

Bước 2: Nhận xét, đánh giá viên chức và người lao động (có chấm điểm)

Hội nghị phòng, khoa, trung tâm thực hiện chấm điểm đối với từng viên chức, người lao động thuộc đơn vị, chấm điểm đối với viên chức lãnh đạo đơn vị; Thảo luận, tham gia đánh giá, thống nhất nhận xét về ưu điểm, nhược điểm đối với từng viên chức quản lý, viên chức, người lao động thuộc đơn vị; Đề xuất đánh giá, xếp loại chất lượng đối với viên chức quản lý, viên chức, người lao động được đánh giá. Sau đó, đơn vị tổng hợp hồ sơ gửi về Văn phòng đảm bảo thời gian và quy định.

Bước 3: Nhận xét, đánh giá viên chức quản lý (có chấm điểm)

Hội nghị cán bộ chủ chốt: thảo luận, tham gia đánh giá, thống nhất, nhận xét về ưu điểm, nhược điểm, chấm điểm đối với chức danh trưởng, phó đơn vị.

Bước 4: Tập thể lãnh đạo Trường xem xét, quyết định đánh giá và xếp loại viên chức, người lao động.

Căn cứ hồ sơ các phòng, khoa, trung tâm gửi, Văn phòng tổng hợp, thẩm định về quy trình, thủ tục; tập hợp kết quả chấm điểm, xếp loại để trình tại Hội nghị tập thể lãnh

đạo trường nhận xét, đánh giá và mức xếp loại đối với viên chức và người lao động. Tập thể lãnh đạo Trường thảo luận, xem xét, quyết định nội dung nhận xét, đánh giá và quyết định số lượng cá nhân được xếp loại “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” theo nguyên tắc không vượt quá 20% số lượng viên chức được xếp loại “Hoàn thành tốt nhiệm vụ”. Để đảm bảo nguyên tắc xếp loại Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được phân nhóm: Nhóm 1 gồm trưởng, phó phòng khoa, trung tâm; nhóm 2 gồm viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo. Trong quá trình đánh giá, xếp loại Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, không được điều chỉnh số lượng trong các nhóm nêu trên.

Để đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên, Nhà trường sử dụng Phiếu đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức, trong đó quy định cụ thể các tiêu chí đánh giá về chính trị tư tưởng, đạo đức lối sống, tác phong lề lối làm việc, ý thức tổ chức kỷ luật, kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao, thái độ phục vụ nhân dân, doanh nghiệp. Đội ngũ nhân viên được đánh giá, phân loại cuối năm ở 04 mức: hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ, hoàn thành nhiệm vụ, không hoàn thành nhiệm vụ.

Việc đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên còn dựa trên ý kiến của lãnh đạo, CB, nhân viên khác tại các cuộc họp đánh giá, phân loại CB, xét thi đua khen thưởng của đơn vị và Nhà trường.

Văn phòng gửi văn bản về việc đánh giá, phân loại viên chức, người lao động cuối năm tới các đơn vị trực thuộc Nhà trường. Trình tự, thủ tục đánh giá nhân viên qua các bước: Bước 1: CB, viên chức, người lao động tự đánh giá; tự chấm điểm và phân loại kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao trong năm. Bước 2: Các đơn vị tiến hành họp kiểm điểm, đánh giá; chấm điểm và phân loại đối với từng cá nhân (có biên bản họp kèm theo). Bước 3: Các đơn vị tổng hợp kết quả phân loại của đơn vị nộp về Văn phòng. Văn phòng tổng hợp kết quả đánh giá phân loại viên chức, lao động hợp đồng 68 (nay là hợp đồng theo Nghị định 111) trình Hội đồng đánh giá viên chức của Nhà trường họp và kết luận [H07.3.003].

Năng lực của đội ngũ nhân viên được đánh giá khách quan, là căn cứ để bình xét thi đua hàng năm. Kết quả đánh giá, xếp loại cho thấy: đội ngũ nhân viên trong Nhà trường có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng được yêu cầu của vị trí việc làm, cụ thể: 100% nhân viên đều hoàn thành nhiệm vụ trở lên, trong đó 20% cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Hàng năm, trên 80% đội ngũ nhân viên của Nhà trường đạt danh hiệu Lao động tiên tiến trở lên [H07.3.004]. Đó là sự ghi nhận của Nhà

trường đối với những thành tích, đóng góp của đội ngũ nhân viên hỗ trợ. Các nhân viên đều hài lòng với kết quả đánh giá, xếp loại hằng năm của Nhà trường. Tuy nhiên, các PP đánh giá năng lực đội ngũ nhân viên còn chưa đa dạng.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã xây dựng được quy trình, công cụ đánh giá đội ngũ nhân viên với các tiêu chí cụ thể, rõ ràng.

3. Điểm tồn tại

PP đánh giá năng lực đội ngũ nhân viên chưa đa dạng.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2025, Nhà trường cần đa dạng các PP đánh giá năng lực đội ngũ nhân viên.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt 5/7.

Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

1. Mô tả

Chiến lược phát triển ĐHTT giai đoạn 2018-2025 định hướng đến 2030 đã xác định giải pháp phát triển đội ngũ thông qua việc “*Tranh thủ sự HTQT trong đào tạo và NCKH trong đào tạo bồi dưỡng...*”. Theo đó, chiến lược xác định “*nhu cầu bồi dưỡng viên chức hàng năm ước khoảng 20 người/năm, trong đó 1/3 đào tạo bồi dưỡng ở nước ngoài, 2/3 trong nước cho giai đoạn 2018-2021; 2022-2030 đào tạo bồi dưỡng ước khoảng 50 người/năm, trong đó 1/2 ở nước ngoài*” [H07.4.001]. Hàng năm, Nhà trường ban hành văn bản về việc đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng tới các đơn vị thuộc và trực thuộc rà soát, thống kê những GV, nhân viên trong độ tuổi được đi học nâng cao trình độ [H07.4.002]. Theo đó, các đơn vị căn cứ vào nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của đội ngũ CB, GV, nhân viên của đơn vị để lập biểu thống kê gửi về Văn phòng tổng hợp [H07.4.003].

Trên cơ sở tổng hợp nhu cầu và căn cứ vào chiến lược đào tạo, bồi dưỡng, hằng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên, bao gồm đào tạo nội bộ do Nhà trường tổ chức và đào tạo bên ngoài trường [H07.4.004]. Bên cạnh bồi dưỡng chung của Trường, nhân viên của các đơn vị còn tham gia các khóa đào tạo chuyên môn phù hợp với chức năng nhiệm vụ của đơn vị [H07.4.005]. Để khuyến khích nhân viên tích cực nâng cao trình độ, Nhà trường đã ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ, trong đó có xác định ngân sách chi cho công

tác đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên [H07.4.006]. Các văn bản, quyết định cử người đi học được lưu trữ đầy đủ tại Văn phòng.

Các kế hoạch về đào tạo, bồi dưỡng, phát triển chuyên môn đã xây dựng được thực hiện có hiệu quả. Trong giai đoạn 2020 - 2024, Nhà trường đã cử 279 lượt viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng, cụ thể: Đi học TS: 16 người; Đi học ThS: 10 người; Cao cấp lý luận chính trị: 7 người; Trung cấp lý luận chính trị: 44 người; Bồi dưỡng lãnh đạo, quản lý cấp sở và tương đương: 10 người; Bồi dưỡng lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương: 53 người; Bồi dưỡng ngạch chuyên viên: 16 người; Bồi dưỡng ngạch chuyên viên chính: 17 người; Các lớp bồi dưỡng ngắn hạn: 106 người..., [H07.4.007]. Tuy nhiên, một số nhân viên chưa thực hiện đúng tiến độ kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của Nhà trường.

2. Điểm mạnh

Các kế hoạch về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn đã được xây dựng và thực hiện có hiệu quả, phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm, chiến lược phát triển đội ngũ của Nhà trường.

3. Điểm tồn tại

Một số nhân viên chưa thực hiện đúng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của Nhà trường.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2025, Nhà trường giao Văn phòng tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của đội ngũ nhân viên.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7.

Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả

Đội ngũ nhân viên của Nhà trường thực hiện thời giờ làm việc theo quy định của Bộ Luật Lao động “Thời giờ làm việc bình thường không quá 08 giờ trong 01 ngày và 48 giờ trong 01 tuần”. Bên cạnh đó, Trường ĐHTT cũng đã ban hành Đề án vị trí việc làm, trong đó quy định khối lượng công việc cụ thể đối với đội ngũ nhân viên phục vụ tại các đơn vị trực thuộc Nhà trường [H07.5.001], [H07.5.002], [H07.5.003], [H07.5.004]; ban hành Quy định đánh giá và phân loại công chức, viên chức, lao động hợp đồng; Quy định thi đua khen thưởng [H07.5.005].

Năm 2014, Trường thành lập Phòng Thanh tra - Pháp chế (năm 2024 đổi tên thành Phòng Khảo thí đảm bảo chất lượng và Thanh tra) với nhiệm vụ theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ GV, nhân viên có kế hoạch, phân công cụ thể, rõ ràng cho từng thành viên [H07.5.006]. Trường ĐHTT có quy định cụ thể về chấm công hàng tháng đối với toàn bộ nhân viên trong trường và quy định về công tác thi đua, khen thưởng [H07.5.007], [H07.5.008]. Hằng năm, Trường các đơn vị quản lý lao động có trách nhiệm họp xét về việc xếp loại thi đua của đơn vị, gửi kết quả xét thi đua về Văn phòng tổng hợp và trình Hội đồng thi đua khen thưởng nhà trường xem xét quyết định [H07.5.009]. Việc đánh giá hiệu quả công việc của nhân viên được thể hiện qua việc xếp loại công lao động hàng năm được thông qua Hội đồng thi đua khen thưởng của trường [H07.5.010].

Trên cơ sở chương trình công tác năm học của Nhà trường, các đơn vị xây dựng kế hoạch công tác hàng năm trong đó có kế hoạch phân công nhiệm vụ về công tác chuyên môn và các nhiệm vụ khác... Mỗi CB, GV, nhân viên chủ động xây dựng kế hoạch cho công việc của mình, đăng ký danh hiệu thi đua, đăng ký NCKH trong năm học, đăng ký lịch dự giờ, sinh hoạt chuyên đề. Trường các đơn vị có trách nhiệm theo dõi, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ của CB, nhân viên thuộc phạm vi quản lý. Bên cạnh đó trang website Trường ĐHTT thể hiện rõ lịch công tác của toàn thể các đơn vị trong Nhà trường theo tuần [H07.5.011], [H07.5.012]. Các đơn vị chủ động xây dựng kế hoạch làm việc theo tuần và phân công nhiệm vụ cho đội ngũ GV, nhân viên tại đơn vị mình.

Việc xây dựng các văn bản Quy định về việc đánh giá phân loại viên chức, người lao động cuối năm; Quy định về công tác thi đua khen thưởng; Quy chế chi tiêu nội bộ... Nhà trường đã triển khai lấy ý kiến của toàn thể CB, nhân viên bằng cách gửi văn bản dự thảo đến các đơn vị qua email nội bộ của Trường, đăng tải trên website Nhà trường... Trường các đơn vị tổ chức họp đơn vị, phổ biến nội dung dự thảo tới tất cả các cán bộ nhân viên của đơn vị và lấy ý kiến góp ý, tổng hợp góp ý gửi Biên bản góp ý về Văn phòng tổng hợp và báo cáo lãnh đạo nhà trường [H07.5.013], [H07.5.014]. Ngoài ra việc góp ý các quy chế, quy định còn được thực hiện tại Hội nghị cán bộ, viên chức, lao động hàng năm [H07.5.015].

Hàng năm các đơn vị đều tổ chức đánh giá, rút kinh nghiệm và lấy ý kiến của đội ngũ nhân viên trong đơn vị về việc thực hiện các nhiệm vụ trong năm học. Nhà trường

thực hiện lấy ý kiến phản hồi của GV, nhân viên về kết quả đánh giá, thi đua khen thưởng và công nhận danh hiệu thi đua. Kết quả cho thấy hầu hết GV, nhân viên trong Nhà trường đều hài lòng ở mức độ cao với kết quả đánh giá, công nhận danh hiệu thi đua khen thưởng hàng năm của Nhà trường [H07.5.016], [H07.5.017]. Tính đến 12/2024, chưa có bất kỳ trường hợp nào khiếu nại về kết quả đánh giá của Nhà trường. Công tác thi đua khen thưởng đã góp phần khuyến khích, động viên GV, nhân viên tích cực tham gia các hoạt động nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH và PVCĐ. Tuy nhiên, việc khen thưởng đột xuất còn ít, chủ yếu là khen thưởng định kỳ.

2. Điểm mạnh

Việc quản trị kết quả công việc của nhân viên được thực hiện hiệu quả. Nhân viên hài lòng về kết quả đánh giá, xếp loại, thi đua, khen thưởng.

3. Điểm tồn tại

Khen thưởng đột xuất cho các tập thể, cá nhân tiêu biểu chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học tiếp theo, Nhà trường sẽ đa dạng các hình thức khen thưởng để tạo động lực làm việc cho đội ngũ CB, GV, nhân viên trong Nhà trường.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7.

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 7:

Đội ngũ nhân viên của Khoa đảm bảo về số lượng, có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm. Đội ngũ này được tuyển dụng theo đúng theo quy định về quy trình, tiêu chí tuyển dụng của Nhà trường, việc tuyển dụng được công bố công khai. Nhà trường và Khoa luôn tạo điều kiện, khuyến khích và hỗ trợ đội ngũ nhân viên học tập, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Bên cạnh đó, để khuyến khích, tạo động lực cho đội ngũ nhân viên, Nhà trường có chế độ thi đua, khen thưởng phù hợp. Có thể nói, công tác phát triển đội ngũ nói chung, đội ngũ nhân viên nói riêng được xác định là một trong những nhiệm vụ quan trọng trong Chiến lược phát triển của Trường ĐHTT giai đoạn 2018 - 2025, định hướng đến năm 2030.

Căn cứ vào nội dung tự đánh giá, tiêu chuẩn 7 có 5/5 tiêu chí đạt 5/7.

Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Mở đầu: Trường ĐHTT luôn đảm bảo thực hiện đầy đủ và liên tục các hoạt động hỗ trợ người học. Chính sách, tiêu chí và PP tuyển sinh được xác định rõ ràng và công khai, minh bạch. Hoạt động tư vấn và hỗ trợ NH được thực hiện kịp thời, thường xuyên; Nhà trường có môi trường tâm lý xã hội tích cực, cảnh quan xanh, sạch, đẹp tạo điều kiện thuận lợi để NH học tập và rèn luyện. Nhà trường có bộ phận chuyên trách, có quy định, quy trình, cơ sở dữ liệu về giám sát sự tiến bộ trong quá trình học tập và rèn luyện của NH.

Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật.

1. Mô tả

Trên cơ sở Quy chế tuyển sinh và các văn bản liên quan về tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, Quy chế tuyển sinh riêng của Trường ĐHTT, Chiến lược phát triển Nhà trường, Nghị quyết của HĐT, năng lực hiện có và kết quả tuyển sinh của những năm trước, Nhà trường ban hành Kế hoạch tuyển sinh, Đề án tuyển sinh hàng năm, cuối các kỳ tuyển sinh, Nhà trường báo cáo BGD&ĐT theo đúng quy định [H08.1.001], [H08.1.002], [H08.1.003], [H08.1.004], [H08.1.005], [H08.1.006]. Chính sách tuyển sinh của Nhà trường được thể hiện đầy đủ trong Nghị quyết của HĐT về công tác tuyển sinh và Đề án tuyển sinh hàng năm, trong đó có các nội dung: đối tượng tuyển sinh, phạm vi tuyển sinh, phương thức, chỉ tiêu tuyển sinh, ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, tổ chức tuyển sinh, nguyên tắc xét tuyển, chính sách ưu tiên, lệ phí xét tuyển, học phí dự kiến và các thông tin khác [H08.1.005], [H08.1.007]. Theo đó, tuyển sinh ngành CTXH thực hiện theo hai hình thức xét tuyển: qua kết quả thi tốt nghiệp THPT QG và qua học bạ với các tổ hợp môn: C00, C19, C20, D0. Chính sách và quy định về tuyển sinh được Nhà trường cập nhật hàng năm để phù hợp với quy định của Quy chế tuyển sinh và đặc thù đối tượng tuyển sinh của Nhà trường [H08.1.005], [H08.1.002].

Để công khai chính sách và quy định tuyển sinh, Nhà trường thiết kế, ban hành các ấn phẩm (poster, tờ rơi, cẩm nang tuyển sinh...) nhằm thông tin tới mọi tầng lớp nhân dân Tuyên Quang và các tỉnh thành khác trong cả nước [H08.1.008]. Các thông tin này đồng thời được đăng tải tại mục Thông tin tuyển sinh trên Website của Nhà trường [H08.1.009]. Chính sách và quy định tuyển sinh còn được truyền tải trong các thông báo tuyển sinh gửi về các trường trung học phổ thông để phối hợp tuyên truyền về các ngành

ngành tuyển sinh [H08.1.010]. Để đa dạng hóa các kênh thông tin, ngoài Website và Fanpage của Trường, từ năm 2021, Nhà trường thiết lập thêm 2 kênh thông tin là Youtube và Tiktok, góp phần tăng số lượng tiếp cận với các thông tin trong chính sách và quy định tuyển sinh của Nhà trường [H08.1.011]. Bên cạnh đó, Trường còn đăng tải thông tin trên hệ thống đài Phát thanh - Truyền hình, báo giấy, báo điện tử từ Trung ương đến địa phương như: Báo Tuyên Quang, Báo Giáo dục, hệ thống đài phát thanh tỉnh Tuyên Quang, tỉnh Hà Giang, tỉnh Yên Bái...[H08.1.012], [H08.1.013], [H08.1.014]. Trường cũng thành lập các đoàn công tác thực hiện nhiệm vụ truyền thông, tuyển sinh tại tỉnh Hà Giang, Sơn La, Điện Biên, Cao Bằng, Bắc Kạn,...trong các hoạt động này chính sách và quy định tuyển sinh của Trường được công bố rộng rãi [H08.1.015].

Đề án tuyển sinh được Nhà trường lấy ý kiến đóng góp của các đơn vị tuyển dụng, của các sở, ngành có liên quan về nhu cầu đào tạo nói chung và ngành CTXH nói riêng. Các số liệu thống kê về số người đăng ký dự tuyển, số người trúng tuyển và nhập học, điểm chuẩn của ngành đều được Nhà trường tổng kết, đánh giá sau mỗi kỳ tuyển sinh [H08.1.016], [H08.1.006]. Đặc biệt, để phân tích và dự báo nhu cầu nguồn nhân lực để xây dựng chính sách tuyển sinh, hàng năm, Nhà trường ban hành Kế hoạch khảo sát tình hình việc làm của SV tốt nghiệp, trong đó giao cho Phòng Quản lý SV tham mưu xây dựng, chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai thực hiện và tổng hợp báo cáo kết quả, lưu giữ MC khảo sát; các khoa chuyên môn cung cấp thông tin, dữ liệu địa chỉ liên hệ của SV tốt nghiệp; bộ phận truyền thông thực hiện công tác truyền thông [H08.1.017], [H08.1.018]. Trên cơ sở kết quả khảo sát tỷ lệ SV có việc làm, những thay đổi của Quy chế thi tuyển sinh Đại học, Cao đẳng của BGD&ĐT, chính sách tuyển sinh của Nhà trường nói chung và ngành CTXH nói riêng được điều chỉnh, cập nhật hàng năm nhằm nâng cao chất lượng công tác tuyển sinh [H08.1.017], [H08.1.018], [H08.1.007], [H08.1.005]. Tuy nhiên, việc khảo sát lấy ý kiến của học sinh phổ thông về chính sách và quy định tuyển sinh chưa được thực hiện rộng rãi.

Bảng 8.1.1. Phân tích kết quả tuyển sinh ngành CTXH

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/thang điểm (điểm)	Điểm trung bình của SV được tuyển (điểm)	Số lượng SV quốc tế nhập học (người)
---------	--------------------------------------	------------------------	------------------	-----------------------------	--------------------------------------	--	--------------------------------------

2020-2021	10	8	3/2	01	15,0-23,0	18,00	0
2021-2022	12	10	3/2	4	15,5-18,0	16,75	0
2022-2023	15	12	2/1	9	16,0-18,0	17,50	0
2023 - 2024	20	16	2/1	9	16,0-18,0	17,00	0

(Nguồn: Khoa CT&TLGD - Trường ĐHTT)

Bảng 8.1.2. Thống kê số người đã và đang học chương trình ngành CTXH

Năm học	Người học					Ghi chú
	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Năm thứ tư	Năm tiếp theo	
2017-2018					7	Đã tốt nghiệp
2018-2019					12	
2019-2020					6	
2020-2021				01		
2021-2022			4			
2022-2023		9				
2023-2024	9					

(Nguồn: Khoa CT&TLGD - Trường ĐHTT)

Bảng 8.1.3. Thống kê tình hình việc làm của SV ngành CTXH

TT	Năm	Tên ngành đào tạo	Số SVTN		Số SV phản hồi		Tình hình việc làm			Tỷ lệ SV có VL (%)	Tỷ lệ SV chưa có VL (%)
			Tổng số	Nữ	Tổng số	Nữ	Có việc làm	Tiếp tục học	Chưa có việc làm		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	2024	Công tác xã hội	25	16	22	15	11	0	11	50	50

(Nguồn: Khoa CT & TLGD - Trường ĐHTT)

2. Điểm mạnh

Nội dung chính sách tuyển sinh được điều chỉnh kịp thời hàng năm và công bố công khai với nhiều hình thức truyền thông đa dạng.

3. Điểm tồn tại

Việc khảo sát lấy ý kiến của học sinh phổ thông về chính sách và quy định tuyển sinh chưa được thực hiện rộng rãi.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2024 - 2025, các đơn vị, bộ phận tham gia tư vấn tuyển sinh tại các trường phổ thông sẽ thực hiện khảo sát lấy ý kiến của học sinh phổ thông về chính sách và quy định tuyển sinh của nhà trường.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7

Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá.

1. Mô tả

Đề án tuyển sinh của Nhà trường hàng năm đã xác định cụ thể, chi tiết các tiêu chí tuyển sinh đối với từng đối tượng trong đó có ngành CTXH, đó là: Đã tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương; thí sinh có nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển vào Trường ĐHTT; tham dự kỳ thi tốt nghiệp THPT QG. PP tuyển sinh của Trường ĐHTT cũng được quy định cụ thể, rõ ràng phù hợp với quy chế tuyển sinh của BGD&ĐT và thực tế địa phương. Theo đó, PP tuyển chọn NH ngành CTXH là xét kết quả thi của thí sinh hoặc xét học bạ đối với các tổ hợp môn của các khối: C00, C19, C20, D0... [H08.1.005]

Hàng năm, Nhà trường thành lập Hội đồng tuyển sinh để tổ chức công tác tuyển sinh và rà soát, đánh giá tiêu chí, PP tuyển chọn NH nói chung và ngành CTXH nói riêng [H08.2.001]. Kết thúc mỗi đợt tuyển sinh, Hội đồng tổ chức họp tổng kết, đánh giá công tác tuyển sinh, trong đó có đánh giá những ưu điểm, tồn tại nếu có về các tiêu chí, PP tuyển chọn NH để đề xuất những biện pháp khắc phục kịp thời trong các năm tiếp theo đối với các ngành nói chung và ngành CTXH nói riêng [H08.2.002]. Ngoài ra, hàng năm, khi kết thúc công tác tuyển sinh và nhập học, Nhà trường tiến hành tổng kết công tác tuyển sinh và nhập học, trong đó thống kê, phân tích số liệu đăng ký xét tuyển, tỷ lệ trúng tuyển, những tồn tại hạn chế trong công tác tuyển chọn NH để có căn cứ đưa ra phương hướng, kế hoạch, chính sách tuyển sinh, tuyển chọn NH phù hợp, đúng qui định cho năm tiếp theo đối với các ngành nói chung và ngành CTXH nói riêng [H08.2.003]. Tuy nhiên, đối với ngành CTXH, PP tuyển sinh chưa có những thay đổi mang tính đột phá để thu hút thí sinh trúng tuyển vào Trường.

2. Điểm mạnh

Tiêu chí và PP tuyển sinh được xác định rõ ràng và kịp thời bổ sung phù hợp với quy chế tuyển sinh của BGD&ĐT và thực tế địa phương.

3. Điểm tồn tại

PP tuyển sinh chưa có những thay đổi mang tính đột phá để mở rộng địa phương có thí sinh trúng tuyển vào Trường.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2024 - 2025, thực hiện khảo sát tìm hiểu, đánh giá lý do thí sinh đăng ký dự thi vào trường.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7.

Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học

1. Mô tả

Phòng Đào tạo có nhiệm vụ chủ trì quản lý và thực hiện các hoạt động của Nhà trường về công tác đào tạo. Để giám sát khối lượng học tập, cảnh báo học vụ của người học, phòng đã phân công cụ thể cho chuyên viên phụ trách [H08.3.001], [H08.3.002]. Phòng Quản lý chất lượng và Thanh tra có nhiệm vụ chủ trì quản lý và thực hiện các hoạt động của Nhà trường về công tác khảo thí, đảm bảo và kiểm định chất lượng. Để giám sát sự tiến bộ và quản lý kết quả học tập của NH, phòng đã phân công cho chuyên viên phụ trách [H08.3.001], [H08.3.003]. Phòng Quản lý SV có nhiệm vụ quản lý SV trong các hoạt động học tập, ngoại khóa; quản lý sinh hoạt của SV nội trú và ngoại trú. Phòng Quản lý SV cũng đã giao nội dung công việc này cho chuyên viên phụ trách [H08.3.001], [H08.3.004]. ĐTN và HSV trong nhà trường có nhiệm vụ phối hợp với các phòng, khoa, ban, trung tâm thực hiện giám sát, đánh giá kết quả rèn luyện của SV [H08.3.005]. Các khoa giao nhiệm vụ cho Cố vấn học tập theo dõi, đánh giá, tư vấn và định hướng cho SV trong việc học tập và rèn luyện cũng như tham gia các hoạt động đoàn thể, các hoạt động xã hội, hoạt động ngoại khóa của SV lớp mình phụ trách. Các trưởng khoa có trách nhiệm quản lý giám sát thực hiện nhiệm vụ của cố vấn học tập [H08.3.006].

Trường ĐHTT đã ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học để tổ chức đào tạo, kiểm tra, thi và công nhận tốt nghiệp cho SV hệ chính quy [H08.3.007]. Nhà trường thành lập đội ngũ Cố vấn học tập nói chung và Cố vấn học tập của ngành CTXH nói riêng nhằm mục đích theo dõi, hỗ trợ, tư vấn cho SV từ học tập, rèn luyện, NCKH, công tác SV, chế độ chính sách đến sức khỏe, tâm lý học đường, đời sống SV,...[H08.3.006],

[H08.3.008]. Việc đánh giá kết quả rèn luyện của SV của nhà trường nói chung và ngành CTXH nói riêng được thực hiện theo quy trình gồm 2 cấp:

+ Đối với cấp khoa gồm 3 bước: *Bước 1*: SV căn cứ vào kết quả rèn luyện, tự đánh giá theo mức điểm chi tiết bằng Phiếu đánh giá kết quả rèn luyện của SV do nhà trường quy định; *Bước 2*: Tổ chức họp lớp (có cố vấn học tập tham gia) và lập biên bản tiến hành xem xét và thông qua mức điểm của từng SV trên cơ sở phải được trên 50% ý kiến đồng ý của NH trong lớp; Lớp công khai kết quả đánh giá ở lớp một tuần, sau đó tổng hợp kết quả đánh giá và bản tự đánh giá của SV nộp về khoa quản lý; *Bước 3*: Hội đồng đánh giá cấp khoa xem xét, xác nhận kết quả điểm rèn luyện của từng SV và tổng hợp trình Hội đồng thực hiện các chế độ, chính sách đối với SV trường [H08.3.009].

+ Đối với cấp trường gồm 3 bước: *Bước 1*: Hội đồng thực hiện các chế độ, chính sách đối với SV trường tổ chức họp đánh giá kết quả rèn luyện của SV; *Bước 2*: Hiệu trưởng ban hành quyết định công nhận kết quả; *Bước 3*: Công bố công khai và thông báo cho SV về kết quả đánh giá [H08.3.010]. Phòng Quản lý chất lượng và Thanh tra kịp thời thông báo đến các khoa chuyên môn về những SV có kết quả học tập ở mức độ cảnh báo [H08.3.011]. Trên cơ sở kết quả học tập, rèn luyện của NH, các khoa phối hợp với các đơn vị chức năng có biện pháp giúp đỡ SV chậm tiến bộ và hạn chế tỷ lệ bỏ học, thôi học [H08.3.012].

Kết quả học tập và rèn luyện của SV sẽ được đánh giá và xác nhận trên hệ thống phần mềm quản lý đào tạo UniSoft và được liên kết hiển thị trên website cổng thông tin điện tử của Nhà trường. Kết quả được lưu vào hồ sơ của SV và được sử dụng để xét khen thưởng, kỷ luật, cấp học bổng cho SV, xét tốt nghiệp... [H08.3.013], [H08.3.014]. Mỗi Trợ lý giáo vụ khoa trong Trường nói chung, khoa CT&TLGD, ngành CTXH nói riêng được cấp 01 tài khoản để đăng nhập, cập nhật, theo dõi các dữ liệu về kết quả học tập của SV, theo dõi tỷ lệ chậm tiến độ, thôi học... [H08.3.015]. SV sẽ truy cập trên trang cá nhân để nắm bắt được kết quả và tiến độ học tập, đăng ký học trả nợ học phần, học cải thiện điểm ... [H08.3.016]. Tuy nhiên, việc cảnh báo về nguy cơ không theo kịp tiến độ trong học tập và rèn luyện của NH chưa được cập nhật kịp thời trên phần mềm quản lý đào tạo.

Bảng 8.3.1. Kết quả học tập và rèn luyện của SV năm học 2023 - 2024 ngành CTXH

Lớp/Khóa	SLSV	Kết quả học tập (%)	Kết quả rèn luyện (%)
----------	------	---------------------	-----------------------

		XS	G	K	TB	Y	XS	T	K	TB	Y
Đại học CTXH, khóa 2020 – 2024	1	100%					50%	50%			
Đại học CTXH, khóa 2021 - 2025	4		63%	37%				63%	37%		
Đại học CTXH, khóa 2022 - 2026	9			61%	33%	6%	5.5%	11%	56%	22%	5.5%
Đại học CTXH, khóa 2023 - 2027	8		11%	28%	61%				94%	6%	

(Nguồn: Khoa CT&TLGD - Trường ĐHTT)

Bảng 8.3.2. Thống kê tỷ lệ thôi học các năm của ngành CTXH

Lớp/Khóa	Số SV/ Năm học	Tỷ lệ thôi học	Số SV/ Năm học	Tỷ lệ thôi học	Số SV/ Năm học	Tỷ lệ thôi học	Số SV/ Năm học	Tỷ lệ thôi học
Đại học CTXH, khóa 2020 – 2024	01SV /2020-2021	0%	01SV /2021-2022	0%	01SV /2022-2023	0%	01SV /2023-2024	0%
Đại học CTXH, khóa 2021 - 2025			4SV /2021-2022	0%	4SV /2022-2023	0%	4SV /2023-2024	0%
Đại học CTXH, khóa 2022 - 2026					9SV /2022-2023	11%	9SV /2023-2024	0%
Đại học CTXH, khóa 2023 - 2027							9SV /2023-2024	11%

*Ghi chú: Lớp Đại học CTXH, khóa 2022-2026 năm học 2022-2023 thôi học 01 SV, năm học 2023-2024 chuyển vào 01 SV nên vẫn duy trì sĩ số lớp là 9 SV)

(Nguồn: Khoa CT&TLGD - Trường ĐHTT)

Bảng 8.3.3. Thống kê tỷ lệ cảnh báo học vụ các năm của ngành CTXH

Lớp/Khóa	Số SV/ Năm học	Tỷ lệ cảnh báo	Số SV/ Năm học	Tỷ lệ cảnh báo	Số SV/ Năm học	Tỷ lệ cảnh báo	Số SV/ Năm học	Tỷ lệ cảnh báo
Đại học CTXH, khóa 2020 – 2024	01SV /2020-2021	0%	01SV /2021-2022	0%	01SV /2022-2023	0%	01SV /2023-2024	0%

Đại học CTXH, khóa 2021 - 2025			4SV /2021- 2022	0%	4SV /2022- 2023	0%	4SV /2023- 2024	0%
Đại học CTXH, khóa 2022 - 2026					9SV /2022- 2023	0%	9SV /2023- 2024	0%
Đại học CTXH, khóa 2023 - 2027							9SV /2023- 2024	0%

(Nguồn: Khoa CT&TLGD - Trường ĐHTT)

2. **Điểm mạnh:** Hệ thống giám sát, kiểm tra đánh giá sự tiến bộ của NH được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau và có sự phối hợp chặt chẽ của các đơn vị chức năng với Khoa, Cố vấn học tập của các lớp giúp nắm bắt và điều chỉnh kịp thời hoạt động học tập và rèn luyện của NH.

3. **Điểm tồn tại:** Việc cảnh báo về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của NH trên phần mềm quản lý đào tạo chưa được cập nhật kịp thời.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm học 2024 - 2025, Khoa tiếp tục đẩy mạnh vai trò của cố vấn học tập và cán bộ quản lý SV trong việc giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của SV; tổ chức hệ thống này một cách hiệu quả.

Đề xuất với Nhà trường nâng cấp phần mềm Unisoft theo hướng kiểm soát và tự động đưa ra cảnh báo đối với NH trong học tập và rèn luyện, bổ sung chức năng gửi thông báo kết quả học tập vào số điện thoại đã đăng ký trước.

Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7.

Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của NH.

1. Mô tả

Công tác tư vấn và hỗ trợ SV của Nhà trường được thực hiện ở 2 cấp: Cấp trường và cấp đơn vị (các phòng, khoa) [H08.4.001]. Phòng Quản lý SV là đầu mối tiếp nhận các thông tin cần tư vấn, hỗ trợ từ SV, tư vấn trực tiếp hoặc liên hệ đến các đơn vị có chuyên môn tổ chức tư vấn; thực hiện công tác tư vấn, hỗ trợ và giới thiệu việc làm (trong khi học và sau khi tốt nghiệp) đối với SV thuộc Nhà trường. Các phòng, khoa chuyên môn phối hợp tìm hiểu, liên hệ và xây dựng kế hoạch thực tập, thực hành tại các

cơ quan, doanh nghiệp và trường phổ thông cho SV [H08.3.001], [H08.3.002], [H08.3.004], [H08.3.006], [H08.4.002].

Nhà trường thành lập “Ban hướng nghiệp và tư vấn việc làm trường ĐHTT”, văn phòng Ban hướng nghiệp và tư vấn việc làm đặt tại phòng Quản lý SV của Trường. Cơ cấu tổ chức của Ban hướng nghiệp và tư vấn việc làm gồm 12 cán bộ, GV (01 trưởng ban, 03 phó trưởng ban, 01 ủy viên thư ký, 07 thành viên là đại diện cho các đơn vị trong Nhà trường), nhiệm kỳ hoạt động là 05 năm. Ban hướng nghiệp và tư vấn việc làm có nhiệm vụ thực hiện Quy chế Tổ chức và hoạt động của ban hướng nghiệp và tư vấn việc làm nhằm mục đích: giúp NH định hướng nghề nghiệp đã lựa chọn, chủ động và sáng tạo trong học tập cũng như am hiểu về ngành nghề đang học để phát huy năng lực nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp; giúp NH có thông tin về thị trường lao động và tìm được việc làm phù hợp; tăng cường sự phối hợp giữa CSGD với đơn vị sử dụng lao động để việc đào tạo của Nhà trường tiếp cận với thực tiễn và đáp ứng nhu cầu của xã hội. Ban hướng nghiệp và tư vấn việc làm hoạt động dưới sự quản lý, điều hành của Trưởng ban. Ban liên lạc là đầu mối tiếp nhận và truyền đạt thông tin, điều hành và xử lý các công việc thường trực, tổ chức và thực hiện các chức năng, nhiệm vụ, tổng hợp kết quả thực hiện [H08.4.003]. Phòng Quản lý SV và các đơn vị thực hiện nhiệm vụ tư vấn cho SV gồm tư vấn toàn diện và tổ chức, phối hợp tổ chức các hoạt động ngoại khóa, thi đua. Cụ thể là:

- Tư vấn toàn diện: Tư vấn về pháp luật, quy chế SV, nội quy Nhà trường; tư vấn về nghề nghiệp; tư vấn về PP học tập, nội dung, đặc điểm của ngành học; tư vấn về các kỹ năng nghề nghiệp và chính sách, pháp luật của nhà nước liên quan đến ngành nghề đào tạo; tư vấn về sức khỏe giới tính, tâm lý lứa tuổi; tư vấn về nghiệp vụ CTXH, nghiệp vụ hoạt động ngoài giờ của SV; đối thoại của lãnh đạo trường với SV hằng năm [H08.4.004], [H08.4.005].

- Tổ chức và phối hợp tổ chức các hoạt động ngoại khóa, thi đua; các lớp đào tạo bồi dưỡng ngắn hạn về kỹ năng cuộc sống; các câu lạc bộ; các hoạt động về văn hóa văn nghệ thể thao; hoạt động nghiệp vụ sư phạm, các hoạt động tập thể, tổ đội nhóm; các hoạt động tham quan thực tế, dã ngoại; tổ chức các cuộc thi quy mô cấp trường, các cuộc thi về pháp luật, các chương trình, hoạt động giao lưu hợp tác trong nước và quốc tế; giới thiệu SV thực tập ở nước ngoài; các hội nghị về công tác SV... Để tư vấn học tập, hỗ trợ SV cải thiện việc học tập và rèn luyện kỹ năng đáp ứng nhu cầu làm việc khi

ra trường đối với ngành CTXH, HSV Trường đã thành lập câu lạc bộ “Công tác xã hội” với thành viên nòng cốt là SV ngành CTXH [H08.4.006], [H08.4.007], [H08.4.008].

Hàng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch tổ chức hỗ trợ, tư vấn việc làm cho SV tốt nghiệp với mục đích: Giúp cho SV củng cố những kiến thức, kỹ năng chủ yếu trong việc lựa chọn công việc và nâng cao hiệu quả tham gia tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp; tạo điều kiện cho SV tốt nghiệp ra trường nhanh chóng có việc làm ổn định và phù hợp với ngành nghề đào tạo; tạo điều kiện giao lưu, trao đổi thông tin giữa SV với các doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng; giúp nhà sử dụng lao động lựa chọn và tuyển dụng được nhân lực phù hợp với vị trí cần tuyển dụng. Công việc cụ thể của Ban hướng nghiệp là: tổ chức các cuộc tập huấn về kỹ năng xin việc như: làm hồ sơ, viết đơn xin việc, xử lý tình huống trong phỏng vấn, giao tiếp với nhà tuyển dụng... Các khoa chuyên môn, Phòng Quản lý SV, Phòng Kế hoạch - Tài vụ, ĐTN, HSV có trách nhiệm tuyên truyền hỗ trợ công tác hướng nghiệp và tư vấn việc làm cho SV của Nhà trường. Các hoạt động hỗ trợ việc làm cho NH được tổ chức dưới nhiều hình thức như lập group, facebook, zalo... để kết nối thông tin giữa nhà tuyển dụng với SV... [H08.4.009], [H08.4.010].

Hàng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch khảo sát tình hình việc làm của SV chính quy với mục đích thu nhận thông tin khách quan, chính xác về kết quả đào tạo, giúp Nhà trường có căn cứ điều chỉnh công tác quản lý, tuyển sinh, đào tạo phù hợp với nhu cầu xã hội, tăng cường các điều kiện nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và tỷ lệ SV tốt nghiệp có việc làm; báo cáo cung cấp thông tin cho các cơ quan quản lý về tình hình việc làm của SV Nhà trường sau khi tốt nghiệp và khả năng tham gia thị trường lao động; phục vụ cho công tác quản lý, thanh tra, kiểm tra theo quy định. Những nội dung trong phiếu khảo sát gồm: mức thu nhập hàng tháng, công việc có đúng ngành đào tạo hay không, sự phù hợp giữa nội dung CTĐT tại trường ĐHTT với công việc đang làm và những kỹ năng cần thiết cho công việc [H08.1.017], [H08.1.018].

2. Điểm mạnh: Các hoạt động tư vấn học tập được Khoa CT&TLGD, ngành CTXH triển khai cụ thể và sát sao tới SV; các hoạt động thi đua, hoạt động ngoại khóa được SV hưởng ứng tích cực, giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng mềm.

3. Điểm tồn tại: Việc kết nối SV với các đơn vị, doanh nghiệp sử dụng lao động hiệu quả chưa cao.

4. *Kế hoạch hành động*: Thực hiện tốt hơn việc kết nối việc làm với các doanh nghiệp bằng các thỏa thuận hợp tác giữa Khoa với các đơn vị, doanh nghiệp, tăng cường thực tế cho SV xuống cơ sở và kết nối việc làm cho SV.

Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7.

Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân NH.

1. Mô tả

Trường ĐHTT đã tạo dựng được môi trường học tập đa dạng cho SV trong suốt quá trình được đào tạo tại Nhà trường. Quỹ đất của nhà trường đảm bảo tỉ lệ diện tích/SV theo quy định. Hiện nay, đất của nhà trường quản lý sử dụng là 10.167,10m² bao gồm diện tích tại trụ sở chính và cơ sở 2, 3 [H08.5.001]. SV được học tập tại 45 phòng học trong 3 cơ sở của Trường. Nhà trường có 22 phòng thí nghiệm, thực hành (01 phòng thực hành về Quản lý đất đai, 01 phòng thực hành về Khoa học môi trường, 01 phòng thực hành về Chăn nuôi - Trồng trọt, 05 phòng thực hành Tin học, 01 phòng thực hành Cơ - Nhiệt, 01 phòng thực hành Hóa học, 01 phòng thực hành Sinh học, 01 phòng thực hành Kế toán, 01 phòng thực hành Điện - Quang) [H08.5.002]. Trong các phòng học, hội trường, phòng thí nghiệm, thực hành đều được trang bị hiện đại đầy đủ hệ thống âm thanh, đèn, máy chiếu, quạt, bảng viết,.. đem đến một không gian học tập thuận lợi. Ngoài ra, trường ĐHTT có nhà nuôi cấy mô công nghệ cao thuộc Trung tâm Thực hành thực nghiệm và Chuyển giao KHCN giúp SV được tiếp cận những công nghệ tiên bộ. Trung tâm Thể dục - Thể thao của Nhà trường có 01 nhà tập đa năng, 01 sân vận động, phục vụ cho các hoạt động văn hóa, thể dục thể thao [H08.5.003]. SV từ năm thứ hai đều có thể tham gia NCKH theo Quy định quản lý hoạt động khoa học và công nghệ [H08.5.004]. ĐTN và HSV với sự tham gia của 11 câu lạc bộ vừa về chuyên môn vừa về nghệ thuật (kỹ năng sống, nghệ thuật, Tiếng Anh, nghiên cứu trẻ...) đã khai thác ưu thế này để triển khai các biện pháp khuyến khích tinh thần tự học, tự nghiên cứu trong SV [H08.4.006].

Trường ĐHTT có cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo an toàn cho tất cả các đối tượng trong toàn trường. Trường có tường rào an toàn, có Đội bảo vệ, được trang bị trang phục và công cụ hỗ trợ phục vụ công việc, trực 24/24h với các chức năng và nhiệm vụ được phân công cụ thể [H08.5.005], [H08.5.006], [H08.5.007]. Ngoài lực lượng trên, Nhà trường còn có Trung đội tự vệ tham gia các hoạt động trực, bảo vệ an ninh trật tự

hỗ trợ lực lượng bảo vệ của Nhà trường những ngày lễ, tết và các hoạt động lớn [H08.5.008]. Nhà trường lắp đặt hệ thống camera tại Thư viện, các đơn vị hành chính, ở cổng và sân trường để ghi nhận lại những hoạt động của mọi người khi ra vào trường [H08.5.009]. Tại mỗi vị trí cầu thang đều có bảng nội qui và thông báo nghiêm cấm hút thuốc lá trong toàn bộ khuôn viên nhà trường và được treo ở các vị trí dễ quan sát để mọi người thực hiện [H08.5.010]. Tất cả các phòng thí nghiệm, xưởng thực hành đều có các quy định về an toàn lao động, vận hành [H08.5.011]. Nhà trường có quan hệ chặt chẽ và thường xuyên với chính quyền, cơ quan công an địa phương để phối hợp tốt công tác bảo vệ an ninh chung trong khu vực và quản lý SV nội trú, ngoại trú [H08.5.012]. Ngoài ra, để đảm bảo vệ sinh Nhà trường ký hợp đồng với đơn vị cung cấp dịch vụ làm vệ sinh, thu gom rác thải, chăm sóc, cắt tỉa cây xanh định kỳ và trồng mới cây xanh để đảm bảo cảnh quan vệ sinh môi trường [H08.5.013].

Năm 2020, Nhà trường có bộ phận y tế đảm bảo sơ cấp cứu ban đầu cho SV, có tủ thuốc với nhiều đầu thuốc y tế [H08.5.014]. 100% CBGV, nhân viên và SV đều được nhà trường tổ chức mua bảo hiểm y tế; tất cả CBGV, nhân viên được khám sức khỏe định kỳ, 100% SV đều được khám sức khỏe khi nhập học và khi ra trường [H08.5.015], [H08.5.016], [H08.5.017], [H08.5.018]. Nhà trường có đội phòng cháy, chữa cháy, hàng năm được tập huấn nghiệp vụ do công an phòng cháy chữa cháy của Tỉnh tổ chức. Trường có phương án phòng cháy chữa cháy do công an phòng cháy chữa cháy tỉnh Tuyên Quang phê duyệt. Trường thường xuyên rà soát và trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy đảm bảo đạt tiêu chuẩn quy định [H08.5.019]. Cổng tin Trường có chứng nhận an toàn thực phẩm, có lưu trữ các mẫu thực phẩm theo quy định 24h phục vụ cho công tác kiểm tra an toàn thực phẩm. Nhà trường thực hiện phối hợp với cơ quan chuyên ngành y tế của địa phương định kỳ thực hiện công tác kiểm tra về vệ sinh an toàn thực phẩm tại cổng tin Nhà trường [H08.5.020].

Trong giai đoạn đánh giá, Nhà trường đã thực hiện việc khảo sát lấy ý kiến về sự hài lòng của các bên liên quan về CSVC, môi trường, sức khỏe và an toàn; hạ tầng CNTT; nguồn học liệu và chất lượng phục vụ nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý, đào tạo, NCKH, từ đó có những điều chỉnh hợp lý hơn. Kết quả cho thấy có trên 90% CB, GV, SV hài lòng về môi trường, sức khỏe và sự an toàn của nhà trường [H08.5.021].

2. Điểm mạnh: Nhà trường có môi trường cảnh quan xanh sạch đẹp, thoáng mát, an toàn; mối quan hệ xã hội trong trường, trong khoa luôn được quan tâm xây dựng đảm

bảo môi trường tâm lý xã hội tích cực cho hoạt động học tập nghiên cứu của CBGV, SV nhà trường.

3. *Điểm tồn tại*: Việc phân chia phòng học cho các khoa trong Trường thường xuyên bị điều chỉnh và thay đổi vị trí, làm mất tính ổn định môi trường lớp học của SV.

4. *Kế hoạch hành động*: Văn phòng cần bố trí, sắp xếp lại hệ thống lớp học đảm bảo môi trường học tập của SV ổn định lâu dài.

Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 8: Chất lượng NH và hoạt động hỗ trợ NH là yếu tố quan trọng để đánh giá chất lượng đào tạo của ngành CTXH. Từ chính sách tuyển sinh, tiêu chí và PP tuyển sinh được xác định rõ ràng, công bố công khai, cập nhật hàng năm đến hệ thống giám sát, các hoạt động tư vấn, hỗ trợ NH diễn ra thường xuyên, liên tục tạo điều kiện thuận lợi để NH phát triển năng lực học tập, NCKH, sức khỏe thể chất, tinh thần, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả cho công tác đào tạo nói chung, đào tạo ngành CTXH nói riêng tại Trường ĐHTT.

Căn cứ vào đánh giá các tiêu chí, Hội đồng Tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành CTXH bậc đại học tự đánh giá tiêu chuẩn 8 có 5/5 tiêu chí đạt 5/7.

Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Mở đầu: Đầu tư cơ sở vật chất đóng vai trò rất quan trọng trong việc nâng cao chất lượng giáo dục, nghiên cứu và phát triển bền vững. Một trường đại học có cơ sở vật chất tốt là điều kiện tiên quyết thúc đẩy việc dạy và học một cách hiệu quả, thúc đẩy nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo, quốc tế hóa giáo dục.

Trường ĐHTT đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất và trang thiết bị để phục vụ cho công tác đào tạo, NCKH và PVCD. Có thể đánh giá như vậy vì Nhà trường có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng thí nghiệm, thực hành và hầu hết đều được trang bị đầy đủ các thiết bị. Trường có Thư viện với nguồn học liệu phong phú, được cập nhật thường xuyên và có đủ phòng đọc để đáp ứng yêu cầu của việc tổ chức thực hiện CTĐT ngành GDTH. Hệ thống CNTT với các trang thiết bị của Trường phù hợp, các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn đã được triển khai thực hiện tốt để hỗ trợ có hiệu quả cho các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD.

Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả

Để hỗ trợ các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ, Trường Đại học Tân Trào có đủ số lượng phòng làm việc, phòng học, phòng thí nghiệm, phòng thực hành và các phòng chức năng với tổng diện tích 10.235,8 m² [H09.1.001]. Nhà trường có 03 cơ sở đào tạo và có tổng diện tích đất đang sử dụng: 286.764,4 m² [H09.1.002].

Trong đó:

+ Cơ sở 1 ở Km 6, xã Trung Môn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang có tổng diện tích đất 138.533,1 m² [H09.1.003].

+ Cơ sở 2 ở Tổ 10, phường Ý La, thành phố Tuyên Quang có tổng diện tích 100.795 m², bao gồm Trung tâm Thực hành thực nghiệm và Chuyển giao KHCN, Khoa Nông - Lâm - Ngư nghiệp [H09.1.004].

+ Cơ sở 3 ở Tổ 9, xã Trung Môn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang có tổng diện tích 47.436,3 m² [H09.1.005].

- Cơ sở vật chất của Trường Đại học Tân Trào được đầu tư xây dựng để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, NCKH và PVCĐ.

Bảng 9.1. 1. Thống kê số lượng phòng học, phòng chức năng của Trường ĐHTT

Cơ sở đào tạo	Tổng diện tích xây dựng (m ²)	Số phòng làm việc	Số phòng họp	Số hội trường lớn	Số phòng học	Số phòng TN, TH
Cơ sở 1	7.625,3	58	05	02	46	13
Cơ sở 2	1.976,0	06	0	0	03	05
Cơ sở 3	634,5	0	0	0	06	02
Tổng cộng	10.235,8	64	05	02	55	20

Theo số liệu được thống kê trong Bảng 9.1.1, Trường ĐHTT có 64 phòng làm việc, 55 phòng học lý thuyết, 20 phòng thí nghiệm, thực hành, 05 phòng họp và 02 hội trường lớn với tổng diện tích xây dựng là 10.235,8 m². Trong số đó có 32 phòng có sức chứa từ 50 -100 SV, 04 phòng có sức chứa từ 100 - dưới 150 SV và 28 phòng có sức chứa dưới 50 SV. Với số lượng SV hiện có thì ngoài việc phục vụ cho các lớp học, số phòng học của Nhà trường còn có thể được sử dụng để thực hiện những hoạt động khác như: phòng tự học, phòng sinh hoạt đoàn hội hoặc tổ chức hoạt động ngoại khóa,... [H09.1.006].

Ngành CTXH thuộc Khoa Chính trị và Tâm lý Giáo dục trang bị 05 phòng làm việc với tổng diện tích 387 m².

- 01 phòng làm việc của trưởng khoa 406 nhà A1 diện tích: 27,0 m².
- 01 phòng làm việc của khoa 412 diện tích: 61 m².
- 03 phòng học 310 nhà A1; 303 nhà B; và 305 nhà C với tổng diện tích: 188 m².

Các phòng làm việc của ngành CTXH thuộc Khoa Chính trị và Tâm lý Giáo dục thuộc Trường ĐHTT thuộc Trường ĐHTT có đầy đủ trang thiết bị, máy tính điện tử, máy in, bàn ghế,... đủ cho GV làm việc. Hầu hết các phòng làm việc, phòng học và phòng chức năng của Trường ĐHTT đều được trang bị đầy đủ hệ thống máy chiếu, hệ thống âm thanh, micro, bảng, quạt điện, đèn điện, camera, máy vi tính kết nối mạng Internet, máy in, máy điều hòa nhiệt độ, tủ đựng tài liệu, bàn làm việc,.... Phù hợp để hỗ trợ tốt cho các hoạt động đào tạo và nghiên cứu phục vụ CTĐT [H09.1.006]. Các phòng máy, phòng thí nghiệm, phòng thực hành được Nhà trường giao về cho các đơn vị khoa chuyên môn, các trung tâm quản lý và sử dụng. Nhà trường có hệ thống văn bản về quản lý tài sản quy định về việc mua, quản lý, sử dụng, bảo quản, kiểm tra và nâng cấp trang thiết bị, đồng thời có kế hoạch phân phòng học và báo cáo tổng hợp đánh giá hiệu quả sử dụng CSVC, các phương tiện dạy học [H09.1.007], [H09.1.008], [H09.1.009].

Hàng năm, căn cứ các kế hoạch đầu tư, bảo trì, đánh giá, nâng cấp CSVC và hạ tầng các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị phục vụ đào tạo, NCKH và PVCĐ đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt, Nhà trường giao Phòng Hành chính - Quản trị (nay Văn phòng) và Phòng Kế hoạch - Tài vụ phối hợp triển khai thực hiện theo đúng tiến độ và các nội dung, hạng mục đầu tư [H09.1.010]. Cụ thể, trong giai đoạn từ năm 2020 đến năm 2024, đã tập trung mọi nguồn lực để đầu tư phát triển CSVC, cơ sở hạ tầng: đầu tư xây dựng Khu nhà làm việc, trung tâm học liệu và thông tin thư viện, Nhà 5 tầng cấp III, diện tích xây dựng S_{xd}=1.015 m², diện tích sàn 5.078 m² gần 30 tỷ đồng; cải tạo, sửa chữa nâng cấp sân đường phía trước nhà làm việc Trung tâm học liệu và thông tin thư viện Trường ĐHTT: 497.750.000 đồng; cải tạo, nâng cấp nhà gara xe ô tô và cấp điện sân vườn khu Nhà làm việc Trường ĐHTT: 497.034.000 đồng; thi công xây dựng hạng mục: hệ thống điện chiếu sáng ngoài nhà; hệ thống cấp, thoát nước ngoài nhà; thiết bị trong nhà; đường dây 35KV, trạm biến áp 400KVA-35(22)/0,4KV thuộc dự án: San nền; hạ tầng kỹ thuật; nhà làm việc, Trung tâm học liệu và thông tin thư viện

Trường ĐHTT Tuyên Quang: 8.241.241.000; cải tạo, nâng cấp nhà gara xe máy và hệ thống nước qua đường khu Nhà làm việc Trường ĐHTT: 484.750.000 đồng; xây dựng và cải tạo khuôn viên nhà A1 Trường ĐHTT: 436.568.000 đồng [H09.1.011].

Ngoài ra, Nhà trường giao Phòng Hành chính - Quản trị (nay Văn phòng) khảo sát, lấy ý kiến của các BLQ về mức độ hài lòng, hiệu quả sử dụng, sự phù hợp với từng CTĐT đối với hệ thống CSVC, trang thiết bị. Về cơ bản SV và CBGV đều hài lòng với hệ thống CSVC, trang thiết bị phục vụ ĐT, NCKH và PVCĐ (trên 80%) [H09.1.012].

Trong giai đoạn kiểm định chất lượng (2020-2024) Nhà trường đã đầu tư mua trang thiết bị và xây dựng, cải tạo các hạng mục công trình [H09.1.013], [H09.1.014], [H09.1.015], [H09.1.016]. Đặc biệt, Nhà trường đang phối hợp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025 với ba hạng mục: Nhà thực hành Y Dược, nhà điều hành, thực hành khoa Văn hoá du lịch và thư viện; Nhà giảng đường; Nhà uôm, xưởng sơ chế dược liệu trung tâm Thực nghiệm, thực hành và chuyển giao KHCN, thiết bị phục vụ giảng dạy và học tập với tổng kinh phí gần 250 tỷ đồng [H09.1.017].

2. Điểm mạnh

Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng của Trường ĐHTT được bố trí hợp lý, có đầy đủ trang thiết bị phù hợp với yêu cầu của chuyên ngành CNTT, đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và PVCĐ.

3. Điểm tồn tại

Cơ sở vật chất một số phòng học của Trường ĐHTT cần được cải tạo, sửa chữa.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2024, khoa Sư phạm đề xuất với Lãnh đạo Trường ĐHTT đầu tư kinh phí để trang bị thêm trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy để đáp ứng theo Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT ngày 05 tháng 2 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chuẩn cơ sở giáo dục đại học./.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt 4/7.

Tiêu chí 9.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả

Trung tâm Thông tin - Thư viện của Trường ĐHTT được thành lập theo Quyết định số 1512/QĐ-ĐHTT ngày 26/9/2013 của Hiệu trưởng Trường ĐHTT, đến năm

2024 Trung tâm Thông tin - Thư viện được sáp nhập với Trung tâm Tin học - Ngoại ngữ, Trung tâm Bồi dưỡng và Phát triển nghề nghiệp thành Trung tâm Tin học - Ngoại ngữ - Thư viện và Phát triển nghề nghiệp có chức năng, nhiệm vụ là phục vụ hoạt động giảng dạy, học tập, đào tạo, NCKH, triển khai ứng dụng tiến bộ KHCN và quản lý của Nhà trường [H09.2.001]. Tổng diện tích sàn của Trung tâm Thông tin -Thư viện là 600 m², gồm 01 phòng đọc, 01 phòng máy tính kết nối Internet, 02 kho sách, 03 phòng làm việc của CB, nhân viên thư viện. Các phòng này đều có đầy đủ trang thiết bị như: bàn, ghế, đèn điện, quạt điện, máy điều hòa nhiệt độ [H09.2.002].

Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Thông tin - Thư viện Trường ĐHTT đã được ban hành kèm theo quyết định số 743/QĐ-ĐHTTTr, ngày 19/8/2020; Nội quy Thư viện Trường ĐHTT được ban hành kèm Quyết định số 1514/QĐ-ĐHTTTr ngày 26/9/2013 [H09.2.003], [H09.2.004]. Từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần, Thư viện phục vụ bạn đọc 02 buổi/ngày với thời gian hoạt động như sau: Buổi sáng từ 7 giờ 00 phút đến 11 giờ 30 phút; buổi chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ 00 phút [H09.2.005]. Thư viện có Quy định về việc mượn, trả tài liệu và xử lý vi phạm được ban hành kèm theo quyết định số 626/QĐ-ĐHTTTr ngày 09/4/2015 [H09.2.006].

Thư viện được trang bị phần mềm quản lý thư viện ELIB-LRC [H09.2.007]. Đội ngũ nhân viên có nghiệp vụ tốt để quản lý các tài nguyên của Trường [H09.2.008], [H09.2.009]. Phòng truy cập internet của Thư viện có 20 máy tính được kết nối mạng internet để phục vụ bạn đọc. Các phòng làm việc và phòng đọc ở đây đều được trang bị đầy đủ thiết bị như: bàn, ghế, đèn điện, quạt điện, máy điều hòa nhiệt độ,... Trường có Thư viện điện tử được kết nối với Trung tâm Học liệu Thái Nguyên, Trung tâm Thông tin – Thư viện Trường Đại học Hùng Vương với quyền được khai thác tài liệu điện tử thuộc nhiều lĩnh vực, nhiều chuyên ngành khác nhau. Thư viện điện tử của Trường trên trang <http://ttttv.daihoctantrao.edu.vn/> có 1052 tài liệu bằng bản điện tử [H09.2.010].

Thư viện có đầy đủ giáo trình, tài liệu, sách tham khảo phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Thư viện có số lượng sách bằng bản in là trên 5500 đầu sách, hơn 180.000 bản sách với trên 90% sách bằng Tiếng Việt và số còn lại là sách, tài liệu tham khảo bằng tiếng nước ngoài [H09.2.011], [H09.2.012]. Với nguồn học liệu hiện có và số lượng học liệu được kết nối như vậy, Thư viện của Trường ĐHTT đã cung cấp đầy đủ tài liệu phục vụ cho công tác đào tạo và NCKH.

CTĐT ngành CTXH năm 2024 của Trường ĐHTT có 86 đề cương CTHP, 85 cuốn giáo trình và 114 tài liệu tham khảo [H9.2.013]. Với số lượng sách hiện có và được kết nối với Trung tâm Học liệu Thái Nguyên, Trung tâm Thông tin–Thư viện Trường Đại học Hùng Vương, Thư viện Trường ĐHTT có đầy đủ học liệu để hỗ trợ cho các hoạt động đào tạo, NCKH phục vụ CTĐT ngành CTXH. Tuy nhiên, Thư viện Trường ĐHTT còn chưa được kết nối với thư viện của nước ngoài.

Hàng năm, căn cứ vào yêu cầu của CTĐT, các khoa và bộ môn trực thuộc Trường lập danh sách các tài liệu, học liệu cần mua để phục vụ công tác đào tạo và NCKH của từng đơn vị, gửi cho Trung tâm Thông tin - Thư viện. CB, nhân viên Thư viện tổng hợp số lượng sách cần mua theo danh sách đã lập của các đơn vị, gửi Phòng Kế hoạch – Tài vụ để lập dự toán đầu tư kinh phí mua bổ sung tài liệu, học liệu mới, trình Hiệu trưởng phê duyệt [H9.2.014], [H9.2.015]. Các tài liệu, học liệu (bản in và bản điện tử) được cập nhật đã đáp ứng tốt nhu cầu đào tạo, NCKH của Nhà trường nói chung và của CTĐT ngành CTXH nói riêng [H09.2.016].

Toàn bộ cơ sở dữ liệu về các nguồn lực học tập của Trường ĐHTT được quản lý bằng phần mềm ELIB và các báo cáo định kỳ được chiết xuất từ phần mềm này. Cán bộ, nhân viên của Thư viện thường xuyên theo dõi tình hình bạn đọc đến và sử dụng thư viện qua 02 phương thức: theo dõi thư viện truyền thống bằng sổ mượn sách đối với GV và bằng lý lịch bạn đọc đối với SV [H09.2.017]. Theo số liệu thống kê trên thực tế, số CB, GV, SV đến Thư viện để tra cứu tài liệu, truy cập Internet trong 05 năm gần đây như sau: Năm 2020 có 18.548 lượt bạn đọc, 296.262 lượt truy cập internet; Năm 2021 có 2.601 lượt bạn đọc, 169.476 lượt truy cập internet; Năm 2022 có 3.226 lượt bạn đọc, 53.018 lượt truy cập internet; Năm 2023 có 6.580 lượt bạn đọc, 273.953 lượt truy cập internet; [H09.2.018]. Hàng năm, vào tuần sinh hoạt công dân, Thư viện có hướng dẫn cho SV mới nhập học về cách thức sử dụng thư viện, đặc biệt là cách thức tra cứu và download tài liệu trên thư viện điện tử của Trường [H09.2.019].

2. Điểm mạnh:

Thư viện của Trường ĐHTT cung cấp đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và NCKH của toàn Trường nói chung và của CTĐT ngành CTXH nói riêng.

3. Điểm tồn tại:

Thư viện của Trường ĐHTT còn chưa được kết nối với nhiều thư viện của nước ngoài.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm học 2024 - 2025, Thư viện Trường ĐHTT sẽ được kết nối với Thư viện của một số trường Đại học nước ngoài để khai thác tài liệu phục vụ cho công tác đào tạo, NCKH và PVCD.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt 4/7.

Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả

Nhà trường đảm bảo đủ số lượng phòng thực hành, thí nghiệm để phục vụ đào tạo và nghiên cứu. Hiện tại, Nhà trường có 22 phòng thực hành, thí nghiệm tại các khoa, bộ môn với tổng diện tích 3.113m². Các phòng thực hành, thí nghiệm được bố trí hợp lý theo thiết kế phù hợp với yêu cầu từng môn học và công năng sử dụng đáp ứng nhu cầu đào tạo [H09.3.001], [H09.3.002], [H09.3.003].

Hệ thống phòng thực hành dành riêng cho ngành CTXH có đầy đủ máy chủ, thiết bị mạng, máy tính, máy chiếu và hệ thống âm thanh, ánh sáng thuận tiện cho việc học tập, thực hành, làm việc nhóm, xêmina của SV [H09.3.004]. Hiện nay, SV ngành CTXH sử dụng 02 phòng học thực hành Tin học là phòng 401, 402 nhà B thuộc cơ sở 1 với tổng diện tích là 300m². Tại các phòng học, phòng thực hành đều có nội quy và hướng dẫn sử dụng các trang thiết bị trong phòng [H09.3.005].

Hàng năm, CSVC, trang thiết bị của nhà trường được bổ sung, sửa chữa và nâng cấp để đáp ứng yêu cầu của quá trình đào tạo [H09.3.006].

Nhà trường có hệ thống văn bản về quản lý tài sản quy định về việc mua, quản lý, sử dụng, bảo quản, kiểm tra và nâng cấp trang thiết bị [H09.3.007]. Các thiết bị máy móc hiện đại sau khi được đầu tư trang bị đều được nhà cung cấp tập huấn cách thức sử dụng, phương thức vận hành, bảo trì, sửa chữa định kỳ [H09.3.008].

Hàng năm, căn cứ vào sổ theo dõi tần suất sử dụng của phòng máy, phòng thực hành, phòng thí nghiệm, Nhà trường tổng kết đánh giá hiệu quả sử dụng và tình trạng máy móc thiết bị để xây dựng kế hoạch, lập dự toán phân bổ kinh phí đầu tư mua mới, sửa chữa, bảo dưỡng các trang thiết bị của phòng thí nghiệm, thực hành [H09.3.009], [H09.3.010]. Ngành CTXH được nhà trường đầu tư thêm trang thiết bị cho phòng thực hành Tin học và nâng cấp đường truyền Internet đảm bảo phục vụ tốt cho nhu cầu đào tạo, học tập của giảng viên và sinh viên [H09.3.011].

Phòng thực hành của ngành CNTT do 01 Trợ lý Khoa phối hợp với cán bộ kỹ thuật của Trung tâm Tin học - Ngoại ngữ - Thư viện và Phát triển nghề nghiệp chịu trách nhiệm quản lý và điều hành các hoạt động. Các cán bộ quản lý các trang thiết bị và vật tư tại phòng thực hành, có nhiệm vụ kiểm tra tình trạng hoạt động của các trang thiết bị trước và sau khi kết thúc buổi thực hành, ghi vào sổ theo dõi. Các Khoa có phòng thực hành, thí nghiệm đều có nội quy, quy định, sổ theo dõi thống kê các trang thiết bị theo các nội dung thực hành của từng môn học. Các trang thiết bị đều có hướng dẫn sử dụng, phiếu lý lịch trang thiết bị, nhật ký sử dụng [H09.3.012].

Kết quả lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về đánh giá hiệu quả sử dụng CSVC, môi trường, sức khỏe và an toàn; Hạ tầng CNTT, nguồn học liệu và chất lượng phục vụ nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý, đào tạo và NCKH từ năm 2020 đến 2024 có tỷ lệ hài lòng trung bình là 88%. Trong đó, các tiêu chí đạt tỷ lệ hài lòng cao như: Phòng thí nghiệm, phòng thực hành đạt tiêu chuẩn, thoáng mát; Phòng học có hệ thống chiếu sáng đạt chuẩn, Có trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy và học tập theo quy định, Bàn ghế học sinh đúng quy cách [H09.3.013].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ số lượng phòng thực hành, thí nghiệm và trang thiết bị hiện đại để phục vụ tốt cho hoạt động đào tạo và NCKH.

3. Điểm tồn tại

Hồ sơ theo dõi, quản lý trang thiết bị trong phòng thực hành chưa được quản lý bằng phần mềm.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2024 - 2025, Khoa/bộ môn tiến hành quản lý hồ sơ theo dõi trên phần mềm điện tử.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt 4/7.

Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả

CSVC của Trường về hạ tầng CNTT đã được đầu tư mạnh mẽ, có khả năng đáp ứng khá tốt cho nhu cầu giảng dạy và các hoạt động đào tạo nói chung. Tại thời điểm đánh giá, Trường có 362 máy tính để bàn, 12 máy laptop; trong đó số máy phục vụ cho công tác quản lý 196 máy, công tác đào tạo 166 máy; 84 máy Projector; 60 máy in; 04

máy phô tô; 03 máy scan, 03 server, 108 camera và phần mềm ứng dụng tích hợp [H09.4.001], [H09.4.002], [H09.4.003]. Để phục vụ cho dạy học trực tuyến, Nhà trường đã mua 03 tài khoản của phần mềm dạy học trực tuyến Zoom [H09.4.003]. Trung tâm tin học - Ngoại ngữ - Thư viện và Phát triển nghề nghiệp có chức năng tham mưu giúp Hiệu trưởng về các hoạt động đào tạo, ứng dụng CNTT trong toàn trường [H09.4.004]. Trung tâm xây dựng, triển khai, quản lý cơ sở hạ tầng CNTT và mạng máy tính, quản trị hệ thống máy chủ, đường truyền và các thiết bị mạng bảo đảm an toàn và bảo mật hệ thống thông tin, đảm bảo sự hoạt động liên tục của các trang tin điện tử và phần mềm ứng dụng [H09.4.005]. Tuy nhiên hệ thống máy tính tại các phòng thực hành hầu hết đều được trang bị từ lâu, cấu hình thấp, hoạt động không được ổn định.

Nhà trường đã đầu tư trang bị 5 đường truyền FTTH chất lượng cao bằng kỹ thuật cân bằng tải tiên tiến giúp cân bằng hệ thống và tối ưu hóa băng thông, giảm tối đa rủi ro về sự cố đường truyền. Nhà trường đã trang bị hệ thống mạng Wifi hoạt động 24/24 và được bố trí ở những vị trí thuận lợi nhất giúp cho người dùng có thể dễ dàng sử dụng. Trường có cổng thông tin điện tử tại địa chỉ <http://daihoctantrao.edu.vn>, đồng thời Nhà trường ban hành quy định về tổ chức và quản lý duy trì hoạt động trang thông tin điện tử [H09.4.006], [H09.4.007]. Nhà trường đã đưa vào sử dụng các phần mềm quản lý đào tạo, điểm, học bổng, thu học phí và các nguồn thu khác [H09.4.008].

Văn phòng làm việc của Khoa CT&TLGD có 05 máy tính, 03 máy in, wifi với tình trạng sử dụng tốt đáp ứng cho nhu cầu quản lý, hoạt động, đào tạo và NCKH. [H09.4.009].

Nhà trường có hệ thống máy tính phục vụ hoạt động đào tạo, NCKH, công tác quản lý [H9.4.001]. Phòng họp được trang bị đầy đủ máy tính và các thiết bị trực tuyến. Trường có hệ thống thông tin dự phòng qua máy chủ (Server) lưu trữ chung do Trung tâm Tin học - Ngoại ngữ quản lý; hệ thống tường lửa bảo vệ an toàn hệ thống mạng nội bộ của Nhà trường [H09.4.010]. Trung tâm Tin học - Ngoại ngữ có trách nhiệm cập nhật, lưu giữ thông tin trên máy chủ, có kế hoạch bảo trì thiết bị, cài đặt các phần mềm đảm bảo cho hệ thống thông tin hoạt động ổn định, an toàn giúp người dùng khai thác thông tin thuận lợi [H09.04.011].

CBGV của Khoa dễ dàng truy cập vào hệ thống mạng để sử dụng các phần mềm ứng dụng, quản lý, điều hành của Nhà trường và chia sẻ dữ liệu phục vụ giảng dạy và quản lý như phần mềm giảng dạy trực tuyến Elearning. SV ngành CTXH được cấp tài

khoản truy cập phần mềm quản lý Unisoft để đăng ký học tín chỉ, tra cứu điểm, tình trạng học phí, theo dõi thời khóa biểu [H09.4.012].

Năm 2022, Nhà trường cũng ban hành các Quy định quản lý, sử dụng hệ thống mạng máy tính; Quy định quản lý, sử dụng, sửa chữa thiết bị tin học và hỗ trợ giảng dạy; Quy định quản lý, sử dụng hệ thống phần mềm Quản lý đào tạo Unisoft [H09.1.013], [H09.1.014], [H09.1.015]. Hàng năm, Trung tâm Tin học - Ngoại ngữ (nay là Trung tâm Tin học - Ngoại ngữ - Thư viện và Phát triển nghề nghiệp) của Trường xây dựng kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng hạ tầng CNTT trong toàn trường. Đối với các thiết bị mới, được bảo dưỡng theo quy định của nhà sản xuất quy định trong các hợp đồng đảm bảo vận hành tốt thiết bị CNTT phục vụ hoạt động đào tạo và NCKH. Hệ thống CNTT của Nhà trường trong 5 năm qua đảm bảo thông suốt, ổn định, bảo mật an toàn đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu. Nhà trường đã hợp đồng mua phần mềm an ninh mạng, phần mềm diệt virus. Trong chu kỳ KĐCLGD đã dành khoản kinh phí để mua mới các thiết bị CNTT và duy tu, bảo trì hệ thống phần mềm quản lý đào tạo Unisoft [H09.4.016].

Hàng năm, Nhà trường thực hiện khảo sát ý kiến phản hồi của CBGV, SV về chất lượng cũng như mức độ đáp ứng của hệ thống CNTT [H09.4.017]. Kết quả khảo sát năm 2024 cho thấy: mức độ hài lòng về hoạt động của hệ thống máy tính, máy in của Nhà trường đạt 90,8%; mức độ hài lòng về hoạt động của hệ thống mạng Internet đạt 86,2%; mức độ hài lòng về hoạt động của hệ thống phần mềm Unisoft đạt 90,1%; mức độ hài lòng đối với hệ thống máy projector tại các phòng học đáp ứng yêu cầu đạt 87,1%; Hệ thống CSVC đáp ứng yêu cầu đạt 88,6% [H09.4.018].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có hệ thống CNTT hoạt động ổn định, an toàn, đáp ứng tốt yêu cầu về hoạt động đào tạo và NCKH.

3. Điểm tồn tại

Một số ít giảng viên còn gặp khó khăn khi up bài giảng lên hệ thống Elearning.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2021, Nhà trường kết hợp với Trung tâm Tin học - ngoại ngữ nâng cấp hơn nữa phần mềm phục vụ đào tạo và NCKH.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt 5/7.

Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

1. Mô tả

Căn cứ vào các quy định hiện hành, Trường ĐHTT đã ban hành các văn bản trong đó có quy định rõ các tiêu chí về môi trường sức khỏe và an toàn đặc biệt là có lưu ý đến nhu cầu của người khuyết tật. Nhà trường luôn quan tâm xây dựng chính sách bảo vệ an toàn, sức khỏe và vệ sinh môi trường tại khu làm việc cũng như Ký túc xá SV. Phòng Bảo vệ, Phòng Hành chính, Trung tâm Y tế, Ban quản lý ký túc xá có chức năng tham mưu cho Hiệu trưởng về công tác trật tự trị an, môi trường và sức khỏe [H09.5.001], [H09.5.002].

Phòng Hành chính - Quản trị (nay là Văn phòng) là đơn vị đầu mối chịu trách nhiệm tham mưu, quản lý và điều hành về công tác cải tiến môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt trong Nhà trường. Phòng Quản lý sinh viên chịu trách nhiệm tư vấn và tổ chức thực hiện chế độ chính sách và các nhiệm vụ có liên quan đến công tác sinh viên, quy chế tổ chức hoạt động phòng quản lý sinh viên. Nhà trường có các bộ phận liên quan đến từng lĩnh vực để trực tiếp thực hiện như: Đội phòng cháy chữa cháy cơ sở, Ban chỉ huy quân sự [H09.5.001], [H09.5.002].

Hàng năm, theo nhiệm vụ được phân công, Phòng Kế hoạch - Tài vụ kết hợp với các đơn vị trong Nhà trường triển khai xây dựng kế hoạch phân bổ dự toán hàng năm thực hiện các công tác về môi trường, sức khỏe và công tác khác đảm bảo theo đúng quy định [H09.5.001].

Về môi trường: Nhà trường có ký hợp đồng với đơn vị cung cấp dịch vụ làm vệ sinh, thu gom rác thải, chăm sóc, cắt tỉa cây xanh định kỳ và trồng mới cây xanh để đảm bảo cảnh quan vệ sinh môi trường, định kỳ hàng tháng nghiệm thu công việc theo hợp đồng đã ký kết [H09.5.003].

Về công tác sức khỏe, y tế cộng đồng: Nhà trường có Phòng Y tế với những máy móc, trang thiết bị, tủ thuốc cơ bản đảm bảo công tác sơ cấp cứu ban đầu cho CB và SV của nhà trường. 100% CBGV, nhân viên và SV đều được nhà trường tổ chức mua bảo hiểm y tế [H09.5.004], [H09.5.005], [H09.5.006]; tất cả SV đều được khám sức khỏe khi nhập học [H09.5.007]. Hàng năm, Nhà trường tổ chức khám sức khỏe tổng quát cho toàn bộ CBGV, nhân viên, nhiều hoạt động khám, tư vấn sức khỏe cho người lao động 100% số lượng CB và SV tham gia khám sức khỏe định kỳ [H09.5.008].

Về công tác đảm bảo an toàn cho CBGV và SV trong Nhà trường: Nhà trường có tường rào an toàn, có Tổ bảo vệ 05 người, được trang bị trang phục và công cụ hỗ trợ phục vụ công việc, trực 24/24h với các chức năng và nhiệm vụ được phân công cụ thể [H09.5.009], [H09.5.010], [H09.5.011]. Ngoài lực lượng trên, Nhà trường còn có Trung đội tự vệ 33 người tham gia các hoạt động trực, bảo vệ an ninh trật tự hỗ trợ lực lượng bảo vệ của Nhà trường những ngày lễ, tết và các hoạt động lớn [H09.5.012]. Nhà trường lắp đặt hệ thống camera tại tất cả các lớp học, các đơn vị hành chính, ở cổng và sân trường để ghi nhận lại những hoạt động của mọi người khi ra vào trường [H09.5.013]. Tại mỗi vị trí cầu thang đều có bảng nội quy và thông báo nghiêm cấm hút thuốc lá trong toàn bộ khuôn viên Nhà trường và được treo ở các vị trí dễ quan sát để mọi người thực hiện [H09.5.014]. Tất cả các Phòng thí nghiệm, xưởng thực hành đều có các quy định về an toàn lao động, vận hành [H09.5.015]. Ngoài ra, Nhà trường có quan hệ chặt chẽ và thường xuyên với chính quyền, cơ quan công an địa phương để phối hợp tốt công tác bảo vệ an ninh chung trong khu vực và quản lý SV nội trú, ngoại trú.

Về công tác an toàn, phòng cháy chữa cháy: Trường ĐHTT có đội phòng cháy, chữa cháy cơ sở, được tập huấn nghiệp vụ công tác phòng cháy chữa cháy của Tỉnh tổ chức. Hàng năm, có Biên bản kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy, báo cáo công tác chấp hành pháp luật về an toàn phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ [H09.5.016].

Vấn đề vệ sinh an toàn thực phẩm: Căng tin Nhà trường vận hành theo quy trình bếp ăn một chiều, có chứng nhận vệ sinh an toàn thực phẩm, đội ngũ nhân viên có giấy khám sức khỏe hàng năm, lưu trữ các thực phẩm theo quy định trong 24h phục vụ cho công tác kiểm tra an toàn thực phẩm. Nhà trường thực hiện phối hợp với cơ quan chuyên ngành y tế của địa phương định kỳ thực hiện công tác kiểm tra về vệ sinh an toàn thực phẩm tại căng tin [H09.5.017].

Ký túc xá Nhà trường có nội quy, đội bảo vệ trực 24/24h, có hệ thống phòng chống cháy nổ. Trong giai đoạn 2020 -2024, tất cả CB, GV, SV của nhà trường đều được đảm bảo an toàn, không xảy ra bất cứ vụ việc nào [H09.5.017].

Nhà trường đầu tư xây dựng Nhà làm việc, trung tâm học liệu và thông tin thư viện (nhà A1), đã có hệ thống đường đi riêng cho người khuyết tật, người có nhu cầu đặc biệt. Hàng năm, nhà trường đều có tổng kết đánh giá việc đầu tư cho môi trường, sức khỏe, sự an toàn và đề xuất cải tiến. Từ việc đánh giá, rà soát hàng năm về hoạt động

môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt được thiết lập và vận hành. Ngoài ra, nhà trường còn có những chính sách miễn giảm học phí, cấp học bổng cho thí sinh trúng tuyển để khuyến khích các em SV có hoàn cảnh đặc biệt [H09.5.018].

Nhà trường đã thực hiện việc khảo sát lấy ý kiến về sự hài lòng của SV trong công tác chăm sóc y tế và các hoạt động hỗ trợ khác, từ đó có những điều chỉnh hợp lý hơn. Kết quả cho thấy có trên 90% CB, GV, SV hài lòng về môi trường, sức khỏe và sự an toàn của Nhà trường [H09.5.019].

2. Điểm mạnh

Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và đã triển khai thực hiện tốt.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường còn thiếu đường xe lăn dành cho người khuyết tật ở các khu vực giảng đường.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2024, nhà trường xây dựng đường xe lăn dành cho người khuyết tật ở các khu vực giảng đường.

5. Tự đánh giá; Tiêu chí đạt 4/7.

Kết luận về tiêu chuẩn 9

CSVC và trang thiết bị của Trường ĐHTT đã đáp ứng tốt cho các hoạt động đào tạo SV ngành CTXH, CTĐT ngành CTXH được sử dụng để đào tạo nguồn giáo viên luôn nhận được sự quan tâm và là thế mạnh của Trường ĐHTT. Chính vì vậy, Khoa Khoa CT&TLGD và Nhà trường luôn đặt chất lượng đào tạo lên hàng đầu. Đặc biệt, hệ thống CSVC được đầu tư bao gồm: hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng chức năng, thư viện, hệ thống CNTT và các trang thiết bị hỗ trợ cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn đã được Khoa và Nhà trường thực hiện có hiệu quả. Trong thời gian tới, Nhà trường tiếp tục nâng cấp CSVC, thực hiện việc kết nối với thư viện của nước ngoài, đảm bảo môi trường sức khỏe và an toàn để phục vụ cho công tác giảng dạy, NCKH và PVCĐ.

Căn cứ vào nội dung tự đánh giá, tiêu chuẩn 9 có 5/5 tiêu chí đạt, trong đó: 04 tiêu chí đạt 4/7, 01 tiêu chí đạt 5/7.

Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng

Mở đầu: Ngành CTXH trình độ đại học là một trong những ngành được mở đầu tiên của Khoa Tâm lý - Giáo dục và CTXH (nay là Khoa CT&TLGD) của Trường ĐHTT. Nâng cao chất lượng đào tạo ngành CTXH là mục tiêu quan trọng mà Nhà trường và Khoa hướng tới. Để thực hiện nhiệm vụ này, Khoa đã thiết kế và phát triển chương trình dạy học trên cơ sở thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan, định kỳ thực hiện đánh giá, cải tiến chương trình dạy học, quá trình dạy và học, kết quả học tập của NH. Hàng năm, Nhà trường, Khoa chú trọng triển khai công tác NCKH của GV và NH, sử dụng kết quả NCKH để cải tiến hoạt động giảng dạy của GV và hoạt động học tập của NH, chú trọng nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích trên cơ sở lấy ý kiến của các bên liên quan. Mục tiêu là đào tạo cử nhân ngành CTXH đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực cho nền kinh tế địa phương và khu vực trong từng giai đoạn phát triển.

Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển CTDH.

1. Mô tả

CTDH ngành CTXH được xây dựng trên cơ sở thu thập thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực nhân viên CTXH đang tăng và những ý kiến phản hồi của các bên liên quan từ trả lời bảng hỏi về quy trình thiết kế CTDH. Nhà trường đã ban hành Quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành ngành đào tạo mới; rà soát, đánh giá, cập nhật CĐR, CTĐT, đề cương CTHP nhằm đáp ứng yêu cầu của NH về kiến thức, phẩm chất và năng lực phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn chiến lược của Trường và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội [H10.1.001]. Việc lấy ý kiến của các bên liên quan trong quá trình xây dựng và phát triển CTĐT đã được Nhà trường giao cho Phòng Đào tạo làm đầu mối quản lý, Khoa CT&TLGD phối hợp thực hiện các nội dung theo hướng dẫn: rà soát, cập nhật, điều chỉnh, đánh giá, thẩm định và phát triển CTĐT ngành CTXH [H10.1.002], [H10.1.003]. Trên cơ sở đó, Khoa CT&TLGD xây dựng Kế hoạch tổ chức lấy ý kiến đóng góp, phản hồi của các bên liên quan phục vụ công tác cập nhật, rà soát, chỉnh sửa và đánh giá CTĐT ngành CTXH, trình độ đại học, hệ chính quy, thu thập thông tin từ các bên liên quan và tổng hợp nhu cầu đào tạo ngành CTXH [H10.1.004]. Nhà trường đã huy động được các nhà khoa học, cán bộ quản lý đào tạo và các GV có kinh nghiệm, chuyên môn phù hợp tham gia xây dựng CTĐT theo qui trình, đáp ứng CĐR đã công bố, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn chiến lược của Nhà trường [H10.1.005];

[H10.1.006], [H10.1.007]. Quy trình lấy ý kiến các bên liên quan về CTĐT ngành CTXH được thực hiện như sau: *Bước 1.* Lập kế hoạch tổng thể và lấy ý kiến về nhu cầu đào tạo ngành CTXH, rà soát, cập nhật, điều chỉnh và phát triển CTDH; *Bước 2.* Đề xuất thành lập tiểu ban rà soát, chỉnh sửa, bổ sung, phát triển CTĐT ngành CTXH; *Bước 3.* Xây dựng và hoàn thiện các mẫu phiếu khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan; *Bước 4.* Thực hiện lấy ý kiến khảo sát của các bên liên quan theo kế hoạch; *Bước 5.* Tổng hợp và xử lý số liệu lấy ý kiến về nhu cầu nguồn nhân lực và CĐR, CTĐT ngành CTXH; Phân tích kết quả và viết các báo cáo tổng hợp; *Bước 6.* Sử dụng kết quả khảo sát để xây dựng phát triển CTĐT ngành CTXH; Tổ chức nghiệm thu CTĐT cấp khoa; Trình Hội đồng Khoa học và đào tạo Nhà trường thẩm định [H10.1.008], [H10.1.009], [H10.1.010]. Trong giai đoạn 2019 - 2024, CTĐT ngành CTXH đã được rà soát và điều chỉnh 3 lần (năm 2020, 2022, 2024), trong quá trình điều chỉnh CTĐT Nhà trường đã ban hành văn bản qui định và hướng dẫn cụ thể cho các đơn vị, cá nhân triển khai thực hiện công tác lấy ý kiến của các bên liên quan làm cơ sở để thiết kế và phát triển CTĐT [H10.1.011], [H10.1.012], [H10.1.013]. Các phiên bản này đã được Khoa CT&TLGD chỉnh sửa, hoàn thiện, được thẩm định, nghiệm thu và Nhà trường ra quyết định ban hành. [H10.1.014].

Dựa trên CTĐT ngành CTXH đã có (giai đoạn trước khi chỉnh sửa, bổ sung) Khoa CT&TLGD đã tiến hành họp lấy ý kiến đánh giá và góp ý để rà soát, chỉnh sửa, bổ sung CTĐT [H10.1.015]. Sau khi thảo luận, đánh giá, Khoa tiến hành xây dựng Bộ phiếu khảo sát với các nội dung chỉnh sửa, bổ sung cho CTĐT và lấy ý kiến của các bên liên quan bao gồm các chuyên gia, nhà khoa học, nhà quản lý, nhà tuyển dụng lao động, GV, SV và CSV [H10.1.016]. Năm 2020, Khoa thực hiện khảo sát trực tiếp đối với bên liên quan, điều này gây tốn kém và mất nhiều thời gian. Đến năm 2022, Khoa đã kết hợp linh hoạt các hình thức khảo sát bằng phiếu hỏi từ hỏi trực tiếp cùng với khảo sát qua hệ thống câu hỏi điện tử hóa trên công cụ khảo sát google fomr trên môi trường Internet và các mạng xã hội như facebook, zalo, messenger, email gửi đến các bên liên quan, theo từng giai đoạn để thu thập thông tin,... Thông tin thu thập được từ hoạt động khảo sát được tổng hợp, xử lý bằng phần mềm Microsoft Excel, sau đó Khoa phân tích và lập báo cáo tổng hợp ý kiến các bên liên quan ngành CTXH và đề xuất những thay đổi cho CĐR, CTĐT ngành CTXH [H10.1.017]. Sau khi có kết quả khảo sát các bên liên quan, Khoa xây dựng báo cáo đánh giá về tính hiệu quả của CĐR, CTĐT đang thực

hiện và đề xuất những nội dung cần thay đổi [H10.1.018]. Đồng thời, Khoa tổ chức Hội nghị đánh giá về tính hiệu quả của các CĐR, CTĐT đang thực hiện, kết hợp với các báo cáo đối sánh CTĐT ngành CTXH với CTĐT của CSGD đại học trong nước nhưng do nhiều yếu tố khách quan, Khoa chưa thực hiện đối sánh CTĐT ngành CTXH với CTĐT của CSGD đại học ở nước ngoài. Việc đối sánh này đã được các bên liên quan trao đổi ý kiến tại Hội nghị thảo luận và thống nhất các nội dung chỉnh sửa, bổ sung cho CTĐT ngành CTXH [H10.1.019], [H10.1.020]. Toàn bộ các thông tin phản hồi của các bên liên quan thu thập được qua quá trình khảo sát, đối sánh, hội nghị, hội thảo được xử lý, tổng hợp, phân tích, đánh giá và làm cơ sở để Khoa xây dựng bản CTĐT mới trình Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Nhà trường thẩm định và nghiệm thu [H10.1.021]. Khoa tiếp thu các ý kiến nhận xét, phản biện và kết luận của Hội đồng thẩm định, hoàn thiện các nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung và đề nghị Nhà trường ra quyết định ban hành CTĐT ngành CTXH [H10.1.014]. Cụ thể, tiếp thu ý kiến của các bên liên quan, năm 2020, các đề cương CTHP có bổ sung thêm nội dung về “CĐR của học phần”, “ma trận liên kết nội dung chương mục với CĐR” [H10.1.022]. Năm 2022, đề cương CTHP được thiết kế theo hướng tiếp cận năng lực, các học phần chú trọng vào cả 3 mục tiêu đào tạo: kiến thức, kỹ năng, thái độ tùy thuộc vào vị trí môn học trong khung CTĐT [H10.1.023]. Năm 2024, đề cương CTHP được bổ sung thêm nội dung “Mức đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT”, thay đổi phương pháp đánh giá [H10.1.024], [H10.1.025]. Tại thời điểm chỉnh sửa CTĐT năm 2020, Khoa chưa sử dụng các phần mềm thống kê để xử lý số liệu, chỉ sử dụng bảng tính Excels.

2. Điểm mạnh

Khoa đã thường xuyên xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện việc lấy ý kiến khảo sát các bên liên quan; hệ thống thông tin phản hồi đa dạng và cung cấp những thông tin đầy đủ, kịp thời làm cơ sở để Khoa thiết kế và cải tiến CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Khoa chưa thực hiện đối sánh CTĐT của ngành CTXH với CTĐT của CSGD đại học ở nước ngoài. Đồng thời, Khoa chưa sử dụng linh hoạt và đa dạng các PP xử lý số liệu sau khi thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2025, Khoa CT&TLGD phối hợp với Phòng Quản lý khoa học và Hợp tác Quốc tế để thực hiện đối sánh CTĐT ngành CTXH của Nhà trường với CTĐT ngành

CTXH của CSGD đại học nước ngoài nhằm tiệm cận xây dựng, nâng cao CTĐT theo chuẩn Quốc tế. Song song với đó, Khoa sẽ phối hợp với Bộ phận CNTT của Nhà trường thực hiện áp dụng đa dạng các PP xử lý số liệu thống kê từ các phiếu khảo sát để có thể thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan.

5. *Tự đánh giá*: Tiêu chí đạt mức 5/7.

Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển CTDH được thiết lập, được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả

Từ khi thành lập đại học, Nhà trường đã 3 lần ban hành quy trình thiết kế và phát triển CTDH, lần gần đây nhất là Hướng dẫn số Số 89/HD-ĐHTTr ngày 18/2/2022 về việc xây dựng, thẩm định, ban hành ngành đào tạo mới; rà soát, đánh giá, cập nhật CĐR, CTĐT, đề cương CTHP [H10.2.001]. Quy trình thiết kế và phát triển CTDH ở các lần ban hành khác nhau có sự thay đổi, điều chỉnh và bổ sung phù hợp với yêu cầu phát triển của từng giai đoạn, Nhà trường giao cho Phòng Đào tạo là đơn vị đầu mối, phối hợp với các khoa chuyên môn để tiến hành các bước thực hiện rà soát và điều chỉnh CTDH. Căn cứ vào quy trình thiết kế và phát triển CTDH do Nhà trường ban hành, Khoa lập và thực hiện các kế hoạch xây dựng, rà soát, cập nhật, điều chỉnh, đánh giá, thẩm định và phát triển CTĐT ngành CTXH, trình độ đại học, hệ chính quy [H10.1.004]. Năm 2020, quy trình thiết kế và phát triển CTDH quy định cụ thể các bước thực hiện như sau: *Bước 1.* Lập kế hoạch rà soát, cập nhật và đánh giá CĐR, CTĐT và ĐCCT học phần; *Bước 2.* Thành lập Ban chỉ đạo rà soát, điều chỉnh và bổ sung CĐR, CTĐT và ĐCCT học phần; *Bước 3.* Thành lập Tổ soạn thảo rà soát, chỉnh sửa CĐR, CTĐT và ĐCCT học phần; *Bước 4.* Thu thập thông tin, minh chứng liên quan đến sự cần thiết phải cập nhật CĐR, CTĐT và ĐCCT học phần, khảo sát ý kiến các bên liên quan về CĐR, CTĐT và ĐCCT học phần; *Bước 5.* Xây dựng báo cáo đánh giá về tính hiệu quả của CĐR, CTĐT đang thực hiện và đề xuất những nội dung cần thay đổi; *Bước 6.* Tổ chức Hội nghị đánh giá về tính hiệu quả của các CĐR, CTĐT đang thực hiện; *Bước 7.* Bổ sung, hoàn thiện CĐR, trình Hội đồng Khoa học và Đào tạo Nhà trường; *Bước 8.* Hội đồng Khoa học và Đào tạo Nhà trường thông qua CĐR; *Bước 9.* Ban hành CĐR sửa đổi, bổ sung; *Bước 10.* Hoàn thiện CTĐT và ĐCCT học phần, trình Hội đồng Khoa học và đào tạo xem xét thông qua; *Bước 11.* Hội đồng Khoa học và Đào tạo xem xét, thông qua nội dung sửa đổi, cập nhật

CTĐT, ĐCCT học phần và trình Hiệu trưởng ban hành CTĐT, ĐCCT sửa đổi, bổ sung;
Bước 12. Ban hành CTĐT và đề cương CTHP sửa đổi, bổ sung [H10.1.001].

Từ năm 2019 đến nay, Phòng Đào tạo đã phối hợp với các đơn vị trong Trường thực hiện 02 lần rà soát, đánh giá quy trình thiết kế và phát triển CTDH. Cụ thể: Năm 2019, Nhà trường tổ chức rà soát và đánh giá quy trình xây dựng, cập nhật, đánh giá, thẩm định và ban hành CTĐT theo Hướng dẫn Số 502/HD-ĐHTTr ngày 02/10/2017 [H10.2.001]. Năm 2022, Nhà trường tổ chức rà soát và đánh giá quy trình xây dựng, rà soát và chỉnh sửa CTĐT, đề cương chi tiết môn học đã được ban hành theo Hướng dẫn số 89/HD-ĐHTTr ngày 12/8/2022 [H14.1.002]. Căn cứ Bảng tổng hợp ý kiến tham gia của các đơn vị vào dự thảo “Hướng dẫn xây dựng, rà soát, cập nhật, đánh giá, thẩm định và ban hành CTĐT” năm 2020, 2022, 2024, Khoa đã thực hiện chỉnh sửa CTĐT, đảm bảo quy trình thiết kế CTDH ngành CTXH theo đúng hướng dẫn [H10.2.002], [H10.2.003].

Dựa trên kết quả rà soát, đánh giá, Phòng Đào tạo dự thảo quy trình thiết kế và phát triển CTDH mới cải tiến trình Hội đồng Khoa học và Đào tạo Nhà trường họp xét, thẩm định và đề xuất ban hành [H10.2.004], [H10.2.005]. Kết quả cải tiến quy trình thiết kế và phát triển CTDH thể hiện ở bảng 10.2.1:

Bảng 10.2.1. Kết quả cải tiến quy trình thiết kế và phát triển CTDH

Năm ban hành	Tên quy trình	Số văn bản	Nội dung cải tiến
2019	Hướng dẫn về việc xây dựng, thẩm định, ban hành ngành đào tạo mới; rà soát, đánh giá, cập nhật CĐR, CTĐT, ĐCCT học phần.	Hướng dẫn số 500/HD-ĐHTTr ngày 22/8/2019	- Quy định cụ thể đối với hai quy trình: 1. Quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành ngành đào tạo mới (đối với mở mã ngành); 2. Quy trình rà soát, đánh giá, cập nhật CĐR, CTĐT, ĐCCT học phần (đối với TCĐT đang thực hiện). - Bổ sung khảo sát ý kiến các bên liên quan về thiết kế CĐR của CTĐT.
2022	Hướng dẫn về việc xây dựng, thẩm định, ban	Hướng dẫn Số 89/HD-	- Quy định cụ thể đối với hai quy trình:

	hành ngành đào tạo mới; rà soát, đánh giá, cập nhật chuẩn đầu ra, CTĐT, đề cương CTHP.	ĐHTTr ngày 18/02/2022	1. Quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành ngành đào tạo mới (đối với mở mã ngành); 2. Quy trình rà soát, đánh giá, cập nhật CĐR, CTĐT, ĐCCT học phần (đối với TCĐT đang thực hiện). - Bổ sung khảo sát ý kiến các bên liên quan về thiết kế CĐR của CTĐT.
--	--	-----------------------	--

Tuy nhiên, tại thời điểm chỉnh sửa CTĐT năm 2020, Nhà trường và Khoa chưa thực hiện lấy ý kiến các bên liên quan để rà soát đánh giá việc cải tiến quy trình thiết kế CTDH của năm 2020, điều này cần được khắc phục ở các chương trình cải tiến chỉnh sửa ở những lần sau.

2. Điểm mạnh

Quy trình thiết kế và phát triển CTDH được rà soát, đánh giá và cải tiến thường xuyên hai năm một lần, có sự tham gia của các bên liên quan nhằm nâng cao chất lượng thiết kế và phát triển CTDH đáp ứng yêu cầu đào tạo trong từng giai đoạn.

3. Điểm tồn tại

Quá trình rà soát và cải tiến quy trình thiết kế và phát triển CTDH chưa tiến hành lấy ý kiến bằng bảng hỏi đối với các bên liên quan như các chuyên gia, nhà quản lý, giảng viên ...

4. Kế hoạch hành động

Trong lần rà soát, đánh giá và cải tiến quy trình thiết kế và phát triển CTDH tiếp theo, Khoa CT&TLGD phối hợp với Phòng Đào tạo để thiết kế phiếu khảo sát và tiến hành lấy ý kiến bằng bảng hỏi đối với các bên liên quan để thu thập thông tin làm căn cứ đề xuất những thay đổi và cải tiến quy trình thiết kế và phát triển CTDH.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7.

Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của NH được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR

1. Mô tả

Trường ĐHTT đã ban hành các văn bản quy định đào tạo đại học - cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ trong đó quy định rõ việc rà soát, đánh giá NH [H10.3.001]. Hàng năm, Nhà trường ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm tra

chuyên môn trong đó tập trung vào hồ sơ của giảng viên như: giáo án, sổ kế hoạch giảng dạy, sổ họp chuyên môn, sổ chủ nhiệm, sổ dự giờ, chuyên đề sinh hoạt chuyên môn; hồ sơ quản lý của khoa, trung tâm, bộ môn gồm: sổ biên bản họp của khoa, trung tâm, bộ môn, thời khóa biểu, kế hoạch và sổ sinh hoạt chuyên môn, dự kiến phân công chuyên môn, đề cương chi tiết học phần [H10.3.002], [H10.3.003], [H10.3.004]. Ngoài ra, Khoa có các buổi họp trao đổi về công tác ĐBCL với nội dung rà soát, đánh giá về quá trình dạy và học, quy trình kiểm tra đánh giá, PP kiểm tra đánh giá và tự đánh giá của SV vào các buổi sinh hoạt chuyên môn, có sự tổng hợp khái quát các PPDH, các PP hình thức đánh giá NH từ đó làm cơ sở để đổi mới phương pháp dạy, học và PP đánh giá NH [H10.3.005], [H10.3.006], [H10.3.007]. Kết thúc mỗi học kỳ, Phòng Khảo thí - ĐBCL (nay là Phòng Quản lý chất lượng và Thanh tra) phối hợp với Khoa tiến hành lấy ý kiến phản hồi của NH liên quan tới chất lượng hoạt động giảng dạy của GV, hoạt động kiểm tra đánh giá. Kết quả thu được cho thấy: nhìn chung GV có chất lượng giảng dạy đạt hiệu quả tốt và các quy định về đánh giá kết quả học tập được SV đánh giá cao [H10.3.008]. Tuy nhiên, Khoa chưa tổ chức được nhiều hội nghị, hội thảo về đổi mới PP dạy và học của GV và SV.

Việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV được Nhà trường quy định rõ trong đề cương CTHP, chỉ rõ hình thức, thời gian (theo từng tuần trong một học kỳ) và trọng số của từng loại điểm cho từng lần kiểm tra, đánh giá. Các lần kiểm tra, đánh giá trong một học kỳ bao gồm: ý thức học tập (chuyên cần, thái độ), đánh giá thường xuyên, đánh giá giữa kỳ và đánh giá cuối kỳ. Trong đó, chuyên cần chiếm trọng số là 10% trong tổng số điểm, điểm giữa kỳ chiếm 30%; điểm thi kết thúc học phần là 60%. Mỗi học phần phải đảm bảo có đủ các điểm bộ phận và có qui định về trọng số điểm [H01.1.005]. Theo quy định, GV phải công bố công khai trước lớp điểm quá trình cuối mỗi môn học và điểm thi kết thúc học phần không quá 15 ngày sau khi thi. Việc công bố điểm chuyên cần, điểm giữa kỳ được thực hiện ngay khi kết thúc học phần, công bố công khai tại lớp học phần [H10.3.009]. Trong đề cương CTHP có quy định rõ về yêu cầu cách thức kiểm tra đánh giá, tỷ trọng điểm thành phần và yêu cầu đạt được; ngân hàng đề thi, hình thức kiểm tra, đánh giá bám sát mục tiêu học phần và CĐR cần đạt được, các nội dung này được rà soát chỉnh sửa định kỳ 2 năm 1 lần [H01.1.005].

Việc xây dựng nội dung kiểm tra, đánh giá từng học phần bám sát vào mục tiêu và CĐR học phần. Các học phần đều được quy định về phân nhiệm CĐR của CTĐT, và

xây dựng quy trình cách thức đánh giá bám sát các mục tiêu học phần và CDR của CTĐT. Đối với kiểm tra đánh giá giữa kỳ, việc thực hiện đánh giá theo hình thức trắc nghiệm khách quan với 3 mức theo thang đo Bloom (biết, nhớ); hiểu; vận dụng), đánh giá cuối kỳ thực hiện cả 5 mức của thang đó Bloom (biết, nhớ); hiểu; vận dụng, Phân tích; đánh giá/sáng tạo). Tỷ lệ % giữa các mức đánh giá đảm bảo cân đối với yêu cầu của mục tiêu học phần. Các câu hỏi trong từng mức độ đảm bảo bám sát và tương thích CDR của học phần [H10.3.009], [H10.3.010], [H10.3.011].

Kết quả học tập của SV được quản lý chặt chẽ và được thanh kiểm tra theo nhiều hình thức khác nhau. Nhà trường và Khoa sử dụng hệ thống phần mềm quản lý điểm Unisoft nhằm nâng cao hiệu quả quản lý kết quả học tập của SV [H10.3.012]. Việc ra đề, chấm thi đều được thực hiện theo quy trình chặt chẽ, đảm bảo tính khách quan, chính xác và được quy định cụ thể trong văn bản của Nhà trường [H10.3.009], [H10.3.010], [H10.3.011].

2. Điểm mạnh

Quá trình dạy học và đánh giá kết quả học tập của NH trong CTĐT được tiến hành thường xuyên, liên tục.

3. Điểm tồn tại

Khoa chưa tổ chức được nhiều hội nghị, hội thảo về đổi mới phương pháp dạy và học của GV và SV.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2024 - 2025, Khoa cần tích cực tổ chức các hội nghị, hội thảo về đổi mới PP dạy và học của GV và SV.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7.

Tiêu chí 10.4. Các kết quả NCKH được sử dụng để cải tiến việc dạy và học

1. Mô tả

Hoạt động NCKH được xem là một trong những hoạt động góp phần quan trọng trong việc nâng cao chất lượng tại Trường ĐHTT nói chung và Khoa CT&TLGD nói riêng. Nhà trường có quy định và cơ chế chính sách khuyến khích công tác NCKH của GV và SV, trong quy chế chi tiêu nội bộ đã quy định một số nội dung như hỗ trợ đối với bài báo của GV từ 1.500.000đ đến 5.000.000đ, đề tài của GV từ 4.000.000đ đến 10.000.000đ có sự điều chỉnh, bổ sung và cải tiến theo từng giai đoạn [H10.4.001], [H10.4.002]. Hàng năm, GV và SV của Khoa CT&TLGD đã thực hiện các

đề tài NCKH học theo kế hoạch NCKH của Nhà trường. Các đề tài NCKH chủ yếu liên quan đến lĩnh vực dạy và học [H10.4.003], [H10.4.004].

Ngoài làm đề tài NCKH, sáng kiến kinh nghiệm, GV của Khoa còn viết nhiều giáo trình, TLTK, sách chuyên khảo được xuất bản [H10.4.005]. GV luôn tích cực tham gia viết bài cho các hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế nhằm nâng cao tinh thần học hỏi giao lưu với những GV, chuyên gia từ các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước (bảng 10.4.1), [H10.4.006]; [H10.4.007]; [H10.4.008]. Tuy nhiên, Khoa chưa tổ chức được nhiều hội nghị, hội thảo để phổ biến, áp dụng kết quả NCKH tới SV.

Bảng 10.4.1. Số lượng các công trình khoa học đã công bố của Khoa từ 2020 - 2024

Năm học	Đề tài, sáng kiến		Báo khoa học, hội thảo			Sách	
	Đề tài NCKH	Sáng kiến	Báo Trong nước	Báo Nước ngoài	Bài đăng kỷ yếu hội thảo KHTN+QT	Sách xuất bản	TLTK lưu hành nội bộ
2019-2020	2	0	18	0	0	3	5
2020-2021	1	0	16	0	0	0	2
2021-2022	2	0	3	0	20	0	0
2022-2023	1	0	18	0	14	0	0
2023-2024	7	0	13	10	19 + 1	5	0
Tổng cộng:	13	0	68	10	53 + 1	8	7

(Nguồn: Khoa CT&TLGD - Trường ĐHTT)

Hàng năm, SV của Khoa tham gia thực hiện các đề tài NCKH, qua đó SV không những bổ sung thường xuyên và chuyên sâu kiến thức mà còn có thể sử dụng những nghiên cứu đó để phục vụ thiết thực cho việc học tập của mình. Nội dung các đề tài NCKH của SV ngành CTXH đều thuộc lĩnh vực chuyên môn đào tạo. Từ NCKH, đã giúp SV hiểu rõ hơn kiến thức chuyên ngành, nắm được PP, cách thức tổ chức nghiên cứu, phát huy khả năng tư duy độc lập, tập hợp tài liệu, phân tích, so sánh, lý giải các vấn đề lý luận, thực tiễn đặt ra một cách khoa học (bảng 10.4.2), [H10.4.009].

Bảng 10.4.2. Số lượng các công trình khoa học đã công bố của SV từ 2020 - 2024

STT	Tên đề tài/bài báo/bài hội thảo	Tên tác giả/đồng tác giả	Năm	Tên Tạp chí/Hội thảo
-----	---------------------------------	--------------------------	-----	----------------------

1	Thực trạng khó khăn tâm lý trong học tập trực tuyến của sinh viên ngành giáo dục tiểu học trường Đại học Tân Trào	Ma Thị Phụng, Hà Mỹ Hạnh	2022	Kỷ yếu SV NCKH Trường ĐH Tân Trào lần thứ nhất, 2022, NXB Khoa học Kỹ thuật
2	Thực trạng tổ chức hoạt động trải nghiệm theo định hướng giáo dục STEM cho học sinh lớp 5 trường tiểu học Vân Sơn, tỉnh Tuyên Quang	Chu Lê Khánh Linh, Hà Mỹ Hạnh	2022	Kỷ yếu SV NCKH Trường ĐH Tân Trào lần thứ nhất, 2022, NXB Khoa học Kỹ thuật
3	Thực trạng tổ chức hoạt động giáo dục STEM cho học sinh Trường tiểu học Hòa An, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang	Hoàng Thị Hồng Ngát, Đoàn Thị Cúc	2022	Kỷ yếu SV NCKH Trường ĐH Tân Trào lần thứ nhất, 2022, NXB Khoa học Kỹ thuật
4	Thực trạng kỹ năng học tập của sinh viên ngành giáo dục Tiểu học, trường Đại học Tân Trào	Hà Thị Ngọc Linh, Hà Thị Nguyệt	2022	Kỷ yếu SV NCKH Trường ĐH Tân Trào lần thứ nhất, 2022, NXB Khoa học Kỹ thuật
5	Thực trạng nhận thức của sinh viên trường đại học Tân Trào về Luật bình đẳng giới	Vũ Thị Huệ, Hà Thị Minh Đức	2022	Kỷ yếu SV NCKH Trường ĐH Tân Trào lần thứ nhất, 2022, NXB Khoa học Kỹ thuật
6	Thực trạng rèn luyện kỹ năng quan sát cho học sinh qua dạy học môn tự nhiên & xã hội ở trường tiểu học Hùng Mỹ, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang	Ma Thị Thắm, Đoàn Thị Cúc	2022	Kỷ yếu SV NCKH Trường ĐH Tân Trào lần thứ nhất, 2022, NXB Khoa học Kỹ thuật

7	Phát triển kỹ năng thực hành STEM cho học sinh lớp 5 trường tiểu học Trung Môn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang	Đặng Thị Thêu, Hà Mỹ Hạnh	2023	Kỷ yếu SV NCKH Trường ĐH Tân Trào lần thứ hai, 2023, NXB Khoa học Kỹ thuật
8	Thực trạng thiết kế chủ đề giáo dục STEM trong dạy học môn khoa học lớp 4, trường tiểu học Trung Môn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang	Lê Phương Thảo, Hà Mỹ Hạnh	2023	Kỷ yếu SV NCKH Trường ĐH Tân Trào lần thứ hai, 2023, NXB Khoa học Kỹ thuật
9	Giáo dục kỹ năng tự bảo vệ bản thân cho học sinh trường Tiểu học Vĩnh Lộc, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang	Quan Thu Thanh, Chu Thị Mỹ Nga	2023	Kỷ yếu SV NCKH Trường ĐH Tân Trào lần thứ hai, 2023, NXB Khoa học Kỹ thuật
10	Thực trạng giáo dục giá trị di sản văn hóa địa phương cho học sinh các trường tiểu học huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang	Nguyễn Hồng Nhân, Hà Thị Nguyệt	2023	Kỷ yếu SV NCKH Trường ĐH Tân Trào lần thứ hai, 2023, NXB Khoa học Kỹ thuật
11	Một số yếu tố ảnh hưởng đến khó khăn tâm lý trong lựa chọn nghề nghiệp của học sinh THPT tại thành phố Tuyên Quang	Nguyễn Thị Trà My, Hà Thị Minh Đức	2023	Kỷ yếu SV NCKH Trường ĐH Tân Trào lần thứ hai, 2023, NXB Khoa học Kỹ thuật
12	Thực trạng năng lực tổ chức các hoạt động giáo dục STEM của giáo viên các trường Tiểu học tỉnh Tuyên Quang	Chu Thị Hồng, Đoàn Thị Cúc, Trần Anh Dũng	2023	Kỷ yếu SV NCKH Trường ĐH Tân Trào lần thứ hai, 2023, NXB Khoa học Kỹ thuật

(Nguồn: Khoa CT&TLGD - Trường ĐHTT)

Kết quả và sản phẩm của các công trình khoa học của Khoa được nghiệm thu vào cuối mỗi năm học, kết quả sau khi nghiệm thu và công bố được sử dụng theo đúng quy định về sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ của Nhà trường. Nhiều kết quả NCKH đã được khoa áp dụng hoặc chuyển tải thành các nội dung, chuyên đề phục vụ giảng dạy, nâng cao chất lượng đào tạo trong CTDH chuyên ngành CTXH (bảng 10.4.3, bảng 10.4.4), [H10.4.010], [H10.4.011].

Bảng 10.4.3. Danh mục giáo trình/sách áp dụng thành nội dung giảng dạy

trong CTDH năm học 2019-2020 và 2023-2024

STT	Tên giáo trình – TLTK	Tên tác giả/đồng tác giả /thành viên	Nơi đăng/xuất bản	Ghi chú	Lĩnh vực áp dụng
1	Tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo ở trường tiểu học	Hà Mỹ Hạnh	NXB Khoa học và kỹ thuật	Giáo trình đã được xuất bản	Giáo dục học
2	Đánh giá trong giáo dục tiểu học	Hà Mỹ Hạnh, Đoàn Thị Cúc	NXB Giáo dục	Giáo trình đã được xuất bản	Giáo dục học
3	Hành vi con người và môi trường xã hội	Đoàn Thị Cúc	NXB Đại học Thái Nguyên	Giáo trình đã được xuất bản	Giáo dục học
4	Phát triển năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động giáo dục STEM cho GV PT tỉnh Tuyên Quang đáp ứng yêu cầu CTGDPT 2018	Đoàn Thị Cúc, Đỗ Công Ba, Hồ Thị Thùy Dung	NXB Khoa học Kỹ thuật	Sách chuyên khảo đã được xuất bản	Giáo dục học
5	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục (theo modul)	Đoàn Thị Cúc	NXB Đại học Thái Nguyên	Giáo trình đã được xuất bản	Giáo dục học
6	Quản lý xã hội	Nguyễn Mai Chinh, Trần Thúy Vân, Phạm Thu Trà	NXB Khoa học Kỹ thuật	Sách chuyên khảo	Chính trị học

7	Văn hóa tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam	Chủ biên: TS. Phan Thị Hồng Nhung	NXB Đại học Thái Nguyên	Giáo trình	Chính trị học
---	---	-----------------------------------	-------------------------	------------	---------------

(Nguồn: Khoa CT&TLGD - Trường ĐHTT)

Bảng 10.4.4. Danh mục đề tài/TLTK áp dụng thành nội dung giảng dạy trong CTDH

STT	Tên đề tài/TLTK	Tên tác giả/đồng tác giả	Lĩnh vực áp dụng	Ghi chú
1	Giao tiếp, ứng xử trong kinh doanh du lịch	Hà Thị Minh Đức, Lê Thị Thu Hà	CTXH	Tài liệu tham khảo
2	Giáo dục đặc biệt (dành cho sinh viên, học viên chuyên ngành CTXH)	Hà Thị Nguyệt	CTXH	Tài liệu tham khảo
3	Tham vấn trong CTXH	Phạm Thị Thu Huyền	CTXH	Tài liệu tham khảo
4	Đạo đức trong CTXH	Mã Ngọc Thề	CTXH	Tài liệu tham khảo
5	Vấn đề việc làm của sinh viên Trường Đại học Tân Trào sau khi tốt nghiệp	Hà Mỹ Hạnh	Giáo dục học	Đề tài NCKH cấp cơ sở
6	Hành vi con người và môi trường xã hội	Đoàn Thị Cúc	Giáo dục học	Tài liệu lưu hành nội bộ
7	An sinh xã hội và những vấn đề xã hội	Lê Thị Thu Hà	CTXH	Tài liệu tham khảo

(Nguồn: Khoa CT&TLGD - Trường ĐHTT)

Khoa có nhiều kết quả NCKH được sử dụng để cải tiến hoạt động dạy và học, nhiều đề tài NCKH, sách chuyên khảo, tài liệu tham khảo sau khi áp dụng vào giảng dạy các học phần đều mang lại hiệu quả, cụ thể là: giúp đạt mục tiêu bài học; giúp NH phát triển tư duy, sáng tạo; tạo hứng thú cho NH; giúp phát triển kiến thức và kỹ năng giảng dạy (bảng 10.4.5), [H10.4.012].

Bảng 10.4.5. Danh mục đề tài/TLTK áp dụng cải tiến hoạt động dạy và học

STT	Tên đề tài/sách/ TLTK	Tên tác giả/đồng tác giả	Năm	Học phần áp dụng	Ghi chú
1	Tổ chức dạy học theo module học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục cho SV Trường ĐHTT	Đoàn Thị Cúc, Nguyễn Thị Ngọc Linh	2020	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	Đề tài NCKH cấp cơ sở
2	Rèn kĩ năng thiết kế hoạt động trải nghiệm cho SV ngành Giáo dục tiểu học Trường ĐHTT	Hà Mỹ Hạnh, Ma Thị Minh Trang	2021	Tổ chức hoạt động trải nghiệm	Đề tài NCKH cấp cơ sở
3	Nghiên cứu thực trạng và đề xuất giải pháp nâng cao sự thích ứng với học trực tuyến của sinh viên một số trường đại học khu vực miền núi phía Bắc trong bối cảnh dịch bệnh Covid 19.	Đỗ Công Ba, Đoàn Thị Cúc, Trịnh Phương Ngọc, Vũ Thị Giang	2022	Giáo dục học	Đề tài NCKH cấp cơ sở
4	Nghiên cứu nhận thức của người dân về sử dụng dịch vụ CTXH trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	Hà Mỹ Hạnh, Hà Thị Nguyệt	2022	Khởi nghiệp trong CTXH, công tác xã hội cộng đồng	Đề tài NCKH cấp cơ sở
5	Nghiên cứu hoạt động trải nghiệm STEM ở các trường THCS trên địa bàn huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang	Hà Mỹ Hạnh, Ma Thị Sim	2023	Tổ chức các hoạt động văn hóa quần chúng, CTXH trường học	Đề tài NCKH cấp cơ sở
6	Đánh giá tác động của nền kinh tế thị trường đến lối	Hà Thị Thu Trang	2024	Kinh tế chính trị Mác Lênin	Đề tài NCKH cấp cơ sở

	sống của SV Trường ĐHTT				
7	Nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho SV Trường ĐHTT.	Hoàng Thị Trang	2024	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Đề tài NCKH cấp cơ sở
8	Giải pháp nâng cao chất lượng công tác giáo dục ý thức pháp luật cho SV Trường ĐHTT.	Nguyễn Mai Chinh	2024	Pháp luật đại cương	Đề tài NCKH cấp cơ sở
9	Áp lực lao động nghề nghiệp của giảng viên đại học. (Nghiên cứu tại Trường ĐHTT, Việt Nam và Trường Đại học Rajabhat Udonthani, Thái Lan).	Đoàn Thị Cúc, Songpon Baolopet, Nguyễn Thuỳ Trang	2024	Giáo dục học	Đề tài NCKH cấp cơ sở
10	Giáo dục phòng chống xâm hại trên không gian mạng cho học sinh các trường THCS huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.	Chu Thị Mỹ Nga	2024	Giáo dục kỹ năng sống	Đề tài NCKH cấp cơ sở
11	Hoạt động hỗ trợ sinh viên khởi nghiệp tại các trường cao đẳng, đại học tỉnh Tuyên Quang.	Nguyễn Thị Thuỳ	2024	Khởi nghiệp trong CTXH	Đề tài NCKH cấp cơ sở

(Nguồn: Khoa CT&TLGD - Trường ĐTT)

2. Điểm mạnh

Giảng viên trong Khoa đã có nhiều đề tài, bài báo, giáo trình, sách, tài liệu tham khảo NCKH được áp dụng để cải tiến việc dạy và học.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường, Khoa chưa tổ chức được nhiều hội nghị, hội thảo để phổ biến, áp dụng kết quả NCKH tới SV.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2024-2025, Nhà trường và Khoa sẽ tăng cường tổ chức hội nghị, hội thảo để phổ biến, áp dụng kết quả NCKH học tới SV.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7.

Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả

Trường ĐHTT qui định về việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác tại văn bản số 809/QĐ-ĐHTT, ngày 8/7/2016, Quyết định về việc ban hành “Quy định về việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích”. Văn bản này quy định về mục đích, yêu cầu, nội dung, quy trình đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của các đơn vị, cá nhân phục vụ công tác dạy và học. Đối tượng áp dụng của quy định này bao gồm các đơn vị, cá nhân phục vụ, đáp ứng nhu cầu của người dạy và NH của Trường ĐHTT. Mục đích của văn bản này là xây dựng quy trình để thực hiện đánh giá chất lượng dịch vụ hỗ trợ tiện ích, qua đó có thể khẳng định một dịch vụ, quá trình hay hệ thống cung cấp dịch vụ hỗ trợ tiện ích đáp ứng các yêu cầu NH theo các tiêu chuẩn qui định [H10.5.001]. Theo đó, các đơn vị trực thuộc Nhà trường bao gồm cả Khoa CT&TLGD đã xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện lấy ý kiến phản hồi của SV về đánh giá môn học và các hoạt động hỗ trợ học tập ... [H10.5.002], [H10.5.003]. đánh giá hiệu quả sử dụng cơ sở vật chất và các phương tiện dạy học trong Nhà trường [H10.5.004]. Nhà trường và Khoa đã thực hiện các hoạt động đánh giá mức độ đáp ứng của các dịch vụ hỗ trợ, bao gồm khảo sát ý kiến của các bên liên quan về CSVC, môi trường, sức khỏe và an toàn; hạ tầng CNTT; nguồn học liệu và chất lượng phục vụ nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý, đào tạo và NCKH [H10.5.005], [H10.5.006]. Hàng năm, Trung tâm - Tin học - Ngoại ngữ - Thư viện và Phát triển nghề nghiệp đã phục vụ các em SV mượn sách, giáo trình tài liệu tham khảo tại Thư viện, thông qua việc thống kê số lượt bạn đọc truy cập và mượn trả lại thư viện, Nhà trường có cơ sở làm căn cứ đánh giá, cải tiến chất lượng phục vụ và bổ sung nguồn học liệu sử dụng cho dạy và học [H10.5.007]. Về hoạt động CNTT đã được Nhà trường chú trọng, tất cả hệ thống máy tính được nối mạng Internet, hệ thống mạng Internet và Wifi được sử dụng miễn phí trong toàn Trường phục vụ hoạt

động đào tạo và NCKH của GV và NH. Nhà trường trang bị đầy đủ các thiết bị và phần mềm tin học để hỗ trợ hiệu quả các hoạt động quản lí, giảng dạy và NCKH trong toàn Trường. Nhà trường có bộ phận chuyên trách quản trị mạng và hỗ trợ kĩ thuật tin học cho GV và SV (Trung tâm Tin học - Ngoại ngữ - Thư viện và Phát triển nghề nghiệp), đảm bảo hệ thống mạng hoạt động thông suốt. Việc nâng cấp và bảo trì các hệ thống phần mềm phục vụ, hỗ trợ công tác dạy và học, được thực hiện thường xuyên nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu đào tạo và nghiên cứu liên quan đến hệ thống CNTT [H10.5.008]. Khoa CT&TLGD phân công Cố vấn học tập quản lý lớp, hàng tháng tham dự các phiên họp của lớp nhằm nắm bắt tình hình để có thể hỗ trợ tốt nhất đến NH [H10.5.009], [H10.5.010]. Việc đánh giá mức độ đáp ứng của các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích đã được Khoa và các đơn vị trong Nhà trường thực hiện thường xuyên, đa dạng, linh hoạt và mang tính hệ thống. Kết quả đánh giá cho thấy nhìn chung các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích phục vụ đào tạo chuyên ngành CTXH đã được tổ chức bài bản, đa dạng, phong phú và có ý nghĩa thiết thực.

Trên cơ sở kết quả đánh giá mức độ đáp ứng của các dịch vụ hỗ trợ, Nhà trường và Khoa CT&TLGD đã đưa ra các giải pháp nhằm cải tiến nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ, tiện ích nhằm đáp ứng nhu cầu NH. Các hoạt động cụ thể nhằm cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ bao gồm: Tổ chức kiểm tra thực tế các điều kiện về hệ thống CNTT, trang thiết bị, thư viện phục vụ đào tạo ngành CTXH [H10.5.011]; tổ chức thống kê học liệu sử dụng cho chuyên ngành CTXH [H10.5.012]. Trên cơ sở kết quả kiểm tra thực tế và nhu cầu sử dụng vật tư, trang thiết bị phục vụ đào tạo, Khoa đã xây dựng kế hoạch và đề xuất Nhà trường phương án mua sắm và kế hoạch lựa chọn nhà thầu thực hiện dự án mua trang thiết bị phục vụ công tác chuyên môn, thiết bị khác của trường [H10.5.013]. Khoa phối hợp với Trung tâm Tin học - Ngoại ngữ - Thư viện và Phát triển nghề nghiệp rà soát và đề xuất mua sách giáo trình, tài liệu tham khảo, bổ sung học liệu phục vụ nhu cầu đào tạo thông qua việc mua sắm và ký kết thỏa thuận liên kết chia sẻ tài liệu, kết nối thư viện số dùng chung với một số trung tâm học liệu như Viện nghiên cứu và phát triển tri thức số- Hiệp hội các trường đại học, cao đẳng Việt Nam và Liên chi hội thư viện Đại học Khu vực phía Bắc NALA thuộc Hội thư viện Việt Nam [H10.5.014]. Về ứng dụng CNTT phục vụ công tác đào tạo và NCKH, Nhà trường đã xây dựng Kế hoạch ứng dụng CNTT, Kế hoạch tăng cường ứng dụng CNTT và chuyển đổi số giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030; Đồng thời Nhà trường có Kế

hoạch bảo quản tài nguyên thông tin, kế hoạch chuyển đổi số hàng năm để phù hợp với sự phát triển của xã hội. Xây dựng hệ thống cổng thông tin <https://daihoctantrao.edu.vn> và <https://daotao.daihoctantrao.edu.vn>; [H10.5.015]. Ngoài ra, một số hoạt động khác nhằm tư vấn, hỗ trợ cho NH cũng được tổ chức thực hiện như: Tham gia phiên giao dịch việc làm tại các tỉnh và các huyện trong tỉnh, ngày hội tư vấn, hướng nghiệp- tuyển sinh- việc làm nhằm giới thiệu, quảng bá rộng rãi về hình ảnh, thương hiệu, chiến lược phát triển của Trường ĐHTT; tổ chức “Hội nghị hỗ trợ, tư vấn việc làm cho sinh viên” nhằm tạo điều kiện cho sinh viên tốt nghiệp ra trường nhanh chóng có việc làm ổn định và phù hợp với ngành đào tạo [H10.5.016]. Nhà trường thực hiện các chính sách thu hút nguồn nhân lực có trình độ cao; chính sách hỗ trợ CB, công chức, viên chức đi đào tạo nâng cao trình độ sau đại học theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang [H10.5.017]. Các hoạt động hỗ trợ và tiện ích mà Nhà trường và Khoa đã triển khai thực hiện tương đối đa dạng và linh hoạt, đáp ứng nhu cầu thực tế của NH. Tuy nhiên, Khoa chưa tổ chức được nhiều các chương trình ngoại khóa gắn với nghiệp vụ chuyên môn của ngành CTXH như các hội thi nghiệp vụ chuyên môn, các diễn đàn, hội thảo khoa học cho SV ngành CTXH.

2. Điểm mạnh

Việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, các hoạt động cải tiến chất lượng dịch vụ hỗ trợ được thực hiện thường xuyên.

3. Điểm tồn tại

Khoa chưa tổ chức được nhiều chương trình ngoại khóa gắn với nghiệp vụ chuyên môn của ngành CTXH.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2024 - 2025, Khoa CT&TLGD phối hợp với ĐTN, HSV tăng cường tổ chức các hoạt động ngoại khóa gắn với nghiệp vụ chuyên môn của ngành CTXH như các công việc tình nguyện tại các bệnh viện, vùng khó khăn, vùng sâu vùng xa; các diễn đàn, sinh hoạt chuyên đề cho SV ngành CTXH.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7.

Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan để phát triển CTDH, tăng cường dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của NH ngành CTXH được thực hiện mang tính hệ thống. Nhà trường đã ban hành “Quy định về việc thực hiện thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan để xây dựng và phát triển CTDH” [H10.6.001]. Quy định đã nêu rõ quy trình thực hiện, chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, bộ phận thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan như sau: *Bước 1.* Các phòng, khoa, trung tâm, bộ môn xây dựng kế hoạch và thiết kế mẫu phiếu thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan để xây dựng và phát triển CTDH; *Bước 2.* Trình Hiệu trưởng phê duyệt kế hoạch; *Bước 3.* Các phòng, khoa, trung tâm, bộ môn tiến hành thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan: phát phiếu, thu phiếu; *Bước 4.* Hiệu chỉnh, nhập và xử lý dữ liệu; *Bước 5.* Tổng hợp kết quả; *Bước 6.* Sử dụng thông tin thu thập được để viết các báo cáo tiêu chí, báo cáo tiêu chuẩn phục vụ công tác đánh giá CTĐT, đồng thời làm cơ sở để bổ sung, điều chỉnh, xây dựng và phát triển CTĐT. *Bước 7.* Công bố báo cáo tổng hợp, gửi kết quả đến Hiệu trưởng và các phòng chức năng; *Bước 8.* Lưu trữ dữ liệu về công tác thu thập thông tin. Khoa CT&TLGD đã phối hợp với các phòng chức năng tổ chức nhiều kênh thông tin, nhiều nội dung và hình thức thu thập thông tin để đánh giá và cải tiến chất lượng các hoạt động, cụ thể như: Tổ chức hội nghị đối thoại trực tiếp giữa Hiệu trưởng với SV [H10.6.002]; Thành lập Ban hướng nghiệp và tư vấn việc làm, Ban tư vấn nghề nghiệp, việc làm và hỗ trợ khởi nghiệp [H10.6.003]; Khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ NH về các hoạt động giảng dạy của GV [H10.6.004], [H10.6.005]. Nhà trường cũng có Kế hoạch về việc rà soát, chỉnh sửa CDR CTĐT và đề cương chi tiết các học phần định kỳ 2 năm, Khoa CT&TLGD cũng đã trực tiếp tổ chức lấy ý kiến đóng góp, phản hồi của các bên liên quan phục vụ công tác cập nhật, rà soát, chỉnh sửa và đánh giá CTĐT ngành CTXH; khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan và đề xuất những thay đổi cho CDR, CTĐT ngành CTXH [H10.6.006], [H10.6.007]. Qua đó cho thấy đã có sự phối hợp giữa Khoa và các đơn vị tổ chức xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện thu thập và báo cáo về thông tin phản hồi của các bên liên quan một cách đa dạng và có tính hệ thống trong quá trình cải tiến, phát triển CTDH và nâng cao chất lượng các hoạt động của Nhà trường.

Về quy trình thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan để xây dựng và phát triển CTDH, Khoa CT&TLGD đã tổ chức sinh hoạt chuyên môn lấy ý kiến đánh giá, đề xuất bổ sung, chỉnh sửa “Quy định về việc thực hiện thu thập thông tin phản hồi từ các

bên liên quan để xây dựng và phát triển chương trình dạy học” ban hành theo Quyết định số 820-QĐ/ĐHTT ngày 14/7/2016 của Hiệu trưởng Trường ĐHTT [H10.6.008], [H10.6.009]. Sau khi lấy ý kiến phản hồi của các đơn vị trong Trường, khoa đề xuất chỉnh sửa, bổ sung “Quy định về việc thực hiện thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan để xây dựng và phát triển chương trình dạy học” [H10.6.010]. Sau đó, Phòng Quản lý chất lượng và Thanh tra đã tổng hợp báo cáo, chỉnh sửa, bổ sung và đề xuất Nhà trường ban hành quy trình mới theo Quyết định số 110/QĐ-ĐHTT ngày 14/2/2020 [H10.6.011]. Quy trình thực hiện thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan để xây dựng và phát triển CTDH đã được đánh giá và cải tiến, tuy nhiên quá trình rà soát và đánh giá quy trình này chưa thu thập được nhiều ý kiến của các bên liên quan.

2. Điểm mạnh

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan đa dạng, đầy đủ và được thực hiện một cách có hệ thống nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các bên liên quan tham gia đóng góp ý kiến nâng cao chất lượng dạy học và phát triển CTĐT đáp ứng nhu cầu xã hội.

3. Điểm tồn tại

Quá trình đánh giá và cải tiến quy trình thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan để xây dựng và phát triển CTDH chưa tiến hành được rộng rãi với các bên liên quan.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2024 - 2025, Phòng Quản lý chất lượng và Thanh tra phối hợp với các đơn vị trong Trường tham mưu thực hiện việc khảo sát rộng rãi các bên liên quan để thu thập thông tin làm căn cứ đề xuất những thay đổi và cải tiến “Quy trình thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan để xây dựng và phát triển CTDH”.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 4/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 10: Việc đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo ngành CTXH đã được Trường ĐHTT và Khoa CT&TLGD thiết lập một cách bài bản, định kỳ được đánh giá, điều chỉnh và cải tiến để đáp ứng nhu cầu thực tiễn của xã hội. Việc thiết kế CTĐT được căn cứ vào CĐR ngành CTXH và kế hoạch chỉnh sửa, cải tiến CTĐT. Thông tin phản hồi từ các bên liên quan được tổng hợp và đánh giá, làm cơ sở để Khoa bổ sung, chỉnh sửa CTĐT ngành CTXH đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực trong từng giai đoạn; Quy trình kiểm tra, đánh giá được thiết kế và tổ chức thực hiện một cách có hệ thống, đồng bộ, chặt chẽ và nghiêm túc. Các hình thức kiểm tra đa dạng, linh hoạt đã đánh giá được kiến thức và kỹ năng của NH ở từng học phần theo CĐR; Khoa đã

thực hiện các đề tài NCKH liên quan đến việc dạy và học, các kết quả NCKH được áp dụng và chuyển tải thành nội dung giảng dạy, đã sử dụng các kết quả NCKH để cải tiến hoạt động dạy và học; Bên cạnh đó, các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích cơ bản đã đáp ứng được nhu cầu của NH, có sự cải tiến hàng năm nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống và được áp dụng để đánh giá, cải tiến các dịch vụ hỗ trợ dạy và học.

Căn cứ vào kết quả đánh giá các tiêu chí, Hội đồng Tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành CTXH bậc đại học tự đánh giá tiêu chuẩn 10 có 5/6 tiêu chí đạt 5/7, 1/6 tiêu chí đạt 4/7.

Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra

Mở đầu: Việc đánh giá CDR của quá trình đào tạo được coi là thông tin rất quan trọng giúp Nhà trường từng bước cải tiến chất lượng và hoàn thiện hệ thống ĐBCL. Kết quả đầu ra của NH được đánh giá thông qua tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình và tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp. Khoa đã xác lập, giám sát và đối sánh về lệ tốt nghiệp, thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình và tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp của CTĐT ngành CTXH với các CTĐT khác trong nhà trường và với trường đại học khác. Các hoạt động NCKH của NH được quản lý, giám sát theo trình tự chặt chẽ, đảm bảo phù hợp với các quy định hiện hành và tình hình thực tế của Nhà trường. Nhà trường đã xây dựng quy định về lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan, để đánh giá mức độ hài lòng làm cơ sở cho việc cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo.

Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Nhà trường đã phân công nhiệm vụ Phòng Quản lý SV quản lý, theo dõi SV nhập học, tỷ lệ SV thôi học; Phòng Quản lý chất lượng và Thanh tra quản lý, theo dõi về tỷ lệ SV tốt nghiệp [H11.1.001], [H11.1.002], [H11.1.003]. Hàng năm, căn cứ số lượng thí sinh trúng tuyển nhập học, Nhà trường đã theo dõi, thống kê tỷ lệ SV thôi học và cập nhật tổng hợp rõ ràng; SV tốt nghiệp đúng hạn được xác lập chặt chẽ dựa trên các quy định về điều kiện tốt nghiệp, khi SV có đủ các điều kiện về tích lũy đủ học phần, số tín chỉ, điểm trung bình tích lũy của toàn khóa, đạt CDR của CTĐT..., việc tiến hành họp xét tốt nghiệp do Hội đồng xét tốt nghiệp thực hiện [H11.1.004], [H11.1.005], [H11.1.006]. Trên cơ sở kết quả xét tốt nghiệp của Hội đồng xét tốt

ngiệp, Nhà trường quyết định công nhận và cấp bằng tốt nghiệp cho SV theo năm học, đồng thời tổng hợp để theo dõi số lượng SV tốt nghiệp hàng năm [H11.1.007], [H11.1.008], [H11.1.009].

Tỷ lệ SV thôi học, tốt nghiệp được tổng hợp, giám sát và được quản lý qua phần mềm quản lý đào tạo Unisoft, các bên liên quan đều được phân quyền truy cập để khai thác số liệu giúp việc quản lý khoa học, chặt chẽ, minh bạch, dễ dàng [H11.1.010], chi tiết được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 11.1.1. Tỷ lệ SV thôi học, tốt nghiệp ngành CTXH

S T T	Khóa học	Số SV nhập học	Tỷ lệ SV thôi học							Tỷ lệ SV tốt nghiệp		
			Tổng số	Tỷ lệ	Theo các năm					Số SV đến thời điểm tốt nghiệp	Số SV tốt nghiệp	Tỷ lệ tốt nghiệp (%)
					2017	2018	2019	2020	2021			
1	2017 - 2021	10	03							7	7	100
2	2018 - 2022	13								12	11	91,7
3	2019 - 2023	06	01	16,6						06	06	100
4	2020 - 2024	02	02	100				01	01			

Qua bảng 11.1.1 đã phản ánh được tỷ lệ SV thôi học, tổng số SV thôi học trong chu kỳ là 06 SV. Tỷ lệ tốt nghiệp các khóa đạt trên 91%, tỷ lệ SV tốt nghiệp bình quân là 97,2% (riêng khóa 2018 - 2022 có 13 SV nhập học, trong đó có 01 SV được bảo lưu xuống khóa 2019 - 2023). Đối với SV chưa đủ điều kiện tốt nghiệp Phòng Quản lý chất lượng và Thanh tra đã ra thông báo về cảnh báo kết quả học tập để Nhà trường, Khoa và SV nắm rõ. [H11.1.011], [H11.1.012]. Tuy nhiên, Nhà trường và Khoa chưa tìm được giải pháp hiệu quả để khắc phục tỷ lệ SV thôi học.

2. Điểm mạnh

Tỷ lệ SV tốt nghiệp ra trường cao.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường và Khoa chưa tìm được giải pháp hiệu quả để khắc phục tỷ lệ SV thôi học.

4. Kế hoạch hành động

Khoa CT&TLGD sẽ chỉ đạo các Cố vấn học tập, Trợ lý khoa, giám sát chặt chẽ tình hình học tập của SV, tìm hiểu và phân tích nguyên nhân thôi học, chậm tốt nghiệp của SV để có những giải pháp hỗ trợ kịp.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt 5/7.

Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Năm 20217, Trường ĐHTT đã ban hành CTĐT đại học hệ chính qui theo hệ thống tín chỉ đối với chuyên ngành CTXH, sau đó được rà soát, chỉnh sửa vào các năm 2018, 2020, 2022 và năm 2024; thời gian tốt nghiệp trung bình quy định là 4,0 năm. Trong chu kỳ đánh giá, thời gian tốt nghiệp trung bình ổn định, không có sự thay đổi [H11.2.001]. Trên cơ sở CTĐT đã ban hành, Bộ môn Tâm lý giáo dục đã tổ chức đào tạo. Để giám sát thời gian tốt nghiệp của NH, ngoài việc theo dõi trên phần mềm quản lý đào tạo Unisoft thì Phòng Quản lý chất lượng và Thanh tra có nhiệm vụ giám sát, tổng hợp quá trình SV tốt nghiệp trước hạn, đúng hạn hoặc quá hạn so với kế hoạch, đặc biệt là thông tin về thời gian tốt nghiệp trung bình trong cùng CTĐT [H11.1.006], [H11.1.001], [H11.1.002], [H11.1.003], [H11.1.010]. Tính đến tháng 02/2024, ngành CTXH đã có 03 khóa tốt nghiệp với thời gian tốt nghiệp trung bình là 4 năm [H11.1.008], [H11.1.009]. Chi tiết được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 11.2.1. Bảng đối sánh tỉ lệ SV tốt nghiệp ngành CTXH

STT	Khoá đào tạo	Số SV đến thời điểm tốt nghiệp	Số lượng SV tốt nghiệp trong thời gian					
			3 năm (trước hạn)		4 năm (đúng hạn)		Sau 4 năm (quá hạn)	
			Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	2017 - 2021	07			07	100		
2	2018 - 2022	13			11	84,6	01	7,7
3	2019 - 2023	06			06	100		

Qua bảng 11.2.1 cho thấy, đa số SV ngành CTXH ở các khóa đều hoàn thành CTĐT, tốt nghiệp đúng hạn, điều đó đã thể hiện sự chỉ đạo giám sát chặt chẽ tiến độ học tập của Nhà trường, Khoa và Cố vấn học tập, Trợ lý đã giúp SV chủ động, tích cực hoàn thành chương trình học, có những giải pháp để đôn đốc SV. Tỷ lệ SV tốt nghiệp qua từng năm học rất cao đều ở mức từ 84,6% trở lên, số SV tốt nghiệp không đúng thời gian quy định là thấp (chiếm 7,7%). Trong cả 3 khóa đào tạo chỉ có 01 SV tốt nghiệp muộn, không có SV tốt nghiệp trước hạn. Khoa đã họp bàn và xác định nguyên nhân

của SV chậm tốt nghiệp là do SV chưa chủ động lập kế hoạch học tập của cá nhân dẫn đến nợ học phần [H11.2.002].

Trên cơ sở tỷ lệ tốt nghiệp của SV, Khoa đã tổ chức họp để đưa ra các giải pháp hỗ trợ người học rút ngắn thời gian tốt nghiệp như: Quy định rõ trách nhiệm của cố vấn học tập, Trợ lý rà soát kết quả học tập của SV theo từng kỳ và kết hợp với cố vấn học tập tham mưu cho lãnh đạo khoa xây dựng lịch học kỳ phụ, hỗ trợ SV trong quá trình học tập [H11.2.003], [H11.2.004]. Tuy nhiên việc rút ngắn thời gian tốt nghiệp đối với SV ngành CTXH là chưa thực hiện được, vì đây là ngành học mà SV cần nhiều thời gian để thực hành thực tế, CTĐT cũng được thiết kế để SV vừa có thời gian nắm vững lý thuyết vừa có thời gian để áp dụng lý thuyết vào thực hành. Vì vậy, Khoa và cố vấn học tập đã có biện pháp nhắc nhở cũng như tư vấn cho SV một cách kịp thời giúp SV có kế hoạch hoàn thành chương trình học đúng thời hạn.

2. Điểm mạnh

Tỉ lệ SV hoàn thành CTĐT và được công nhận tốt nghiệp đúng thời hạn cao.

3. Điểm tồn tại

Chưa có SV tốt nghiệp sớm.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2024 - 2025, Khoa sẽ phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch hướng dẫn, giúp đỡ SV có điều kiện đẩy nhanh tiến độ học tập để tốt nghiệp sớm.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt 5/7.

Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Trên cơ sở quy chế tổ chức và hoạt động, Nhà trường giao cho Phòng Quản lý SV nhiệm vụ theo dõi, liên hệ, thống kê tình hình việc làm của NH sau tốt nghiệp [H11.3.001], [H11.1.001], [H11.1.002]. Hàng năm, Phòng Quản lý SV phối hợp với khoa chuyên môn thực hiện việc khảo sát tình hình việc làm của NH tốt nghiệp năm học trước đó. Trước khi tiến hành khảo sát, Nhà trường ban hành kế hoạch khảo sát cụ thể cho từng năm, trong đó nêu rõ đối tượng, thời gian, nguồn kinh phí và việc tổ chức, các hình thức khảo sát được thực hiện là phỏng vấn trực tiếp, phỏng vấn qua điện thoại, gửi thư qua các trang mạng xã hội (online) với mẫu khảo sát được thiết kế sẵn [H11.3.002].

Sau khi kết thúc thời gian khảo sát, Phòng Quản lý SV tiến hành thu thập, xử lý, tổng hợp kết quả và xây dựng báo cáo kết quả tình hình việc làm của NH sau tốt nghiệp với Lãnh đạo trường. Kết quả khảo sát cho thấy tỷ lệ NH ngành CTXH có việc làm sau 12 tháng tốt nghiệp trung bình là 95,2%, trong đó 78,2% NH có việc làm đúng, liên quan đến chuyên ngành đào tạo; không liên quan đến chuyên ngành đào tạo là 21,7% [H11.3.003]. Kết quả này là hoàn toàn phù hợp với đặc thù chuyên ngành đào tạo và định hướng nghề nghiệp mà Nhà trường và Khoa hướng đến trong CTĐT ngành CTXH.

Phòng Quản lý SV đã tiến hành đối sánh tỉ lệ NH tốt nghiệp có việc làm trong vòng 12 tháng sau khi tốt nghiệp năm 2022 của ngành CTXH với các ngành đào tạo khác trong trường như: Kế toán, Giáo dục Tiểu học, Quản lý đất đai, Kết quả cụ thể được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 11.3. 1. Đối sánh tỉ lệ NH có việc làm sau tốt nghiệp giữa các CTĐT trong Trường ĐHTT

STT	Ngành đào tạo	Tổng số SV tốt nghiệp	Tổng số SV phản hồi	SV có việc làm		SV chưa có việc làm		SV có việc làm đúng, liên quan đến ngành đào tạo		SV có việc làm không liên quan đến ngành đào tạo	
				Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Công tác xã hội	11	11	11	100			06	54,5	05	45,5
2	Kế toán	36	36	33	91,7	03	8,3	22	66,7	11	33,3
3	Giáo dục tiểu học	53	53	49	92,5	04	7,5	47	95,9	02	4,1
4	Giáo dục mầm non	40	40	36	90,0	04	10,0	34	94,4	02	5,6
5	Quản lý đất đai	04	04	04	100			04	100		

Kết quả đối sánh cho thấy, tỷ lệ SV ngành CTXH có việc làm sau 12 tháng tốt nghiệp là rất cao đạt tỷ lệ 100% cao hơn so với ngành Kế toán, Giáo dục tiểu học, Giáo dục mầm non và tỉ lệ NH có việc làm đúng, liên quan đến ngành đào tạo đạt 54,5%, mức thu nhập trên 5,6 triệu đồng/tháng [H11.3.004]. Điều này khẳng định chất lượng CTĐT ngành CTXH của Trường ĐHTT đã đáp ứng được nhu cầu của nhà tuyển

dụng và xã hội. Tuy nhiên, tỷ lệ SV có việc làm không liên quan đến ngành đào tạo sau khi tốt nghiệp tương đối cao.

Đối sánh tỉ lệ NH tốt nghiệp năm 2022 có việc làm của ngành CTXH, Trường ĐHTT với ngành CTXH Trường Đại học Văn hóa thể thao và Du lịch Thanh Hóa, cho thấy tỉ lệ NH có việc làm của chuyên ngành CTXH Trường ĐHTT cao hơn so với NH tốt nghiệp chuyên ngành CTXH Trường Đại học Văn hóa thể thao và Du lịch Thanh Hóa [H11.3.005]. Chi tiết được thể hiện tại bảng sau:

Bảng 11.3.2. Đối sánh tỉ lệ NH có việc làm sau tốt nghiệp ngành CTXH giữa Trường ĐHTT với cơ sở giáo dục khác

STT	Tên cơ sở giáo dục	Số SV tốt nghiệp	Số SV phản hồi	SV có việc làm		SV chưa có việc làm		SV có việc làm đúng, liên quan đến ngành đào tạo		SV có việc làm không liên quan đến ngành đào tạo	
				Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Trường ĐHTT	11	11	11	100			06	54,5	05	45,5
2	Đại học Văn hóa thể thao và Du lịch Thanh Hóa	09	09	07	77,8	02	22,2	005	71,4	02	28,6

Để hỗ trợ NH tốt nhất sau khi tốt nghiệp có việc làm, Nhà trường đã thực hiện nhiều các giải pháp khác nhau như: Thành lập Ban Hướng nghiệp và tư vấn việc làm; quy định rõ quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Hướng nghiệp; chỉ đạo Khoa phối hợp với phòng Quản lý SV triển khai nhiều hoạt động hỗ trợ SV tìm kiếm việc làm như tập huấn kỹ năng tìm kiếm việc làm, phỏng vấn tuyển dụng cho SV; phối hợp với các đơn vị doanh nghiệp, các huyện tổ chức ngày hội việc làm và kết nối doanh nghiệp; tham gia phiên giao dịch việc làm, tham gia ngày hội tư vấn hướng nghiệp... [H11.3.006], [H11.3.007], [H11.3.008]. Qua đó đã hỗ trợ NH thành thạo hơn kỹ năng thực hành, làm hồ sơ, dự phỏng vấn. Đồng thời với mong muốn giúp nâng cao kiến thức thực tế cho NH, Nhà trường đã ký nhiều biên bản ghi nhớ, hợp tác với doanh nghiệp để

NH đến thực tập, quan sát thực tế phát triển kiến thức chuyên môn phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động [H11.3.009].

2. Điểm mạnh

Tỷ lệ SV tốt nghiệp có việc làm của ngành CTXH cao hơn so với các ngành khác của Trường ĐHTT và cao hơn với trường đối sánh.

3. Điểm tồn tại

Tỷ lệ SV có việc làm không liên quan đến ngành đào tạo sau khi tốt nghiệp tương đối cao.

4. Kế hoạch hành động

Tiếp tục khảo sát nhu cầu của thị trường lao động, tăng cường liên kết với các nhà tuyển dụng để giúp SV có cơ hội tìm kiếm việc làm liên quan đến ngành đào tạo đạt tỷ lệ cao hơn.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt 5/7.

Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của NH được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả

Chiến lược phát triển Trường ĐHTT giai đoạn 2018-2025, định hướng 2030 đã xác định: Tăng cường hoạt động KHCN của NH là 1 trong 3 nhóm giải pháp để thực hiện mục tiêu, chiến lược phát triển KHCN của Nhà trường. Trong Chiến lược này, các chỉ số và kế hoạch thực hiện giải pháp liên quan đến hoạt động NCKH của NH giai đoạn 2018 - 2025 được cụ thể hóa như sau: 5% SV tham gia NCKH; 10 % đề tài khóa luận, luận văn, luận án gắn với các đề tài NCKH của GV; [H11.4.001]. Nhà trường xây dựng Kế hoạch Chiến lược phát triển KHCN và HTQT giai đoạn 2019 - 2025, trong đó mục tiêu cụ thể sẽ có 50 đề tài NCKH của NH [H11.4.002]. Nhà trường đã xây dựng và thường xuyên cập nhật, bổ sung các văn bản quy định về loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của NH. Cụ thể, năm 2020, Nhà trường đã ban hành Quy định sửa đổi, bổ sung về quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của Trường ĐHTT, trong đó quy định rõ các loại hình NCKH của NH là: (1) Trao đổi PP, kinh nghiệm học tập dưới hình thức seminar, câu lạc bộ khoa học về: PP NCKH, cách trình bày tiểu luận môn học, chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp...; (2) Tham gia các cuộc thi về KHCN do các cấp tổ chức trong và ngoài nước; (3) Tham gia thực hiện các đề tài NCKH, báo cáo khoa học, bài báo và các hoạt động khoa học khác dưới sự hướng dẫn của cán bộ, GV trong và ngoài trường.

[H11.4.003]. Trong Quy định về hoạt động NCKH của SV trường ĐHTT năm 2021 đã chỉ rõ hoạt động NCKH của SV gồm: a) Thực hiện đề tài NCKH thuộc lĩnh vực được đào tạo và các lĩnh vực khác phù hợp với khả năng của SV. b) Tham gia các hội nghị, hội thảo khoa học, sinh hoạt học thuật, hội thi sáng tạo KHCN, câu lạc bộ khoa học SV, các giải thưởng khoa học và công nghệ ở trong, ngoài nước và các hình thức hoạt động khoa học và công nghệ khác của SV. c) Tham gia triển khai ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ vào thực tiễn trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội, giáo dục và đào tạo, an ninh, quốc phòng. d) Công bố các kết quả NCKH của SV. [H11.4.004]. Hàng năm, Nhà trường ban hành Kế hoạch triển khai công tác NCKH, trong đó ghi rõ nội dung NCKH của cán bộ, GV, nội dung NCKH của SV. Trong đó quy định về NCKH của SV được cụ thể hóa, chi tiết về loại hình như đề tài, tham gia hội nghị, hội thảo khoa học, hội thi sáng tạo KHCN, câu lạc bộ khoa học SV và các hình thức khác... [H11.4.005]; Trong Kế hoạch này, để tổ chức thực hiện, Nhà trường yêu cầu các đơn vị phòng, ban, khoa, trung tâm trong Nhà trường triển khai, phổ biến Kế hoạch đến toàn thể cán bộ, GV và SV để đăng ký thực hiện nhiệm vụ NCKH trong năm. [H11.4.005].

Việc theo dõi, giám sát các hoạt động NCKH của NH được thực hiện theo Quy định quản lý hoạt động Khoa học và Công nghệ của Trường ĐHTT [H11.4.003]. Trong Quy định nêu rõ các trách nhiệm quản lý hoạt động NCKH của các đơn vị, phòng chức năng trong đó: Phòng Quản lý khoa học và HTQT chịu trách nhiệm tham mưu cho Hiệu trưởng xây dựng quy định, quy chế về quản lý hoạt động KHCN của trường, phối hợp với các đơn vị chức năng tổ chức thực hiện kế hoạch, thẩm định, xét duyệt, kiểm tra, đánh giá nghiệm thu, công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ KHCN, báo cáo hoạt động KHCN do Nhà trường quản lý; tổ chức giới thiệu kết quả nghiên cứu, quản lý các hoạt động ứng dụng, chuyển giao công nghệ, dịch vụ KHCN của trường; tham mưu tổ chức tổng kết đánh giá hoạt động KHCN, khen thưởng, xử lý vi phạm hoạt động KHCN của trường hàng năm; Phòng Đào tạo phối hợp với Phòng Quản lý khoa học và HTQT để triển khai công tác gắn đào tạo với KHCN và triển khai ứng dụng các kết quả nghiên cứu vào đào tạo trong Nhà trường; Phòng Kế hoạch - Tài vụ chịu trách nhiệm phối hợp với các phòng chức năng giúp Hiệu trưởng xây dựng và thực hiện kế hoạch tài chính hàng năm cho hoạt động KHCN. Quản lý các nguồn kinh phí, kiểm tra các khoản thu chi và báo cáo quyết toán cho hoạt động KHCN theo quy định; Hội đồng Khoa học và Đào tạo cấp khoa chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện các kế hoạch

hoạt động KHCN hàng năm của đơn vị; đề xuất các chương trình, đề tài, dự án và nhiệm vụ KHCN; tư vấn việc gắn NCKH với đào tạo, ứng dụng và chuyển giao công nghệ. Chịu trách nhiệm về mặt chuyên môn trong công tác thẩm định, xét duyệt, đánh giá nghiệm thu các nhiệm vụ KHCN của đơn vị; Các đơn vị trực thuộc trường có trách nhiệm quản lý, tổ chức và tạo điều kiện cho các tập thể, cá nhân trong đơn vị thực hiện nhiệm vụ NCKH được giao... [H11.4.003]. Việc giám sát hoạt động NCKH của NH cũng được cụ thể trong Quy định về hoạt động NCKH của SV trường ĐHTT. Trong đó quy định rõ trách nhiệm của các đơn vị về quản lý và giám sát các hoạt động NCKH của SV. Cụ thể như: Khoa/Bộ môn phối hợp với phòng Quản lý khoa học và HTQT tổ chức Hội thảo, hội nghị khoa học SV và các hình thức hoạt động khoa học khác của SV, tổng kết, đánh giá phong trào NCKH của SV tại khoa, xét đề nghị khen thưởng SV trong NCKH. Chịu trách nhiệm về mặt chuyên môn trong công tác thẩm định, xét duyệt, đánh giá nghiệm thu các nhiệm vụ NCKH của SV trong đơn vị; Phòng Quản lý khoa học và HTQT phối hợp với các đơn vị chức năng tổ chức thực hiện kế hoạch, thẩm định, xét duyệt, kiểm tra, đánh giá, công nhận kết quả NCKH của SV, báo cáo hoạt động NCKH của SV. Xuất bản các tập san, thông báo khoa học, kỷ yếu đề tài NCKH của SV. Tham mưu tổ chức tổng kết đánh giá hoạt động NCKH của SV, khen thưởng, xử lý vi phạm hoạt động NCKH của SV nhà trường hàng năm... [H11.4.004]. Việc giám sát các hoạt động nghiên cứu của NH cũng được thể hiện rõ trong chức năng, nhiệm vụ của Phòng Quản lý khoa học và HTQT, cụ thể là: Chủ trì và phối hợp với các đơn vị khác có liên quan, các Khoa/Bộ môn tổ chức chỉ đạo, quản lý và đề xuất các biện pháp nhằm tăng cường các hoạt động NCKH trong NH; tổ chức các hội thi SV NCKH trong phạm vi toàn trường... Đầu các năm học, phòng Quản lý khoa học và HTQT tham mưu ban hành kế hoạch triển khai công tác NCKH, trong đó quy định rõ mục đích yêu cầu, nội dung nghiên cứu, các chỉ tiêu nghiên cứu và quy trình đối với các hoạt động NCKH của SV [H11.4.006]. Khoa chuyên môn phổ biến kế hoạch NCKH hàng năm của Nhà trường đến SV, đồng thời có trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra, tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ NCKH của NH. [H11.4.007], [H11.4.008].

Nhà trường đã xây dựng hệ thống theo dõi, giám sát các loại hình nghiên cứu và hoạt động NCKH của NH gồm: Khoa/Bộ môn; Phòng Quản lý khoa học và HTQT phối hợp với các Khoa, Phòng Quản lý SV, Phòng Kế hoạch - Tài vụ... [H11.4.004]. Nhà trường ban hành văn bản hướng dẫn quy trình thực hiện đề tài gồm: (1) Đề xuất đề tài;

(2) Xét duyệt danh mục đề tài; (3) Xét duyệt, thẩm định thuyết minh đề tài; (4) Phê duyệt; (5) Thực hiện đề tài; (6) Kiểm tra tiến độ thực hiện đề tài; (7) Nghiệm thu đề tài; (8) Lựa chọn đề tài tham gia Hội nghị xét Giải thưởng “Sinh viên NCKH cấp trường”; (9) Xét Giải thưởng “Sinh viên NCKH cấp trường” và xây dựng các biểu mẫu thực hiện đề tài dành riêng cho NH [H11.4.005]. Trong giai đoạn từ năm 2020 đến 2024 có 136 đề tài NCKH của SV đã được thực hiện và nghiệm thu [H11.4.009], [H11.4.010]; Trong đó, các sản phẩm NCKH của SV ngành CTXH được tổng hợp ở bảng số liệu dưới đây [H11.4.008], [H11.4.009]:

Bảng 11.4.1: Thống kê sản phẩm NCKH của SV ngành CTXH

Loại hình Năm học	Đề tài	Báo	Khóa luận tốt nghiệp	Loại hình nghiên cứu khác
2019-2020	1			
2020-2021	1		3	
2021-2022	1	1	4	
2022-2023	1	1	4	
2023-2024	1	1		
Tổng	5	3	11	0

Qua bảng tổng hợp trên cho thấy, trong giai đoạn 2019-2020 đến 2023-2024, khoa có 19 sản phẩm NCKH của SV đã được thực hiện và nghiệm thu: 5 đề tài, 3 bài báo, 11 khóa luận tốt nghiệp. Trung bình mỗi năm học có 1 đề tài. Về bài báo, trong hai năm học 2019-2020 và 2020-2021 không có, trong 3 năm tiếp theo mỗi năm có 1 bài. Khóa luận tốt nghiệp: 11. Loại hình nghiên cứu khác: 0

Hằng năm, Nhà trường tổ chức Hội nghị SV NCKH. Các hoạt động này được thực hiện và giám sát bởi Phòng Quản lý khoa học và HTQT. Cơ sở dữ liệu về hoạt động NCKH của NH đã được Phòng Quản lý khoa học và HTQT cập nhật thường xuyên trên máy tính; danh mục đề tài, các thông tin về NH được lưu trữ trên máy tính; các sản phẩm NCKH sau khi được nghiệm thu được nộp về Phòng Quản lý khoa học và HTQT lưu trữ; 01 bản báo cáo đề tài được lưu trữ tại Trung tâm Thông tin - Thư viện [H11.4.011].

Khoa đã thực hiện việc đối sánh về số lượng các loại hình NCKH của SV ngành CTXH với ngành Kế toán và Quản lý văn hóa của Nhà trường trong giai đoạn 2020 - 2024 [H11.4.009], [H11.4.012], [H11.4.013], kết quả như sau:

Bảng 11.4.2. Đối sánh số lượng SV ngành CTXH tham gia các loại hình NCKH với SV các ngành đào tạo khác trong Nhà trường giai đoạn 2020-2024

STT	Ngành đào tạo	Đề tài		Báo		Khóa luận tốt nghiệp		Loại hình nghiên cứu khác		Tổng số SV chuyên ngành
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
1	Công tác xã hội	5	18	3	10,8	11	64,8	0	0	36
2	Kế toán	7	13,5	5	9,6	40	76,9	0	0	400
3	Quản lý văn hóa	2	4,25	0	0	0	0	0	0	47

(Nguồn: Khoa CT&TLGD, Khoa Kinh tế & Quản trị kinh doanh, Khoa Văn hóa - Du Lịch - Trường ĐHTT)

Qua thực hiện đối sánh, có thể thấy, giai đoạn 2020 - 2024, số lượng SV của ngành CTXH thực hiện đề tài NCKH là 5 (chiếm 18%), ít hơn ngành Kế toán và nhiều hơn ngành Quản lý văn hóa; Số SV viết báo là 3 em (chiếm 10,8%), SV thực hiện khóa luận tốt nghiệp là 11 (64,8%) đứng thứ hai trong 3 ngành; Trong giai đoạn 2020-2024 tổng số SV thực hiện NCKH chiếm tỷ lệ 52,8% so với tổng số SV của Khoa trong giai đoạn này. Tuy nhiên, Khoa chưa thực hiện được việc đối sánh loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của SV ngành CTXH Trường ĐHTT với các cơ sở giáo dục khác có CTĐT tương ứng.

Các đề xuất đề tài NCKH của SV được hội đồng khoa học nhận xét, đánh giá là phù hợp với xu thế phát triển của thời đại, thực tiễn, và phù hợp với khả năng của NH. [H11.4.014]. Kinh phí đầu tư cho NCKH của NH hàng năm được trích từ quỹ Phát triển hoạt động sự nghiệp của Trường [H11.4.015]. Nhà trường hỗ trợ kinh phí cho SV làm NCKH theo Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường ĐHTT. Ví dụ, theo Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường ĐHTT (năm 2022), sau nghiệm thu đạt yêu cầu (ngoài việc cộng điểm khuyến khích), mức hỗ trợ đối với đề tài đạt loại xuất sắc: 2.500.000đ/đề tài; loại

tốt: 2.000.000đ/đề tài; loại khá: 1.500.000đ/đề tài; loại đạt: 1.000.000đ/đề tài; SV NCKH đạt giải cấp trường, cấp tỉnh và cấp toàn quốc đều được khen thưởng. Trong giai đoạn 2020-2024, Khoa có 02 đề tài (03 SV) đạt giải NCKH cấp trường (Giải nhất: 1 đề tài (02 SV); Giải khuyến khích: 01 đề tài (01 SV) [H11.4.015]; [H11.4.016]; NH tham gia NCKH được cộng từ 3 đến 4 điểm thưởng vào điểm rèn luyện của năm học đó. [H11.4.015].

2. Điểm mạnh

Hoạt động NCKH của SV được theo dõi, giám sát và được hỗ trợ.

3. Điểm tồn tại

Khoa chưa thực hiện đối sánh loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của SV ngành CTXH Trường ĐHTT với các cơ sở giáo dục khác có CTĐT tương ứng.

4. Kế hoạch hành động

Khoa CT&TLGD sẽ thực hiện đối sánh loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của SV ngành CTXH trường ĐHTT với các cơ sở giáo dục khác để cải tiến chất lượng NCKH của SV.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt 5/7.

Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Trong Kế hoạch ĐBCL giáo dục hàng năm, Nhà trường đã giao nhiệm vụ cho Phòng Quản lý chất lượng và Thanh Tra là đơn vị chịu trách nhiệm tổ chức triển khai, đánh giá, giám sát, đôn đốc các hoạt động liên quan đến công tác ĐBCL giáo dục của Nhà trường và giao cho các đơn vị phối hợp lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan [H11.5.001], cụ thể:

- Phòng Quản lý chất lượng và Thanh Tra chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch và thực hiện việc khảo sát lấy ý kiến phản hồi của NH về hoạt động giảng dạy của GV.
- Phòng Quản lý SV chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch và thực hiện việc khảo sát tình hình việc làm của NH sau tốt nghiệp.
- Phòng Quản lý khoa học và HTQT chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch và thực hiện việc khảo sát lấy ý kiến phản hồi của GV, NH về công tác quản lý hoạt động NCKH.
- Phòng Đào tạo chịu trách nhiệm chính trong việc xây dựng kế hoạch và thực hiện việc rà soát CTĐT, CĐR, đề cương CTHP.

- Văn phòng chịu trách nhiệm chính trong việc xây dựng kế hoạch và thực hiện lấy ý kiến phản hồi về cơ sở vật chất.

- Trung tâm Tin học - Ngoại ngữ - Thư viện và Phát triển nghề nghiệp chịu trách nhiệm chính trong việc xây dựng kế hoạch và thực hiện lấy ý kiến phản hồi về hạ tầng CNTT, trang thiết bị CNTT phục vụ hoạt động quản lý, đào tạo và NCKH, nguồn học liệu, chất lượng phục vụ của thư viện.

Nhà trường xây dựng các quy trình, các bộ công cụ và PP triển khai, tiếp nhận phản hồi từ các bên liên quan về hoạt động NCKH, dịch vụ hỗ trợ GV, NH, CSVC [H11.5.002], [H11.5.003]. Kết quả khảo sát được tổng hợp, phân tích, xử lý và có báo cáo cụ thể. Theo Báo cáo hằng trong giai đoạn 2020-2024 về kết quả khảo sát ý kiến của các bên liên quan về CSVC, môi trường, sức khỏe và an toàn; Hạ tầng CNTT, nguồn học liệu và chất lượng phục vụ nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý, đào tạo và NCKH, mức độ hài lòng đều đạt mức cao từ 85% trở lên; mức độ hài lòng về công tác quản lý hoạt động KHCN đạt trên 80%. Trong đó SV đánh giá cao về quy định quản lý hoạt động NCKH; Quy định rõ về nghĩa vụ và quyền lợi của SV khi tham gia NCKH; Quy trình tổ chức thực hiện đề tài, dự án NCKH cấp cơ sở của SV; Chế độ khen thưởng trong NCKH của SV [H11.5.004]; [H11.5.005]. Tuy nhiên, ở một số tiêu chí cụ thể về CSVC, mức độ hài lòng của các bên liên quan có giảm. Cụ thể như: về phòng học, phòng thực hành thí nghiệm, mức độ hài lòng năm 2023-2024 giảm, không hài lòng tăng so 4-6% với năm học trước đó [H11.5.004]; Về NCKH, có 45,6% GV, cán bộ cho rằng ngân sách dành cho hoạt động NCKH của Nhà trường còn ít và chưa phù hợp [H11.5.005].

Hai năm một lần, Khoa tiến hành khảo sát ý kiến của các bên liên quan về CTĐT của ngành CTXH nhằm cập nhật, đánh giá, điều chỉnh CĐR, CTĐT và đề cương chi tiết các học phần phù hợp với nhu cầu của xã hội [H11.5.006], [H11.5.007], [H11.5.008]. Khoa tiến hành xin ý kiến của các nhà khoa học, nhà quản lý, nhà tuyển dụng, GV và SV về CTĐT ngành CTXH, kết quả như sau:

Bảng 11.5.1. Bảng đối sánh CTĐT ngành CTXH qua các năm

STT	Tiêu chí	Năm	
		2022 (%) phiếu	2024(%) phiếu
1	Mức độ cần thiết của CĐR	- Cần thiết: 33,5 - Rất cần thiết: 52.5	- Cần thiết: 36,8 - Rất cần thiết: 54.0

2	Mức độ đạt được của CDR	- Biết: 24.28 - Hiểu: 39.15 - Vận dụng: 31.83 - Phân tích/tổng hợp: 5.75 - Đánh giá: 0	- Biết: 35.83 - Hiểu: 41.17 - Vận dụng: 32.39 - Phân tích/tổng hợp: 6.78 - Đánh giá: 0
3	Mức độ cần thiết của CTĐT	- Cần thiết: 45.0 - Rất cần thiết: 36.3	- Cần thiết: 47.25 - Rất cần thiết: 45.17
4	Mức độ đạt được của CTĐT	- Biết: 30.14 - Hiểu: 33.25 - Vận dụng: 19.0 - Phân tích/tổng hợp: 3.5 - Đánh giá: 0	- Biết: 32.55 - Hiểu: 35.83 - Vận dụng: 25.6 - Phân tích/tổng hợp: 5.0 - Đánh giá: 0
5	Tính hiệu quả của CDR	- CDR phù hợp, cơ bản đáp ứng	- CDR phù hợp, cơ bản đáp ứng
6	Tính hiệu quả của CTĐT	Số tín chỉ, phân bố khối lượng kiến thức giữa các khối kiến thức hợp lý	Số tín chỉ, phân bố khối lượng kiến thức giữa các khối kiến thức hợp lý
7	Ý kiến khác	Không	- Tăng thời lượng cho môn học thực hành, chuyên ngành - Tăng thời lượng thực hành, giảm thời lượng lý thuyết.

Qua bảng 11.5.1, cho thấy:

- Đối với CDR: mức độ cần thiết và mức độ đạt được tăng dần so các năm.
- Đối với CTĐT: mức độ cần thiết và mức độ đạt được tăng dần so các năm.

Qua góp ý của các bên liên quan, CTĐT đã được điều chỉnh để ngày càng phù hợp và đáp ứng được nhu cầu của xã hội.

Năm 2022, Khoa đã tiến hành đối sánh CTĐT ngành CTXH của Khoa với ngành CTXH của Trường Đại học Hùng Vương và Đại học Thái Nguyên. Năm 2024, đối sánh với Trường Đại học Hùng Vương và Đại học Lao động - Xã hội [H11.5.009]. Khoa cũng tiến hành đối sánh CTĐT ngành CTXH của Khoa giữa các năm [H11.5.010]. Khoa đã thu thập, xử lý và sử dụng các thông tin phản hồi của các bên liên quan, sử dụng kết quả đối sánh CTĐT chuyên ngành CTXH giữa các năm và đối sánh với CTĐT ngành CTXH của CSGD khác cùng trình độ làm cơ sở để chỉnh sửa, bổ sung, cải tiến mục tiêu, CDR,

CTĐT và đề cương CTHP ngành CTXH để đáp ứng yêu cầu đào tạo, nhà tuyển dụng và xã hội [H11.5.011]. Cụ thể, năm 2020, các đề cương CTHP có bổ sung thêm nội dung về “CĐR của học phần”, “ma trận liên kết nội dung chương mục với CĐR” [H11.5.010]. Năm 2022, đề cương CTHP được thiết kế theo hướng tiếp cận năng lực, các học phần chú trọng vào cả 3 mục tiêu đào tạo: kiến thức, kỹ năng, thái độ tùy thuộc vào vị trí môn học trong khung CTĐT [H11.5.011]. Năm 2024, đề cương CTHP được bổ sung thêm nội dung “Mức đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT”, thay đổi phương pháp đánh giá,... [H11.5.012]; [H11.5.013], [H11.5.014].

Hàng năm, Khoa xây dựng Kế hoạch ĐBCL và đề ra các nội dung thực hiện cụ thể về: Công tác Khảo thí - ĐBCL; Công tác tuyển sinh, quản lý đào tạo; công tác tổ chức, phát triển đội ngũ; Công tác quản lý SV, phục vụ cộng đồng; Công tác NCKH và HTQT; Công tác khảo sát, lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan; Công tác KĐCL [H11.5.015]. Căn cứ vào ưu điểm và tồn tại của công tác ĐBCL của năm trước, Khoa lập kế hoạch cải tiến chất lượng cho năm tiếp theo [H11.5.016].

2. Điểm mạnh

Khoa đã thực hiện đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan về công tác quản lý hoạt động KHCN; về CSVC, môi trường, sức khỏe và an toàn; Hạ tầng CNTT, nguồn học liệu và chất lượng phục vụ nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý, đào tạo, NCKH và PVCD; Đã thực hiện đối sánh mức độ hài lòng của CTĐT ngành CTXH qua các năm và CTĐT ngành CTXH của CSGD khác.

3. Điểm tồn tại

Mức độ hài lòng của các bên liên quan chưa cao ở một số tiêu chí cụ thể về CSVC (về phòng học) và NCKH (Ngân sách dành cho hoạt động NCKH).

4. Kế hoạch hành động

Trong thời gian tới, Khoa tiếp tục đề xuất với Nhà trường cải tạo và nâng cấp, nâng cao chất lượng của các phòng học, tăng mức đầu tư, hỗ trợ cho các hoạt động NCKH của GV và SV trong Nhà trường.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt 5/7.

Kết luận về Tiêu chí 11: Nhà trường, Khoa và các đơn vị có liên quan thực hiện nghiêm túc việc giám sát loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của NH, tỉ lệ sinh viên thôi học, tốt nghiệp, có việc làm, định kỳ đối sánh với các đơn vị trong và ngoài Nhà trường để cải tiến chất lượng. Nhờ sự giám sát, hỗ trợ thường xuyên và có

các biện pháp cải tiến kịp thời, số lượng SV bị cảnh báo học vụ, rút bớt tín chỉ, thôi học của CTĐT ngành CTXH giảm, tỉ lệ tốt nghiệp đúng hạn và có việc làm sau khi tốt nghiệp cao. Bên cạnh đó, kết quả khảo sát cho thấy SV sau khi tốt nghiệp nắm vững các kiến thức được học để có thể tham gia vào thị trường lao động. GV, SV, CSV và nhà tuyển dụng đánh giá hài lòng về CTĐT.

Căn cứ vào kết quả đánh giá các tiêu chí, Hội đồng Tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành Công tác xã hội trình độ đại học tự đánh giá tiêu chuẩn 11 có 5/5 tiêu chí đạt 5/7.

Phần III

KẾT LUẬN

1. Những điểm mạnh của CTĐT ngành Công tác xã hội

Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và CĐR của CTĐT

Khoa CT&TLGD đã xây dựng CTĐT theo lộ trình phù hợp với tình hình chung của Nhà trường. Chương trình được thiết kế đã xác định mục tiêu rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường ĐHTT, mục tiêu của giáo dục đại học trong Luật Giáo dục đại học. CĐR của CTĐT ngành CTXH đã xác định rõ ràng mức độ đạt được về kiến thức, kỹ năng, thái độ, năng lực tự chủ và trách nhiệm mà NH cần đạt được. CĐR được rà soát, điều chỉnh trên cơ sở tham khảo, tiếp thu ý kiến từ phía GV, NH, nhà khoa học, nhà sử dụng lao động và được công bố công khai. Nội dung của CĐR rõ ràng, dễ tiếp nhận trong việc thực hiện hay đánh giá chất lượng của NH trong quá trình thực hiện CTĐT.

Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Bản mô tả CTĐT ngành CTXH bổ sung các thông tin mới nhất, được công bố rõ ràng, đầy đủ và tường minh. Quá trình bổ sung, điều chỉnh, tổ soạn thảo CTĐT đều dựa trên nhiều nguồn thông tin đóng góp khác nhau như Hội đồng khoa học của Khoa, GV, các nhà chuyên môn,... Tất cả các đề cương CTHP trong CTĐT được định kỳ rà soát, bổ sung, cập nhật ít nhất 2 năm/lần theo kế hoạch của Nhà trường. Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần đã được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau giúp người dạy, người học và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

CTDH ngành CTXH được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm được định kỳ rà soát 2 năm 1 lần. Các học phần trong CTDH xác định các PP dạy và học, PP kiểm tra đánh giá phù hợp để đảm bảo việc đạt được CĐR. CTDH được định kỳ rà soát/điều chỉnh, bổ sung và cập nhật ít trên cơ sở lấy ý kiến của các bên liên quan.

Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Để thực hiện CTĐT có hiệu quả, CTĐT ngành CTXH năm 2022 chú trọng đến PP tiếp cận phù hợp trong dạy và học. Trong đó, mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan. Thông qua nhiều hình thức khác nhau, PP tiếp cận trong dạy và học của CTĐT ngành CTXH được công khai rõ ràng và dễ tiếp nhận. Các PP dạy và học đa dạng, phù hợp đạt được CĐR của CTĐT. GV sử dụng đa dạng các PP giảng

dạy nhằm hỗ trợ NH rèn luyện và nâng cao các kỹ năng cần thiết, khả năng học tập suốt đời cho NH.

Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Trường ĐHTT có đầy đủ văn bản quy định chặt chẽ về quy trình kiểm tra và đánh giá NH. Các văn bản quy định về kiểm tra đánh giá kết quả học tập của NH được xác định rõ ràng và thông báo công khai bằng nhiều hình thức. Sử dụng đa dạng các PP kiểm tra, đánh giá phù hợp với đặc thù nghiệp vụ chuyên môn trong lĩnh vực CTXH và đáp ứng CDR của CTĐT, đồng thời xác định được tiêu chí đánh giá rõ ràng của từng nội dung đánh giá. Kết quả đánh giá NH được phản hồi kịp thời, giúp NH chủ động trong việc cải thiện kết quả học tập. NH được phổ biến đầy đủ quy trình khiếu nại kiểm tra kết quả thi qua nhiều hình thức. Đến nay không có SV nào khiếu nại.

Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ GV, nghiên cứu viên

Khoa đã xây dựng được kế hoạch quy hoạch bồi dưỡng, phát triển đội ngũ GV đúng quy trình và đáp ứng tốt với yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ. Tỷ lệ GV/SV đáp ứng tốt yêu cầu của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ. Quy trình về việc tuyển dụng và lựa chọn GV được xây dựng theo các tiêu chí chặt chẽ và phổ biến công khai. Năng lực của GV được xác định rõ ràng và tổ chức đánh giá thường xuyên với nhiều hình thức. Khoa đã thực hiện tốt kế hoạch đào tạo bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho GV. Việc quản trị theo kết quả công việc của GV, được triển khai có hiệu quả cao để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ. Nhà trường có các văn bản quy định rõ ràng về loại hình và số lượng sản phẩm NCKH của GV.

Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên

Đội ngũ nhân viên của Khoa đảm bảo về số lượng, có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm. Đội ngũ này được tuyển dụng theo đúng theo quy định về quy trình, tiêu chí tuyển dụng của Nhà trường, việc tuyển dụng được công bố công khai. Nhà trường và Khoa luôn tạo điều kiện, khuyến khích và hỗ trợ đội ngũ nhân viên học tập, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Bên cạnh đó, để khuyến khích, tạo động lực cho đội ngũ nhân viên, Nhà trường có chế độ thi đua, khen thưởng phù hợp. Có thể nói, công tác phát triển đội ngũ nói chung, đội ngũ nhân viên nói riêng được xác định là một trong những nhiệm vụ quan trọng trong Chiến lược phát triển của Trường ĐHTT giai đoạn 2018 - 2025, định hướng đến năm 2030.

Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Nội dung chính sách tuyển sinh được điều chỉnh kịp thời hàng năm và công bố công khai với nhiều hình thức truyền thông đa dạng. Tiêu chí và PP tuyển sinh được xác định rõ ràng và kịp thời bổ sung phù hợp với quy chế tuyển sinh của BGD&ĐT và thực tế địa phương. Hệ thống giám sát, kiểm tra đánh giá sự tiến bộ của NH được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau và có sự phối hợp chặt chẽ của các đơn vị chức năng với Khoa, Cố vấn học tập của các lớp giúp nắm bắt và điều chỉnh kịp thời hoạt động học tập và rèn luyện của NH. Các hoạt động tư vấn học tập được khoa CT&TLGD, ngành CTXH triển khai cụ thể và sát sao tới SV; các hoạt động thi đua, hoạt động ngoại khóa được SV hưởng ứng tích cực, giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng mềm. Nhà trường có môi trường cảnh quan xanh sạch đẹp, thoáng mát, an toàn; mối quan hệ xã hội trong trường, trong khoa luôn được quan tâm xây dựng đảm bảo môi trường tâm lý xã hội tích cực cho hoạt động học tập nghiên cứu của CBGV, SV Nhà trường.

Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Trường DHTT có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng được bố trí hợp lý, có đầy đủ trang thiết bị phù hợp với yêu cầu của chuyên ngành CTXH, đáp ứng được nhu cầu đào tạo, NCKH và PVCĐ. Thư viện của Trường DHTT cung cấp đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo phù hợp, để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và NCKH của toàn Trường nói chung và của CTĐT ngành CTXH nói riêng. Nhà trường có đủ số lượng phòng thực hành, thí nghiệm và trang thiết bị hiện đại để phục vụ tốt cho hoạt động đào tạo và NCKH. Có hệ thống CNTT hoạt động ổn định, an toàn, đáp ứng tốt yêu cầu về hoạt động đào tạo và NCKH. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và đã triển khai thực hiện tốt.

Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng

Khoa đã thường xuyên xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện việc lấy ý kiến khảo sát các bên liên quan; hệ thống thông tin phản hồi đa dạng và cung cấp những thông tin đầy đủ, kịp thời làm cơ sở để Khoa thiết kế và cải tiến CTĐT. Quy trình thiết kế và phát triển CTDH được rà soát, đánh giá và cải tiến thường xuyên hai năm một lần, có sự tham gia của các bên liên quan nhằm nâng cao chất lượng thiết kế và phát triển CTDH đáp ứng yêu cầu đào tạo trong từng giai đoạn. Quá trình dạy học và đánh giá kết quả học tập của NH trong CTĐT được tiến hành thường xuyên, liên tục. Giảng viên trong Khoa đã có nhiều đề tài, bài báo, giáo trình, sách, tài liệu tham khảo nghiên cứu

khoa học được áp dụng để cải tiến việc dạy và học. Việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, các hoạt động cải tiến chất lượng dịch vụ hỗ trợ được thực hiện thường xuyên. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan đa dạng, đầy đủ và được thực hiện một cách có hệ thống nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các bên liên quan tham gia đóng góp ý kiến nâng cao chất lượng dạy học và phát triển CTĐT đáp ứng nhu cầu xã hội.

Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra

Tỉ lệ SV hoàn thành CTĐT và được công nhận tốt nghiệp đúng thời hạn cao. Tỷ lệ SV tốt nghiệp có việc làm của ngành CTXH cao hơn so với các ngành khác của Trường ĐHTT và cao hơn với trường đối sánh. Hoạt động NCKH của SV được theo dõi, giám sát và được hỗ trợ. Khoa đã thực hiện đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan về công tác quản lý hoạt động KHCN; về CSVC, môi trường, sức khỏe và an toàn; Hạ tầng CNTT, nguồn học liệu và chất lượng phục vụ nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý, đào tạo, NCKH và PVCĐ; Đã thực hiện đối sánh mức độ hài lòng của CTĐT ngành CTXH qua các năm và CTĐT ngành CTXH của CSGD khác.

2. Những điểm tồn tại và những vấn đề cải tiến chất lượng của CTĐT

Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và CĐR của CTĐT

Hình thức lấy ý kiến của các bên liên quan chưa đa dạng và chưa rộng về phạm vi khảo sát. CĐR đã bao quát yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt nhưng CĐR về kỹ năng mềm chưa đáp ứng tối đa với triển vọng làm việc của NH về kỹ năng sử dụng ngoại ngữ để thực hiện nhiệm vụ công việc.

Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Bản mô tả CTĐT năm 2024 ngành GDTH mới được ban hành vào tháng 9/2024 chưa được kiểm nghiệm qua thực tiễn. Chưa lấy được ý kiến rộng rãi của các nhà tuyển dụng, đặc biệt các nhà tuyển dụng ở các vùng miền khác nhau. Quá trình phổ biến các hình thức tìm kiếm Bản mô tả CTĐT tới đơn vị sử dụng lao động còn chưa được thường xuyên.

Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Các phương pháp kiểm tra, đánh giá chưa được đa dạng. Hình thức thi tự luận còn nhiều; nội dung học phần trong CTDH chưa được thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của các chuyên gia giáo dục để cho thấy có liên quan mật thiết với việc đạt được CĐR; việc tham khảo các chương trình trong nước và quốc tế trong điều chỉnh nội dung dạy học chưa được nhiều.

Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Khoa chưa tổ chức được nhiều buổi hội thảo để giới thiệu Triết lý giáo dục tới các đơn vị sử dụng lao động. Một số GV chưa đưa ra được nhiều phương pháp hướng dẫn SV tự học tự nghiên cứu; Một số GV sử dụng PP dạy học trực tuyến chưa thực sự hiệu quả.

Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Một số học phần chủ yếu sử dụng hình thức thi tự luận. Việc phổ biến văn bản quy định về kiểm tra đánh giá kết quả học tập của NH ở một số ít Cố vấn học tập chưa thường xuyên, liên tục. Việc đổi mới phương thức kiểm tra đánh giá cho số ít học phần chưa được tiến hành thường xuyên. Còn một số GV chưa công bố kịp thời điểm giữa kì tới NH để cải thiện việc học tập. Thời gian thực hiện quy trình phúc khảo còn dài.

Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ GV, nghiên cứu viên

Số GV có trình độ TS chưa cao. Số lượng SV tuyển sinh các năm còn thấp. Nhà trường chưa có quy trình về việc thi tuyển lãnh đạo cấp khoa. Năng lực kết nối các bên liên quan của đội ngũ GV còn hạn chế. Một số GV chưa chủ động trong việc học tập nâng cao trình độ, vẫn còn GV trong độ tuổi đi học nghiên cứu sinh nhưng chưa đi học. Khoa CT&TLGD chưa có kế hoạch, hình thức khen thưởng cụ thể đối với GV đạt thành tích xuất sắc trong công việc.

Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên

Việc khảo sát, lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên chưa được thực hiện thường xuyên.

Một số nhân viên chưa thực hiện đúng tiến độ kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của Nhà trường.

Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Việc khảo sát lấy ý kiến của học sinh phổ thông về chính sách và quy định tuyển sinh chưa được thực hiện rộng rãi. PP tuyển sinh chưa có những thay đổi mang tính đột phá để mở rộng địa phương có thí sinh trúng tuyển vào Trường. Việc cảnh báo về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của NH trên phần mềm quản lý đào tạo chưa được cập nhật kịp thời. Việc kết nối NH với các đơn vị, doanh nghiệp sử dụng lao động hiệu quả chưa cao. Việc phân chia phòng học cho các khoa thường xuyên bị điều chỉnh và thay đổi vị trí, làm mất tính ổn định môi trường lớp học của SV.

Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị

CSVC một số phòng học của Trường ĐHTT do xây dựng lâu nên đã xuống cấp cần được cải tạo, nâng cấp, sửa chữa. Một số máy chiếu bị hỏng cần thay thế sửa chữa. Thư viện của Trường ĐHTT còn chưa được kết nối với nhiều thư viện của nước ngoài. Hồ sơ theo dõi, quản lý trang thiết bị trong phòng thực hành chưa được quản lý bằng phần mềm. Một số ít giảng viên còn gặp khó khăn khi up bài giảng lên hệ thống Elearning. Thời gian tới Nhà trường cần xây dựng thêm đường xe lăn dành cho người khuyết tật ở các giảng đường.

Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng

Khoa chưa thực hiện đối sánh CTĐT với CTĐT của ngành CTXH với CTĐT của CSGD ĐH ở nước ngoài, chưa sử dụng linh hoạt và đa dạng các phương pháp xử lý số liệu sau khi thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan. Quá trình rà soát và cải tiến quy trình thiết kế và phát triển CTDH chưa tiến hành lấy ý kiến bằng bảng hỏi đối với các bên liên quan như các chuyên gia, nhà quản lý, GV ...Khoa chưa tổ chức được nhiều hội nghị, hội thảo về đổi mới phương pháp dạy và học, chưa tổ chức được nhiều hội nghị, hội thảo để phổ biến, áp dụng kết quả NCKH tới SV, chưa tổ chức được nhiều chương trình ngoại khóa gắn với nghiệp vụ chuyên môn của ngành CTXH. Quá trình đánh giá và cải tiến quy trình thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan để xây dựng và phát triển CTDH chưa lấy được ý kiến rộng rãi của các bên liên quan.

Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra

Nhà trường và Khoa chưa tìm được giải pháp hiệu quả để khắc phục tỷ lệ SV thôi học. Chưa có SV tốt nghiệp sớm. Tỷ lệ SV có việc làm không liên quan đến ngành đào tạo sau khi tốt nghiệp tương đối cao. Khoa chưa thực hiện đối sánh loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của SV ngành CTXH trường ĐHTT với các cơ sở giáo dục khác có CTĐT tương ứng. Mức độ hài lòng của các bên liên quan chưa cao ở một số tiêu chí cụ thể về CSVC (về phòng học) và NCKH (Ngân sách dành cho hoạt động NCKH).

3. Kế hoạch hành động

Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ GV, nghiên cứu viên

Nhà trường và Khoa đề GV trong độ tuổi ký cam kết đi học nghiên cứu sinh. Phấn đấu đến năm 2028, Khoa CT&TLGD có 40% GV có trình độ TS và có ít nhất 5% GV

Phó giáo sư. Từ năm học 2025-2026, Nhà trường xây dựng quy trình về việc thi tuyển lãnh đạo cấp Khoa; xây dựng kế hoạch tổ chức các chuyến công tác học tập kinh nghiệm, tổ chức các hội thảo chuyên ngành để GV mở rộng khả năng kết nối với các nhà khoa học, các đơn vị tuyển dụng, các chuyên gia trong lĩnh vực đào tạo về CTXH; xây dựng được kế hoạch, hình thức khen thưởng cụ thể đối với GV đạt thành tích xuất sắc trong công việc; phối hợp với các Trường đại học có uy tín cử GV tham dự các lớp tập huấn, hội thảo về chủ đề công bố bài báo quốc tế trong danh mục ISI, Scopus.

Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên

Định kỳ mỗi năm một lần thực hiện khảo sát, lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên để nâng cao chất lượng, hiệu quả trong hoạt động cũng như công tác quản lý. Nhà trường ban hành quy định về thời gian đi học sau đại học; khuyến khích, động viên nhân viên đi học theo kế hoạch đã đăng ký.

Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Năm học 2024 - 2025, các đơn vị, bộ phận tham gia tư vấn tuyển sinh tại các trường phổ thông sẽ thực hiện khảo sát lấy ý kiến của học sinh phổ thông về chính sách và quy định tuyển sinh của Nhà trường. Thực hiện khảo sát tìm hiểu, đánh giá lý do thí sinh đăng ký dự thi vào trường. Khoa tiếp tục đẩy mạnh vai trò của cố vấn học tập và cán bộ quản lý SV trong việc giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của SV; tổ chức hệ thống này một cách hiệu quả. Khoa cần đề xuất với Nhà trường nâng cấp phần mềm Unisoft theo hướng kiểm soát và tự động đưa ra cảnh báo đối với NH trong học tập và rèn luyện, bổ sung chức năng gửi thông báo kết quả học tập vào số điện thoại đã đăng ký trước. Khoa cần thực hiện tốt hơn việc kết nối việc làm với các doanh nghiệp bằng các thỏa thuận hợp tác giữa Khoa với các đơn vị, doanh nghiệp, tăng cường thực tế cho SV xuống cơ sở và kết nối việc làm cho SV. Văn phòng cần bố trí, sắp xếp lại hệ thống lớp học đảm bảo môi trường học tập của SV ổn định lâu dài.

Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Từ năm 2024, Khoa CT&TLGD đề xuất với Lãnh đạo Trường ĐHTT đầu tư kinh phí để trang bị thêm trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy để đáp ứng theo Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT ngày 05 tháng 2 năm 2024 của BGD&ĐT về việc ban hành Chuẩn cơ sở GD đại học. Thư viện Trường ĐHTT được kết nối với Thư viện của một số trường Đại học nước ngoài để khai thác tài liệu phục vụ cho công tác đào tạo, NCKH và PVCD. Khoa/bộ môn tiến hành quản lý hồ sơ theo dõi trên phần mềm điện tử, Nhà trường kết

hợp với Trung tâm Tin học - Ngoại ngữ - Thư viện và Phát triển nghề nghiệp nâng cấp phần mềm phục vụ đào tạo và NCKH. Trong những năm tới nhà trường xây dựng thêm đường xe lăn dành cho người khuyết tật ở các khu vực giảng đường.

Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng

Từ năm 2025, Khoa CT&TLGD phối hợp với Phòng Quản lý khoa học và HTQT để thực hiện đối sánh CTĐT ngành CTXH của Nhà trường với CTĐT ngành CTXH của CSGD đại học nước ngoài nhằm tiệm cận xây dựng, nâng cao CTĐT theo chuẩn Quốc tế. Song song với đó, Khoa sẽ phối hợp với Bộ phận công nghệ thông tin của Nhà trường thực hiện áp dụng đa dạng các PP xử lý số liệu thống kê từ các phiếu khảo sát để có thể thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan. Trong lần rà soát, đánh giá và cải tiến quy trình thiết kế và phát triển CTDH tiếp theo, Khoa CT&TLGD phối hợp với Phòng Đào tạo để thiết kế phiếu khảo sát và tiến hành lấy ý kiến bằng bảng hỏi đối với các bên liên quan để thu thập thông tin làm căn cứ đề xuất những thay đổi và cải tiến quy trình thiết kế và phát triển CTDH. Từ năm học 2024-2025, Khoa cần tích cực tổ chức các hội nghị, hội thảo về đổi mới PP dạy và học, tăng cường tổ chức hội nghị, hội thảo để phổ biến, áp dụng kết quả NCKH tới SV, phối hợp với Đoàn thanh niên, Hội sinh viên tăng cường tổ chức các hoạt động ngoại khóa gắn với nghiệp vụ chuyên môn của ngành CTXH. Phòng Quản lý chất lượng và Thanh tra phối hợp với các đơn vị trong Trường tham mưu thực hiện việc khảo sát rộng rãi các bên liên quan để thu thập thông tin làm căn cứ đề xuất những thay đổi và cải tiến “*Quy trình thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan để xây dựng và phát triển CTDH*”.

Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra

Khoa CT&TLGD sẽ chỉ đạo các Cố vấn học tập, Trợ lý khoa, giám sát chặt chẽ tình hình học tập của SV, tìm hiểu và phân tích nguyên nhân thôi học, chậm tốt nghiệp của SV để có những giải pháp hỗ trợ kịp. Từ năm học 2024 - 2025, Khoa sẽ phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch hướng dẫn, giúp đỡ SV có điều kiện đẩy nhanh tiến độ học tập để tốt nghiệp sớm. Tiếp tục khảo sát nhu cầu của thị trường lao động, tăng cường liên kết với các nhà tuyển dụng để giúp SV có cơ hội tìm kiếm việc làm liên quan đến ngành đào tạo đạt tỷ lệ cao hơn. Thực hiện đối sánh loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của SV ngành CTXH trường ĐHTT với các cơ sở giáo dục khác để cải tiến chất lượng NCKH của SV. Đề xuất với Nhà trường cải tạo và nâng cấp, nâng cao chất lượng của các phòng học, tăng mức hỗ trợ cho các hoạt động NCKH của GV và SV.

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI
(đánh giá theo Thông tư 04/2016)

Tên cơ sở giáo dục: **TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO**

Mã: TQU

Tên CTĐT: Công tác xã hội (Social Work)

Mã CTĐT: 7760101

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
<i>Tiêu chuẩn 1</i>								5,0	3	100
Tiêu chí 1.1					5					
Tiêu chí 1.2					5					
Tiêu chí 1.3					5					
<i>Tiêu chuẩn 2</i>								5,0	3	100
Tiêu chí 2.1					5					
Tiêu chí 2.2					5					
Tiêu chí 2.3					5					
<i>Tiêu chuẩn 3</i>								5,0	3	100
Tiêu chí 3.1					5					
Tiêu chí 3.2					5					
Tiêu chí 3.3					5					
<i>Tiêu chuẩn 4</i>								5,0	3	100
Tiêu chí 4.1					5					
Tiêu chí 4.2					5					

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
Tiêu chí 4.3					5					
Tiêu chuẩn 5								5,2	5	100
Tiêu chí 5.1						6				
Tiêu chí 5.2					5					
Tiêu chí 5.3					5					
Tiêu chí 5.4					5					
Tiêu chí 5.5					5					
Tiêu chuẩn 6								5,0	7	100
Tiêu chí 6.1					5					
Tiêu chí 6.2					5					
Tiêu chí 6.3					5					
Tiêu chí 6.4					5					
Tiêu chí 6.5					5					
Tiêu chí 6.6					5					
Tiêu chí 6.7					5					
Tiêu chuẩn 7								5,0	5	100
Tiêu chí 7.1					5					
Tiêu chí 7.2					5					
Tiêu chí 7.3					5					
Tiêu chí 7.4					5					
Tiêu chí 7.5					5					
Tiêu chuẩn 8								5,0	5	100

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
Tiêu chí 8.1					5					
Tiêu chí 8.2					5					
Tiêu chí 8.3					5					
Tiêu chí 8.4					5					
Tiêu chí 8.5					5					
Tiêu chuẩn 9								4,20	5	100
Tiêu chí 9.1				4						
Tiêu chí 9.2				4						
Tiêu chí 9.3				4						
Tiêu chí 9.4					5					
Tiêu chí 9.5				4				4,83	6	100
Tiêu chuẩn 10										
Tiêu chí 10.1					5					
Tiêu chí 10.2					5					
Tiêu chí 10.3					5					
Tiêu chí 10.4					5					
Tiêu chí 10.5					5					
Tiêu chí 10.6				4				5,00	5	100
Tiêu chuẩn 11										
Tiêu chí 11.1					5					
Tiêu chí 11.2					5					
Tiêu chí 11.3					5					

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
Tiêu chí 11.4					5					
Tiêu chí 11.5					5					
Đánh giá chung CTĐT								4,93	50	100

*** Ghi chú:**

- Ghi bằng số nguyên mức đánh giá cho từng tiêu chí.
- Mức đánh giá chung của tiêu chuẩn và CTĐT là trung bình số học mức đánh giá của các tiêu chí, tính đến 2 số thập phân sau dấu phẩy.

Tuyên Quang, ngày 12 tháng 03 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Minh Anh Tuấn

PHẦN IV. PHỤ LỤC

Phụ lục 1. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng giáo dục CTĐT

CƠ SỞ DỮ LIỆU

KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 31/12/2024

I. Thông tin chung về Trường Đại học Tân Trào

1. Tên Trường Đại học Tân Trào (theo Quyết định thành lập)
 - Tiếng Việt: *Trường Đại học Tân Trào*
 - Tiếng Anh: *Tan Trao University*
2. Tên viết tắt của Trường Đại học Tân Trào
 - Tiếng Việt: TTrU
 - Tiếng Anh: TQU
3. Tên trước đây (nếu có): Không.
4. Cơ quan/Bộ chủ quản: UBND Tỉnh Tuyên Quang.
5. Địa chỉ: Km 6, xã Trung Môn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.
6. Thông tin liên hệ: Điện thoại 02073 892 012.
7. Website: daihoctantrao.edu.vn
8. Năm thành lập Trường Đại học Tân Trào (theo quyết định thành lập): Ngày 14 tháng 8 năm 2013 theo Quyết định số: 1404/QĐ-TTg về việc nâng cấp Trường Cao đẳng Tuyên Quang thành Trường Đại học Tân Trào.
9. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: năm 2014
10. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I: năm 2018
11. Loại hình Trường Đại học Tân Trào:

Công lập ☒ Bán công ☐ Dân lập ☐ Tư thục ☐

II. Thông tin chung về Khoa Chính trị và Tâm lý - Giáo dục

12. Tên Khoa Chính trị và Tâm lý- Giáo dục (theo Quyết định thành lập)
 - Tiếng Việt: Khoa Chính trị và Tâm lý - Giáo dục
 - Tiếng Anh: Faculty of Political education and Educational psychology
13. Tên viết tắt của Khoa Chính trị và Tâm lý - Giáo dục:
 - Tiếng Việt:
 - Tiếng Anh:
14. Tên trước đây (nếu có): Khoa Tâm lý - Giáo dục và Công tác xã hội

15. Tên CTĐT

- Tiếng Việt: Công tác xã hội
- Tiếng Anh: Social Work

16. Mã CTĐT: 7760101

17. Tên trước đây của CTĐT (nếu có): Không.

18. Địa chỉ của Khoa Chính trị và Tâm lý - Giáo dục: Phòng 412 tầng 4, nhà A1 Trường Đại học Tân Trào, Km6, xã Trung Môn, Huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

19. Số điện thoại liên hệ: 0394565522.

20. E-mail: khoactldhtt@gmail.com

21. Năm thành lập Khoa/Bộ môn (theo Quyết định thành lập): ngày 23/4/2024 theo Nghị quyết số 314/NQ-HĐTĐHTTr của Hội đồng trường Trường ĐHTT về việc sáp nhập Bộ môn Lý luận chính trị và Khoa Tâm lý - Giáo dục và Công tác xã hội thành Khoa Chính trị và Tâm lý - Giáo dục.

22. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT): Năm 2017

23. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): Năm 2021

III. Giới thiệu khái quát về Khoa Chính trị và Tâm lý - Giáo dục

24. Khoa Tâm lý Giáo dục và Công tác xã hội được thành lập theo Quyết định số 176/QĐ-ĐHTTr ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào. Đến tháng 04/2024, Khoa Chính trị và Tâm lý giáo dục, được thành lập theo Nghị quyết số 314/NQ-HĐTĐHTTr, ngày 23 tháng 4 năm 2024, của Hội đồng Trường ĐHTT về việc sáp nhập Bộ môn Lý luận chính trị và Khoa Tâm lý - Giáo dục và Công tác xã hội thành Khoa Chính trị và Tâm lý - Giáo dục.

Hiện nay Khoa CT&TLGD là đơn vị trực thuộc Trường Đại học Tân Trào. Khoa đảm nhiệm đào tạo, bồi dưỡng người học; đồng thời giảng dạy chuyên môn, nghiệp vụ cho học viên, giảng viên các cơ sở giáo dục, các trường cao đẳng, đại học; tuyên truyền phổ biến các kiến thức về CT và TLGD cho cộng đồng.

Để phát triển theo định hướng một trường đại học đa ngành, với tư cách là một bộ phận đào tạo của Trường, Khoa CT&TLGD đã lập kế hoạch phát triển với những mục tiêu, định hướng, quy mô phát triển và các nhiệm vụ thể hiện rõ sứ mệnh và tầm nhìn đến năm 2030 của đơn vị như sau:

- *Về sứ mệnh:* Khoa CT&TLGD là địa chỉ tin cậy về đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế các lĩnh vực thuộc chuyên ngành đào tạo, để cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu của xã hội.

- *Về tầm nhìn:* Khoa CT&TLGD sẽ trở thành đơn vị đào tạo lĩnh vực ngành nghề có chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu đổi mới, hội nhập hiện đại; là đơn vị mạnh trong nghiên cứu, tư vấn và định hướng về khoa xã hội trong khu vực và cả nước.

Đội ngũ GV của Khoa và Nhà trường có nhiều năm kinh nghiệm trong đào tạo trình độ đại học CTXH, Tâm lý học, Chính trị học góp phần đảm bảo chất lượng đào tạo chung của Nhà trường. Đối với việc giảng dạy các học phần của CTĐT ngành CTXH, 100% đội ngũ GV của Nhà trường có trình độ từ thạc sĩ trở lên đáp ứng thực hiện khối lượng của CTĐT trình độ đại học. Nhà trường đã và đang thu hút GV có trình độ tiến sĩ về Khoa, đồng thời tạo điều kiện tốt nhất để GV được học tập nâng cao trình độ tiến sĩ.

- *Về hoạt động nghiên cứu khoa học:* Công tác NCKH được xác định là một trong 2 nhiệm vụ trọng yếu của GV Khoa CT&TLGD. Đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo và hợp tác quốc tế, NCKH đã trở thành hoạt động bắt buộc của GV và là một hoạt động khuyến khích đối với SV trong Khoa. Kết quả các đề tài nghiên cứu các cấp (cấp bộ, cấp cơ sở, cấp tỉnh) của GV trong Khoa đáp ứng yêu cầu của công tác đào tạo ngành CTXH, Tâm lý học, Chính trị học và phục vụ xã hội. Khoa thường xuyên tổ chức các buổi tọa đàm, hội nghị, hội thảo,... có sự tham gia của GV, SV trong Khoa và các nhà khoa học liên quan.

Trong 05 năm trở lại đây, Khoa đã có nhiều đề tài khoa học cấp trường, tham gia nghiên cứu đề tài khoa học cấp tỉnh thuộc về các lĩnh vực Khoa học Xã hội và Nhân văn; phát triển CTĐT; viết nhiều bài báo đăng trên các tạp chí có mã số theo quy định của Hội đồng chức danh nhà nước; nhiều bài viết được in trong các kỷ yếu hội thảo ở các trường đại học trong cả nước. Số lượng đề tài NCKH và bài báo được GV của Khoa thực hiện trong giai đoạn từ 2020 - 2024 là: 12 đề tài NCKH cấp Trường; 60 bài báo khoa học đăng trên các tạp chí trong nước và quốc tế; 08 sách chuyên khảo và giáo trình.

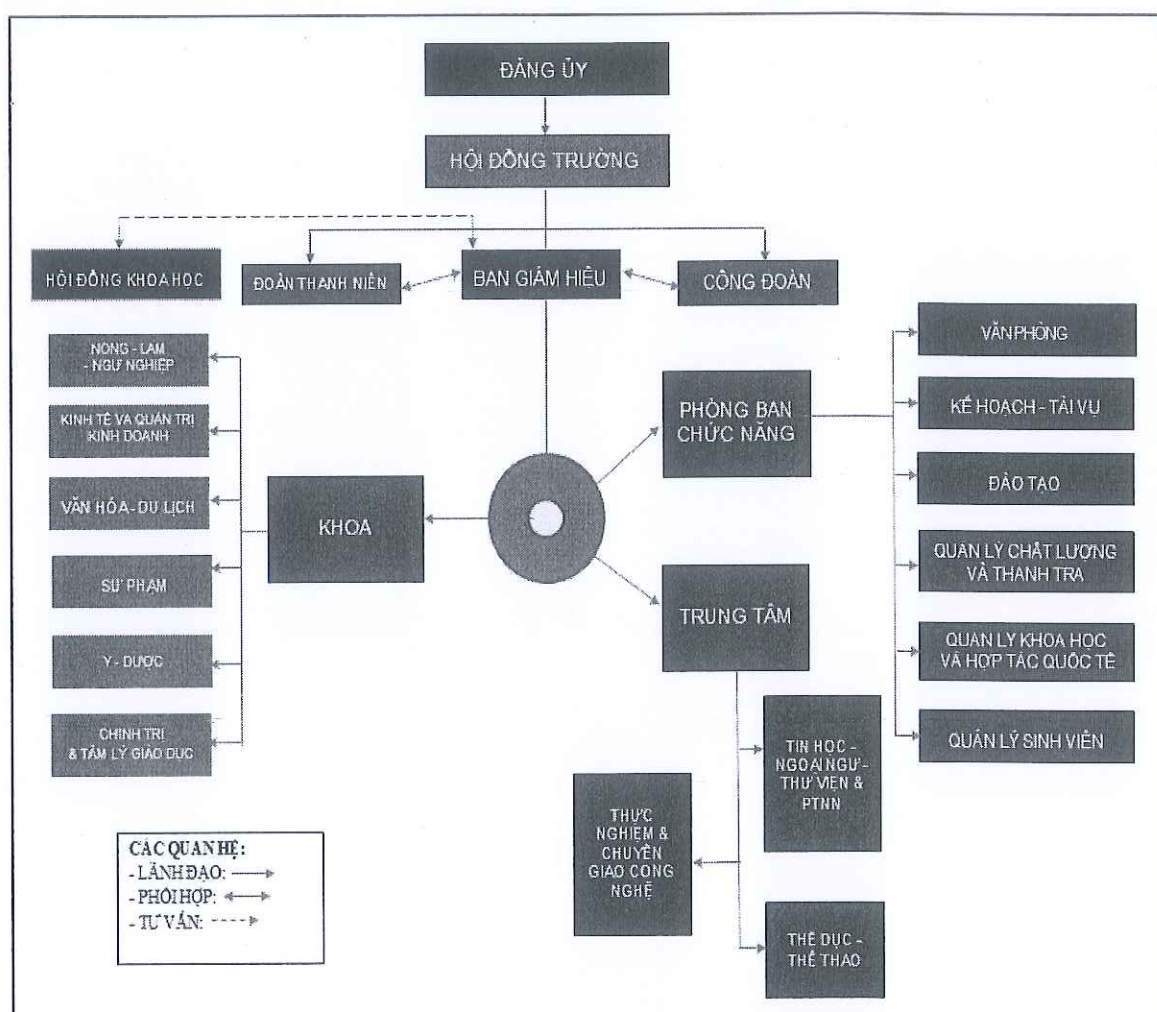
Về hợp tác trong nước và nước ngoài: Khoa cùng với Nhà trường hợp tác với một số trường đại học trong nước để trao đổi, học hỏi kinh nghiệm từng bước nâng cao chất lượng của CTĐT cũng như quá trình đào tạo, thực hiện nhiều đợt đưa SV của Khoa đi thực tế, thực hành nghề nghiệp, thực tập ở một số cơ sở uy tín trong nước như: Bệnh viện Bạch Mai, Bệnh viện Hùng Vương, Viện dưỡng lão Diên Hồng... Cử GV, SV tham

gia Dự án Living Lad với trường Đại học Yonsei - Hàn Quốc, phối hợp với Liên hiệp phụ nữ tỉnh Tuyên Quang tham gia vào dự án Koica của Hàn Quốc.

25. Cơ cấu tổ chức hành chính của Trường ĐHTT và Khoa CT&TLGD.

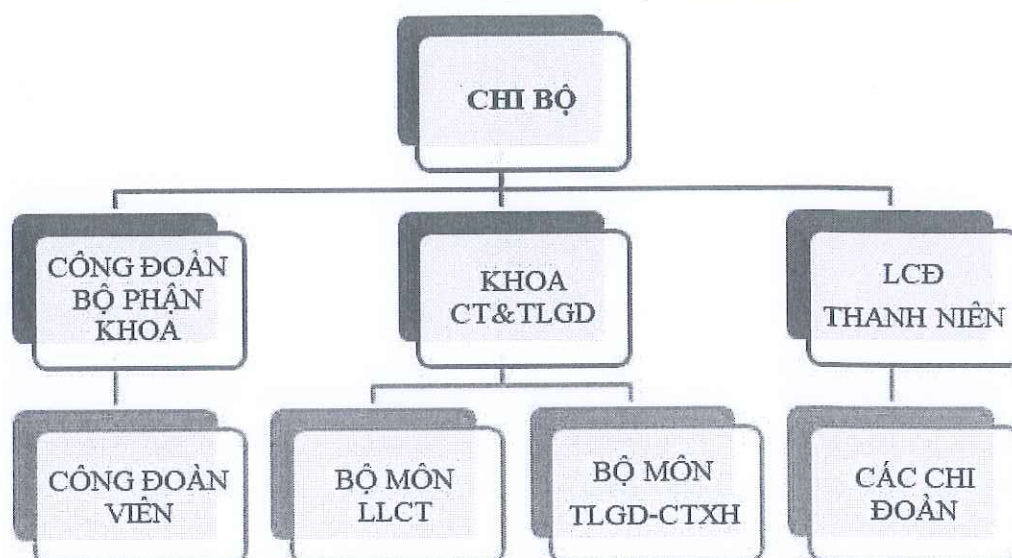
25.1. Cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Tân Trào

Cơ cấu tổ chức bộ máy của Trường ĐHTT là phù hợp với hoạt động của trường đại học. Hiện tại gồm 3 khối, 16 đơn vị: khối quản lý có 6 phòng, ban; khối giảng dạy và nghiên cứu gồm 6 khoa; khối ứng dụng, NCKH và dịch vụ gồm 3 trung tâm; 01 trường phổ thông. Các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội gồm Đảng ủy, Hội đồng Trường, Công đoàn, Đoàn thanh niên, HSV, Hội đồng Khoa học và Đào tạo (Hình 1.1).



Hình 1.1. Sơ đồ tổ chức của Trường ĐHTT

25.2. Cơ cấu tổ chức của Khoa Chính trị và Tâm lý - Giáo dục



Hình 1.2. Sơ đồ tổ chức của Khoa CT&TLGD

26. Danh sách Ban lãnh đạo Trường ĐHTT và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của Khoa CT&TLGD.

T T	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
I	Ban lãnh đạo Trường ĐHTT					
1	Lãnh đạo trường	Nguyễn Minh Anh Tuấn	1972	TS; GVC; Hiệu trưởng	0982837224	nmatuan@tuyenquang.edu.vn
2		Phạm Duy Hung	1982	TS; GVC; Phó Hiệu trưởng	0965522368	pdhung@tqu.edu.vn
II	Lãnh đạo chủ chốt của Khoa CT&TLGD					
1	Khoa Chính trị và Tâm lý - Giáo dục	Hà Mỹ Hạnh	1980	TS; GVC; Trưởng khoa	0394565522	hamyhanhdht2022@gmail.com
2		Lê Tuấn Ngọc	1976	TS; GV; Phó Trưởng khoa	0982787269	ltngoc@tuyenquang.gov.vn
III	Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội					

1	Đảng ủy Trường	Nguyễn Minh Anh Tuấn	1972	Bí thư Đảng ủy	0982837224	nmatuan@tuyenquang.edu.vn
2	Công đoàn Trường	Lê Trung Hiếu	1977	Chủ tịch Công đoàn	0902255989	letrunghieu8577@gmail.com
3	Đoàn thanh niên	Hoàng Anh Đào	1990	Bí thư Đoàn trưởng	0979477846	hoanganhdaok47fu@gmail.com
4	Hội sinh viên	Hoàng Anh Đào	1990	ThS; GV; Chủ tịch Hội sinh viên	0979477846	hoanganhdaok47fu@gmail.com
IV Các phòng, ban						
1	Phòng Đào tạo	Trần Vũ Phương	1981	TS; GVC; Trưởng phòng	0985564388	phuongdhtt@gmail.com
2	Phòng QLSV	Trần Quang Huy	1978	TS; GVC; Trưởng phòng	0988238111	tqhuy38@gmail.com
3	Văn phòng	Đoàn Thị Phương Lý	1971	ThS; GVC; Trưởng phòng	0914.400.01 7	ly.pktдайhocntanrao@gmail.com
4	Phòng QLKH- HTQT	Khổng Chí Nguyễn	1968	TS; GVC; Trưởng phòng	0916732576	nguyenkc69@gmail.com
5	Phòng Quản lý chất lượng và Thanh tra	Lê Thị Thu Hà	1978	ThS; GVC; Trưởng phòng	0915 839 604	lethithuhasptq@gmail.com
6	Phòng KH-TV	Nguyễn Thành Nam	1978	ĐH; Phó Trưởng phòng	0912 600 307	thanhnamxdtq@gmail.com
V Các khoa bộ môn						
1.	Bộ môn LLCT	Lê Tuấn Ngọc	1976	TS;	0982787269	ngoccttq@gmail.com

				GV; Trưởng bộ môn		
2	Bộ môn Tâm lý giáo dục	Mã Ngọc Thê	1976	TS,GV Trưởng bộ môn	0915.865668	mangothe@gmail.com
3	Bộ môn Tin học	Lê Văn Hùng	1987	PGS.TS; GVC; Trưởng bộ môn	0973512275	lehung231187@gmail.com
4	Bộ môn Ngoại ngữ	Lương Mạnh Hà	1980	TS; GV; Trưởng bộ môn	0846979588	mha.dhtt@tuyenquang.gov.v n
5	Trung tâm TDDT	Trần Anh Dũng	1978	ThS; GVC; Phó Giám đốc (phụ trách)	0983844790	trananhdungtdq@gmail.com
6	Trung Tâm Tin học, Ngoại ngữ - Thư viện và Phát triển NN	Trần Thị Tua	1969	ThS; GVC; Giám đốc Trung tâm	0982 334925	tttua.dhtt@tuyenquang.gov.v n
7	Khoa CT &TLGD	Hà Mỹ Hạnh	1980	TS; GVC; Trưởng khoa	0394565522	hamyhanhdhtt2022@gmail.com

27. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của Khoa CT&TLGD:

Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ: 0

Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ: 0

Số lượng ngành đào tạo đại học: 03

Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: 0

Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác (đề nghị nêu rõ): 0

28. Các loại hình đào tạo của Khoa CT&TLGD (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

	Có	Không
Chính quy	☒	☐
Không chính quy	☒	☐
Từ xa	☐	☒
Liên kết đào tạo với nước ngoài	☐	☒
Liên kết đào tạo trong nước	☐	☒

Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình): Không

29. Tổng số các ngành đào tạo: 03 ngành

IV. Cán bộ, giảng viên, nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

30. Thống kê số lượng CB, GV và nhân viên của thực hiện CTĐT ngành CTXH.

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu¹ <i>Trong đó:</i>			
I.1	Cán bộ trong biên chế	14	19	33
I.2	Cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	0	0	0
II	Các cán bộ khác Hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng ²)	0	0	0
	Tổng số	14	19	33

30. Thống kê, phân loại GV Khoa CT&TLGD thực hiện CTĐT ngành CTXH

¹Cán bộ cơ hữu là cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên trong biên chế và cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) hoặc cán bộ hợp đồng không xác định thời hạn theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

²Giảng viên thỉnh giảng là cán bộ ở các cơ quan khác hoặc cán bộ nghỉ hưu hoặc diện tự do được đơn vị thực hiện chương trình đào tạo mời tham gia giảng dạy theo những chuyên đề, khoá học ngắn hạn hoặc theo các học phần, thông thường được ký các hợp đồng thời vụ, hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm) theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn ³ trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	0	0	0	0	0	0
3	Tiến sĩ KH	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	4	2	0	2	0	0
5	Thạc sĩ	9	9	0	0	0	0
6	Đại học	0	0	0	0	0	0
7	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0
8	Trình độ khác	0	0	0	0	0	0
	Tổng số	13	11	0	2	0	0

Tổng số GV cơ hữu = Cột (3) - cột (7) - cột (8) = 13 người

Tỷ lệ GV cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: $13/13 = 100\%$

32. Quy đổi số lượng giảng viên của Khoa CT&TLGD thực hiện CTĐT ngành CTXH theo quy định tại khoản 3, Điều 3 Thông tư số 32/2015/TT-BGDĐT ngày 16/12/2015 của Bộ trưởng BGD&ĐT (nếu đơn vị có GV có trình độ TSKH nhưng không có học hàm thì tính ngang với Phó Giáo sư theo thứ tự như cột 3 trong bảng 32).

Số liệu bảng 32 được lấy từ bảng 31 nhân với hệ số quy đổi.

³Hợp đồng dài hạn (sử dụng ở đây) bao gồm hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn.

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	<i>Hệ số quy đổi</i>			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	0
1	Giáo sư, Viện sĩ	5,0	0	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	3,0	0	0	0	0	0	0	0
3	Tiến sĩ khoa học	3,0	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	2	4	2	0	2	0	0	5,2
5	Thạc sĩ	1	9	9	0	0	0	0	9
6	Đại học	0,5	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng		13	11	0	2	0	0	14,2

Cách tính: Cột 10 = cột 3*(cột 5 + cột 6 + 0,3*cột 7 + 0,2*cột 8 + 0,2*cột 9)

33. Thống kê, phân loại GV cơ hữu của Khoa thực hiện CTĐT ngành CTXH theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

TT	Trình độ / học vị	Số lượng, người	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	4	30,77	2	2	0	2	2	0	0
5	Thạc sĩ	9	69,23	2	7	0	2	7	0	0
6	Đại học	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng	13	100	4	9	0	4	9	0	0

33.1. Tuổi trung bình của GV cơ hữu: 43,7 tuổi

33.2. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số GV cơ hữu của Khoa CT&TLGD thực hiện CTĐT ngành CTXH: $04/13 = 30,8\%$

33.3. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của Khoa CT&TLGD thực hiện CTĐT ngành CTXH: $9/13 = 69,2\%$

34. Thống kê, phân loại GV cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu của Khoa CT&TLGD thực hiện CTĐT ngành CTXH:

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	0	100
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	0	
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	35,7% (5 GV)	
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	64,3% (9 GV)	
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	0	
	Tổng	100%	100%

V. Người học (chỉ tính số lượng người học của chương trình đào tạo)

35. Người học bao gồm học sinh, SV, học viên cao học và nghiên cứu sinh.

Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/ thang điểm	Điểm trung bình của sinh viên được tuyển (điểm)	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
2019-2020	24	6	4	6	15/30	23,18	1
2020-2021	13	9	1.4	4	15/30	23,5	0
2021-2022	28	12	2.3	7	15/30	24,2	0
2022-2023	29	15	1.9	12	15/30	22,8	0
2023-2024	103	29	3.6	15	15/30	23,5	0

36. Thống kê, phân loại số lượng người học theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy.

Đơn vị: người

Các tiêu chí	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
1. Nghiên cứu sinh	0	0	0	0	0
2. Học viên cao học	0	0	0	0	0
3. Sinh viên đại học	7	9	14	26	34
Trong đó:					
Hệ chính quy	7	9	14	26	34
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
4. Sinh viên cao đẳng	0	0	0	0	0
Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0

37. Số sinh viên quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

	Năm học				
	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
Số lượng (người)	1	0	0	0	0
Tỷ lệ (%) trên tổng số người học	14,3%	0.0	0.0	0.0	0.0

38. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu:

Các tiêu chí	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)	3346	3346	3346	3346	3346
2. Người học có nhu cầu	2	3	5	6	8

về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)					
3. Người học được ở trong ký túc xá (người)	2	3	5	6	8
4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m ² /người)	1673,0	1115,3	669,2	557,7	418,3

39. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia nghiên cứu khoa học

Các tiêu chí	Năm học				
	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
Số lượng (người)	1	5	1	0	1
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên	14,3 (7)	55,6 (9)	7,1 (14)	0	2,9 (34)

40. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ	0	0	0	0	0
2. Học viên tốt nghiệp cao học	0	0	0	0	0
3. Sinh viên tốt nghiệp đại học Trong đó:					
- Hệ chính quy	0	7	11	6	0
- Hệ không chính quy	0	21	1	0	3
4. Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng Trong đó:					
- Hệ chính quy	0	0	0	0	0
- Hệ không chính quy	0	0	0	0	0

41. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ chính quy của CTĐT:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
1. Số lượng người học tốt nghiệp	0	7	11	6	0

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2019- 2020	2020- 2021	2021- 2022	2022- 2023	2023- 2024
(người).					
2. Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).	0%	70,0% (7/10)	84,6% (11/13)	100% (6/6)	0%
3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).			86%	91%	83%
3.2. Tỷ lệ người học trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).			14%	9%	17%
3.3. Tỷ lệ người học trả lời <i>không học được</i> những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp					
4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5 B. Cơ sở giáo dục/ đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
4.1. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%). - Sau 6 tháng tốt nghiệp. - Sau 12 tháng tốt nghiệp.			100%	55%	100%

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2019- 2020	2020- 2021	2021- 2022	2022- 2023	2023- 2024
4.2. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%).			0%	45%	0%
4.3. Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm.			6Tr	6,2Tr	6,5 Tr
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống kết thúc bảng này. B. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).			80%	88,9%	95%
5.2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).			20%	11,1%	5%
5.3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).			0%	0%	0%

Ghi chú:

- Người học tốt nghiệp là người học có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những người học chưa nhận được bằng tốt nghiệp.
- Người học có việc làm là người học tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm.
- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp.
- Các mục bỏ trống đều được xem là cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về việc này.

VI. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

42. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của Khoa CT&TLGD thực hiện CTĐT ngành CTXH được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0	0	0	0	0	0	0
2	Đề tài cấp Bộ*	1,0	0	0	0	0	0	0
3	Đề tài cấp Trường	0,5	2	1	3	1	5	6
4	Tổng		2	1	3	1	5	6

Cách tính: Cột 9 = cột 3*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: 12

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: $6/13 = 46,2\%$

43. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của Khoa CT&TLGD thực hiện CTĐT ngành CXTH trong 5 năm gần đây: không

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	2020	0	0	0
2	2021	0	0	0
3	2022	0	0	0
4	2023	0	0	0
5	2024	0	0	0

44. Số lượng cán bộ cơ hữu Khoa CT&TLGD thực hiện CTĐT ngành CTXH tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	4	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	1	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số cán bộ tham gia	0	0	5	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

45. Số lượng đầu sách của Khoa CT&TLGD thực hiện CTĐT ngành CTXH được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2020	2021	2022	2023	2024	
1	Sách chuyên khảo	2,0	0	0	0	0	2	4,0
2	Sách giáo trình	1,5	3	0	0	0	3	9,0
3	Sách tham khảo	1,0	0	0	0	0	0	0
4	Sách hướng dẫn	0,5	0	0	0	0	0	0
5	Tổng		3	0	0	0	5	13,0

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): 8.

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: $13/13 = 100\%$

46. Số lượng cán bộ cơ hữu của Khoa CT&TLGD thực hiện CTĐT ngành CTXH tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	4	4	0	0
Từ 4 đến 6 cuốn sách	0	0	0	0
Trên 6 cuốn sách	0	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	4	4	0	0

47. Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu của Khoa CT&TLGD thực hiện CTĐT ngành CTXH được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2020	2021	2022	2023	2024	
1	Tạp chí khoa học QT	1,5	0	0	0	0	7	10,5
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0	3	8	1	5	7	24,0
3	Tạp chí/tập san cấp trường	0,5	9	4	1	11	4	14,5
	Tổng		12	12	2	16	18	49,0

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 49,0.

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: $49,0/13 = 376,9\%$

48. Số lượng cán bộ cơ hữu của Khoa CT&TLGD thực hiện CTĐT ngành CTXH tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí khoa học quốc tế	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí / tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	5	9	8
Từ 6 đến 10 bài báo	0	1	1
Từ 11 đến 15 bài báo	0	0	0
Trên 15 bài báo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	5	10	9

49. Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu của Khoa CT&TLGD thực hiện CTĐT ngành CTXH báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2020	2021	2022	2023	2024	
1	Hội thảo quốc tế	1,0	0	0	1	0	1	2
2	Hội thảo trong nước	0,5	0	0	0	6	1	3,5
3	Hội thảo cấp trường	0,25	0	0	15	5	18	9,5
4	Tổng		0	0	16	11	20	15

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 47

Tỷ số bài báo cáo (đã quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: $15/13 = 115,4\%$.

50. Số lượng cán bộ cơ hữu của Khoa CT&TLGD thực hiện CTĐT ngành CTXH có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo Cấp trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	2	4	8
Từ 6 đến 10 báo cáo	0	0	1
Từ 11 đến 15 báo cáo	0	0	0
Trên 15 báo cáo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	2	4	9

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường)

51. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2019-2020	0
2020-2021	0
2021-2022	0
2022-2023	0
2023-2024	0

52. Nghiên cứu khoa học của người học

52.1. Số lượng người học ngành CXTH của Khoa CT&TLGD tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng người học tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	7	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số người học tham gia	0	0	7	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.

52.2. Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên (đề tài NCKH):

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo	0	0	0	0	0
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	0	0	0	0	0

III. Cơ sở vật chất, thư viện

53. Tổng diện tích đất sử dụng của Trường ĐHTT (tính bằng m²): 286.764,40.m²

54. Tổng diện tích đất sử dụng của Khoa CT&TLGD (tính bằng m²): m²

55. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m²):

- Nơi làm việc: Nhà A1 = 88,0 m²;

- Nơi học: 167,5m² (Phòng 310 nhà A1 = 70,0 m²; Phòng 303 nhà B = 30,0 m² ;

Phòng 305 nhà C = 67,5 m²).

- Nơi vui chơi giải trí (Chung cho toàn trường): 18.367 m²

56. Diện tích phòng học (tính bằng m²)

- Tổng diện tích phòng học: 167,5 m²

- Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: $167,5/34 = 4,92 \text{ m}^2$

57. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo CTXH được sử dụng tại Trung tâm Tin học- Ngoại ngữ - Thư viện và PTNN: 105 đầu sách.

Tổng số đầu sách trong phòng tư liệu của Khoa CT&TLGD (nếu có): 0

58. Tổng số máy tính của Khoa CT&TLGD:

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 05 máy tính.

- Dùng cho người học học tập: 187 máy tính.

- Tỷ số số máy tính dùng cho người học/người học chính quy: 187/34.

Tóm tắt một số chỉ số quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây:

1. Giảng viên:

- Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 13 người.
- Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 100%
- Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của Khoa CT&TLGD thực hiện CTĐT (%): 30,8%
- Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của Khoa CT&TLGD thực hiện CTĐT (%): 69,2%

2. Người học:

- Tổng số người học chính quy (người): 34 người (năm học 2023-2024)
- Tỷ số người học chính quy trên giảng viên: $34/13 = 2,62$
- Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): 70,0 (khóa 2020-2021); 84,6% (khóa 2021-2022) và 100% (khóa 2022-2023).

3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:

- Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp trung bình (%): 86,7%
- Tỷ lệ người học trả lời chỉ học được một phần kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp trung bình (%): 13,3%

4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

- Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%): 100% (năm học 2023-2024).
- Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo trung bình trong 05 năm (%): 20%.
- Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệuVNĐ): 6,5tr (năm 2023-2024).

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

- Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%): 95 % (năm học 2023-2024).
- Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%): 5% (năm học 2023-2024).

6. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

- Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ (quy đổi)

trên cán bộ cơ hữu: 6/13

- Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu: Không
- Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 13/13
- Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 49/13
- Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 15/13

7. Cơ sở vật chất:

- Tỷ số máy tính dùng cho người học trên người học chính quy: 187/34.
- Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 4,92 m²
- Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy: 418,3m²

(Ghi chú: Việc hướng dẫn áp dụng quy định từ các văn bản trích dẫn trên đây sẽ được thay đổi khi có văn bản sửa đổi bổ sung hoặc văn bản mới ban hành của cấp có thẩm quyền)

Phụ lục 2. Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá**UBND TỈNH TUYÊN QUANG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1285/QĐ-ĐHTT

Tuyên Quang, ngày 29 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH**Thành lập Hội đồng Tự đánh giá chương trình đào tạo
ngành Công tác xã hội, trình độ đại học****HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO**

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/03/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng về việc thay thế Tài liệu đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học ban hành kèm theo Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý chất lượng và Thanh tra.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng Tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Công tác xã hội, trình độ đại học gồm các ông (bà) có tên trong danh sách kèm theo.

Giúp việc cho Hội đồng có Ban thư ký, các nhóm chuyên trách gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Công tác xã hội, trình độ đại học theo Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Hướng dẫn tự đánh giá chương trình đào tạo của Cục Quản lý chất lượng.

Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên do Chủ tịch Hội đồng phân công. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Các ông (bà) trưởng các đơn vị có liên quan và các ông (bà) có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch HĐT (b/c);
- Lãnh đạo Trường;
- Như điều 3 (t/h);
- Lưu: VT, QLCL&TTTr (Tú)

**Nguyễn Minh Anh Tuấn**

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

*(Kèm theo Quyết định số 1285/QĐ-ĐHTTr, ngày 29 tháng 11 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào)*

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Nguyễn Minh Anh Tuấn	Hiệu trưởng	Chủ tịch
2	Phạm Duy Hưng	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch
3	Hà Mỹ Hạnh	Trưởng khoa Chính trị và Tâm lý GD	Phó Chủ tịch
4	Vũ Thị Giang	Chuyên viên phòng QLCL&TTr	Thư ký
5	Lê Thị Thu Hà	Trưởng phòng QLCL&TTr, thành viên Hội đồng Trường	Thành viên
6	Phan Thị Hồng Nhung	Phó Trưởng phòng Đào tạo	Thành viên
7	Đoàn Thị Phương Lý	Chánh Văn phòng	Thành viên
8	Đoàn Thị Cúc	Phó Trưởng phòng QLKH&HTQT	Thành viên
9	Trần Quang Huy	Trưởng phòng Quản lý sinh viên	Thành viên
10	Trần Thị Tua	Giám đốc Trung tâm Tin học - Ngoại ngữ - Thư viện và PTNN	Thành viên
11	Nguyễn Thành Nam	Phó Trưởng phòng Kế hoạch - TV	Thành viên
12	Mã Ngọc Thê	GV Khoa Chính trị và Tâm lý GD	Thành viên
13	Hoàng Văn Quân	SV Khoa Chính trị và Tâm lý GD	Thành viên

(Danh sách gồm có 13 người)

DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ

(Kèm theo Quyết định số 1285/QĐ-ĐHTTr, ngày 29 tháng 11 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Vũ Thị Giang	Chuyên viên phòng QLCL&TTr	Trưởng Ban
2	Trịnh Thành Yên	GV khoa Chính trị và Tâm lý GD	Thành viên
3	Hoàng Thị Trang	GV khoa Chính trị và Tâm lý GD	Thành viên
4	Chu Thị Mỹ Nga	GV khoa Chính trị và Tâm lý GD	Thành viên

(Danh sách gồm có 04 người)

DANH SÁCH CÁC NHÓM CHUYÊN TRÁCH

(Kèm theo Quyết định số 1285 /QĐ-ĐHTTr ngày 29 tháng 11 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào)

Nhóm 1

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Hà Mỹ Hạnh	Trưởng khoa Chính trị và Tâm lý GD	Trưởng nhóm
2	Trịnh Thành Yên	GV khoa Chính trị và Tâm lý GD	Thư ký
3	Hà Thị Nguyệt	GV khoa Chính trị và Tâm lý GD	Thành viên
4	Nguyễn Thị Minh Huệ	Phó trưởng khoa Nông - Lâm - Ngư nghiệp	Thành viên
5	Hà Thị Minh Đức	GV khoa Chính trị và Tâm lý GD	Thành viên
6	Trần Thị Mỹ Bình	GV khoa Chính trị và Tâm lý GD	Thành viên
7	Nguyễn Văn Hải	GV Trung tâm TDDT	Thành viên
8	Trần Thị Oanh	Chuyên viên phòng Đào tạo	Thành viên
9	Phạm Thị Thu Huyền	GV khoa Sư phạm	Thành viên
10	Trần Thị Nhung	Phó trưởng khoa Nông - Lâm - Ngư nghiệp	Thành viên

Nhóm 2

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Đoàn Thị Cúc	P. Trưởng phòng QLKH và HTQT	Trưởng nhóm
2	Hoàng Thị Trang	GV khoa Chính trị và Tâm lý GD	Thư ký
3	Lê Tuấn Ngọc	Phó Trưởng khoa Chính trị và Tâm lý GD	Thành viên
4	Trần Thuý Vân	GV khoa Chính trị và Tâm lý GD	Thành viên
5	Hà Thị Thu Trang	GV khoa Chính trị và Tâm lý GD	Thành viên
6	Phạm Thu Trà	GV khoa Chính trị và Tâm lý GD	Thành viên
7	Ma Thị Sim	Chuyên viên Văn phòng	Thành viên
8	Nguyễn Thành Nam	Phó Trưởng phòng Kế hoạch - TV	Thành viên

Nhóm 3

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Lê Thị Thu Hà	Trưởng phòng QLCL&TTr	Trưởng nhóm
2	Chu Thị Mỹ Nga	GV khoa Chính trị và Tâm lý GD	Thư ký
3	Nguyễn Thị Nhung	GV khoa Chính trị và Tâm lý GD	Thành viên
4	Bùi Thị Lan	GV Khoa Sư phạm	Thành viên
5	Nguyễn Mai Chinh	GV khoa Chính trị và Tâm lý GD	Thành viên
6	Mã Ngọc Thể	GV khoa Chính trị và Tâm lý GD	Thành viên
7	Phan Thị Hồng Nhung	Phó Trưởng phòng Đào tạo	Thành viên
8	Trần Thị Bình	GV phòng QLCL&TTr	Thành viên
9	Hoàng Văn Quân	SV khoa Chính trị và Tâm lý GD	Thành viên

(Danh sách gồm có 27 người)

Phụ lục 3. Kế hoạch tự đánh giá chương trình đào tạo**UBND TỈNH TUYÊN QUANG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 265/KH-ĐHTT

Tuyên Quang, ngày 02 tháng 12 năm 2024

**KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC****1. Mục đích tự đánh giá**

Nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) và để đăng ký kiểm định chất lượng.

2. Phạm vi tự đánh giá

Đánh giá các hoạt động của đơn vị thực hiện CTĐT theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trong một chu kỳ kiểm định chất lượng.

3. Công cụ tự đánh giá

Công cụ tự đánh giá là Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT ngành Công tác xã hội, trình độ đại học theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và các tài liệu hướng dẫn tự đánh giá: Tài liệu hướng dẫn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT kèm theo Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng; Công văn 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý chất lượng về Hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài CTĐT.

4. Hội đồng tự đánh giá**4.1. Thành phần Hội đồng tự đánh giá**

Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành Công tác xã hội, trình độ đại học được thành lập theo Quyết định số 1285/QĐ-ĐHTT ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào, Hội đồng gồm có 13 thành viên (danh sách kèm theo).

4.2. Ban thư ký giúp việc và các nhóm công tác chuyên trách (danh sách kèm theo).

4.3. Phân công thực hiện

TT	Tiêu chuẩn	Nhóm chịu trách nhiệm	Thời gian thu thập thông tin và minh chứng
1	Phần khái quát; Kết luận Tiêu chuẩn 1,2,3,4,5	Nhóm 1	Từ tháng 12/2024 đến tháng 02/2025

2	Tiêu chuẩn 6,7,9	Nhóm 2	Từ tháng 12/2024 đến tháng 02/2025
3	Tiêu chuẩn 8,10,11	Nhóm 3	Từ tháng 12/2024 đến tháng 02/2025
4	Các phụ lục, cơ sở dữ liệu, hoàn thành Báo cáo TĐG	Ban Thư ký, các nhóm và các đơn vị có liên quan phối hợp	Tháng 03/2025

5. Kế hoạch huy động các nguồn lực

T T	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các loại nguồn lực cần được huy động/cung cấp	Thời gian
1	Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT	-Thu thập minh chứng liên quan đến mục tiêu và CĐR của CTĐT. - Đánh giá mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT. - Khảo sát nhu cầu thị trường lao động, các bên liên quan về CĐR,CTĐT	Toàn thể giảng viên, chuyên viên trong Khoa, bộ môn, các phòng chức năng. Kinh phí khảo sát, in tờ rơi và các hoạt động quảng bá.	2 tuần
2	Bản mô tả chương trình đào tạo	-Thu thập minh chứng liên quan đến CTĐT - Khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan về CTĐT, mô tả, đánh giá CTĐT, ma trận kỹ năng, tổng hợp, đánh giá kết quả khảo sát...	Toàn thể giảng viên, chuyên viên trong Khoa, bộ môn, các phòng chức năng. Chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần. Kinh phí khảo sát.	2 tuần
3	Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học	- Mô tả chương trình dạy học, học phần. - Thu thập minh chứng liên quan tới hoạt động xây dựng CTDH. - Lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan.	Toàn thể giảng viên, chuyên viên trong Khoa, bộ môn, các phòng chức năng. Các văn bản quản lý, chỉ đạo điều hành, kế hoạch, hướng dẫn, báo cáo tổng kết, giáo trình, bài giảng, hợp đồng giảng dạy, hồ sơ giảng viên, hồ sơ quản lý công	2 tuần

			việc, hồ sơ quản lý SV, quản lý kết quả học tập...	
4	Phương pháp tiếp cận trong dạy và học	- Đánh giá các phương pháp tiếp cận trong dạy và học. - Lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan. Thu thập minh chứng về các hoạt động giảng dạy và học tập. - Thảo luận, trao đổi sáng kiến kinh nghiệm trong giảng dạy và học tập.	Toàn thể giảng viên, chuyên viên trong Khoa, bộ môn, các phòng chức năng. Chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần. Các văn bản quản lý, chỉ đạo điều hành, kế hoạch, hướng dẫn, báo cáo tổng kết, giáo trình, bài giảng... - Kinh phí khảo sát	2 tuần
5	Đánh giá kết quả học tập của người học	- Đánh giá kết quả học tập của người học, các phương pháp kiểm tra, đánh giá. - Khảo sát lấy ý kiến phản hồi của GV, người học đã tốt nghiệp và cán bộ quản lý chương trình. - Thu thập minh chứng liên quan đến đánh giá kết quả học tập của người học.	Toàn thể giảng viên, chuyên viên trong Khoa, bộ môn, các phòng chức năng. Văn bản/tài liệu hướng dẫn, quy định, quy trình về thi, kiểm tra, đánh giá người học. Hồ sơ giảng viên, hồ sơ quản lý công việc, hồ sơ quản lý SV, quản lý kết quả học tập... Dữ liệu về kết quả học tập của người học. Kinh phí khảo sát	2 tuần
6	Đội ngũ GV, nghiên cứu viên	- Đánh giá về đội ngũ GV, NCV về việc đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH, phục vụ cộng đồng. - Thu thập minh chứng, dữ liệu/kết quả các nghiên cứu và công bố về hoạt động	Toàn thể giảng viên, chuyên viên trong Khoa, bộ môn, các phòng chức năng. Kế hoạch chiến lược, quy hoạch phát triển đội ngũ, GV, NCV. Chính sách về	1 tuần

		NCKH, PVCD của đội ngũ GV, NCV. Khảo sát lấy ý kiến phản hồi của GV, NCV và các bên liên quan.	nhân sự, các quyết định về tuyển dụng, bổ nhiệm..... Hồ sơ năng lực của GV, NCV, kết quả đánh giá, phân loại hàng năm.... Kinh phí khảo sát.	
7	Đội ngũ nhân viên	- Đánh giá về các hoạt động của đội ngũ nhân viên, dự báo nhu cầu về đội ngũ để đáp ứng công tác ĐT, NCKH, PVCD. - Khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên. - Khảo sát nhu cầu và ý kiến đóng góp của các bên liên quan về vị trí việc làm. - Thu thập minh chứng đáp ứng yêu cầu của các tiêu chí	Toàn thể giảng viên, chuyên viên trong Khoa, bộ môn, đội ngũ nhân viên, kỹ thuật viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin, các dịch vụ hỗ trợ.... Đề án vị trí việc làm, kế hoạch chiến lược phát triển nhân sự của CSGD/khoa, hồ sơ, lý lịch của đội ngũ nhân viên.... - Kinh phí khảo sát	1 tuần
8	Người học và hoạt động hỗ trợ người học	- Đánh giá chính sách tuyển sinh hàng năm. - Khảo sát nhu cầu nhân lực, lấy ý kiến các bên liên quan trong việc xây dựng chính sách tuyển sinh. - Thu thập minh chứng, cơ sở dữ liệu về công tác TS, người học và các hoạt động hỗ trợ người học.	Toàn thể giảng viên, chuyên viên trong Khoa, bộ môn, các phòng chức năng, các dịch vụ hỗ trợ người học. Đề án/chính sách tuyển sinh hàng năm. Kinh phí khảo sát, in tờ rơi và các hoạt động quảng bá	1 tuần
9	Cơ sở vật chất và trang thiết bị	- Đánh giá cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động đào tạo.	Toàn thể giảng viên, chuyên viên trong Khoa, bộ môn, CB, NV phòng Kế hoạch - Tài vụ, Hành chính - Quản	1 tuần

		- Khảo sát, lấy ý kiến phản hồi của người học, GV và các bên liên quan về phòng thí nghiệm, thực hành, hệ thống CNTT và các trang thiết bị phục vụ cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu. - Thu thập minh chứng, các dữ liệu về cơ sở vật chất, các hoạt động hỗ trợ công tác đào tạo, NCKH, PVCĐ.	trị, Trung tâm Tin học - Ngoại ngữ, Cơ sở vật chất: phòng học, thí nghiệm, thực hành, thư viện, mạng internet, các thiết bị dạy học.... - Kinh phí khảo sát	
10	Nâng cao chất lượng	- Đánh giá việc thiết kế và phát triển CTDH, quá trình dạy học và kết quả hoạt động của người học, phương pháp dạy và học, định kỳ rà soát, quy trình cải tiến... - Tổ chức hội thảo trao đổi sáng kiến kinh nghiệm, kết quả được sử dụng để cải tiến việc dạy và học. - Khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan về quy trình thiết kế, phát triển CTDH. - Thu thập minh chứng, các dữ liệu liên quan đến các tiêu chí.	Toàn thể giảng viên, chuyên viên trong Khoa, bộ môn, các phòng chức năng. Các văn bản quy định về quy trình thiết kế và phát triển CTDH. Kinh phí khảo sát, các dịch vụ hỗ trợ cho hoạt động đào tạo, tổ chức hội thảo.	1 tuần
11	Kết quả đầu ra	- Đánh giá công tác đào tạo: Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình, đối sánh trong cùng một CTĐT trong nước và quốc tế. - Khảo sát tình hình việc làm của người học sau tốt nghiệp.	Toàn thể giảng viên, chuyên viên trong Khoa, bộ môn, các phòng chức năng. Cơ sở dữ liệu về người học trong 5 năm. Các dữ liệu khảo sát. Kinh phí khảo sát.	1 tuần

		- Khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan về hoạt động NCKH, dịch vụ hỗ trợ GV, NH, CSVC.		
--	--	--	--	--

6. Kế hoạch thuê chuyên gia ngoài

Hợp đồng thuê chuyên gia (02 người) tập huấn về công tác tự đánh giá, kỹ thuật viết báo cáo TĐG theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

7. Thời gian biểu

Thời gian thực hiện tự đánh giá CTĐT 4 tháng (Từ tháng 12/2024 đến tháng 3/2025), theo lịch trình sau:

Thời gian	Các hoạt động
Tuần 1	- Họp Lãnh đạo trường và lãnh đạo đơn vị thực hiện CTĐT để thảo luận mục đích, phạm vi, thời gian biểu và xác định các thành viên của Hội đồng tự đánh giá CTĐT. - Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá CTĐT. - Họp Hội đồng tự đánh giá CTĐT để: - Công bố quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá; - Tập huấn về quy trình tự đánh giá và bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT; - Thảo luận về nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng; - Dự thảo kế hoạch tự đánh giá CTĐT.
Tuần 2	- Phổ biến chủ trương triển khai tự đánh giá đến toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên tham gia thực hiện CTĐT. - Tổ chức hội thảo/hội nghị về chuyên môn, nghiệp vụ triển khai tự đánh giá cho các cán bộ chủ chốt liên quan. - Họp Hội đồng tự đánh giá CTĐT để thông qua: - Bản kế hoạch tự đánh giá CTĐT; - Dự thảo đề cương báo cáo tự đánh giá (dựa trên cơ sở tài liệu hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và điều kiện cụ thể của đơn vị thực hiện CTĐT); - Trình Hiệu trưởng đề nghị phê chuẩn kế hoạch tự đánh giá.

Thời gian	Các hoạt động
	4. Tập huấn về quy trình tự đánh giá và bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT;
Tuần 3 - 5	1. Công bố kế hoạch tự đánh giá đã được phê duyệt, thông báo phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách giúp việc cho Hội đồng. 2. Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng. 3. Mã hoá các thông tin và minh chứng thu được. 4. Mô tả thông tin và minh chứng thu được. 5. Phân tích, lý giải nội hàm của các minh chứng để xem xét sự phù hợp của minh chứng với các yêu cầu trong từng tiêu chí của tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT.
Tuần 6 - 10	1. Các nhóm công tác chuyên trách viết các báo cáo của từng tiêu chí (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết). 2. Trưởng các nhóm chuyên trách tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành các báo cáo tiêu chuẩn (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết).
Tuần 11- 12	Hội đồng tự đánh giá CTĐT: 1. Xem xét các báo cáo của từng tiêu chuẩn, tiêu chí do các nhóm chuyên trách dự thảo; 2. Kiểm tra lại các thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo tự đánh giá; 3. Xác định các vấn đề phát sinh từ các thông tin và minh chứng thu được; 4. Xác định các thông tin cần thu thập bổ sung; 5. Thư ký Hội đồng tập hợp các báo cáo tiêu chuẩn thành dự thảo báo cáo tự đánh giá CTĐT.
Tuần 13	1. Hội đồng tự đánh giá CTĐT xem xét dự thảo báo cáo tự đánh giá và đề xuất những chỉnh sửa (nếu cần). 2. Hội đồng tự đánh giá CTĐT họp với các bộ môn, phòng, khoa ... để thảo luận về báo cáo tự đánh giá, xin ý kiến góp ý.
Tuần 14	1. Công bố bản báo cáo tự đánh giá (đã chỉnh sửa sau góp ý của các bộ môn, phòng, khoa...) trong nội bộ cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT. 2. Các bộ môn, phòng, khoa, giảng viên, nhân viên, người học, đóng góp ý kiến phản biện về báo cáo tự đánh giá.
Tuần 15	1. Hội đồng tự đánh giá CTĐT họp để tiếp tục bổ sung và hoàn thiện báo cáo tự đánh giá theo các ý kiến phản biện; 2. Hội đồng tự đánh giá CTĐT thông qua báo cáo tự đánh giá lần cuối và nộp báo cáo cho Hiệu trưởng để xem xét.

Thời gian	Các hoạt động
Tuần 16	1. Nhà trường gửi báo cáo tự đánh giá và công văn cho cơ quan chủ quản, Bộ Giáo dục và Đào tạo. 2. Nhà trường quản lý báo cáo tự đánh giá, lưu giữ các thông tin minh chứng theo thứ tự mã minh chứng đã ghi trong báo cáo tự đánh giá, sẵn sàng để hợp đồng với tổ chức KĐCLGD để thẩm định báo cáo tự đánh giá trước khi đánh giá ngoài.

Nơi nhận:

- Hội đồng tự đánh giá (t/h);
- Các đơn vị (t/h);
- Lưu: VT, QLCL&TTr (Tú).


HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
TÂN TRẠO
Nguyễn Minh Anh Tuấn